

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

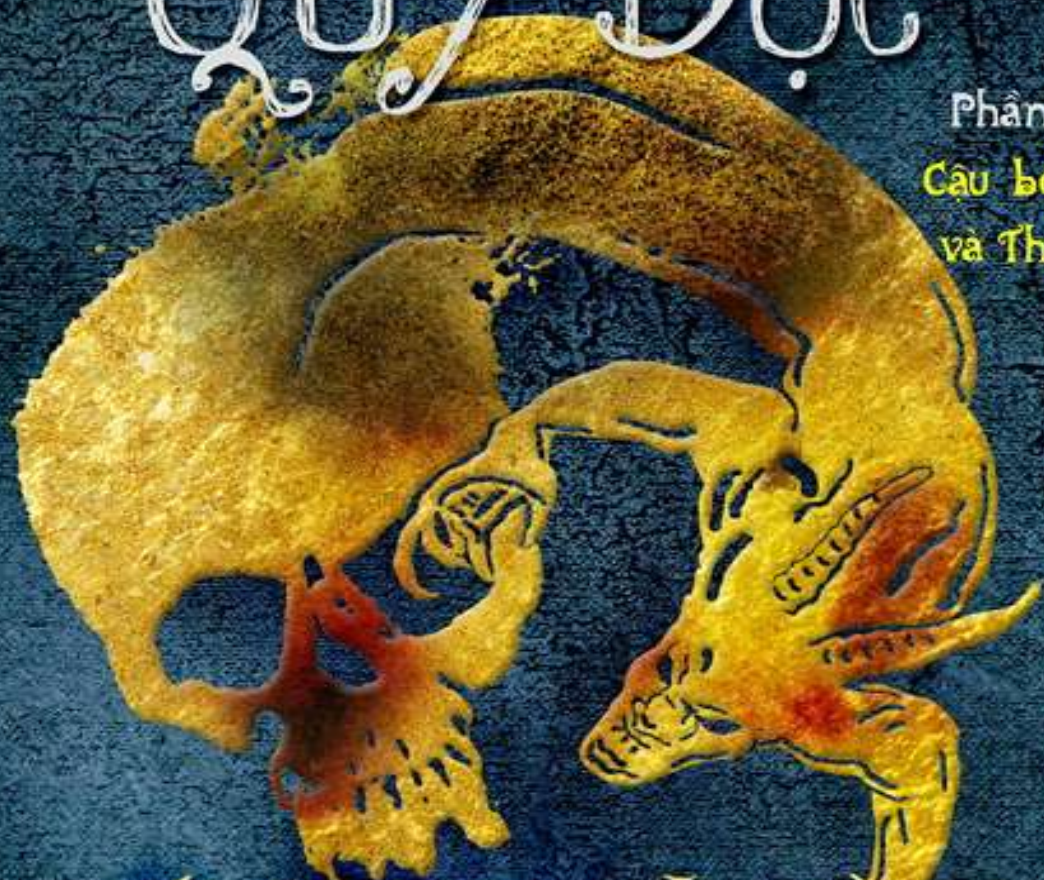
TU SÁCH VĂN HỌC
ANH

LỜI NGUYỄN CỦA QUÝ ĐỘC

THE SPOOKS CURSE

Phần 2 series

Câu bé học việc
và Thầy Trù Tà



JOSEPH DELANEY

Tiểu thuyết gia văn học thiếu nhi ăn khách nhất nước Anh

Mục lục

Chương 1: KE XÉ XÁC VÙNG HORSHAW

Chương 2: QUÁ KHỨ CỦA THẦY TRỪ TÀ

Chương 3: QUỶ ĐỘC

Chương 4: THỊ TRẤN PRIESTOWN

Chương 5: ĐÁM MA

Chương 6: GIAO KÈO VỚI ĐỊA NGỤC

Chương 7: ĐÀO THOÁT VÀ BẮT GIỮ

Chương 8: CÂU CHUYỆN CỦA HUYNH PETER

Chương 9: HẦM MỘ

Chương 10: CON GÁI NHỎ TOÉT

Chương 11: PHIÊN XỬ THẦY TRỪ TÀ

Chương 12: CỔNG BẠC

Chương 13: HỎA THIÊU

Chương 14: CÂU CHUYỆN CỦA BỐ

Chương 15: SỢI XÍCH BẠC

Chương 16: MỘT CHIẾC HỒ DÀNH CHO ALICE

Chương 17: TÊN PHÁN QUAN ĐÃ ĐẾN

Chương 18: ÁC MỘNG TRÊN ĐỒI

Chương 19: THẠCH MỘ

Chương 20: THƯ CỦA MẸ

Chương 21: HY SINH

Chương 22: THỎA THUẬN LÀ THỎA THUẬN

Ghi chép của Thomas J. Ward

Chương 1

KẸ XÉ XÁC VÙNG HORSHAW

Khi nghe thấy tiếng thét đầu tiên, tôi quay người đi và lấy hai tay nút chặt tai lại, mạnh tay ấn cho đến khi đầu mình đau buốt. Khi đấy tôi chẳng thể làm gì để đỡ bớt được. Nhưng thế mà tôi vẫn nghe thấy âm thanh ấy, âm thanh của một cha xứ đang bị tra tấn, và âm thanh vang vọng thật lâu cho đến cuối cùng rồi cũng lịm dần.

Rồi tôi đứng trong kho chứa cỏ tối om mà run lập cập, lắng nghe tiếng mưa sầm sập trên mái nhà kho, cố gắng thu hết lòng can đảm. Đêm nay là một đêm không tốt lành gì và sẽ còn tồi tệ hơn nữa đây.

Mười phút sau, khi anh thợ chằng và thợ phụ đến nơi, tôi vội vã chạy ra lối cửa đón hai người. Cả hai anh đều to lớn sừng sững làm tôi chẳng đứng cao được tới chớm vai của họ.

“Này cậu nhóc, ông Gregory đâu rồi?” anh thợ chằng lên tiếng hỏi, giọng thoáng chút thiếu kiên nhẫn. Anh nhắc chiếc đèn lồng đang cầm trong tay lên mà chĩa mắt nghi ngại nhìn quanh. Cặp mắt anh thật tinh khôn sắc sảo. Hai người này không ai trông có vẻ như là họ sẽ chấp nhận mấy trò bá vớ.

“Thầy ngã bệnh nặng lắm ạ,” tôi đáp, cố gắng kiểm soát cơn lo lắng đang biến giọng mình thành yếu ớt run rẩy. “Tuần rồi thầy nằm liệt giường vì bị sốt nên thầy phái em đến thay cho thầy. Em là Tom Ward. Là thợ học việc của thầy.”

Anh thợ chằng nhìn tôi loáng cái từ đầu đến chân, như người lo dịch vụ mai táng đang ước lượng tôi để dành cho việc kinh doanh sau này. Rồi anh nhướn một bên mày thật cao đến nỗi nó biến mất vào bên dưới vành mũ dạ, lúc này vẫn còn nhỏ nước mưa tong tỏng.

“Được thôi, cậu Ward,” anh thợ chằng đáp lại với giọng đến là mỉa mai, “chúng tôi đang chờ chỉ thị của cậu đây ạ.”

Tôi cho tay trái vào túi quần ống túm của mình để lấy ra bản phác thảo mà bác thợ nề đã vẽ. Anh thợ chẳng đặt đèn lồng xuống nền đất nện và rồi, vừa lắc đầu chán nản vừa liếc sang thợ phụ của mình, anh nhận lấy bản phác thảo và bắt đầu nghiên cứu.

Những chỉ dẫn của bác thợ nề hướng dẫn kích thước chiếc hố cần được đào và số đo của phiến đá sẽ được hạ xuống hố đấy.

Một đổi sau, anh thợ chẳng lại lắc đầu và quỳ xuống cạnh chiếc đèn lồng, dí sát bản phác thảo vào đèn. Khi đứng lên, anh cau mày. “Cái hố phải sâu hai mét bảy chứ,” anh bảo. “Hố trong bản thảo này chỉ có một mét tám thôi.”

Anh thợ chẳng này hiểu biết cặn kẽ công việc của mình đấy. Một hố chuẩn để chèn ông kẹ thì sâu một mét tám nhưng đối với kẹ xé xác, loại ông kẹ nguy hiểm hơn hết thảy, thì hai mét bảy mới đúng tiêu chuẩn. Chắc chắn là chúng tôi đang đối mặt với một kẹ xé xác – bấy nhiêu tiếng gào thét của cha xứ đủ là bằng chứng rồi – nhưng không còn đâu thời gian để đào cho được hai mét bảy nữa.

“Như thế cũng đủ rồi ạ,” tôi đáp. “Đến lúc trời sáng hố phải được đào xong, bằng không mọi chuyện sẽ quá muộn và cha xứ sẽ chết mất.”

Cho đến lúc đấy, cả hai người đàn ông đều là những kẻ cao lớn lực lưỡng mang ủng to đùng, khắp mình đâu đâu cũng toát ra vẻ tự tin. Vậy mà giờ đây, bỗng chốc họ trông bồn chồn lo lắng. Họ hiểu được tình hình là như thế nào từ mẫu tin tôi đã gửi triệu họ đến kho chứa cỏ. Tôi đã dùng tên của Thầy Trừ Tà để đảm bảo rằng họ sẽ đến ngay lập tức.

“Cậu có biết mình đang làm gì không thế cậu nhóc?” tay thợ chẳng hỏi. “Cậu có làm nổi không đấy?”

Tôi trừng mắt nhìn thẳng vào mắt anh ta và cố gắng không chớp. “À, em đã khởi sự khá tốt rồi mà,” tôi đáp. “Em đã thuê lấy tay thợ chẳng giỏi nhất Hạt cùng với thợ phụ của anh ấy đấy thôi.”

Nói ra điều này thật là chuyện đúng đắn và gương mặt anh thợ chẳng đã nở ra nụ cười. “Khi nào phiến đá đến đây?” anh hỏi.

“Sớm thôi, trước khi trời sáng. Bác thợ nề sẽ tự mình mang đến. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng thôi.”

Anh thợ chẳng gật đầu. “Thế thì dẫn đường đi thôi cậu Ward. Chỉ cho chúng tôi chỗ cậu muốn đào đi nào.”

Lần này giọng anh ấy không còn chút gì mỉa mai nữa. Chỉ còn mang tính công chuyện nghiêm túc thôi. Anh muốn hoàn thành xong xuôi công việc. Tất cả chúng tôi đều muốn thế, mà thời gian thì có hạn nên tôi dựng mũ trùm đầu lên, tay trái cầm thanh trượng của Thầy Trừ Tà, dẫn đường bước ra dưới cơn mưa phùn nặng hạt lạnh cóng.

Cỗ xe hai bánh của họ đang ở bên ngoài, dụng cụ được che bằng bạt không thấm nước, con ngựa kiên nhẫn đứng chờ giữa hai càng xe đắm hơi nước dưới cơn mưa.

Chúng tôi băng qua cánh đồng sinh lầy rồi men theo dãy hàng rào cây mận gai đến nơi hàng cây thưa bớt, bên dưới các cành cây của cây sồi cổ thụ ngay ven sân nhà thờ. Cái hố phải ở gần vùng đất thánh, nhưng cũng không được quá gần. Những bia mộ gần nhất chỉ cách đây có hai mươi bước.

“Các anh hãy đào hố gần nơi kia hết mức có thể,” tôi vừa bảo vừa chỉ tay về phía gốc cây.

Dưới con mắt canh chừng nghiêm ngặt của Thầy Trừ Tà, tôi đã từng đào rất nhiều hố để luyện tập. Trong trường hợp cấp bách, lẽ ra tôi có thể tự mình đào hố, nhưng những người đàn ông này đã là chuyên gia rồi nên họ đào sẽ nhanh hơn.

Khi các anh ấy quay vào lấy dụng cụ, tôi vén hàng rào và đi len lỏi qua những bia mộ tiến về phía nhà thờ cũ kỹ. Nhà thờ này đang trong tình trạng tồi tệ cần được sửa chữa: mái nhà mất đi mấy viên ngói và đã bao nhiêu năm rồi nhà thờ chẳng được sơn lấy một miếng. Tôi đẩy cánh cửa hông, cửa rên rỉ kéo kẹt mở ra.

Vị cha xứ già nua vẫn còn ở nguyên vị trí cũ, đang nằm ngửa gần bên bàn thờ. Người phụ nữ vừa quỳ trên sàn nhà gần đầu ông ta vừa nức nở. Khác biệt duy nhất là giờ đây trong nhà thờ tràn ngập ánh sáng. Bà ta đã lục khắp

trong phòng áo lễ để tìm ra kho trữ nến rồi thắp hết số nến ấy lên. Ít nhất cũng phải là một trăm ngọn nến, nhóm thành từng nhóm năm sáu cây nến một. Bà ta đặt những cụm nến ấy trên các băng ghế, trên sàn nhà và các bậc cửa sổ, nhưng chủ yếu là trên bàn thờ.

Khi tôi khép cửa lại, một luồng gió mạnh thốc vào bên trong nhà thờ khiến các ngọn nến đồng loạt bật đi. Người phụ nữ ngược lên nhìn tôi, gương mặt bà đầm đìa nước mắt.

“Cha đang chết dần,” bà ta bảo, giọng nói dội quanh của bà chất chứa đau thương. “Tại sao mãi giờ này cậu mới đến vậy?”

Vì chúng tôi nhận được tin nhắn khi đang ở Chipenden, nên tôi phải mất hai ngày mới đến được nhà thờ. Đường đến Horshaw phải hơn ba mươi dặm, hơn nữa tôi cũng có phải là khởi hành ngay đâu. Thoạt đầu Thầy Trừ Tà, dù còn ốm rất nặng không thể ra khỏi giường được, vẫn không chịu để tôi đi.

Thông thường Thầy Trừ Tà chỉ phái thợ học việc đi làm việc một mình sau khi đã huấn luyện cho cậu ta được một năm. Tôi thì mới mười ba tuổi và mới chỉ học việc với thầy chưa tới sáu tháng. Đây là một nghề khó khăn và dễ sợ, thường xuyên phải đương đầu với thứ mà chúng ta gọi là “thế lực bóng tối.” Bấy lâu nay tôi vẫn đang học cách đối phó với phù thủy, hồn ma, ông kẹ các loại cùng mọi thứ quấy phá về đêm. Nhưng liệu tôi có sẵn sàng cho việc này chưa nhỉ?

Đang có một ông kẹ cần phải được chèn, nếu thực hiện đúng cách thì việc này sẽ khá đơn giản. Tôi đã chứng kiến Thầy Trừ Tà ra tay hai lần. Lần nào thầy cũng mượn những người thạo việc để phụ giúp và công việc đã diễn tiến suôn sẻ. Nhưng việc lần này hơi khác. Có chút phức tạp.

Bạn biết đấy, cha xứ là anh ruột của Thầy Trừ Tà. Tôi chỉ mới nhìn thấy ông ta một lần trước đây khi chúng tôi ghé thăm Horshaw vào mùa xuân. Ông ta đã trừng trừng nhìn chúng tôi và huơ tay làm một dấu thánh to tướng trên không trung, gương mặt ông ta méo xệch đi vì giận dữ. Thầy Trừ Tà thậm chí còn chẳng liếc về phía cha xứ bởi vì giữa họ chẳng còn bao nhiêu

tình cảm để mà mất và đã hơn bốn mươi năm, hai người chẳng buồn nói chuyện với nhau. Nhưng gia đình muôn đời vẫn là gia đình nên rốt cuộc thầy cũng phải phái tôi đến Horshaw.

“Lũ cha xứ!” Thầy Trừ Tà nổi xung cả lên. “Sao bọn họ không chỉ chuyên tâm vào những gì họ biết thôi đi chứ? Sao bọn họ cứ phải xía vào việc của người khác vậy? Lão ấy đang nghĩ gì mà lại đi tấn công một kẻ xé xác? Để yên cho ta làm việc của ta và người nào làm việc của người nấy cho rồi.”

Cuối cùng thầy cũng hạ hỏa và bỏ ra hàng giờ đồng hồ hướng dẫn chi tiết cho tôi về những gì cần làm, cũng như nói cho tôi biết tên cùng địa chỉ của anh thợ chẳng và bác thợ nề mà tôi phải mượn. Thầy cũng nói luôn tên của ông thầy thuốc, khẳng khẳng bảo rằng chỉ có thầy thuốc này mới cứu được. Đây lại là một phiền toái nữa vì ông thầy thuốc ấy ở cách đấy khá xa. Thế là tôi phải chuyển lời nhắn đi và chỉ biết hy vọng ông ta sẽ khởi hành ngay lập tức.

Tôi nhìn xuống người phụ nữ đang nhẹ nhàng dùng mảnh vải chậm chậm lên trán cha xứ. Mái tóc bạc lơ thơ nhờn nhờn của ông ta được vén hết ra sau trong khi hai mắt ông ta cứ mãi trợn ngược vào trong hốc mắt. Ông ta không biết là người phụ nữ sẽ cho mời Thầy Trừ Tà đến giúp. Nếu biết thì hẳn ông ta đã từ chối, vậy nên giờ ông ta không thể trông thấy tôi thế mà lại hóa hay.

Nước mắt lã chã tuôn rơi từ đôi mắt của người phụ nữ và lóng lánh dưới ánh nến. Bà ta là quản gia của cha xứ chứ chẳng phải người trong gia đình, và tôi nhớ mình có nghĩ rằng hẳn ông ta phải tử tế với bà ta lắm thì chuyện này mới khiến bà ấy đau khổ đến vậy.

“Thầy thuốc sẽ đến ngay thôi ạ,” tôi nói, “và sẽ cho cha xứ uống thứ gì đó giúp giảm cơn đau.”

“Cả đời cha xứ đã phải đau đớn rồi,” bà ta đáp. “Tôi cũng từng là rắc rối lớn cho cha nữa. Việc này khiến cha rất sợ phải chết. Ông ấy là một kẻ tội đồ và ông ấy biết sau khi chết mình phải đi đến đâu.”

Cho dù đã làm gì hay có là ai đi chẳng nữa, vị cha xứ già nua không đáng phải chịu chuyện này. Không ai đáng bị như thế cả. Chắc hẳn ông ta là một

người dũng cảm. Hoặc là thế hoặc ông ta cực kỳ ngu ngốc. Khi ông kẹ bắt đầu nhúng mũi, ông ta đã cố tự mình xử lý nó bằng đồ nghề của cha xứ: bao gồm chuông, kinh thánh và nến. Nhưng đấy chẳng phải là cách để đối phó với thế lực bóng tối. Trong hầu hết mọi trường hợp thì cũng sẽ chẳng sao bởi vì ông kẹ cứ việc phớt lờ cha xứ và cái trò trừ tà của ông ta. Dần dà rồi nó sẽ dời đi chỗ khác và cha xứ sẽ nhận lấy công trạng, như chuyện vẫn thường xảy ra luôn ấy mà.

Nhưng đây là loại ông kẹ nguy hiểm nhất mà chúng tôi từng phải đối phó. Thường thì chúng tôi gọi chúng là “kẹ xé xác gia súc” căn cứ vào loại thức ăn chủ yếu của chúng, nhưng khi cha xứ bắt đầu nhúng mũi vào, ông ta đã biến thành nạn nhân của ông kẹ này. Giờ thì nó đã là “kẹ xé xác” hoàn chỉnh và cha xứ phải may mắn lắm mới thoát ra mà vẫn còn giữ được mạng mình.

Trên nền nhà lát đá, một đường nứt chạy theo đường zigzag bắt đầu từ chân bàn thờ cho đến quá nơi cha xứ nằm ba bước. Tại nơi rộng nhất, đường nứt trông như một hố sâu với bề rộng gần bằng nửa bàn tay. Sau khi xẻ nứt sần nhà, ông kẹ đã túm lấy chân cha xứ và lôi tuột chân ông ấy xuống dưới mặt đất tầm ngang đầu gối. Giờ đây, dưới bóng tối kia, nó đang hút lấy máu cha xứ, chậm rãi rút lấy sự sống khỏi ông ta. Giống như một con đĩa béo ú, nó duy trì cho nạn nhân của mình còn sống càng lâu càng tốt để nó được kéo dài niềm tận hưởng.

Dù tôi có làm gì đi nữa, đấy cũng phải là việc rất mạo hiểm mặc cho cha xứ có sống sót được hay không. Gì thì gì, tôi vẫn phải chèn cho được ông kẹ. Giờ đây, khi đã uống máu người rồi, nó sẽ chẳng bao giờ bằng lòng với mỗi việc xé xác gia súc nữa.

“Nếu được con hãy cứu lấy ông ta,” khi tôi chuẩn bị lên đường, Thầy Trừ Tà đã bảo thế. “Nhưng nếu con có làm gì khác đi, thì nhớ là con phải xử lý tên ông kẹ đó. Đây là nhiệm vụ hàng đầu của con.”

Tôi bắt đầu sửa soạn phần chuẩn bị của riêng mình.

Để mặc thợ phụ tiếp tục đào hố, tôi quay trở lại kho chứa cỏ cùng anh thợ chẳng. Anh biết mình phải làm gì: trước hết, anh ấy đổ nước vào cái chậu to

tướng mà họ mang theo. Đây là một lợi thế khi làm việc với những người đã có kinh nghiệm trong việc mình làm: họ chịu trách nhiệm cung cấp những thiết bị nặng tay. Chiếc chậu này rất chắc, làm bằng gỗ, siết lại bằng những vòng kim loại và cũng rất to, đủ để thao tác cả với một cái hố sâu 144 tấc.

Sau khi đổ đầy đến nửa chậu nước, anh thợ chẳng bắt đầu rắc vào đấy chất bột màu nâu từ chiếc bị to mà anh đem từ ngoài xe vào. Anh cứ rắc mỗi lúc một ít và rồi, sau mỗi lần thêm vào đấy, anh lại bắt đầu dùng cây gậy chắc nụi khuấy lên.

Chẳng mấy chốc sau, việc này trở nên nặng nhọc, vì từ từ, hỗn hợp ấy biến thành một chất nhờn đặc quánh và trở nên khó trộn hơn. Mà nó còn hôi nữa chứ, như mùi thứ gì đó đã chết đâu được mấy tuần rồi, nhưng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên lắm vì mớ chất bột ấy thật ra là xương được nghiền nát.

Thành phẩm sau cùng là một chất keo rất dính, và ông kẹ càng quấy đập chường nào, nó sẽ càng mết vã mồ hôi và ngộp thở chường đấy. Thầy Trừ Tà bao giờ cũng tự tay trộn keo cho mình, và thầy cũng đã bắt tôi thực hành làm thứ keo ấy, nhưng thời gian giờ không còn nhiều và anh thợ chẳng có đủ sức mạnh để làm việc này. Biết rõ là thế nên anh bắt tay vào làm, thậm chí chẳng cần đợi được yêu cầu.

Khi keo đã sẵn sàng, tôi bắt đầu thêm vào bột sắt và muối từ những chiếc bị bé hơn rất nhiều mà tôi mang theo, chậm tay khuấy đều để bảo đảm rằng sắt và muối ấy được trộn đều trong toàn hỗn hợp. Sắt rất nguy hiểm với ông kẹ vì sắt có thể làm sức mạnh của ông kẹ rỉ thấm ra ngoài, trong khi đấy muối lại đốt cháy nó. Một khi ông kẹ đã vào trong hố, nó sẽ phải ở lại trong đấy, bởi vì mặt trong của phiến đá và các vách hố đều được tráng một lớp hỗn hợp này, buộc ông kẹ phải thu mình nhỏ lại và tồn tại trong ranh giới của khoảng không bên trong. Đương nhiên, vấn đề trước hết là phải đưa ông kẹ vào trong hố.

Lúc này thì tôi chưa phải lo nghĩ đến chuyện đấy. Cuối cùng, cả tôi và anh thợ chẳng đều hài lòng. Keo đã sẵn sàng.

Vì chiếc hố chưa được đào xong, tôi chẳng còn gì để làm ngoài việc đứng chờ thầy thuốc đến trên con đường mòn quanh co nhỏ hẹp dẫn đến Horshaw.

Trời đã hết mưa và bầu không khí dường như đã tĩnh lặng. Bây giờ là gần cuối tháng Chín và thời tiết đang chuyển mình sang tiết trời xấu hơn. Rồi sẽ chóng thôi chúng tôi sẽ không chỉ là có mưa, và đợt sấm đầu tiên bất chợt lăm răm mơ hồ xa xa từ phía trời tây càng làm tôi thêm lo lắng. Sau khoảng hai mươi phút, tôi nghe thấy âm thanh của vó ngựa dồn dập từ xa vọng lại. Phóng điên cuồng như thể mọi con chó ngao từ Địa ngục đang dí sát sau lưng mình, thầy thuốc xuất hiện ngay khúc quanh, ngựa của ông ta phi hết nước kiệu, chiếc áo choàng phấp phới sau lưng.

Tôi đang cầm trong tay cây trượng của Thầy Trừ Tà nên chẳng cần phải giới thiệu làm gì, vả lại ông thầy thuốc đang phóng ngựa nhanh đến nỗi chính ông cũng hụt cả hơi. Vậy nên tôi chỉ gật đầu chào, trong khi thầy thuốc mặc cho con ngựa mướt mồ hôi nhấm nháp đám cỏ dài trước nhà thờ còn mình thì đi theo tôi qua cánh cửa hông. Tôi kính cẩn giữ cửa mở để ông ta có thể bước vào trước.

Bố tôi đã dạy tôi phải biết kính trọng mọi người, bởi làm thế thì người ta sẽ kính trọng mình trở lại. Tôi không biết gì về vị thầy thuốc này nhưng Thầy Trừ Tà đã khẳng khẳng mời ông ta nên tôi biết ông ta có tay nghề cao lắm. Tên ông là Sherdley và trong tay ông là một chiếc túi da màu đen. Chiếc túi trông nặng như túi của Thầy Trừ Tà mà tôi đã mang theo mình và để lại trong kho chứa cỏ. Thầy thuốc đặt túi xuống đất, cách bệnh nhân mình chừng sáu bước chân và phớt lờ bà quản gia lúc này vẫn còn nức nở khóc nức, ông ta bắt đầu kiểm tra một lượt.

Tôi đứng ngay sát sau thầy thuốc và né sang một bên để có thể nhìn được rõ nhất. Thật nhẹ nhàng, thầy thuốc vén chiếc áo thụng màu đen của cha xứ lên, để lộ ra hai chân ông ấy.

Chân phải của cha xứ gầy nhẳng, trắng bệch và dường như chẳng có cọng lông nào, nhưng còn chân trái, bên chân đang bị ông kẹp túm lấy, thì lại đỏ ửng và sưng vù, phồng lên với mớ mạch máu bầm tím mà càng gần về phía vết nứt rộng lớn trên sàn nhà, chúng càng bầm đen lại.

Thầy thuốc lắc lắc đầu và chậm chậm thở dài. Đoạn ông quay sang nói chuyện với bà quản gia, giọng ông trầm đến nỗi tôi gần như chẳng nghe ra được từ nào.

“Phải cắt bỏ đi thôi,” thầy thuốc bảo. “Đây là hy vọng duy nhất của ông ấy.”

Nghe đến đây, nước mắt lại bắt đầu lăn chã trên hai gò má của bà quản gia, trong khi thầy thuốc nhìn tôi và chỉ tay ra cửa. Khi đã ra ngoài rồi, ông ta tựa lưng vào tường và thở dài.

“Mất bao lâu nữa cậu mới sẵn sàng?” ông hỏi.

“Dạ thưa, cũng phải ngót nghét một tiếng nữa,” tôi đáp, “nhưng còn tùy vào bác thợ nề nữa ạ. Bác ấy sẽ tự tay mang phiến đá đến.”

“Nếu còn mất nhiều thời gian hơn thế chúng ta sẽ mất cha xứ đấy. Thật tình thì, dù sao ta cũng không tin là ông ấy còn có mấy cơ hội sống sót. Thậm chí ta còn chưa thể cho ông ấy uống gì để giảm đau vì cơ thể ông ấy sẽ không chịu nổi tới hai liều thuốc, mà ta cần phải cho ông ấy uống một ít ngay trước khi ta tiến hành cắt bỏ chân. Dầu có thế, cơn chấn động cũng có thể giết ông ấy chết ngay ấy chứ. Lại còn việc phải di chuyển ông ấy ngay sau khi phẫu thuật càng làm cho tình hình thêm tồi tệ.”

Tôi nhún vai. Thậm chí đến chuyện này tôi còn không muốn nghĩ nữa là.

“Cậu biết chính xác phải làm những gì rồi chứ?” thầy thuốc vừa hỏi vừa chăm chú quan sát mặt tôi.

“Thầy Gregory đã giải thích mọi điều rồi ạ,” tôi đáp, cố nghe sao cho thật tự tin. Đúng ra, nếu nói là thầy đã giải thích qua một lần, có nghĩa là Thầy Trừ Tà đã giải thích đến hàng tá lần. Rồi sau đấy còn bắt tôi lặp đi lặp lại cho thầy nghe mãi đến khi thầy vừa lòng mới thôi.

“Mười lăm năm trước, bọn ta cũng phải xử lý một trường hợp tương tự,” thầy thuốc bảo. “Chúng ta đã làm mọi thứ có thể nhưng người đàn ông đấy rồi cũng không qua khỏi, mà anh ta là một tay nông dân trẻ tuổi, khỏe như vâm và lại còn đang ở độ sung mãn nhất nữa chứ. Thôi ta chỉ biết cầu trời

khẩn đất chứ biết sao. Nhiều khi những người lớn tuổi lại dai sức hơn ta tưởng đấy.”

Một hồi im lặng kéo dài, rồi tôi phá vỡ bầu im lặng ấy bằng việc hỏi kiểm tra một chuyện mà này giờ tôi cứ canh cánh trong lòng.

“Vậy bác biết là cháu phải cần một ít máu của cha xứ rồi nhỉ?”

“Đừng có làm trứng dạy khôn vẹt chứ,” thầy thuốc càu nhàu, rồi một hồi mỉm cười với tôi và chỉ tay ra con đường mòn dẫn về phía Horshaw. “Bác thợ nề đang đến kìa, tốt hơn là cậu chuẩn bị làm việc của cậu đi thôi. Những chuyện còn lại cậu có thể để ta lo.”

Tôi lắng tai và nghe thấy âm thanh xa xa của một cỗ xe ngựa đang tiến lại gần, thế là tôi băng trở lại qua những bia mộ để xem xem mấy anh thợ chẳng đã làm đến đâu rồi.

Hồ đã sẵn sàng và hai anh thợ đã lắp ráp xong bọc gỗ dưới gốc cây. Anh thợ phụ đã leo lên cây và đang đóng tay đòn cùng ròng rọc vào một cành cây to chắc. Dụng cụ này to cỡ đầu người, được làm bằng sắt và lòng thông trên đây những sợi xích cùng một móc câu thật lớn. Chúng tôi sẽ cần đến dụng cụ này để nâng phiến đá lên và đặt nó vào vị trí chính xác.

“Bác thợ nề đến rồi,” tôi thông báo.

Ngay lập tức, hai anh thợ dừng ngay việc đang làm và theo chân tôi quay lại nhà thờ.

Lúc này lại có thêm một con ngựa khác đang đứng chờ trên đường mòn, phiến đá được đặt phía sau thùng xe. Tới đây thì chưa có rắc rối gì hết, nhưng bác thợ nề trông không được vui vẻ cho lắm và bác ấy còn tránh nhìn cả vào mắt tôi. Mặc, chẳng bỏ phí chút thời gian nào, chúng tôi dẫn xe ngựa chạy theo đường chính đến cổng mở vào trong cánh đồng.

Khi đã đến gần gốc cây, bác thợ nề trượt móc câu vào chiếc vòng ngay chính giữa phiến đá và phiến đá được nhấc ra khỏi thùng xe. Dù cho nó có nặng vừa vặn chính xác lên hố hay không, chúng tôi phải chờ mới biết được. Hẳn bác thợ nề đã đặt chiếc vòng ấy đúng chỗ vì phiến đá đang treo ngang lơ lửng từ sợi xích ở tư thế cân bằng hết mực.

Phiến đá được hạ xuống đến cách mép hố khoảng hai sải. Đến lúc này, bác thợ nề mới thông báo hung tin cho tôi.

Con gái út của bác ấy đang ốm nặng, sốt cao, chứng bệnh lâu nay đã quét qua Hạt và khiến cho Thầy Trừ Tà phải nằm bẹp trên giường. Vợ của bác đang túc trực bên cạnh giường bệnh của cô bé nên bác phải quay trở về nhà ngay.

“Tôi xin lỗi,” bác vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt tôi lần đầu tiên. “Nhưng phiến đá này ngon lành lắm rồi nên cậu sẽ chẳng gặp vấn đề gì đâu. Tôi bảo đảm đấy.”

Tôi tin lời bác ta. Bác đã làm hết sức và chuẩn bị phiến đá khi chẳng được báo trước bao lâu, trong khi bác thà ở bên giường bệnh cùng con gái. Thế nên tôi trả công cho bác rồi để bác ra về kèm theo lời cảm ơn của Thầy Trừ Tà, lời cảm ơn từ tôi cùng lời cầu mong cho con gái bác bình phục.

Đoạn tôi quay lại với việc cần làm. Những bác thợ nề, ngoài việc chạm khắc đá, họ cũng là chuyên gia trong việc định vị phiến đá, nên thật tình tôi muốn bác ấy ở lại đây hơn phòng khi có chuyện gì trục trặc. Nhưng mà anh thợ chẳng và thợ phụ cũng rất thạo việc. Tôi chỉ việc phải giữ bình tĩnh và thật cẩn thận để không phạm phải sai lầm ngớ ngẩn nào.

Trước hết, tôi phải thật nhanh tay dùng keo phủ hết các vách hố; rồi, sau cùng là mặt trong của phiến đá, ngay trước khi nó được hạ xuống đúng vị trí.

Tôi leo xuống hố, sử dụng chiếc chổi quét và dưới ánh sáng của ngọn đèn lồng mà thợ phụ của anh thợ chẳng đang giơ cao, tôi bắt tay vào việc. Đây là một quy trình tỉ mỉ. Tôi không được bỏ sót dù là một chỗ nhỏ bé nhất, bởi chỉ chừng đó thôi cũng đủ để cho ông kẹ đào thoát ra ngoài. Với lại, khi chiếc hố chỉ sâu có bảy mươi hai tấc thay vì một trăm lẻ tám tấc như thường lệ, tôi phải cẩn thận hơn nhiều.

Tôi phết đến đâu hỗn hợp keo bám dính vào đất đến đấy. Thế thì tốt rồi, bởi vì như vậy vào mùa hè, khi đất khô cứng lại, lớp keo sẽ không dễ dàng nứt hay bong tróc ra. Chỉ có điều không hay là thật khó nhận định cần phải

phết bao nhiêu lượt để cho lớp lót ngoài cùng trên mặt đất đủ độ dày. Thầy Trừ Tà đã bảo tôi rằng việc này dần dà sẽ dễ hơn khi ta có kinh nghiệm. Từ trước đến nay, thầy là người kiểm tra công việc tôi làm và thêm vào đôi ba chỉnh sửa để hoàn tất. Còn giờ đây, tôi buộc phải tự mình thao tác cho đúng. Lần đầu tiên.

Cuối cùng, tôi leo ra khỏi hố và phết lên mép hố phía trên. 13 tấc trên cùng, dọc theo bề dày của phiến đá, lại dài và rộng hơn lòng hố, vậy nên còn có thêm gờ rìa để phiến đá được đặt vào mà không phải hờ ra kẽ hở nhỏ nhất nào giúp cho ông kẹ có thể chuôi ra ngoài. Gờ rìa này cần phải được chăm chút cẩn thận vì đây là nơi phiến đá đóng kín xuống mặt đất.

Khi tôi vừa hoàn tất thì một tia chớp lóe lên, và chỉ giây sau, một loạt sấm vang rền. Cơn dông đã di chuyển đến ngay trên đỉnh đầu.

Tôi quay trở lại kho chứa cỏ để lấy một thứ quan trọng trong túi. Đây là thứ mà Thầy Trừ Tà gọi là “đĩa mời”. Chiếc đĩa làm bằng kim loại, được chuyên biệt tạo ra cho việc này và có ba lỗ nhỏ được khoan cách đều nhau, sát với mép đĩa. Tôi lôi nó ra, chà chà lên cổ tay áo cho sáng bóng rồi chạy vào nhà thờ thông báo với thầy thuốc là chúng tôi đã sẵn sàng.

Khi tôi mở cửa, mùi hắc ín đậm đặc xộc ra, và ngay bên trái bàn thờ, một đồng lửa nhỏ đang bập bùng. Bên trên ngọn lửa, trên một kiềng ba chân bằng kim loại, một nồi nước đang lồng bong sủi bọt và bắn ra tung tóe. Thầy thuốc Sherdley sẽ sử dụng hắc ín để cầm máu. Dùng hắc ín sơn lên mẫu chân cụt cũng sẽ ngăn phần còn lại của cẳng chân thối rữa đi.

Tôi cười thầm khi nhận ra thầy thuốc đã lấy củi từ đâu. Ngoài trời còn rất ẩm ướt nên ông phải dùng loại củi nhóm còn khô có sẵn duy nhất. Ông đã bổ mấy băng ghế tựa trong nhà thờ. Chắc hẳn rồi đây cha xứ sẽ không vui về gì đâu, nhưng làm thế may ra mới cứu được mạng ông ta. Dù sao thì giờ đây ông ta đang bất tỉnh, thở khò khè, và sẽ li bì như thế trong vài giờ đồng hồ cho đến khi tác dụng của thuốc mê tan dần.

Từ vết nứt dưới sàn nhà vọng lên tiếng ông kẹ đang nhấm nháp. Âm thanh soàn soạp ừng ực ghê người vang lên khi nó đang hút máu từ chân

cha xứ. Nó đang quá mải mê nên không nhận ra chúng tôi đang ở sát gần bên và sắp sửa chấm dứt bữa chén no nê của nó.

Chúng tôi không nói với nhau câu nào. Tôi chỉ gật đầu với thầy thuốc và ông ấy gật đầu đáp lại. Tôi đưa cho ông chiếc đĩa kim loại để hứng lấy chút máu tôi cần, còn thầy thuốc thì lôi từ túi ra một chiếc cửa kim loại be bé và đặt lưỡi cửa sáng loáng, lạnh lẽo ấy trên phần xương ngay dưới đầu gối cha xứ.

Bà quản gia vẫn ngồi yên tại vị trí cũ nhưng hai mắt bà đã nhắm nghiền và tự mình lẩm rầm lẩm rầm. Chắc bà đang đọc kinh cầu nguyện và rõ là bà ta chẳng giúp ích gì nhiều cả. Vậy là, hơi rùng mình một cái, tôi quỳ xuống bên cạnh thầy thuốc.

Thầy thuốc lắc đầu. “Cậu không cần phải chứng kiến chuyện này đâu,” ông bảo. “Chắc chắn rồi một ngày nào đó cậu phải chứng kiến những chuyện còn ghê gớm hơn thế này, nhưng giờ thì không cần thiết. Đi đi, anh bạn. Quay lại với phần việc của cậu đi. Ta có thể xoay sở chuyện này. Chỉ phải bảo hai người kia trở lại đây giúp ta đưa cha xứ vào cỗ xe khi ta xong việc.”

Nãy giờ tôi đang căn răng chuẩn bị tinh thần đối mặt với chuyện này nên tôi không đợi phải được bảo thế đến hai lần. Nhẹ hết cả người, tôi quay trở lại hố. Nhưng chưa kịp ra đến nơi, tôi đã nghe thấy một tiếng thét thất thanh xé toạc không gian, kèm theo đó là tiếng khóc thương đau đớn. Nhưng đấy không phải là tiếng của cha xứ. Ông ấy đang bất tỉnh nhân sự mà. Đấy là tiếng của bà quản gia.

Anh thợ chằng cùng thợ phụ đã trực phiên đá lên cao và đang bận rộn chùi sạch lớp bùn. Sau đấy, khi họ quay vào nhà thờ để giúp thầy thuốc, tôi nhúng chổi vào lượng keo trộn cuối cùng để quét phủ khắp mặt trong của phiên đá.

Tôi chẳng có được mấy phút để chiêm ngưỡng thành quả của mình thì anh thợ phụ đã chạy trở ra. Sau lưng anh ta là anh thợ chằng di chuyển chậm hơn rất nhiều. Anh ấy đang cầm theo chiếc đĩa có chứa máu, và thật cẩn thận để

không phải làm rơi ra ngoài dù chỉ một giọt. Chiếc đĩa mỗi là một bộ phận quan trọng của dụng cụ. Thầy Trừ Tà có nguyên một cửa hàng làm ra chúng ở Chipenden, và chúng được làm ra thể theo thông số kỹ thuật của riêng thầy.

Tôi nhấc từ túi của Thầy Trừ Tà ra một sợi xích dài. Một đầu là chiếc khuyên to có đính thêm ba sợi xích nhỏ khác, cuối mỗi sợi là một móc câu nhỏ nhỏ bằng kim loại. Tôi lồng ba móc câu ấy vào ba lỗ được khoan quanh viền chiếc đĩa.

Khi tôi nhấc sợi xích lên, chiếc đĩa mỗi treo thẳng bằng bên dưới, nên cũng chẳng cần phải khéo léo gì lắm để hạ chiếc đĩa vào trong lòng hố và nhẹ nhàng đặt đĩa xuống ngay tâm điểm đáy hố.

Không, khéo léo phải là lúc tháo ba chiếc móc ấy ra kia. Bạn phải thật cẩn thận thả chùng sợi xích xuống sao cho mấy chiếc móc rơi ra khỏi đĩa mà không xô lệch đĩa đi và làm sóng máu ra ngoài.

Trước đây tôi đã luyện tập việc này hàng giờ rồi, nên dù là đang cực kỳ căng thẳng, tôi vẫn có thể tháo được mấy cái móc chỉ trong lần ra tay đầu tiên.

Bây giờ, vấn đề còn lại chỉ là chờ đợi.

Như tôi đã kể, kẹ xé xác là loại ông kẹ nguy hiểm nhất vì nguồn thức ăn của chúng là máu. Trí óc của chúng thường rất nhanh nhạy và xảo quyết, nhưng khi đang ăn thì chúng suy nghĩ rất chậm và phải mất nhiều thời gian để chúng hiểu được sự tình.

Phần căng chân bị cắt đi vẫn còn bị mắc kẹt trong rãnh nứt trên sàn nhà thờ trong khi ông kẹ đang bận rộn liếm láp máu từ đấy, nhưng nó lại hút rất chậm để kéo dài thời gian. Kẹ xé xác quen thói như thế đấy. Nó chỉ liếm soàm soạp rồi hút, đầu óc chẳng nghĩ đến gì khác cho đến khi nó từ từ nhận ra máu hút vào miệng nó mỗi lúc một ít đi. Nó muốn có nhiều máu hơn, nhưng máu cũng có đủ thứ vị, còn nó thì chỉ thích vị của loại nó đang hút. Nó thích vị ấy lắm.

Thế là nó muốn có cùng một loại máu ấy nữa, và một khi nhận ra là thân người đã được tách rời khỏi cẳng chân, nó sẽ truy đuổi theo thân người. Đây là lý do vì sao mấy anh thợ chằng phải đưa cha xứ vào cỗ xe. Đến lúc này thì xe hăn đã chạy đến ven khu Horshaw, mỗi tiếng vó ngựa *lộc cộc* đưa thân mình ấy mỗi xa tên ông kẹ đang giận dữ, đang tuyệt vọng muốn uống thêm cùng thứ máu ấy.

Kẹ xé xác cũng giống như chó săn. Hăn nó sẽ biết rõ cha xứ đang được mang đi theo hướng nào. Nó cũng sẽ nhận ra là cha xứ đang mỗi lúc một di chuyển ra xa khỏi nó. Rồi nó sẽ nhận thức được điều khác. Rằng còn có thêm nhiều thứ nó đang muốn lại đang ở rất gần.

Đây là lý do vì sao tôi đã đặt chiếc đĩa vào trong hố. Đây là lý do vì sao nó được gọi là “đĩa mồi”. Nó là cái bẫy dụ kẹ xé xác vào tròng. Một khi kẹ xé xác đã vào trong hố tham lam ăn uống rồi, chúng tôi phải ra tay thật nhanh và không thể phạm vào một sai lầm nào cả.

Tôi nhìn lên. Anh thợ phụ đang đứng trên bục, một tay nắm sợi xích ngắn, đã vào tư thế để hạ phiến đá xuống. Anh thợ chằng đứng đối diện tôi, tay đặt trên phiến đá, sẵn sàng chỉnh vị trí của phiến đá khi nó được hạ xuống. Cả hai anh không ai trông có vẻ gì là hãi sợ chút nào, thậm chí bồn chồn lo lắng cũng không, và thốt nhiên tôi cảm thấy thật an tâm khi được làm việc chung với những người như vậy. Những người biết rõ họ đang làm gì. Tất cả chúng tôi ai cũng nắm rõ phần việc của mình, ai cũng thực hiện những việc cần làm theo cách nhanh nhẹn và hiệu quả hết sức có thể. Điều này làm tôi thấy vững dạ. Làm tôi thấy mình như một phần trong một công việc nào đó.

Thật im lặng, chúng tôi chờ đợi ông kẹ dẫn xác đến.

Vài phút sau, tôi nghe thấy nó đi đến. Thoạt đầu nghe chỉ như là một cơn gió xào xạc qua hàng cây.

Nhưng chẳng có cơn gió nào cả. Không khí đang tĩnh lặng như tờ, và trong một dải hẹp đầy ánh sao giữa mép của đám mây đông và đường chân trời, trăng lưỡi liềm đang hiện rõ, soi rọi ánh sáng mờ mờ của mình hòa vào ánh sáng từ đèn lồng.

Anh thợ chẳng và thợ phụ chẳng nghe ra được gì, tất nhiên rồi, vì họ không phải là con trai thứ bảy của người con thứ bảy giống như tôi. Cho nên tôi phải cảnh báo cho họ biết.

“Nó đang trên đường đến kìa,” tôi lên tiếng. “Khi nào nó đến em sẽ báo.”

Đến lúc này, âm thanh của ông kẹ đang tiến đến gần nghe đã chói tai hơn, gần như là tiếng thét, và tôi có thể nghe ra thứ tiếng khác nữa: như một tiếng gầm gừ trầm khàn, ừng ục. Nó đang nhanh chóng băng qua nghĩa trang, thẳng tiến đến đĩa máu trong lòng hồ.

Không như những ông kẹ thông thường, kẹ xé xác hơi giống một linh hồn hơn, nhất là khi nó vừa đánh chén no nê. Cho dù là vậy, đa số người ta vẫn không thể nhìn ra nó, nhưng nếu nó đã tóm được da thịt của họ rồi thì họ sẽ nhận biết nó ngay thôi mà.

Ngay cả tôi cũng không nhìn thấy được gì nhiều – chỉ là một vật không rõ hình dáng nào đó thoáng có màu đỏ hồng. Thế rồi tôi cảm nhận được không khí sượt qua mặt mình khi kẹ xé xác lao xuống hồ.

Tôi bảo anh thợ chẳng “Làm ngay”, anh này quay sang gạt đầu với thợ phụ đang siết chặt tay nắm trên sợi xích ngăn. Nhưng khi anh chưa kịp kéo sợi xích thì từ trong lòng hồ đã vọng lên một âm thanh. Lần này âm thanh rất lớn khiến cả ba chúng tôi đều nghe thấy. Tôi nhanh nhẩu liếc nhìn hai anh bạn đồng hành của mình và nhận thấy mắt họ đang mở to, miệng mím chặt do sợ hãi với thứ đang ở bên dưới chúng tôi.

Âm thanh chúng tôi nghe được là tiếng ông kẹ đang uống máu trong đĩa. Nghe như tiếng một cái lưỡi khổng lồ đang ham hố tọt lấy tọt để, cộng với tiếng một giống loài ăn thịt to lớn đang khụt khà khụt khịt như là đói khát lắm. Chúng tôi chỉ có đầu khoảng chưa tới một phút trước khi nó ăn hết đĩa máu kia. Đến khi đó, nó sẽ đánh hơi ra máu của chúng tôi. Giờ thì nó đã trở nên độc ác rồi và tất cả chúng tôi đều có thể trở thành mồi ngon.

Anh thợ phụ bắt đầu nới lỏng dây xích và phiến đá chậm chậm hạ xuống. Tôi đứng chỉnh vị trí phiến đá ở một đầu, anh thợ chẳng chỉnh đầu bên kia. Nếu họ đã đào hố chính xác và phiến đá được đeo theo đúng kích thước

trong bản phác thảo, sẽ chẳng có rắc rối gì sất. Đây là tôi an ủi mình thế thôi – chứ tôi cứ nghĩ mãi đến thợ học việc gần đây nhất của Thầy Trừ Tà, cậu Billy Bradley tội nghiệp, người đã mất mạng khi đang cố chèn một ông kẹ như con này đây. Lúc đó phiến đá bị mắc kẹt, chèn mấy ngón tay của cậu ấy bên dưới gờ rìa. Trước khi người ta kịp nhắc phiến đá lên, ông kẹ đã cắn đứt mấy ngón tay của cậu mà hút máu. Sau đấy cậu chết vì choáng. Tôi không thể nào gạt bỏ suy nghĩ về cậu ra khỏi đầu dù có cố đến thế nào đi nữa.

Việc quan trọng là phải đưa được phiến đá vào trên miệng hố ngay lần đầu tiên – và dĩ nhiên, cần phải né hết mấy ngón tay của mình ra.

Anh thợ chẳng đang kiểm soát tình hình, làm thay phần việc của bác thợ nề. Lúc anh ra dấu, sợi xích khựng lại khi phiến đá còn cách miệng hố một chút xíu xiu. Đoạn anh nhìn tôi, gương mặt cương quyết, và anh nhướn mày phải lên. Tôi nhìn xuống rồi dịch chuyển đầu phiến đá bên tôi thật khê sao cho nó có vẻ đang được đặt ở vị trí hoàn hảo. Tôi kiểm lại lần nữa cho chắc ăn rồi gạt đầu với anh, để anh ra hiệu cho người thợ phụ.

Sợi xích ngắn nói ra thêm ít nữa và phiến đá hạ khít vào vị trí ngay trong lần đầu tiên, niêm kín ông kẹ vào trong hố. Một tiếng rít giận dữ phát ra và tất cả chúng tôi đều nghe thấy hết. Nhưng chẳng hề gì, vì giờ đây nó đã mắc kẹt trong ấy nên không còn phải sợ nữa.

“Ngon lành quá rồi!” anh thợ phụ la lớn, nhảy xuống khỏi bục, anh cười toe toét đến tận mang tai. “Vừa vặn khít khao!”

“Oài,” anh thợ chẳng vờ đáp cộc lốc, “Chắc là nó được tạo ra cho mỗi việc này thôi.”

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng, mừng vì việc rồi cũng xong. Đúng lúc ấy, khi một tiếng sấm nổ đùng và tia chớp lóe lên ngay trên đỉnh đầu soi sáng phiến đá, tôi để ý thấy, lần đầu tiên từ nãy đến giờ, những gì bác thợ nề đã khắc lên trên ấy và đột nhiên lòng tôi rộn rã tự hào.

Ký tự beta bằng tiếng Hy Lạp thật lớn, được gạch chéo một gạch, là dấu hiệu cho biết bên dưới phiến đá kia là một ông kẹ. Dưới ký tự ấy, chếch về bên phải, là chữ số một của số La Mã mang nghĩa rằng đây là một ông kẹ

nguy hiểm ở cấp độ cao nhất. Có cả bảy mươi cấp độ và những ông kẹ từ cấp độ một đến bốn đều có khả năng giết người. Rồi, bên dưới chữ số ấy, là tên của chính tôi, *Ward*, để chứng thực công trạng của tôi cho những gì vừa làm được.

Tôi vừa mới chèn xong xuôi một ông kẹ. Mà còn là kẹ xé xác nữa chứ!

Chương 2

QUÁ KHỨ CỦA THẦY TRỪ TÀ

Hai ngày sau, trở lại Chipenden, Thầy Trừ Tà bắt tôi kể lại mọi chuyện. Khi tôi kể xong, thầy lại bắt tôi lặp lại. Lặp lại xong, thầy gãi gãi chòm râu mà thở dài thật lớn.

“Thế thầy thuốc đã nói gì về ông anh gàn dở của ta vậy?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Thầy thuốc có cho là ông ta sẽ bình phục không?”

“Thầy thuốc bảo có vẻ như cha xứ đã qua giai đoạn tồi tệ nhất rồi, nhưng vẫn còn quá sớm nên chưa thể kết luận gì đâu ạ.”

Thầy Trừ Tà trầm ngâm gật đầu. “Ừ thôi, này anh bạn, con đã làm rất tốt,” thầy bảo. “Ta không nghĩ ra được bất cứ điều gì mà đáng lẽ con phải làm tốt hơn. Vậy nên con được phép nghỉ ngơi đến hết ngày hôm nay. Nhưng đừng có ngủ quên trên chiến thắng nhé. Ngày mai mọi việc trở lại như cũ đấy. Sau bao nhiêu chuyện phấn khích ấy, con cần phải trở lại luyện tập như thường thôi.”

Ngày hôm sau, thầy lại bắt tôi luyện tập nặng nhọc gấp đôi bình thường. Những bài học bắt đầu ngay lúc bình minh ló dạng và bao gồm cả phần mà thầy gọi là “phần thực hành”. Mặc dù giờ đây tôi đã chèn được một ông kẹ thực thụ rồi, nhưng vẫn có nghĩa là tôi phải thực hành đào hố.

“Con có cần phải đào thêm hố chèn kẹ nào nữa không vậy thầy?” tôi mệt mỏi hỏi.

Thầy Trừ Tà khinh khỉnh nhìn tôi mãi cho đến khi tôi phải cụp mắt xuống, bụng cảm thấy thật áy náy.

“Này anh bạn, con nghĩ giờ con giỏi hơn cả rồi phải không?” thầy hỏi. “Không, con chẳng giỏi gì đâu, cho nên đừng có mà tự mãn! Con vẫn còn phải học hỏi nhiều lắm. Đúng là con đã chèn được ông kẹ đầu tiên của mình, nhưng đấy là khi con được những người rất thạo việc giúp cho cơ mà. Một

ngày nào đó, biết đâu con phải tự mình đào hố và phải làm thật nhanh để cứu lấy một mạng người thì sao.”

Sau khi đào xong chiếc hố và sơn phủ khắp bằng muối và sắt, tôi lại phải thực hành đặt đĩa mồi vào trong lòng hố mà không làm sánh ra ngoài một giọt máu nào. Đương nhiên, vì đây là chỉ là một phần trong quá trình luyện tập nên chúng tôi sử dụng nước lã thay cho máu thật, tuy vậy, Thầy Trừ Tà vẫn rất coi trọng việc này và thường hay nổi đóa nếu tôi không thành công ngay lần đầu tiên. Nhưng lần này thầy chẳng có cơ hội đâu nhé. Tôi đã xoay sở ổn thỏa ở Horshaw và tôi thực hành cũng giỏi không kém, mười lần liên tục thành công cả mười. Nhưng dù là vậy, Thầy Trừ Tà cũng chẳng khen tôi lấy một tiếng, thế nên tôi bắt đầu thấy hơi hơi bức mình.

Tiếp đến là phần thực hành mà tôi thực sự rất thích – tập sử dụng sợi xích bạc của Thầy Trừ Tà. Trong khu vườn phía Tây có một chiếc cột cao một mét tám được dựng lên với mục đích là để quất sợi xích quăn vòng quanh nó. Thầy Trừ Tà bắt tôi đứng cách cây cột này từ nhiều khoảng cách khác nhau để tập luyện ở mỗi vị trí một tiếng, trong đầu luôn phải tâm niệm là một lúc nào đấy có thể tôi sẽ đối mặt với một mụ phù thủy thực thụ, và nếu tôi quất hụt thì chẳng còn cơ hội làm lại nữa. Có một cách chuyên biệt để sử dụng sợi xích. Ta phải cuộn tròn sợi xích vào bàn tay trái và vung xích ra bằng cách vẫy cổ tay cho nó tung theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, rơi xuống thành hình xoắn ốc từ trái qua phải để bọc lấy cây cột mà thít chặt vào đấy. Từ khoảng cách hai mét rưỡi, giờ đây mười lần hết chín là tôi có thể quăn sợi xích quanh cột, nhưng như thường lệ, Thầy Trừ Tà chỉ khen mai mữa.

“Không tồi nhỉ, chắc vậy,” thầy bảo. “Nhưng đừng tự mãn nhé anh bạn. Một phù thủy thực sự sẽ không ngoan ngoãn đứng yên đó cho con tung xích ra đâu. Đến cuối năm nay, ta mong con làm được mười lần hết cả mười chứ không được kém hơn đâu đấy!”

Đến đây, tôi lại càng thấy bức bối hơn. Bao lâu nay tôi luyện tập rất chăm và đã tiến bộ rất nhiều. Đâu chỉ có thế, tôi cũng vừa mới chèn được một ông kẹ và ra tay khi chẳng có sự trợ giúp nào từ Thầy Trừ Tà nữa cơ mà. Tôi

buộc lòng thắc mắc, chẳng biết khi còn là chân học việc thầy có làm giỏi bằng tôi không đây.

Vào buổi chiều, Thầy Trừ Tà cho phép tôi lên thư viện tự học, đọc tài liệu và ghi chép, nhưng thầy chỉ cho tôi đọc một số sách nhất định. Về điều này thì thầy rất nghiêm. Tôi vẫn còn trong năm học việc đầu tiên, cho nên ông kẹ là lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của tôi. Nhưng thi thoảng, khi thầy phải ra ngoài làm việc gì đó, tôi cũng không thể không nhìn qua vài cuốn sách khác của thầy.

Vậy là, sau khi đọc chán chê về ông kẹ, tôi đi đến ba dãy kệ dài gần cửa sổ để chọn ra một trong những cuốn sổ ghi chép bìa da to tướng từ tầng kệ trên cùng. Đây là những cuốn nhật ký, vài cuốn do các thầy trừ tà viết ra cách đây hàng trăm năm. Mỗi cuốn được ghi chép trong khoảng năm năm.

Lần này tôi biết chính xác mình đang tìm kiếm gì. Tôi chọn lấy mấy cuốn nhật ký mới đây nhất của Thầy Trừ Tà, lòng tò mò muốn biết lúc trẻ thầy đã kham lấy việc này như thế nào và liệu thầy có tài giỏi hơn tôi hay chẳng. Tất nhiên, thầy đã từng là cha xứ trước khi được huấn luyện thành người trừ tà, nên chắc chắn khi học việc hẳn là thầy lớn tuổi lắm rồi.

Mà thôi, tôi chọn đại vài trang và bắt đầu đọc. Dĩ nhiên tôi nhận ra chữ viết tay của thầy, nhưng nếu là người lạ lần đầu tiên đọc một đoạn trích trong này sẽ không thể nào đoán ra là do chính Thầy Trừ Tà đã viết. Khi nói chuyện, giọng thầy đặc sệt giọng dân vùng Hạt điển hình, rất bình dân và không hề có hơi hướm gì theo kiểu mà bố tôi hay gọi là “ra vẻ thanh tao”. Nhưng khi thầy viết thì lại khác. Cứ như thể mọi cuốn sách thầy đọc qua đã làm thay đổi giọng văn của thầy, trong khi đó tôi chủ yếu nói sao viết vậy; nếu bố tôi có khi nào đọc được những ghi chép của tôi, hẳn ông sẽ rất tự hào về tôi và biết rằng tôi vẫn là con trai của bố.

Thoạt tiên, những gì tôi đọc dường như không khác với những ghi chép của Thầy Trừ Tà dạo gần đây, trừ mỗi việc là thầy phạm nhiều sai lầm hơn. Như mọi khi, thầy luôn luôn thành thực, và mỗi lần thầy đều giải thích vì sao mình đã sai. Cũng như thầy luôn nhắc nhở tôi rằng, việc viết lại mọi chuyện là rất quan trọng, vì nhờ đó ta có thể học hỏi từ những gì đã qua.

Có một tuần, thầy giải thích mình đã bỏ ra hàng giờ đồng hồ luyện tập với đĩa mồi như thế nào và thầy của thầy đã giận dữ ra sao vì thầy không thể làm tốt hơn mức trung bình là tám trên mười lần! Chuyện này làm tôi thấy vui hơn hẳn. Và rồi tôi đọc được điều còn làm cho tinh thần mình phấn chấn hơn. Phải làm chân học việc cho đến gần mười tám tháng, Thầy Trừ Tà mới chèn được ông kẹ đầu tiên. Mà lại nữa, đấy chỉ là một kẹ lông lá chứ chẳng phải kẹ xé xác nguy hiểm gì!

Đấy là điều hay ho nhất tôi có thể tìm thấy để khích lệ bản thân: rõ ràng Thầy Trừ Tà từng là một người tập sự chăm chỉ, tài giỏi. Rất nhiều phần tôi tìm thấy chỉ toàn là những việc thường ngày, nên tôi nhanh chóng lật qua cho đến thời điểm thầy tôi trở thành thầy trừ tà chuyên nghiệp hoạt động một mình. Tôi đã đọc hết những gì mình thực sự cần biết và chuẩn bị gấp sách lại thì có điều gì đấy đập vào mắt tôi. Tôi lật ngược trở lại phần ghi chép ấy để kiểm lại cho chắc, và đây là những gì tôi đã đọc. Cũng không phải chính xác từng từ một như thế nhưng tôi có trí nhớ tốt nên đây cũng gần giống lắm rồi. Sau khi đọc xong những gì thầy viết, chắc chắn tôi sẽ không quên đi được.

Vào cuối thu, tôi du hành mãi lên miền Bắc của Hạt, được gọi lên đấy để đối phó với một dị nhân, kể từ bao lâu nay gieo rắc kinh hoàng lên khắp trấn. Rất nhiều gia đình trong vùng đã phải khốn khổ dưới bàn tay tàn bạo của kẻ này và đã có biết bao thương vong tàn tật.

Tôi bước vào khu rừng lúc trời chạng vạng. Toàn bộ lá cây đã rụng rơi, mục ruỗng xếp lớp nâu đen dưới mặt đất, và tòa tháp trông như một ngón tay quỷ sứ đen tối chìa thẳng lên trời. Tôi nhìn thấy một cô gái đang vẫy tay từ ô cửa sổ độc nhất của tòa tháp, điên cuồng vẫy gọi xin cứu giúp. Kẻ kia đã bắt lấy cô ấy làm của riêng và giờ đây giam giữ cô ấy để tiêu khiển, cầm tù cô giữa những bức tường đá nặng nề nhấp nháy kia.

Đầu tiên tôi nhóm lửa rồi ngồi xuống, vừa đưa mắt nhìn ngọn lửa chăm chăm vừa thu gom lòng can đảm. Tôi lấy viên đá mài ra khỏi túi, mài thật sắc lưỡi dao của mình cho đến khi những ngón tay tôi không

thể nào chạm vào lưỡi dao mà không đổ máu. Cuối cùng, đến đúng nửa đêm, tôi đi đến ngọn tháp và gióng lên lời thách thức vào cánh cửa bằng cây trượng của mình.

Sinh vật ấy xông ra với tay khua dùi cui loạn xạ và rống lên giận dữ. Đây là một thứ xấu xí trong lột thú vật, toàn thân nồng nặc mùi máu tanh và mỡ động vật hôi thối, và nó tấn công vào tôi với lòng phần nộ kinh hoàng.

Thoạt đầu tôi thối lui, chờ cơ hội ra tay, nhưng sau đấy, khi sinh vật ấy phóng đến, tôi liền rút lưỡi dao từ ngách bí mật trên thanh trượng ra, và, với hết sức bình sinh, tôi thọc thẳng lưỡi dao vào đầu nó. Nó ngã vật xuống chết ngắc dưới chân tôi nhưng tôi chẳng thấy hối tiếc gì về việc đã kết liễu đời sinh vật này, vì bằng không nó sẽ lại giết người mãi miết và sẽ chẳng bao giờ chán chê thỏa mãn.

Đúng lúc ấy, cô gái lớn tiếng gọi tôi, giọng nói thánh thót của cô dẫn dụ tôi bước lên những bậc cấp bằng đá. Rồi ở nơi đấy, trên căn phòng cao nhất của tòa tháp, tôi tìm thấy cô trên một đụn rơm, bị một sợi xích bạc dài trói chặt. Với làn da trắng mịn như sữa và mái tóc dài mượt, cô ấy là người phụ nữ xinh đẹp nhất mà tôi từng thấy. Tên cô ấy là Meg và cô năn nỉ được tháo khỏi sợi xích, giọng nói cô ấy thiết tha thuyết phục đến nỗi bao lý lẽ của tôi bay biến đi đâu mất và cả thế giới quanh tôi quay cuồng.

Ngay khi tôi vừa gỡ cô ấy ra khỏi cuộn xích thì cô ấy đã ghì sát môi mình lên môi tôi. Những nụ hôn của cô ngọt ngào đến nỗi tôi gần như là đi trong vòng tay cô ấy.

Tôi thức dậy khi ánh nắng mặt trời rọi thành tia qua cửa sổ và lần đầu tiên mới nhìn thấy cô ấy được rõ ràng. Cô ấy là một trong những phù thủy nữ yêu và người cô mang dấu vết của loài rắn. Dù khuôn mặt cô xinh đẹp đến nhường ấy, nhưng dọc xương sống cô vẫn còn phủ đầy vảy màng vàng khè và xanh lục.

Lòng cuộn trào phần nộ vì bị lừa gạt, tôi trói cô lại bằng xích và mang cô đến tận chiếc hố ở Chipenden. Khi tôi gỡ xích ra, cô đã chống cự quyết liệt tới mức tôi không thể chế ngự được cô mà buộc phải nắm lấy mớ tóc dài rồi lôi xềnh xệch cô xuyên qua những rặng cây, trong khi cô hét la quát mắng đến đỉnh tai nhức óc. Hôm ấy trời mưa nặng hạt và cô cứ té trượt trên cỏ ướt, nhưng tôi vẫn tiếp tục lôi cô dọc theo bãi đất, dẫu cho hai tay hai chân trần của cô bị bụi cây mâm xôi cào xước cả. Chuyện này thật tàn nhẫn nhưng vẫn phải được tiến hành thôi.

Nhưng khi tôi chuẩn bị thả cô qua miệng hố, cô bám lấy đầu gối tôi và bắt đầu khóc lóc đến tội nghiệp. Tôi đứng đó thật lâu, lòng đau đớn, sém chút loạng choạng ngã nhào xuống hố, cho đến khi tôi đưa ra quyết định mà biết đâu sau này mình phải hối tiếc.

Tôi giúp cô đứng dậy, choàng tay ôm cô rồi cả hai chúng tôi cùng khóc. Làm sao tôi có thể xô cô ấy xuống hố khi tôi nhận ra mình đã yêu cô ấy còn hơn chính tâm hồn mình?

Tôi van cô ấy tha lỗi cho mình rồi chúng tôi cùng nhau quay đi, tay nắm chặt tay, bước đi xa khỏi hố.

Từ lần chạm trán đó tôi thu nhặt được một sợi xích bạc, một dụng cụ đắt tiền mà hẳn là tôi sẽ phải lao động cực nhọc nhiều tháng liền mới có thể có được. Nhưng thứ tôi đã đánh mất, hay là chưa mất hẳn, thì tôi không dám nghĩ đến.

Sắc đẹp là một điều kinh khủng; nó trói buộc một người đàn ông còn chặt hơn một sợi xích bạc quấn quanh phù thủy.

Tôi không thể tin được những gì mình vừa đọc! Trước kia Thầy Trừ Tà không chỉ một lần nhắc nhở tôi về những người phụ nữ xinh đẹp, nhưng thầy lại phá vỡ quy tắc của chính mình! Meg là một phù thủy, thế mà thầy lại không đẩy mụ ta xuống hố!

Tôi nhanh tay lật coi qua hết phần còn lại của cuốn sổ ghi chép, lòng thầm mong tìm thấy có trang nào đề cập đến mụ ta nữa không, nhưng chẳng có gì – không có gì sắt! Giống như là mụ ta không còn tồn tại nữa.

Tôi hiểu biết khá khá về phù thủy, nhưng trước đây chưa từng nghe đến phù thủy nữ yêu bao giờ, thế nên tôi cất cuốn sổ vào chỗ cũ rồi tìm kiếm từ đây kệ tiếp theo trở xuống, nơi các cuốn sách được sắp xếp theo thứ tự chữ cái. Tôi mở cuốn sách mang nhãn *Phù thủy* ra nhưng trong đấy không đề cập đến mục Meg nào. Tại sao Thầy Trừ Tà không viết gì về mục ta hết vậy? Chuyện gì đã xảy ra cho mục ấy? Mục có còn sống không? Vẫn còn ở đâu đó ngoài kia, quanh quất trong Hạt không nhỉ?

Tôi rất lấy làm tò mò và nảy ra một ý kiến khác; tôi lôi cuốn sách to tướng từ dãy kệ dưới cùng ra. Cuốn này mang tiêu đề *Toàn thư về thú vật* và trong đấy liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái tất tần tật các loài sinh vật, bao gồm cả phù thủy. Cuối cùng tôi cũng tìm ra được mục mình cần: *Phù thủy nữ yêu*.

Dường như phù thủy nữ yêu không phải phù thủy bản địa ở Hạt, mà chúng đến đây từ những vùng đất xa xôi bên kia biển lớn. Chúng tránh xa ánh sáng mặt trời, nhưng vào ban đêm chúng tìm bắt đàn ông làm mồi và uống máu của họ. Chúng là loại biết biến hình và thuộc vào hai loại khác nhau: loại hoang dại và loại thuần dưỡng.

Loại hoang dại là những phù thủy nữ yêu trong trạng thái tự nhiên, rất nguy hiểm và không thể lường trước được, với hình dạng cơ thể rất ít giống con người. Tất cả đều có vảy thay vì da và móng vuốt thay cho móng tay. Một số thì bò trườn trên mặt đất bằng cả hai tay hai chân, trong khi một số khác phần thân trên lại có cánh, lông vũ và có thể bay được một quãng ngắn.

Nhưng một phù thủy nữ yêu hoang dại có thể biến thành loại thuần dưỡng bằng cách kết giao mật thiết với con người. Dần dà sau đấy, loại này sẽ mang vào mình hình dáng của một người phụ nữ và trông rất giống người, ngoại trừ một dải hẹp những vảy màu vàng khè và xanh lục vẫn còn lộ rõ dọc theo sống lưng. Những phù thủy nữ yêu thuần dưỡng thậm chí còn được biết đến là có thể chia sẻ những đức tin của con người. Thông thường thì chúng thôi không còn ác nữa mà trở thành lành, làm những việc vì lợi ích của người khác.

Vậy thì Meg rốt cuộc có trở thành lãnh hay không? Liệu Thầy Trừ Tà có đúng khi đã không chèn mụ ta xuống hố?

Đột nhiên tôi nhận ra đã muộn lắm rồi nên tôi vội vàng chạy ra khỏi thư viện để đến lớp học, trong đầu vẫn còn mòng mòng đủ chuyện. Vài phút sau, thầy trò tôi đi đến mép khu vườn phía tây, đứng dưới những rặng cây nhìn ra toàn cảnh rõ ràng của các rặng núi đá, mặt trời mùa thu đang lặn dần về phía chân trời. Tôi ngồi trên băng ghế như mọi khi, bận rộn với việc ghi chép trong khi Thầy Trừ Tà đi đi lại lại đọc chính tả. Nhưng tôi không tài nào tập trung được.

Chúng tôi bắt đầu bài học tiếng La tinh. Tôi có một cuốn sổ đặc biệt để ghi chép văn phạm và những từ vựng mới mà Thầy Trừ Tà dạy cho. Cuốn sổ đầy đặc các danh sách và gần kín hết chỗ.

Tôi những muốn đối mặt Thầy Trừ Tà mà hỏi cho ra lẽ về những gì mình vừa đọc được, nhưng sao mà làm đây? Bản thân tôi đã vi phạm quy định khi không chỉ đọc những cuốn sách thầy từng chỉ rõ. Đáng lẽ tôi không được phép đọc những cuốn nhật ký của thầy và giờ đây tôi lại ước sao mình đã không làm thế. Nếu tôi đề cập đến điều này với thầy, tôi biết thầy sẽ giận lắm.

Vì những gì mình đã đọc trong thư viện, tôi cảm thấy mỗi lúc một khó mà chú tâm vào lời thầy đang nói. Tôi cũng rất đói nữa và cứ nôn cho đến giờ ăn tối. Thông thường các buổi tối tôi được toàn quyền tự do làm bất cứ chuyện gì mình thích, nhưng hôm nay thầy bắt tôi luyện tập thật vất vả. Tuy vậy, còn chưa tới một tiếng nữa mặt trời đã lặn rồi và phần khó khăn nhất của các bài học đã qua.

Thế rồi tôi nghe thấy một âm thanh khiến ruột gan tôi rên rỉ.

Là tiếng chuông ngân nga. Không phải chuông nhà thờ đâu. Không, đây là tiếng có âm vực cao hơn, lạnh lót hơn của một chiếc chuông bé hơn nhiều – là chiếc chuông mà các khách đến viếng chúng tôi sử dụng. Không ai được phép đi thẳng đến nhà của Thầy Trừ Tà nên người ta phải đi đến ngã tư đường để rung chuông lên cho thầy tôi biết là họ cần giúp đỡ.

“Con ra xem ai đi nào anh bạn,” Thầy Trừ Tà vừa bảo tôi vừa hất đầu về hướng tiếng chuông. Thường thì cả hai thầy trò sẽ cùng ra xem nhưng giờ thầy hầy còn yếu sức sau cơn bệnh lắm.

Tôi chẳng vội vã gì. Khi đã đi khuất khỏi căn nhà và những khu vườn, tôi chậm nhịp lại để bước thong dong. Giờ này quá gần lúc hoàng hôn nên tối nay chẳng kịp làm gì đâu, nhất là khi Thầy Trừ Tà vẫn còn chưa bình phục hẳn, nên dù là việc gì cũng phải đợi đến sáng mai. Tôi sẽ mang câu chuyện rắc rối ấy về và thuật lại chi tiết cho Thầy Trừ Tà trong bữa tối. Tôi càng trở về muộn bao nhiêu thì sẽ đỡ phải ghi chép bấy nhiêu. Cả ngày nay tôi đã học tập quá đủ rồi và cổ tay tôi đang đau nhức.

Được bao phủ bởi những rặng liễu mà trong Hạt này chúng tôi gọi là “cây liễu gai”, ngã tư đường ấy là một nơi u ám ngay cả vào lúc giữa trưa và nơi này luôn làm tôi bồn chồn lo lắng. Vì một lẽ, bạn không bao giờ biết sẽ có ai đang đứng chờ nơi ấy; vì một lẽ khác, họ hầu như lúc nào cũng mang đến tin xấu bởi đó là lý do khiến họ đến. Họ cần sự giúp đỡ của Thầy Trừ Tà.

Lần này là một anh chàng đang đứng ở đấy. Cậu ta mang đôi ủng to lớn của dân thợ mỏ còn các móng tay thì cẩu bẩn. Cậu ta trông còn lo lắng hơn tôi cảm thấy, nhanh miệng liền thoảng thuật lại câu chuyện nhanh đến mức tai tôi nghe theo còn không kịp và tôi phải bảo cậu ta lặp lại. Khi cậu ta rời đi, tôi quay bước trở lại nhà.

Tôi không còn thong dong rảo bước nữa, mà tôi co giò chạy.

Thầy Trừ Tà đang đứng cạnh băng ghế, đầu cúi gằm. Khi tôi tiến đến, thầy nhìn lên và gương mặt thầy dường như u sầu. Không biết sao tôi đoán rằng thầy đã biết tôi sắp nói ra chuyện gì, nhưng chẳng lẽ nào tôi cũng phải nói.

“Tin xấu từ Horshaw ạ,” tôi vừa nói vừa hỗn hển lấy hơi. “Con rất tiếc nhưng đây là về anh trai của thầy. Thầy thuốc không cứu được ông ấy. Ông ấy đã qua đời sáng hôm qua, ngay trước lúc bình minh. Tang lễ là vào sáng thứ Sáu ạ.”

Thầy Trừ Tà thở hắt một hơi dài và chẳng nói chẳng rằng trong vài phút. Tôi không biết phải nói gì nên đành im lặng. Thật khó mà đoán ra thầy đang

cảm thấy thế nào. Vì hai người họ chẳng nói chuyện với nhau trong cả bốn mươi năm nên họ không thể nào thân thiết đến thế, nhưng cha xứ vẫn là anh trai của thầy và hẳn thầy vẫn phải có đôi ba ký ức vui vẻ về ông ta – có lẽ là trước khi họ lờn qua tiếng lại với nhau hay là khi họ còn thơ ấu.

Rốt cuộc Thầy Trừ Tà lại thở dài rồi cất tiếng.

“Thôi đi nào anh bạn,” thầy bảo. “Ta dùng bữa tối sớm luôn cho rồi.”

Chúng tôi dùng bữa trong im lặng. Thầy Trừ Tà khơi khơi thức ăn làm tôi thắc mắc liệu có phải đây là vì tin tức không vui về anh trai của thầy hay là vì thầy vẫn chưa ăn được ngon miệng trở lại từ lúc bị ốm. Thường thì thầy cũng nói đôi ba lời gì đó, ngay cả chỉ để hỏi tôi bữa ăn như thế nào. Đây dường như là một thông lệ vì chúng tôi cứ phải ca ngợi ông kẹ Thầy Trừ Tà nuôi trong nhà, là ông kẹ đã chuẩn bị các bữa ăn, nếu không nó sẽ hờn dỗi ngay. Những lời ca ngợi trong bữa tối là rất quan trọng, bằng không vào sáng hôm sau thịt muối sẽ cháy khét cho xem.

“Món thịt hầm khoai tây thật ngon ạ,” mãi sau tôi lên tiếng. “Con không nhớ lần cuối cùng mình được ăn món thịt hầm ngon dường này là khi nào.”

Ông kẹ đa phần là vô hình nhưng nhiều khi nó cũng đội lốt một con mèo hung to tướng; và nếu rất hài lòng, nó sẽ cọ nhẹ vào chân tôi dưới gầm bàn bếp. Lần này thì thậm chí còn không giống như một tiếng gừ thật khẽ. Hoặc là tôi nghe không được thuyết phục cho lắm hoặc nó đang giữ im lặng vì tin xấu.

Thình lình Thầy Trừ Tà đẩy đĩa ra và đưa tay trái lên gãi râu. “Chúng ta sẽ đi đến Priestown,” thầy bất chợt thốt lên. “Tinh mơ ngày mai ta sẽ khởi hành.”

Priestown ư? Tôi không thể tin được những gì mình vừa nghe thấy. Thầy Trừ Tà luôn tránh xa nơi ấy như tránh ổ dịch hạch cơ mà, và có lần thầy từng nói với tôi là thầy sẽ không bao giờ đặt chân vào vùng đấy. Thầy không nói rõ lý do và tôi cũng chưa khi nào hỏi, bởi bạn luôn luôn nhận biết khi nào thì thầy không muốn giải thích chuyện gì đó. Nhưng trước đây, khi chúng tôi đi đến sát vùng duyên hải và cần phải băng qua sông Ribble thì

nổi căm ghét thị trấn này của Thầy Trừ Tà đã trở thành một điều thực sự khó chịu. Thay vì đi qua cây cầu tại Priestown, chúng tôi phải đi vào đất liền hàng dặm dài đến cây cầu tiếp theo để tránh xa thị trấn ấy.

“Tại sao vậy ạ?” tôi hỏi, giọng tôi chỉ hơn tiếng thì thào chút xíu, lòng tự hỏi liệu những gì mình nói có làm thầy nổi cáu hay không. “Con nghĩ có lẽ chúng ta sẽ đi đến Horshaw chứ ạ, để dự tang lễ ấy.”

“Chúng ta sẽ đến dự tang lễ đấy anh bạn,” Thầy Trừ Tà đáp, giọng thầy thật bình tĩnh và kiên nhẫn. “Ông anh trai ngớ ngẩn của ta chỉ làm việc tại Horshaw thôi, nhưng ông ta là cha xứ: nếu một cha xứ trong Hạt mất đi, người ta sẽ đem xác ông ta về lại Priestown để tổ chức tang lễ trong thánh đường ở đấy rồi mới cho hài cốt ông ta an nghỉ trong sân nhà thờ.”

“Vậy là chúng ta sẽ đến đó để bày tỏ nghĩa tử. Nhưng đấy không phải là lý do duy nhất. Ta còn có chút chuyện dang dở ở cái thị trấn đáng nguyên rủa đó. Lấy sổ ghi chép của con ra nào, anh bạn. Lật sang trang trống mà viết tiêu đề này vào nào...”

Tôi còn chưa ăn xong món thịt hầm của mình nhưng tôi vẫn làm ngay theo lời thầy. Khi thầy bảo “chút chuyện dang dở”, tôi hiểu ngay đấy là công việc của người trừ tà, nên tôi lấy lọ mực từ túi ra đặt xuống bàn, ngay cạnh đĩa thức ăn của mình.

Nhiều chuyện nảy ra trong đầu tôi. “Thầy muốn nói đến ông kẹ xé xác mà con đã chèn ấy ạ? Thầy nghĩ là nó trốn thoát rồi sao? Lúc ấy không có đủ thời gian để đào cho được hai mét bảy. Thầy nghĩ là nó trốn sang Priestown ạ?”

“Không phải đâu anh bạn, con làm rất tốt. Ở nơi đấy còn có thứ xấu xa hơn thế nhiều. Thị trấn ấy bị nguyên rủa! Bị nguyên rủa bởi thứ mà lần cuối cùng ta đối mặt với nó là hai mươi năm trước. Khi đấy hấn mạnh hơn ta và làm ta phải nằm liệt giường trong sáu tháng. Thật ra là ta sém mất mạng ấy chứ. Kể từ đấy ta chưa khi nào quay lại Priestown, nhưng vì chúng ta cần phải đến nơi ấy nên ta xử lý chút chuyện dang dở luôn cho rồi. Không, đâu phải chỉ đơn thuần là loại kẹ xé xác nào đó đang hoành hành tại thị trấn ấy.

Đây là một linh hồn độc ác cổ xưa được gọi là ‘Quỷ Độc’ và là thứ độc nhất vô nhị. Sinh vật này mỗi lúc mỗi thêm lớn mạnh nên phải có gì đó cần được thực thi và ta không thể nào tránh né mãi được.”

Tôi viết lên tiêu đề “Quỷ Độc” lên đầu trang mới nhưng rồi, thật thất vọng làm sao, bỗng nhiên Thầy Trừ Tà lắc đầu rồi tiếp theo sau đấy lại ngáp rở to.

“Mà thôi nhắc đến chuyện này, để mai hẵng nói đến cũng được, anh bạn à. Con ăn nốt bữa tối đi. Sáng mai chúng ta sẽ khởi hành sớm nên tốt nhất là chúng ta nên đi ngủ.”

Chương 3

QUỶ ĐỘC

Chúng tôi khởi hành ngay sau khi trời sáng, như thường lệ tôi vẫn là người vác chiếc túi nặng trĩu của Thầy Trừ Tà. Nhưng trong vòng một tiếng đồng hồ, tôi ngộ ra rằng chuyến đi này phải mất ít nhất là hai ngày. Bình thường Thầy Trừ Tà sải bước nhanh chóng mặt, làm tôi phải chật vật lắm mới theo kịp, nhưng giờ đây thầy vẫn còn yếu sức, cứ hụt hơi mãi và phải dừng lại để nghỉ.

Hôm ấy là một ngày nắng đẹp chỉ thoáng phảng phất chút khí lạnh mùa thu. Bầu trời trong xanh cùng chim chóc hót vang lừng nhưng tôi chẳng thiết tha gì. Tôi chỉ không thể thôi không nghĩ về tên Quỷ Độc.

Điều khiến tôi lo lắng là việc Thầy Trừ Tà từng suýt bị giết khi đang cố chèn hăn. Giờ đây thầy còn già hơn, và nếu thầy không chóng khôi phục sức mạnh, thì làm thế nào thầy có thể hy vọng đánh thắng được hăn chứ?

Vậy là vào giữa trưa, khi thầy trò chúng tôi dừng chân nghỉ ngơi khá lâu, tôi quyết định hỏi thầy về sinh vật ghê gớm này. Tôi không hỏi thầy ngay được, bởi vì, khi chúng tôi cùng ngồi xuống một thân cây đã đổ, tôi ngỡ ngàng khi thấy thầy lấy từ túi mình ra một ổ bánh mì và khoanh giăm bông thật to rồi cắt cho mỗi người mỗi thứ một lát kha khá. Thông thường, khi đang trên đường làm việc, chúng tôi chỉ được lót dạ bằng chút phô mai bé tẻo teo vì ta phải nhịn đói trước khi đối mặt với thể lực bóng tối.

Tuy nhiên, tôi đang đói mà, nên tôi chẳng phàn nàn gì. Tôi đoán là chúng tôi sẽ có thời gian để nhịn ăn một khi tang lễ kết thúc, với lại Thầy Trừ Tà cần thức ăn để khôi phục lại sức mạnh.

Cuối cùng, khi đã ăn xong, tôi hít một hơi thật sâu, lôi sổ ghi chép ra và rồi cuộc cũng hỏi thầy về Quỷ Độc. Thật ngạc nhiên làm sao khi thầy bảo tôi dẹp cuốn sổ qua một bên.

“Sau này con hãy ghi chép lại cũng được, khi chúng ta trên đường đi về ấy,” thầy bảo. “Hơn nữa, chính ta vẫn còn phải học hỏi nhiều thứ về Quỷ Độc nên sẽ rất mất công nếu con viết lại thứ mà biết đâu sau này con cần phải thay đổi.”

Chắc là nghe đến đây mồm tôi cứ há hốc cả ra. Ý tôi là, lâu nay tôi luôn nghĩ Thầy Trừ Tà đã biết gần hết mọi điều cần biết về thế lực bóng tối rồi cơ mà.

“Này anh bạn, đừng trông ngạc nhiên thế chứ,” thầy nói. “Con cũng biết rồi đấy thôi, ta vẫn còn giữ một cuốn sổ ghi chép cho chính ta, và con cũng sẽ phải thế, nếu con sống đến tầm tuổi ta đây này. Trong công việc này chúng ta không bao giờ ngừng học hỏi, và bước đầu tiên để tiến đến tri thức là phải biết chấp nhận sự thiếu hiểu biết của mình.

“Như trước đây ta đã kể, Quỷ Độc là một linh hồn cổ xưa, độc ác mà từ bấy đến nay luôn chiến thắng ta, ta cũng hổ thẹn khi phải thừa nhận như thế lắm. Nhưng hy vọng lần này thì không như vậy. Vấn đề đầu tiên của chúng ta sẽ là đi tìm ra hắc,” Thầy Trừ Tà nói tiếp. “Hắc sống trong những hầm mộ bên dưới nhà thờ lớn ở Priestown – dưới ấy có những đường hầm dài cả bao nhiêu là dặm.”

“Hầm mộ để làm gì vậy ạ?” tôi hỏi, lòng thắc mắc không biết ai lại cho đào nhiều đường hầm đến thế.

“Chúng là tập hợp những ngăn chứa xác đơn lẻ ấy mà, những hốc chôn cất kín dưới lòng đất chứa đựng hài cốt từ ngàn xưa. Những đường hầm ấy đã có từ lâu đời, trước khi nhà thờ lớn được xây nên. Khi những cha xứ đầu tiên từ phương Tây đến đây bằng thuyền thì ngọn đồi đó đã là vùng đất thánh rồi.”

“Vậy ai là người xây nên các hầm mộ thế ạ?”

“Dựa trên tầm vóc, vài người gọi những kẻ xây nên hầm mộ là ‘Người Lùn’, nhưng tên chính xác của họ là người lùn bộ lạc Segantii; mà thực sự thì chẳng ai biết gì nhiều về những người lùn này trừ việc Quỷ Độc có thời từng là thần linh của họ.”

“Quý Độc là thần linh ư?”

“Ồi dào, kẻ ấy luôn quyền uy thâm hậu, và những Người Lùn đầu tiên công nhận sức mạnh của hắn rồi thờ phụng hắn. Ta nghĩ tên Quý Độc này chắc là muốn làm thần linh trở lại đây. Con biết đấy, trước đây hắn từng tự do lang thang khắp Hạng. Qua bao nhiêu thế kỷ, hắn dần dà trở nên đốn mạt, độc ác và hắn khủng bố những Người Lùn suốt ngày đêm, xui khiến anh em trở mặt với nhau, phá hoại mùa màng, phóng hỏa đốt nhà, tàn sát người vô tội. Hắn muốn trông thấy người ta sống trong nơm nớp lo sợ và nghèo đói, bị khốn đốn bần dập cho đến khi cuộc đời dường như chẳng đáng để sống nữa. Đây là những năm tháng kinh hoàng, tăm tối của bộ lạc Segantii.

“Nhưng Quý Độc không chỉ gieo rắc khốn cùng lên đầu những người nghèo. Vua trị vì của bộ lạc Segantii là một người tốt bụng tên Heys. Ông ta đã đả bại mọi quân thù trong chiến trận và cố gắng giúp thần dân mình trở nên hùng mạnh và sung túc. Nhưng có một kẻ thù duy nhất họ không thể đánh thắng được: là Quý Độc. Bỗng nhiên hắn cho đòi vua Heys phải cống nạp hàng năm. Ông vua tội nghiệp phải hy sinh cả bảy con trai của mình, bắt đầu từ người con cả. Mỗi năm một người con cho đến khi chẳng còn người nào sống sót. Không người cha nào có thể chịu đựng được nỗi đau này. Nhưng không biết bằng cách nào đó mà Naze, người con trai út, đã chèn được Quý Độc vào hầm mộ. Ta không biết ông ấy đã làm thế nào – có lẽ nếu biết được thì ta đã dễ dàng đánh thắng cái thứ ấy hơn rồi. Ta chỉ biết là đường đi của hắn đã bị chặn lại bằng một cánh cổng bạc khóa chặt: giống như rất nhiều sinh vật của thế lực bóng tối, tên Quý Độc này cũng phải khuất phục trước bạc.”

“Và thế là bấy lâu nay hắn vẫn bị mắc kẹt dưới ấy chứ ạ?”

“Phải đấy, anh bạn. Hắn bị chèn dưới đấy cho đến khi có kẻ nào mở cổng phóng thích hắn. Đây là việc mà mọi cha xứ đều biết rõ. Đồng thời là kiến thức được truyền từ đời này sang đời khác.”

“Nhưng liệu còn có cách nào thoát ra không vậy thầy? Làm sao Cổng Bạc có thể giam mãi hắn trong ấy?” tôi hỏi.

“Ta không biết, anh bạn à. Ta chỉ biết là Quỷ Độc đang bị chèn trong khu hầm mộ, và hẳn chỉ có thể thoát ra ngoài qua cánh cửa ấy mà thôi.”

Tôi muốn hỏi là nếu ta bỏ mặc hẳn đấy khi hẳn đã bị chèn và không có cách nào thoát ra được thì có gì sai đâu cơ chứ, nhưng thầy đã cất tiếng trả lời trước khi tôi kịp mở miệng. Đến lúc này Thầy Trừ Tà đi guốc trong bụng tôi rồi và thầy rất giỏi đoán ra những gì tôi đang nghĩ.

“Ta không thể để mặc cho mọi chuyện như nó vẫn thế đâu, ta e là vậy. Con thấy đấy, bây giờ hẳn lại trở nên mạnh hơn. Không phải lúc nào hẳn cũng là một linh hồn. Chuyện ấy chỉ xảy ra sau khi hẳn bị chèn. Còn trước đó, khi đương lúc vô cùng sung mãn, hẳn cũng có thân xác hình hài đấy.”

“Hẳn trông như thế nào vậy thầy?” tôi lại hỏi.

“Ngày mai rồi con sẽ biết thôi. Trước khi bước vào thánh đường dự tang lễ, con hãy nhìn lên tảng đá được khắc ngay bên trên lối vào cửa chính. Hình khắc ấy là hình đại diện gần chuẩn xác nhất của hẳn mà con có thể trông thấy.”

“Vậy thầy đã bao giờ nhìn thấy hình hài hẳn chưa?”

“Làm sao nhìn được. Hai mươi năm trước, khi lần đầu tiên ta thử tiêu diệt Quỷ Độc thì hẳn hãy còn là một linh hồn. Nhưng người ta đồn rằng sức mạnh của hẳn đã tăng lên đến mức giờ đây hẳn đang trong lột của những sinh vật khác.”

“Là sao hả thầy?”

“Nghĩa là hẳn bắt đầu biến hình và chẳng bao lâu nữa sẽ đủ pháp lực để trở lại hình dạng ban đầu của mình. Đến khi ấy, hẳn sẽ có thể sai khiến hầu hết bất cứ ai thực hiện những gì hẳn muốn. Và mỗi nguy thực sự là hẳn có thể buộc được ai đó tháo khóa Cổng Bạc. Đây là điều đáng lo ngại hơn cả!”

“Nhưng hẳn thu hồi sức mạnh từ đâu vậy chứ?” Tôi tò mò muốn biết.

“Chủ yếu là từ máu.”

“Máu ư?”

“Oài. Máu súc vật – và cả máu người. Hắn luôn khát máu kinh khủng. Nhưng may là, không giống như kẹ xé xác, hắn không thể lấy được máu người trừ khi máu chảy được tự nguyện dâng hiến...”

“Tại sao có người lại muốn *cho* hắn máu cơ chứ?” Tôi sững sờ khi nghĩ đến đây.

“Bởi vì hắn có thể chui vào trí óc người ta. Hắn cám dỗ họ bằng tiền bạc, địa vị hay thế lực – thứ nào cũng có. Nếu không có được thứ mình muốn chỉ bằng thuyết phục thì hắn sẽ khủng bố nạn nhân của mình. Đôi khi hắn dụ dỗ họ đi xuống hầm mộ và đe dọa họ bằng thứ mà ta gọi là ‘chết’.”

“Chết ư?” tôi hỏi.

“Phải đấy, anh bạn. Hắn có thể khiến mình trở nên nặng kinh khiếp và người ta tìm thấy một vài nạn nhân của hắn bị ép dẹp lép, xương cốt nát hết cả còn xác bẹp dúm dính xuống đất – phải cạy họ lên mới đem đi chôn được. Những người đó đã bị ‘chết’ và đây không phải là cảnh tượng dễ nhìn gì. Quỷ Độc không thể tước đoạt được máu của ta nếu ta không muốn, nhưng con nên nhớ là chúng ta vẫn phải chịu thua trò chết.”

“Con không hiểu vì sao hắn có thể làm được những trò này trong khi vẫn còn bị kẹt trong hầm mộ kia chứ,” tôi thắc mắc.

“Hắn có khả năng đọc được suy nghĩ, hình thành các giấc mơ, làm suy yếu và băng hoại đầu óc của những người sống trên mặt đất. Đôi khi hắn còn có thể nhìn thấy mọi vật qua mắt người ta. Những ảnh hưởng của hắn còn nói rộng lên trên, cả trong nhà thờ lớn và khu nhà dòng, và hắn khủng bố cả những cha xứ. Biết bao nhiêu năm nay hắn đã gieo rắc điều ác độc này khắp Priestown theo cách ấy.”

“Gieo rắc vào cả những cha xứ ư?”

“Đúng vậy – nhất là những cha có ý chí yếu kém. Bất cứ khi nào có thể là hắn lại khiến những cha xứ ấy truyền bá những trò tà ma hiểm độc của hắn. Anh trai Andrew của ta là một thợ sửa khóa ở Priestown, và đã không dưới một lần ông ấy gửi lời cảnh báo cho ta biết về những gì đang xảy ra. Quỷ Độc đang hút kiệt tinh thần và ý chí của người khác. Hắn khiến cho họ làm

những gì hắn muốn, làm câm bặt tiếng nói của những điều đúng đắn và tốt đẹp: họ trở nên tham lam tàn nhẫn, lạm dụng quyền hành, cướp bóc cả những người nghèo khó và bệnh tật. Ở Priestown hiện giờ, thuế thập phân bị thu một năm hai lần.”

Tôi biết thuế thập phân là gì. Là một phần mười thu nhập của toàn nông trại chúng tôi trong một năm và chúng tôi phải nộp từng ấy cho nhà thờ địa phương như một loại thuế. Đây là luật.

“Mỗi năm nộp một lần đã là tẻ lắm rồi,” Thầy Trừ Tà nói tiếp, “đằng này đến những hai lần khiến cho việc sống còn mới khó khăn làm sao. Một lần nữa, Quý Độc đang vui đập người ta vào sợ hãi và đói nghèo, giống như hắn đã từng làm với người Segantii. Hắn là một trong những sự hiện hình nguyên thủy và độc địa nhất của thế lực bóng tối mà ta từng thấy qua. Nhưng tình hình này không thể tiếp tục hơn lâu thêm nữa đâu. Ta phải đặt dấu chấm hết cho nó trước khi quá muộn.”

“Nhưng chúng ta sẽ làm thế nào, thưa thầy?”

“À, giờ thì ta chưa chắc là mình sẽ làm thế nào. Quý Độc là một kẻ thù nguy hiểm, lại thông minh; biết đâu hắn có thể đọc được suy nghĩ của chúng ta và biết chúng ta đang nghĩ gì trước cả khi ta kịp ý thức.

“Ngoài bạc ra, hắn cũng có một điểm yếu quan trọng khác nữa. Phụ nữ khiến hắn bồn chồn và hắn luôn cố tránh phải ở chung với họ. Hắn không thể chịu nổi việc ở gần phụ nữ. Hừ, chuyện này thì ta có thể dễ dàng hiểu được, nhưng làm cách nào để sử dụng nó như một lợi thế cho chúng ta thì vẫn còn là điều phải suy nghĩ thêm.”

Trước đây Thầy Trừ Tà hay bảo tôi phải cảnh giác với đám con gái, và vì lý do gì đó, đặc biệt là những cô mang giày mũi nhọn. Vậy nên tôi đã nhàm tai khi nghe thầy nói những điều ấy rồi. Nhưng một khi đã biết chuyện về thầy và mẹ Meg, tôi thắc mắc liệu mẹ ấy có can dự phần nào đến việc khiến thầy hay phải nói năng như thế hay không.

Mà thôi, chắc hẳn thầy của tôi đã khiến tôi phải suy nghĩ rất nhiều. Và tôi không cách nào không băn khoăn về mấy cái nhà thờ ở Priestown ấy, về các

cha xứ và giáo đoàn, tất cả những người tin vào Đức Chúa Trời. Liệu tất cả bọn họ có sai hết rồi không? Nếu Đức Chúa Cha của họ có uy lực đến thế thì tại sao Ngài lại không làm gì đó với tên Quỷ Độc đi? Tại sao Ngài lại để cho hắn làm bằng hoại các cha và gieo rắc điều ác lên toàn trần? Bố tôi là người có đức tin, cho dù ông không bao giờ đến nhà thờ. Mà trong gia đình tôi không ai đi lễ nhà thờ cả vì công việc đồng áng cả Chủ nhật cũng không ngưng lại, và chúng tôi luôn phải bận bịu với việc vắt sữa hay những việc khác. Nhưng thốt nhiên chuyện này lại khiến tôi băn khoăn là Thầy Trừ Tà thì tin vào điều gì, nhất là khi tôi được nghe những gì mẹ kể – rằng bản thân Thầy Trừ Tà trước đây từng là một cha xứ.

“Thầy có tin vào Chúa Trời không ạ?” tôi hỏi.

“Ta từng tin,” Thầy Trừ Tà đáp với vẻ trầm ngâm. “Khi còn bé, ta chẳng bao giờ nghi ngờ gì đến sự tồn tại của Đức Chúa Trời, nhưng dần dà rồi ta thay đổi. Con thấy đấy, anh bạn, khi con đã sống thật lâu như ta, sẽ có những điều khiến con băn khoăn. Vậy nên giờ đây ta không còn tin nữa nhưng ta vẫn suy nghĩ cời mở.

“Nhưng để ta bảo con hay,” thầy nói tiếp. “Có hai hay ba lần trong đời ta đã ở trong những tình huống tồi tệ đến nỗi ta không bao giờ mong là mình có thể thoát ra được. Ta đã đối mặt với thế lực bóng tối và gần như là, tuy không hẳn thế, chấp nhận là mình sẽ chết. Và rồi, khi mọi chuyện dường như đã vượt đi mất, ta lại được tràn đầy sức mạnh mới. Sức mạnh ấy đến từ đâu, ta chỉ có thể đoán nhưng không hề biết chắc được. Nhưng với sức mạnh ấy thì ta lại có thêm cảm nhận mới. Rằng có ai đó hay điều gì đó đang sát cánh bên ta. Rằng ta không còn đơn độc nữa.”

Thầy Trừ Tà ngưng lại và thở dài rõ sâu. “Ta không tin vào Đức Chúa Trời mà người ta hay rao giảng trong nhà thờ,” thầy bảo. “Ta không tin vào một ông già mang chòm râu trắng. Nhưng vẫn có một điều gì đó luôn dõi theo những gì chúng ta làm, và nếu con sống đúng đắn, thì trong những thời khắc khi con cần giúp đỡ, điều ấy sẽ kề vai sát cánh cùng con và truyền cho con sức mạnh của mình. Đấy là điều ta tin. À mà thôi chứ anh bạn. Chúng ta đã la cà phí thời gian ở đây đủ rồi đấy, tốt nhất là lên đường thôi nào.”

Tôi cầm túi của thầy lên và đi theo thầy. Chẳng bao lâu sau, chúng tôi rời khỏi đường lộ theo đường tắt băng qua khu rừng rồi một đồng cỏ bao la. Chuyển đi thật dễ chịu làm sao nhưng chúng tôi phải dừng bước rất lâu trước khi mặt trời lặn. Thầy Trừ Tà đã kiệt sức quá đỗi và lẽ ra nên phải ở lại Chipenden mà hồi sức dưỡng bệnh thì hơn.

Tôi mang trong mình linh cảm rất tồi tệ về những gì sẽ xảy ra, một trực giác rõ rệt về sự nguy hiểm.

Chương 4

THỊ TRẤN PRIESTOWN

Thị trấn Priestown được xây dựng dọc hai bờ con sông Ribble, là thị trấn lớn nhất mà tôi từng ghé qua. Khi thầy trò chúng tôi đi xuống đồi, dòng sông trông như một con rắn khổng lồ lấp lánh sắc cam dưới ráng chiều hoàng hôn.

Đây là thị trấn đầy những nhà thờ, với những chóp tháp cao thấp nhon vươn lên bên trên các dãy nhà phố nhỏ bé liền kề san sát. Ngay trên đỉnh ngọn đồi, gần với trung tâm thị trấn, là nhà thờ lớn. Cả ba nhà thờ lớn nhất tôi từng thấy từ trước đến nay có thể dễ dàng nhét được vào trong thánh đường này. Và gác chuông của thánh đường ấy lại hoàn toàn khác biệt. Tháp chuông được xây từ đá vôi, có màu hơi trắng trắng và cao đến nỗi tôi nghĩ rằng vào những ngày mưa thì cây thập tự trên đỉnh tháp sẽ bị mây che phủ đi mất.

“Đây có phải là chiếc tháp chuông lớn nhất thế giới không vậy thầy?” tôi hào hứng chỉ tay lên ấy và hỏi.

“Không đâu anh bạn,” Thầy Trừ Tà đáp với nụ cười rạng rỡ hiếm hoi lắm mới thấy. “Nhưng đây là tháp chuông lớn nhất trong toàn Hạt, cũng nên như thế thôi vì đây là thị trấn nổi tiếng có nhiều cha xứ. Ta chỉ ước giá như có ít cha xứ hơn một chút nhưng chúng ta đành phải liều thôi.”

Đột nhiên nụ cười trên gương mặt thầy nhạt đi. “Mới nhắc là đã xuất hiện rồi!” thầy nghiêng chặt răng thốt lên, rồi kéo tôi vào quăng hở giữa hàng giậu ngăn cách với cánh đồng sát cạnh. Nép vào đấy, thầy đặt ngón tay trở lên môi ra hiệu im lặng và bắt tôi khom người xuống cùng thầy, trong khi tôi dòng tai nghe tiếng những bước chân đang tiến đến gần.

Đây là một bờ rào cây táo gai cao, dày với cành lá um tùm chưa rụng bớt bao nhiêu, nhưng xuyên qua đấy tôi vẫn có thể nhìn ra một chiếc áo thụng đen bên trên đôi ủng. Là một cha xứ!

Chúng tôi ẩn mình nơi đây thêm một đôi lâu sau, dù cho tiếng bước chân đã xa dần xa dần rồi im hẳn. Chỉ đến khi ấy Thầy Trừ Tà mới dẫn đường cho hai thầy trò quay trở ra lối đi. Tôi thật không hiểu nổi trò lén lút lút lút này là thế nào. Chúng tôi đã đi qua rất nhiều cha xứ trong biết bao cuộc hành trình. Quả thật bọn họ chẳng khi nào tỏ ra quá thân thiện nhưng từ bấy đến nay chúng tôi chưa bao giờ phải trốn đi cả.

“Chúng ta phải đề cao cảnh giác nhé anh bạn,” Thầy Trừ Tà giảng giải. “đám cha xứ lúc nào cũng lắm chuyện nhưng trong thị trấn này thì bọn họ là hiện thân cho mối nguy có thật đấy. Con biết đấy, giám mục của Priestown là chú ruột của tay Đại Phán Quan. Chắc chắn là con đã nghe đến người này.”

Tôi gật đầu. “Ông ta sẵn lòng phù thủy phải không ạ?”

“Ừ đúng, đúng là hẳn ta làm việc này. Khi bắt được người nào mà hẳn ta cho là một mục hay lão phù thủy, hẳn ta sẽ đội mũ choàng đen vào để trở thành quan tòa trong phiên xử – loại phiên xử thường kết thúc rất chóng vánh. Ngày hôm sau hẳn sẽ đội mũ choàng khác. Hẳn biến thành kẻ hành quyết và tổ chức nhóm lửa thiêu sống. Hẳn nổi tiếng làm việc này rất thạo và thường bao giờ cũng có một đám đông lớn bu lại để xem. Người ta bảo hẳn thường cẩn thận chọn vị trí chiếc cọc sao cho kẻ khốn khổ kia phải mất rất lâu mới chết được. Sự đau đớn ấy được cho là để khiến một phù thủy thấy hối hận những việc mục đã làm, thế là mục phải khẩn nài Chúa Trời xin được tha thứ, và khi mục chết, linh hồn mục ta sẽ được cứu rỗi. Nhưng đấy chỉ là cái cớ mà thôi. Tên Phán Quan thiếu những kiến thức của kẻ trừ tà và sẽ không biết được liệu một mục phù thủy thực thụ có từ dưới mồ với tay lên để tóm lấy cổ chân hẳn hay không! Không, hẳn ta chỉ là một kẻ tàn bạo thích gây ra đau khổ. Hẳn rất thích công việc của mình và ngày càng trở nên giàu có nhờ những đồng tiền kiếm được do bán đi của cải nhà cửa của những người bị hẳn buộc tội.

“Ấy dà, thế mới nhắc ta đề cập đến rắc rối cho thầy trò mình. Thế này, tên Phán Quan xem người trừ tà cũng là phù thủy nốt. Giáo hội không thích bất cứ ai dây dưa với thế lực bóng tối, dù những người đó chiến đấu chống lại

thế lực ấy thì cũng thế mà thôi. Giáo hội nghĩ chỉ có các cha xứ mới được phép làm chuyện này. Tên Phán Quan có quyền bắt bớ, cùng với quân lính có vũ trang của giáo hội làm theo chỉ thị của hắn – nhưng này anh bạn, phần khởi lên đi, vì đây chỉ là tin xấu thôi mà.

“Tin tốt lành là tên Phán Quan cư ngụ tại một thành phố lớn ở tận phía Nam, cách rất xa biên giới của Hạp, và hiếm khi hắn lại ngược lên phương Bắc. Vì thế nếu chúng ta có bị phát hiện và hắn ta có được triệu đến, thì cũng phải mất hơn một tuần hắn mới đến được đây, thậm chí có đi bằng ngựa cũng thế. Với lại việc ta đến đây hắn cũng đã là điều ngạc nhiên. Không ai lại nghĩ ta sẽ đến dự tang lễ của người anh mà ta đã không thèm nói chuyện suốt bốn mươi năm cả.”

Nhưng lời của thầy chẳng an ủi được gì mấy. Khi chúng tôi di chuyển xuống đồi, tôi rùng mình về những lời thầy nói. Dường như việc đi vào thị trấn là đầy rủi ro. Với nào là áo choàng và trượng, thầy là người trừ tà không lẫn vào đâu được. Tôi vừa định mở miệng nói thế thì thầy đã ra hiệu chỉ sang bên trái bằng ngón cái để chúng tôi rời khỏi đường lộ đi vào một khu rừng nhỏ. Đi được thêm chừng ba mươi bước nữa, thầy tôi dừng lại.

“Đúng đấy anh bạn,” thầy bảo. “Cởi áo choàng của con ra đưa cho ta nào.”

Tôi không cãi lại; từ giọng thầy, tôi nghe ra là thầy nghiêm túc chứ chẳng chơi, nhưng đúng là tôi có thắc mắc không biết thầy định làm gì. Thầy cởi áo choàng có đính kèm mũ trùm của mình ra và đặt thanh trượng xuống đất.

“Được rồi. Giờ đi tìm cho ta vài nhánh cây với cành con đi nào. Mà này, đừng có nặng quá đấy.”

Vài phút sau khi đã hoàn thành việc thầy yêu cầu, tôi ngồi quan sát thầy đặt thanh trượng dọc theo những cành cây rồi bó hết lại trong hai chiếc áo choàng của hai thầy trò. Tất nhiên, đến lúc đấy thì tôi đã đoán ra là thầy định làm gì rồi. Những cành cây thò ra từ hai đầu bó gậy trông thật giống như chúng tôi vừa ra ngoài nhặt củi. Làm vậy để ngụ ý trang thôi mà.

“Gần nhà thờ lớn có khá nhiều nhà trọ nho nhỏ,” thầy vừa bảo vừa quăng cho tôi một đồng tiền bạc. “Sẽ an toàn cho con hơn nếu chúng ta không ở cùng một nhà trọ, bởi nếu người ta đến bắt thầy, họ sẽ bắt nốt cả con. Anh bạn này, tốt nhất là con cũng không nên biết ta ở đâu. Tên Phán Quan sử dụng nhục hình đấy. Bắt được một trong hai ta rồi hẳn sẽ chóng tìm ra người kia thôi. Ta sẽ khởi hành trước. Chờ ta trong mười phút, rồi hãy đi theo ta.

“Con hãy chọn bất cứ nhà trọ nào mà tên của nó chẳng dính líu gì đến nhà thờ ấy, để chúng ta không phải tình cờ ở chung một chỗ. Cũng đừng ăn tối gì hết nhé vì ngày mai chúng ta phải làm việc. Tang lễ sẽ tiến hành vào lúc chín giờ sáng nhưng con hãy cố đến sớm để ngồi gần phía cuối của nhà thờ lớn; nếu khi ấy ta đã có mặt ở đấy rồi, con hãy giữ khoảng cách với ta.”

“Làm việc” có nghĩa là việc của người trừ tà và tôi băn khoăn không biết liệu chúng tôi có phải đi xuống khu hầm mộ để đối mặt với Quỷ Độc không nữa. Tôi chẳng thích cái ý tưởng ấy một chút xíu xiu nào.

“Ồ, còn một điều nữa này,” Thầy Trừ Tà vừa chồm quay đi lại vội nói thêm. “Con sẽ trông chừng túi của ta nhé, vậy con phải nhớ điều gì khi mang túi vào nơi như là Priestown này nào?”

“Xách túi bên tay phải ạ,” tôi đáp.

Thầy gật đầu đồng tình, đoạn vác bó củi lên vai phải và bỏ lại tôi đứng chờ trong khu rừng.

Cả hai chúng tôi đều thuận tay trái, là một điều mà các cha xứ không thuận lòng. Những người thuận tay trái là những người mà họ gọi là “nham hiểm”, những kẻ dễ bị Ác quỷ cám dỗ nhất hay thậm chí là còn vào bè vào đảng với hẳn.

Tôi để cho thầy đi khỏi được mười phút hay lâu hơn một chút, chỉ để bảo đảm là có đủ khoảng cách giữa hai chúng tôi, và rồi, mang theo chiếc túi nặng trĩu của thầy, tôi bước xuống đồi, thẳng tiến về hướng gác chuông. Khi đã vào đến trong trấn, tôi lại phải leo ngược dốc về phía nhà thờ lớn, và lúc đã đến được gần, tôi bắt đầu cuộc tìm kiếm nhà trọ.

Đúng thật là có rất nhiều nhà trọ; hầu như mọi nẻo đường lát đá cuội đều có một nhà trọ, nhưng vấn đề lại là tất cả các nhà trọ ấy đều không kiểu này thì kiểu khác dính líu đến nhà thờ. Nào là Cây Gậy Phép của Đức Giám Mục, Quán Trọ Góc Chuông, Thầy Dòng Vui Tính, nào là căn Mũ Tế rồi Thánh Kinh rồi Đèn Cây, ấy là chỉ kể ra một vài căn thôi đấy. Nhà trọ cuối cùng nhắc tôi nhớ lý do chủ yếu vì sao chúng tôi đến Priestown này. Anh trai của Thầy Trừ Tà đã phát hiện ra bằng cái giá là chính mạng mình rằng, các cuốn kinh thánh và nến thường không có tác dụng gì để chống lại thế lực bóng tối. Thậm chí ngay cả khi dùng chung với chuông cũng chẳng ích gì.

Tôi chóng nhận ra Thầy Trừ Tà đã chọn làm cho mọi chuyện dễ dàng với thầy nhưng lại khó khăn cho tôi, và tôi phải bỏ nhiều thời gian để sục sạo khắp những con phố chằng chịt nhỏ hẹp của Priestown và cả những con đường rộng hơn nối liền các phố nhỏ. Tôi đi dọc đường Fylde rồi leo ngược lên con phố rộng mang tên Cổng Thầy Dòng, mà chẳng thấy cái cổng nào cả. Những con phố lát đá đầy nhóc người qua lại và hầu hết đều trông như đang rất vội. Cái chợ to đùng gần đầu phố Cổng Thầy Dòng ngày hôm ấy không bán buôn gì cả, nhưng vài khách hàng vẫn chen nhau mặc cả với những người buôn hàng để tranh giá hời. Mùi cá tanh nồng nặc khắp nơi và một đàn hải âu đói mồi đang quang quác trên cao.

Cứ một lúc tôi lại nhìn thấy một dáng người mặc áo thụng đen, thế là tôi phải đổi hướng đi hoặc băng qua bên kia đường. Thật khó mà tin được rằng có thị trấn nào lại chứa được nhiều cha xứ đến vậy.

Kế đến, tôi đi xuống đồi Fishergate cho đến khi trông thấy dòng sông ở phía xa, rồi lại đi ngược vòng lên trở lại. Rốt cuộc tôi đã đi hết một vòng tròn mà chẳng được tích sự gì. Tôi không thể hỏi đại ai đấy chỉ cho mình đường đến một nhà trọ mang tên không dính líu đến nhà thờ bởi vì họ sẽ nghĩ là tôi khùng mất. Điều cuối cùng tôi muốn là lôi kéo sự chú ý của người khác. Dù rằng việc tôi đang mang chiếc túi da màu đen nặng nề của Thầy Trừ Tà bên tay phải cũng đủ khiến người ta tò mò liếc về phía tôi lắm lần.

Cuối cùng, mãi đến khi trời xẩm tối, tôi mới tìm thấy một nơi để trọ không quá xa nhà thờ lớn, nơi tôi khởi sự tìm kiếm. Đây là một nhà trọ nhỏ bé mang tên Bò Đen.

Trước khi trở thành chân học việc cho Thầy Trừ Tà, tôi chưa khi nào trọ tại quán trọ, cũng chẳng khi nào có lý do để đi lang thang xa khỏi nông trại của bố tôi cả. Từ khi làm chân học việc rồi thì tôi nghỉ đêm tại nhà trọ có lẽ cũng được một tá lần. Lẽ ra là còn nhiều hơn thế cơ, vì chúng tôi thường hay rong ruổi trên đường, nhiều khi một lần có đến cả vài ngày. Nhưng Thầy Trừ Tà thích tiết kiệm tiền, nên trừ phi là thời tiết xấu lắm, còn không thầy sẽ nghỉ là nghỉ qua đêm dưới tán cây hay trong kho chứa cỏ cũ kỹ cũng ổn lắm rồi. Tuy vậy, đây là nhà trọ đầu tiên mà tôi từng trú một mình, nên khi đẩy cửa bước vào trong, tôi cảm thấy hơi chút lo lắng.

Lối vào nhỏ hẹp dẫn đến một căn phòng rộng âm u chỉ được chiếu sáng bằng mỗi một ngọn đèn lồng. Căn phòng chứa đầy bàn ghế với một quầy bằng gỗ ở đầu kia căn phòng. Quầy xộc lên mùi giấm chua loét nhưng chẳng mấy chốc tôi nhận ra đó chỉ là mùi bia ôi ngấm vào mặt gỗ. Bên phải quầy có một chiếc chuông treo tòng teng trên đầu sợi dây thừng, thế là tôi giật dây chuông.

Ngay lập tức, một cánh cửa phía sau quầy bật mở và một ông hói đầu bước ra, vừa đi vừa chùi hai tay to bè lên chiếc tạp dề lớn dơ dáy.

“Cháu muốn mượn một phòng cho tối nay ạ,” vừa nói ra tôi lại nhanh chóng thêm vào, “cháu có thể phải ở lâu hơn nữa đấy.”

Ông ta nhìn tôi như thể tôi là thứ gì đó vừa mới được ông ta tìm thấy dưới đống giày mình, nhưng khi tôi lấy đồng bạc ra và đặt lên quầy, vẻ mặt ông ta trở nên vui vẻ hơn hẳn.

“Sao cậu chủ, cậu có muốn dùng bữa tối luôn không?” ông ta hỏi.

Tôi lắc đầu. Đẳng nào tôi cũng phải nhịn đói, nhưng chỉ liếc một cái qua tạp dề vấy bẩn của ông ta là tôi đã mất hết hứng ăn uống.

Năm phút sau, tôi đã ở trong phòng mình với cánh cửa khóa chặt. Chiếc giường trông đến ghê còn chặn gối lại cái bần. Tôi biết nếu là Thầy Trừ Tà

thì hẳn thầy đã kêu ca rồi, nhưng tôi chỉ muốn ngủ thôi và ngủ ở đây vẫn còn tốt hơn ngủ trong kho chứa cỏ thông thốc gió. Thế nhưng, khi đưa mắt nhìn ra cửa sổ, tôi lại thấy nhớ Chipenden da diết.

Thay cho lối đi sỏi trắng băng qua vạt cỏ xanh rì dẫn đến khu vườn phía Tây và quang cảnh mòm Parlick cùng những rặng đồi đá khác mà tôi thường nhìn ra, ở đây tất cả những gì tôi có thể trông thấy là một dãy nhà ám bụi phía đối diện, mỗi căn nhà có một ống khói nhả khói đen cuồn cuộn xuống phố.

Thế là tôi nằm trên giường, tay vẫn nắm chặt quai túi của Thầy Trừ Tà, rồi nhanh chóng đi vào giấc ngủ.

Vừa chớm sau tám giờ sáng hôm sau thì tôi thẳng tiến đến nhà thờ lớn. Tôi đã để chiếc túi được khóa cất lại trong phòng mình, bởi lẽ nếu đem nó đến dự tang lễ hẳn sẽ trông kỳ cục lắm. Tôi có hơi bứt rứt vì phải để túi lại nhà trọ, nhưng cả túi ấy lẫn cửa phòng tôi đều có khóa, và cả hai chiếc chìa giờ đang an toàn yên vị trong túi tôi đây. Tôi cũng mang theo cả chiếc chìa khóa thứ ba nữa.

Thầy Trừ Tà đã trao cho tôi chiếc chìa khóa ấy khi tôi đến Horshaw xử lý kẹ xé xác. Chiếc chìa này được một người anh khác của thầy, là bác thợ khóa Andrew, làm ra, và nó có thể mở được hầu như mọi ổ khóa với điều kiện là ổ khóa đó không phức tạp gì cho lắm. Lẽ ra tôi phải trả chìa lại nhưng tôi biết Thầy Trừ Tà có nhiều hơn một chiếc, và vì thầy cũng chẳng hỏi đến, nên tôi giữ nó luôn. Đây là thứ rất có ích, cũng giống như hộp nhóm lửa be bé mà bố tôi cho tôi khi mới bắt đầu tập sự. Tôi cũng luôn mang theo chiếc hộp ấy trong túi. Hộp nhóm lửa này trước đây thuộc về ông nội tôi và là của gia truyền, nhưng nó cũng là thứ rất hữu ích cho những ai theo nghiệp của Thầy Trừ Tà.

Chẳng bao lâu sau tôi đã leo ngược lên đồi, chếch bên tay trái tôi là gác chuông. Hôm ấy là một buổi sáng lướt thướt, mưa lâm râm quất thẳng vào mặt tôi, mà tôi đã nói đúng về gác chuông rồi ấy nhé. Ít nhất phải có đến một phần ba phần chóp trên của gác chuông chìm trong những đám mây xám đen đang cuồn cuộn kéo về từ phía Tây Nam. Trong không khí còn có

cả mùi cống thối, và mỗi căn nhà đều có một ống khói ngun ngút, mà khói chủ yếu là từ đường sà xuống ngang phố.

Rất nhiều người dường như đang hối hả đi ngược lên đồi. Một người phụ nữ gần như chạy vượt qua tôi, kéo theo hai đứa con và bắt chúng đi nhanh hết mức. “Nào! Nhanh lên nào!” bà ta quát. “Chúng ta sẽ bỏ lỡ mất thôi.”

Trong một đôi, tôi cứ tưởng phải chẳng ba mẹ con họ cũng đi đến dự lễ tang, nhưng hình như là không phải thế bởi gương mặt của họ tràn đầy phấn khích. Lên đến ngay đỉnh thì ngọn đồi bằng phẳng ra và tôi rẽ trái sang phía nhà thờ lớn. Tại đây, một đám đông háo hức đang xếp dọc hai bên đường, như thể họ đang chờ xem gì đấy. Đám người này làm nghẽn cả lễ đường, làm tôi phải vất vả len qua hết mức cẩn thận. Tôi phải luôn mồm xin lỗi, chật vật tránh không giẫm lên chân ai, nhưng dần dà đám đông ken cứng lại khiến tôi phải dừng bước và chờ đợi cùng họ.

Tôi chẳng phải chờ lâu. Đột nhiên tiếng hò reo cổ vũ bùng lên từ phía bên phải. Tôi nghe thấy tiếng vó ngựa lộc cộc tiến lại từ đằng trước họ. Một đám rước lớn đang tiến vào nhà thờ lớn, hai kỵ sĩ đầu tiên vận áo choàng, mũ đen và đeo kiếm ngang hông. Phía sau họ là thêm nhiều kỵ sĩ nữa, những người này được trang bị dao găm và dùi cui, mười, hai mươi, năm mươi, cho đến khi sau chót xuất hiện một người đàn ông cười trên lưng con bạch mã khổng lồ.

Người đàn ông này cũng vận áo choàng đen, nhưng lấp ló nơi phần cổ và cổ tay bên dưới lớp áo choàng là tấm áo giáp sắt đắt tiền, còn chuôi thanh kiếm đeo ngang hông ông ta lại được khảm toàn hồng ngọc. Đôi ủng của ông ta làm bằng loại da thượng hạng và chắc chắn đáng giá hơn số tiền một anh nông dân kiếm được trong cả năm.

Phục trang và phụ kiện của người đàn ông này cho thấy ông ta là người đứng đầu, nhưng dù ông ta có mặc toàn giẻ rách đi chăng nữa, thì việc ông ta là chỉ huy cũng chẳng lẫn vào đâu được. Tóc ông ta vàng óng, xõa đong đưa bên dưới chiếc mũ đỏ rộng vành, và đôi mắt màu biếc xanh đến mức sắc trời hạ cũng phải thẹn thùng kém xa. Tôi bị gương mặt của ông ta mê hoặc. Gương mặt ấy điển trai đến mức phi phạm, nhưng lại cũng cương nghị nữa,

với cảm vươn ra và vầng trán cương nghị. Thế rồi tôi nhìn lại lần nữa vào đôi mắt xanh kia và nhận thấy vẻ tàn bạo lóe ra từ đấy.

Ông ta làm tôi nhớ đến một hiệp sĩ từng đi ngang qua nông trại của chúng tôi, khi tôi còn là cậu bé con. Tay hiệp sĩ ấy thậm chí còn không liếc qua nông trại nhà tôi lấy một lần. Trong mắt ông ta, chúng tôi chẳng hề tồn tại. Ừ thì, dầu sao đấy cũng là điều mà bố tôi hay bảo. Bố cũng nói rằng tay hiệp sĩ ấy là giới quý tộc, rằng chỉ nhìn qua ông ta là bố cũng đủ biết ông ta thuộc dòng dõi gia đình mà tổ tiên truyền đời qua hàng thế hệ đều uy quyền và giàu có.

Nói ra từ “quý tộc” xong, bố tôi nhổ toẹt một bãi xuống bùn và bảo rằng tôi rất may mắn được làm anh nông dân với một ngày làm việc chân chất trước mặt.

Người đàn ông đang cưỡi ngựa đi qua Priestown này rõ ràng là người quý tộc mang đầy vẻ ngạo mạn và quyền uy ngời ngời trên mặt. Tôi choáng váng lẫn thất kinh nhận ra rằng mình phải đang nhìn vào tên Phán Quan, vì lẽ đằng sau hắn là hai con ngựa thồ kéo một cỗ xe không mui và trên đấy là nhiều người đang bị trói đứng vào nhau bằng dây xích.

Những người ấy chủ yếu là phụ nữ nhưng cũng có vài ba người là đàn ông. Đa phần bọn họ đều trông như thể đã không được ăn uống tử tế trong một thời gian dài. Họ mặc quần áo cẩu thả và nhiều người trong số họ rõ ràng đã bị đánh đập. Toàn thân họ bầm tím và thậm chí một người phụ nữ còn có mắt trái trông như quả cà chua thối. Vài phụ nữ khóc than trong tuyệt vọng, nước mắt đầm đìa hai má. Một người khác luôn miệng rít lên đến chói cả tai rằng bà ta vô tội. Nhưng chẳng ích gì. Tất cả bọn họ đều là tù nhân, rồi sẽ chóng bị đưa ra xét xử và thiêu sống.

Một phụ nữ trẻ tuổi đột nhiên phóng đến chỗ cỗ xe, với tay về phía nam tù nhân và cố hết sức đưa cho ông ta trái táo. Có lẽ cô ấy là người thân của tù nhân này – biết đâu là con gái cũng nên.

Thật kinh khủng làm sao, tên Phán Quan lạnh lùng quay đầu ngựa giảm lên cô ấy. Mới thoát trước cô ấy còn đang cầm trái táo; vậy mà thoát sau cô

đã nằm bẹp xuống mặt đường rống lên đau đớn. Tôi nhìn thấy vẻ tàn nhẫn trên gương mặt hắn ta. Hắn rất lấy làm thích thú được đả thương cô gái nọ. Khi cỗ xe được áp giải hai bên là những kỵ sĩ trang bị vũ khí còn nhiều hơn nữa lẫn bánh qua, đám đông reo hò rú lên những lời thóa mạ và gào lên thành tiếng “Thieu hết chúng đi!”

Đúng lúc ấy, tôi trông thấy một cô gái bị xích giữa những người khác. Cô tầm ngang tuổi tôi và hai mắt đang mở to hoảng sợ. Mái tóc đen của cô rũ bệt xuống trán vì nước mưa, lúc này đang từ mũi và cằm cô gái nhỏ xuống như nước mắt. Tôi nhìn qua chiếc váy đen cô đang mặc, rồi liếc xuống đến đôi giày mũi nhọn của cô, mà trong đầu không thể tin được mình đang trông thấy điều gì.

Đây là Alice. Và cô là một tù nhân của tên Phán Quan.

Chương 5

ĐÁM MA

Những gì vừa chứng kiến làm đầu óc tôi quay mòng mòng. Cũng đã nhiều tháng rồi kể từ lần cuối tôi gặp Alice. Dì của cô gái, mẹ Lizzie Xương Xấu, là mẹ phù thủy mà tôi và Thầy Trừ Tà đã phải đối phó, nhưng còn Alice, không giống như những người còn lại trong gia đình mình, cô không hẳn là xấu xa gì. Thực ra có lẽ Alice là người duy nhất tôi từng thân gần như đến mức là bạn, và cũng nhờ cô ấy mà tôi tiêu diệt được Mẹ Malkin – mẹ phù thủy độc ác nhất trong toàn Hạt.

Không, Alice chỉ là bị nuôi lớn giữa những người xấu thôi. Tôi không thể để cho cô ấy bị thiêu sống như phù thủy được. Làm thế nào đó tôi phải tìm cách giải cứu Alice, nhưng trong thời khắc ấy tôi chẳng biết nên làm thế nào. Tôi quyết định là ngay sau khi tang lễ kết thúc, tôi phải thử thuyết phục Thầy Trừ Tà giúp đỡ xem sao.

Rồi lại còn thêm tên Phán Quan nữa chứ. Thật kinh khủng làm sao khi chuyến viếng thăm của thầy trò chúng tôi đến Priestown lại trùng với lúc hãn đến. Thầy Trừ Tà và tôi đang trong tình thế nguy hiểm nghiêm trọng. Chắc chắn là giờ thầy tôi sẽ không thể ở lại đây sau đám tang. Một phần lớn trong tôi hy vọng rằng thầy sẽ ra về ngay và không phải đối mặt với Quỷ Độc. Nhưng tôi lại không thể để mặc cho Alice chết.

Khi cỗ xe đã đi qua, đám đông nhào tới trước và bắt đầu đi theo đám rước của tên Phán Quan. Vì bị kẹt cứng trong ấy nên tôi chẳng còn lựa chọn nào khác hơn là di chuyển theo họ. Cỗ xe tiếp tục đi qua nhà thờ lớn và dừng lại trước một căn nhà ba tầng to lớn với nhiều cửa sổ có chấn song. Tôi đoán đây là nơi cư ngụ của linh mục chánh xứ – nhà của các cha – và các tù nhân sẽ bị đem vào đây xét xử. Tù nhân được giải xuống khỏi cỗ xe và kéo vào trong nhưng tôi lại ở xa quá nên không nhìn rõ Alice được. Hiện tại tôi

không thể làm gì, nhưng tôi phải nhanh nhanh nghĩ ra điều gì đấy trước vụ hỏa thiêu, mà vụ này sẽ diễn ra chóng lăm đây.

Tôi buồn bã quay lưng bỏ đi, chen lấn xô đẩy qua đám đông cho đến khi đến được nhà thờ lớn tổ chức tang lễ cho Cha Gregory. Tòa nhà có những cột trụ thật to và những cửa sổ kính màu nhon đầu cao cao. Bất chợt, nhớ lại lời Thầy Trừ Tà từng bảo mình, tôi ngược nhìn lên tượng đá hình đầu thú vĩ đại bên trên lối vào điện chính.

Đấy là tượng biểu trưng cho hình dạng nguyên thủy của Quỷ Độc, hình dạng mà hăn đang cố gắng dần dần biến đổi trở lại khi hăn ngày một lớn mạnh hơn bên dưới khu hầm mộ kia. Thân thể phủ đầy những vảy với mớ cơ bắp u cộm căng cứng ấy đang khum khum mình, các móng vuốt sắc nhọn đang quặp cứng lấy thanh xà cửa bằng đá. Hăn trông như thể đang chực chờ vồ xuống.

Bao lâu nay tôi đã từng nhìn thấy nhiều thứ kinh khiếp, nhưng tôi chưa từng trông thấy bất cứ thứ gì xấu xí hơn cái đầu to cộ kia. Một chiếc cằm thò ra từ cái đầu ấy cong vênh lên, gần như chạm đến chiếc mũi dài sọc của hăn, và đôi mắt quỷ quyết nọ dường như dõi nhìn theo tôi khi tôi bước về phía hăn. Hai tai hăn cũng kỳ quặc nữa, nếu gắn lên mình một con chó to hay thậm chí là chó sói thì trông vẫn không chướng mắt lăm. Đây không phải thứ để đối mặt trong bóng tối của hầm mộ chút nào!

Trước khi bước vào, tôi tuyệt vọng liếc nhìn lần nữa về phía nhà dòng, bụng thắc mắc không biết có chút hy vọng nào để giải cứu Alice hay không đây.

Tòa nhà gần như chẳng có ai nên tôi tìm lấy một chỗ ngồi ở phía sau. Gần cạnh tôi, đôi ba bà lão đang quỳ gối gục đầu cầu nguyện, trong khi một cậu lễ sinh đang bận bịu thắp nến.

Tôi có khối thời gian nhìn quanh quất. Bên trong nhà thờ lớn dường như rộng lớn hơn, với mái cao và những rầm gỗ to tướng; thậm chí một cái ho húng hắng có vẻ sẽ vang dội mãi thôi. Trong này có ba lối đi giữa các hàng ghế – lối đi chính giữa, là lối dẫn thẳng đến bậc thang đi lên điện thờ, rộng

đến mức có thể đủ lối đi cho cỗ xe cùng ngựa kéo. Nhà thờ lớn này đúng là xa hoa thật: mỗi một bức tượng trong tầm mắt đều được mạ vàng, ngay cả các bức tường cũng được ốp cẩm thạch. Nơi đây hoàn toàn khác xa với ngôi nhà thờ bé xíu ở Horshaw mà anh trai của Thầy Trừ Tà đã cai quản.

Phía trước lối đi chính diện là cỗ quan tài của Cha Gregory vẫn còn để mở, mỗi góc quan tài là một ngọn nến. Cả đời tôi chưa bao giờ từng thấy những cây nến như thế này. Mỗi cây cắm trên một chân nến bằng đồng to tướng, cây nào cây nấy cao hơn đầu người.

Người ta bắt đầu lũ lượt kéo vào nhà thờ. Họ vào thành từng cặp hay từng người một, và cũng giống như tôi, họ chọn lấy hàng ghế ngồi gần phía sau. Tôi mãi dò tìm Thầy Trừ Tà nhưng vẫn chưa thấy bóng dáng thầy.

Tôi không thể không nhìn quanh tìm bằng chứng hiện diện của Quỷ Độc. Tôi chắc là chẳng cảm nhận được sự hiện diện của hắn đâu, nhưng có lẽ một kẻ mạnh đến thế hắn có thể cảm nhận được tôi đang ở đây. Ngộ nhỡ lời người ta đồn lại đúng thì sao? Ngộ nhỡ hắn đúng là có sức mạnh để đội lốt người và đang ngồi trà trộn trong giáo đoàn này thì thế nào! Tôi bồn chồn nhìn quanh quất nhưng rồi lại thấy thoải mái hơn khi nhớ đến lời Thầy Trừ Tà. Quỷ Độc đang bị chèn sâu tít dưới hầm mộ, vậy nên giờ đây, chắc chắn là tôi được an toàn.

Mà có thật không đây? Trí óc của hắn rất mạnh, thầy tôi đã bảo thế, và hắn có thể vượt đến nhà của các cha hay đến nhà thờ lớn để chi phối hay làm băng hoại các cha xứ. Biết đâu ngay lúc này đây hắn đang cố chui vào đầu tôi ấy chứ!

Tôi ngược lên, lòng hoảng kinh, và bắt gặp ánh mắt của một người đang quay lại chỗ ngồi sau khi đến viếng Cha Gregory lần cuối. Ngay lập tức, tôi nhận ra đó là bà quản gia của ông ấy và cùng lúc đấy bà ta cũng nhận ra tôi. Bà ta dừng lại ngay đầu dãy ghế của tôi.

“Sao cậu lại đến trễ thế?” bà ta căn vặn tôi bằng giọng thì thào rõ to. “Nếu lúc ấy cậu đến ngay sau khi tôi cho gọi cậu thì hẳn hôm nay ông ấy vẫn còn sống.”

“Cháu đã làm hết sức rồi,” tôi đáp, cố không lôi kéo người ta chú ý đến hai chúng tôi.

“Vậy thì có làm hết sức của mấy người cũng không được ích gì lắm, phải không nào?” bà ta hỏi. “Ngài Phán Quan đã nói đúng về lũ các người, các người chỉ toàn đem lại rắc rối và đáng phải nhận những gì sẽ xảy đến cho các người.”

Vừa nghe nhắc đến tên Phán Quan tôi đã giật thót, nhưng nhiều người khác bắt đầu kéo vào, tất cả đều mặc áo thụng đen và áo choàng. Các cha xứ – hàng tá hàng tá cha! Tôi chưa khi nào nghĩ mình sẽ trông thấy nhiều cha xứ cùng một lúc đến vậy. Cứ như thế giới tăng lũ trên toàn thế giới này đã tụ về dự đám ma của Cha Gregory già cả. Nhưng tôi biết là không phải thế và họ chỉ là những cha xứ sống ở Priestown mà thôi – và có lẽ thêm vài cha từ những làng quê và thị trấn lân cận. Bà quản gia chẳng nói thêm gì và vội vã trở lại hàng ghế của mình.

Đến lúc này thì tôi sợ thực sự. Tôi đang ở đây, ngồi trong thánh đường, ngay bên trên khu hầm mộ là nhà của thứ đáng sợ nhất trong toàn Hạt, vào cùng thời điểm mà tên Phán Quan ghé qua – và tôi đã bị nhận diện. Tôi tuyệt vọng những muốn rời khỏi nơi này càng xa càng tốt và thấp thỏm nhìn quanh tìm bóng dáng thầy mình, nhưng chẳng thấy thầy đâu. Ngay khi tôi vừa định chắc phải bỏ đi thôi, bỗng nhiên những cánh cửa lớn của nhà thờ bị đẩy tung ra rồi một đoàn dài những người diễu qua tiến vào. Chẳng còn lối thoát.

Thoạt tiên, tôi nghĩ người đàn ông đi đầu là tên Phán Quan vì ông ta có những nét tương tự. Nhưng người này trông lớn tuổi hơn và tôi nhớ ra Thầy Trừ Tà từng nói tên Phán Quan có người chú là giám mục của Priestown; thế hẳn là ông này rồi.

Tang lễ bắt đầu. Lời hát cất lên mãi miết và chúng tôi phải đứng lên, ngồi xuống và quỳ liên miên. Vừa vào một vị trí chưa ấm chỗ thì chúng tôi đã phải thay đổi vị trí tiếp. Nếu như tang lễ được cử hành bằng tiếng Hy Lạp, hẳn tôi còn hiểu thêm được chút ít những gì đang diễn ra, vì mẹ tôi đã dạy cho tôi ngôn ngữ ấy từ khi tôi còn nhỏ. Nhưng phần lớn tang lễ của Cha

Gregory là bằng tiếng La Tinh. Tôi chỉ hiểu lồm bồm đôi chút nhưng thế lại khiến tôi nhận ra mình phải chuyên cần học hỏi hơn.

Ngài giám mục nói về việc Cha Gregory đang ở trên thiên đàng, rằng cha ấy xứng đáng được lên trên đấy sau mọi việc tốt mà cha đã làm. Tôi hơi ngạc nhiên khi ông giám mục không đề cập đến việc Cha Gregory qua đời như thế nào, nhưng tôi nghĩ là mấy cha xứ này muốn giữ im mọi chuyện. Chắc là họ chẳng muốn thừa nhận trò đuổi ma của Cha đã thất bại.

Rốt cuộc, sau gần một tiếng đồng hồ, lễ tang chấm dứt và đoàn người rời khỏi nhà thờ, lần này có sáu cha xứ khiêng theo quan tài. Bốn cha xứ cao lớn đang mang những chân nến là những người phải khiêng nặng hơn vì họ đang loạng choạng bước đi. Chỉ đến khi viên cha xứ cuối cùng đi qua, ông này đang đi sau quan tài, tôi mới chú ý đến chân nến to tướng bằng đồng hình tam giác.

Cả ba mặt của chân nến ấy, mỗi mặt đều mang hình đại diện sống động của bức tượng hình đầu thú xấu xí mà lúc này tôi trông thấy bên trên cánh cửa thánh đường. Và dù có lẽ là do ánh nến lập lòe gây ra, một lần nữa những con mắt của đầu tượng này hình như lại dõi theo tôi khi viên cha xứ chậm chậm mang chân nến đi ngang qua.

Tất cả các cha xứ nối đuôi nhau hòa vào đám rước và phần lớn những người đang ngồi phía cuối nhà thờ lớn cũng lần lượt đi theo, riêng tôi thì nán lại khá lâu bên trong nhà thờ lớn, những muốn tránh mặt bà quản gia.

Tôi đang băn khoăn không biết mình nên làm gì đây. Nãy giờ tôi chẳng hề nhìn thấy bóng dáng Thầy Trừ Tà và cũng không rõ thầy đang trú tại đâu hay làm cách nào mà tôi có thể hội ngộ cùng thầy. Tôi cần phải cảnh báo thầy về tên Phán Quan – rồi giờ còn thêm bà quản gia nữa chứ.

Bên ngoài nhà thờ lớn, trời đã thôi mưa và khoảng sân phía trước nhà thờ tịnh không một bóng người. Liếc mắt sang phải, tôi chỉ có thể trông thấy phần đuôi của đám rước quành ra biến mất vào phía sau nhà thờ lớn, chắc hẳn nghĩa địa phải là ở phía ấy.

Tôi quyết định đi theo hướng ngược lại, qua lối cổng chính để ra ngoài phố, nhưng bỗng tôi chết lặng vì ngạc nhiên. Phía bên kia đường là hai người đang cãi nhau quyết liệt. Chính xác hơn thì, phần lớn vẻ quyết liệt đến từ phía một cha xứ mặt đỏ gay giận dữ với một bàn tay băng bó. Người còn lại là Thầy Trừ Tà.

Có vẻ như cả hai người đồng thời để ý thấy tôi. Thầy Trừ Tà ngoắc ngón cái, ra hiệu cho tôi phải rời đi ngay. Tôi làm theo, và thầy đi theo tôi, nhưng lại bước dọc theo phía bên kia đường.

Viên cha xứ gọi với sau lưng thầy, “Hãy nghĩ kỹ đi, John, trước khi quá muộn!”

Tôi cả gan liếc lại ra sau và thấy viên cha xứ không đi theo chúng tôi nhưng lại có vẻ như đang nhìn trừng trừng vào tôi. Cũng không chắc chắn lắm, nhưng tôi nghĩ ông ta đang bỗng nhiên chú ý đến tôi nhiều hơn là đến Thầy Trừ Tà.

Thầy trò chúng tôi đi xuống đồi một đôi lâu rồi mặt đất mới trở nên bằng phẳng. Lúc đầu xung quanh chẳng có bao nhiêu người, nhưng rồi chẳng mấy chốc các con phố bắt đầu hẹp lại và đông đúc hơn, và sau vài lần đổi hướng, chúng tôi đi đến khu chợ có nền lát đá. Đây là một quảng trường rộng lớn nhộn nhịp, ken đầy các gian hàng được dựng lên từ những khung gỗ và lợp trên ấy là mái che chống thấm xam xám. Tôi theo chân Thầy Trừ Tà đi vào đám đông, có đôi lúc đi rất sát. Tôi còn làm gì khác được chứ? Ở trong một nơi như thế này thì hẳn sẽ rất dễ mất dấu thầy ngay.

Ven rìa phía Bắc của khu chợ là một quán rượu khá lớn, bên ngoài là những băng ghế không người ngồi, và Thầy Trừ Tà đi xăm xăm thẳng đến hướng ấy. Thoạt tiên tôi nghĩ chắc thầy sẽ vào trong quán ấy và lòng thắc mắc không biết liệu chúng tôi sẽ mua đồ ăn trưa chẳng. Nếu thầy quyết định phải ra về ngay vì tên Phán Quan đang ở đây thì sẽ chẳng cần phải nhịn đói làm gì nữa. Nhưng thay vì đi vào quán, thầy lại rẽ sang một ngõ cụt rải đá cuội, dẫn tôi đến một bức tường đá thâm thấp và đưa tay áo chùi sạch phần gờ tường gần mình nhất. Khi đã chùi gần hết mấy giọt nước trên ấy, thầy ngồi xuống và phẩy tay ra hiệu cho tôi làm theo.

Tôi ngồi xuống và nhìn quanh. Con hẻm trống trơn và các bức tường của những nhà kho xung quanh bao bọc chúng tôi từ cả ba phía. Cũng có vài cửa sổ nhưng tất cả đều nứt vỡ và bám đầy bụi bẩn, vậy nên chỉ ít là chúng tôi đang ở ngoài tầm ngắm của những con mắt tò mò tọc mạch.

Đi bộ này giờ làm Thầy Trừ Tà hụt cả hơi nên tôi có cơ hội mở lời trước.

“Tên Phán Quan đang ở đây,” tôi bảo thầy.

Thầy Trừ Tà gật đầu. “Biết rồi anh bạn, đúng là hắn đang ở đây. Lúc ấy ta đang đứng phía bên kia đường đối diện con, nhưng con lại mãi trở mắt nhìn cỗ xe nên đã không trông thấy ta.”

“Nhưng thầy không nhìn thấy cô ấy à? Alice ở trên cỗ xe ấy...”

“Alice à? Alice nào thế?”

“Cháu gái của Lizzie Xương Xấu ấy ạ. Chúng ta phải giúp cô ấy...”

Như trước đây tôi từng đề cập đến, Lizzie Xương Xấu là mục phù thủy mà thầy trò tôi đã đối phó vào mùa xuân rồi. Giờ đây Thầy Trừ Tà đang giam mục ấy dưới hố, trong vườn nhà thầy ở Chipenden.

“Ồ, con bé Alice ấy đấy à. Này, tốt nhất con nên quên con bé ấy đi, anh bạn, bởi vì chẳng thể làm gì được cả. Tên Phán Quan có trong tay ít nhất là năm mươi tên bộ hạ trang bị khí giới đấy.”

“Nhưng như thế thì không công bằng,” tôi đáp trả, bụng chẳng thể tin là thầy có thể bình tĩnh đến thế. “Alice nào phải là phù thủy.”

“Cuộc đời này có mấy khi công bằng đâu,” Thầy Trừ Tà đáp. “Sự thật là, chẳng ai trong số ấy là phù thủy cả. Con thừa biết rồi đấy thôi, một phù thủy thực thụ sẽ đánh hơi ra tên Phán Quan đang đến gần từ khoảng cách hàng bao nhiêu dặm ấy chứ.”

“Nhưng Alice là bạn của con. Con không thể để mặc cho cô ấy chết được!” Tôi phản đối, cảm nhận được cơn nóng giận đang bùng lên trong lòng.

“Đây không phải lúc để tình cảm sưởi ấm đâu nhé. Công việc của chúng ta là bảo vệ người dân khỏi thế lực bóng tối, chứ không phải là để cho

những cô gái xinh đẹp làm xao lãng.”

Tôi giận điên người – nhất là khi tôi biết chính Thầy Trừ Tà cũng từng bị một cô gái xinh đẹp làm cho xao lãng – mà cô gái ấy lại là *phù thủy* cơ đấy. “Alice đã giúp cứu gia đình con thoát khỏi Mẹ Già Malkin, thầy không nhớ sao?”

“Và trước hết vì sao Mẹ Malkin lại được tự do nào, sao hả anh bạn, trả lời ta đi chứ!”

Tôi gục đầu xấu hổ.

“Là bởi vì con lãng nhăng với con bé ấy,” thầy nói tiếp, “và ta không muốn chuyện ấy lại tái diễn. Nhất là ở Priestown này lại càng không, đương lúc tên Phán Quan đang đe dọa chúng ta sát nút thế này. Con sẽ đặt mạng mình vào vòng nguy hiểm – và cả mạng của ta nữa. Mà này, nói nhỏ giọng lại chứ. Chúng ta không cần lôi kéo bất cứ sự chú ý không mong muốn nào đâu.”

Tôi nhìn quanh. Ngoại trừ hai thầy trò tôi ra, con hẻm hoàn toàn vắng bóng người. Cũng có vài ba người đi qua đầu hẻm đấy, nhưng họ ở cách khá xa và cũng chẳng buồn liếc về phía chúng tôi làm gì. Xa xa đằng sau họ, tôi có thể trông thấy những mái nhà phía bên kia quảng trường chợ phiên, và vươn cao lên khỏi những ống khói, là gác chuông của nhà thờ lớn. Nhưng khi mở miệng tiếp, tôi vẫn hạ thấp giọng xuống.

“Mà tên Phán Quan đang làm gì ở đây vậy chứ?” tôi hỏi. “Chẳng phải thầy đã nói hãn chỉ hoạt động ở miệt phía Nam và chỉ lên phương Bắc này khi hãn được triệu đến hay sao?”

“Chủ yếu là thế, nhưng thỉnh thoảng hãn tiến hành một cuộc viễn chinh lên phương Bắc đến tận Hạt hay còn xa hơn thế nữa. Hóa ra trong mấy tuần lễ rồi hãn đã đi càn quét qua vùng duyên hải, thu gom đám người cận bã đáng thương bị xích trên cỗ xe kia.”

Tôi bực bội vì thầy cứ gọi Alice là một trong những người cận bã, trong khi tôi biết không phải như thế. Nhưng đây không phải lúc tiếp tục tranh cãi làm gì, nên tôi cố giữ hòa khí.

“Nhưng ở Chipenden chúng ta khá được an toàn,” Thầy Trừ Tà nói tiếp. “Hắn chưa bao giờ phiêu lưu lên phía rặng đồi đá cả.”

“Thế bây giờ chúng ta sẽ về nhà chứ ạ?” tôi hỏi.

“Không đâu anh bạn, chưa đâu. Lúc trước ta đã bảo con rồi đấy thôi, ta còn những việc chưa hoàn tất ở thị trấn này.”

Tim tôi chùng xuống và tôi lo lắng nhìn ra đầu ngõ. Người ta vẫn qua qua lại lại lo làm chuyện của họ, và tôi có thể nghe thấy những ông chủ gian hàng rao giá hàng hóa của mình. Nhưng mặc cho chung quanh đầy tiếng ồn ào huyên náo, phúc thay là thầy trò chúng tôi đang ở khuất mắt mọi người. Dù thế, tôi vẫn cảm thấy bồn chồn không yên. Đáng lẽ chúng tôi phải ở cách xa nhau. Vị cha xứ bên ngoài nhà thờ lớn lúc này quen biết Thầy Trừ Tà. Bà quản gia lại biết mặt tôi. Thế lỡ may có ai đó khác đi vào ngõ hẻm này rồi nhận ra chúng tôi và cả hai thầy trò đều bị bắt thì thế nào? Nhiều cha xứ trong các giáo xứ quanh Hạt chắc là đang có mặt ở đây và họ sẽ nhận ra Thầy Trừ Tà ngay. Điều an tâm duy nhất là vào lúc này, chắc tất cả bọn họ vẫn còn đang ở trong sân nhà thờ.

“Cha xứ lúc này thầy đang nói chuyện cùng ấy ạ, ông ta là ai thế? Dường như ông ta có biết thầy nên liệu ông ta có đi mách với tên Phán Quan là thầy đang ở đây không?” Tôi vừa hỏi vừa thắc mắc không biết có nơi nào còn là nơi thực sự an toàn không nữa. Tôi chỉ biết là tay cha xứ mặt đỏ gay bên ngoài nhà thờ lớn kia thậm chí có thể dẫn tên Phán Quan đến thẳng Chipenden ấy chứ chẳng chơi. “À, còn chuyện này nữa thầy ạ. Bà quản gia của anh trai thầy đã nhận ra con trong buổi tang lễ. Bà ta rất tức giận. Có lẽ bà ấy sẽ bảo cho ai đấy biết là chúng ta đang ở đây.”

Tôi thấy hình như thầy trò chúng tôi đang vô cùng mạo hiểm khi ở lại thị trấn Priestown trong lúc tên Phán Quan cũng đang lảng vảng quanh đây.

“Bình tĩnh lại đi anh bạn. Bà quản gia sẽ chẳng nói cho ai biết cả. Bản thân bà ta và anh trai ta chẳng phải là không có tội lỗi gì đâu. Còn về tay cha xứ kia à,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa thoáng cười nhẹ, “đấy là Cha Cairns. Ông ta là người trong gia đình, là anh họ của ta. Một người anh họ thích

nhúng mũi vào chuyện người khác và đôi lúc hăng hái quá mức, nhưng nói cho cùng ông ta chỉ có ý tốt thôi. Ông ta luôn cố cứu rồi lấy ta để đưa ta về lại con đường ‘chính đạo’. Nhưng ông ta chỉ tốn hơi vô ích. Ta đã chọn lấy con đường cho chính ta – và dù có đúng hay sai thì đấy vẫn là con đường ta tiến bước.”

Đúng lúc ấy, tôi nghe thấy tiếng bước chân và tim tôi chỉ muốn thót lên cổ. Có ai đó đã quành vào ngõ hẻm và đang bước thẳng đến chỗ chúng tôi!

“Mà thôi, nói đến gia đình,” Thầy Trừ Tà nói với vẻ chẳng lấy gì làm quan ngại, “lại thêm một thành viên nữa đang đến đây này. Đây là anh trai Andrew của ta.”

Một người đàn ông dáng người dong dỏng mang khuôn mặt buồn rầu, xương xẩu, đang băng qua mặt hẻm trái đá cuội tiến về phía chúng tôi. Ông ấy trông còn lớn tuổi hơn Thầy Trừ Tà, gợi cho tôi nhớ đến một bù nhìn được ăn mặc đàng hoàng, vì dù mang đôi ủng da tốt và ăn mặc sạch sẽ, bộ quần áo trên người ông cứ bay phấp phới trong gió. Trông ông ấy cần phải được ăn sáng đầy đủ hơn cả tôi nữa.

Chẳng buồn chùi đi mấy giọt nước đọng, ông ấy ngồi xuống bờ tường đối diện với Thầy Trừ Tà.

“Tôi nghĩ sẽ tìm thấy chú ở đây. Chuyện buồn quá, chú ạ,” ông ấy rầu rĩ nói.

“Vâng,” Thầy Trừ Tà đáp. “Giờ chỉ còn sót lại hai anh em ta. Năm anh trai đã qua đời hết rồi.”

“John, tôi phải nói cho chú biết, tay Phán...”

“Vâng tôi biết,” Thầy Trừ Tà đáp với hơi hướm sốt ruột.

“Vậy thì chú phải rời khỏi đây thôi. Ở đây không an toàn cho cả hai người đâu,” ông Andrew vừa nói vừa gật đầu chào tôi.

“Không đâu Andrew, chúng tôi sẽ chẳng đi đâu cho đến khi tôi hoàn tất chuyện cần làm. Vậy nên tôi cần anh làm lại cho tôi chiếc chìa khóa đặc biệt kia,” Thầy Trừ Tà bảo với Andrew. “Để mở cánh cổng ấy.”

Ông Andrew giật nảy mình. “Không đâu John, đừng có điên,” ông vừa nói vừa lắc đầu quầy quậy. “Lẽ ra tôi sẽ không đi đến đây nếu tôi biết chú lại muốn có thứ ấy. Chú đã quên lời nguyện rồi sao?”

“Suýt,” Thầy Trừ Tà vội ra hiệu. “Không được nhắc đến trước mặt thằng bé chứ. Mình anh ôm lấy cái trò mê tín nhảm nhí vớ vẩn ấy đi.”

“Lời nguyện ạ?” tôi thoát nhiên thấy tò mò.

“Thấy anh đã làm nên nông nổi gì chưa hả?” thầy tôi giận dữ rít lên với ông anh trai. “Chẳng có gì đâu,” thầy quay sang tôi an ủi. “Ta không tin vào những thứ rác rưởi như thế và con cũng không nên tin làm gì.”

“Này, hôm nay tôi đã phải chôn cất một người anh trai của mình,” ông Andrew lên tiếng. “Đi về nhà ngay bây giờ đi, trước khi tôi lại phải chôn thêm một người nữa. Tên Phán Quan rất thích tóm được Thầy Trừ Tà của Hạt đấy. Hãy quay trở về Chipenden khi còn có thể đi nào.”

“Tôi sẽ không đi đâu, Andrew ạ, dứt khoát thế. Tôi có việc phải làm ở đây, có hay không có Phán Quan cũng thế,” Thầy Trừ Tà quả quyết nói. “Vậy anh có giúp hay là không đây?”

“Vấn đề không phải ở đấy, chú biết thế rồi còn gì!” Ông Andrew năn nỉ. “Trước đây tôi vẫn luôn giúp chú cơ mà, đúng không? Có khi nào tôi làm chú thất vọng chưa? Nhưng chuyện này hoàn toàn điên rồ. Chú đang liều lĩnh để rồi bị hỏa thiêu chỉ bằng việc nán lại đây thôi đấy. Giờ không phải lúc can dự vào cái thứ ấy đâu,” ông vừa nói vừa khoa tay về phía đầu ngõ và nhướn mắt nhìn ra gác chuông. “Vớ lại, hãy nghĩ cho thằng bé đi nào – chú không thể lôi nó vào chuyện này. Không phải lúc này. Vào mùa xuân, khi tay Phán Quan đã đi khỏi rồi thì hẵng quay lại đây và chúng ta sẽ bàn bạc tiếp. Còn giờ, chú có mà điên nếu còn cố làm chuyện gì. Chú không thể đương đầu với Quỷ Độc lẫn tay Phán Quan – chú không còn là chàng trai trẻ nữa, mà nhìn qua đã biết là chú chẳng phải khỏe khoắn gì đâu.”

Trong lúc hai người họ nói chuyện, tôi nhìn lên tháp chuông nhà thờ. Tôi ngờ rằng tháp chuông ấy được nhìn thấy từ mọi nơi và đứng trên ấy có thể quan sát được toàn cảnh thị trấn này rõ mồn một. Ngay gần trên đỉnh tháp

chuông là bốn khung cửa sổ nhỏ, sát dưới chiếc thánh giá. Từ đây ta có thể nhìn ra mọi nóc nhà trong thị trấn Priestown, nhìn gần khắp các con phố cùng nhiều người trên ấy, bao gồm cả chúng tôi.

Thầy Trừ Tà đã bảo tôi rằng Quỷ Độc có thể lợi dụng người ta, chui vào đầu rồi nhìn ra ngoài từ mắt họ. Tôi rùng mình, tự hỏi không biết hiện giờ một trong các cha xứ có đang ở trên đấy không, và Quỷ Độc đang lợi dụng ông ta để quan sát chúng tôi từ trong khoảng tối của đỉnh tháp chuông.

Nhưng Thầy Trừ Tà không thay đổi ý định gì cả. “Thôi đi nào Andrew, hãy nghĩ mà xem! Đã bao nhiêu lần anh bảo tôi rằng thế lực bóng tối đang ngày càng lớn mạnh trong thị trấn này rồi? Rằng những cha xứ đang ngày càng băng hoại, rằng người dân đang sợ hãi? Và hãy nghĩ đến những hai lần thuế thập phân và đất đai mà tên Phán Quan đang cướp bóc, cùng với những người phụ nữ và bé gái bị thiêu sống kia. Điều gì đã làm những cha xứ thay đổi và biến họ thành ra thối nát đến vậy? Thế lực kinh khủng nào đã khiến những người tốt đi gieo rắc bao nỗi bạo tàn hay khoanh tay đứng nhìn mặc cho những hành động tàn bạo hoành hành thế?

“Tại sao chứ, ngay ngày hôm nay, anh bạn đây đã phải chứng kiến bạn mình bị chất lên xe đưa vào chỗ chết chắc. Vâng, lỗi là ở Quỷ Độc, và Quỷ Độc phải được ngăn chặn ngay. Anh thực sự cho là tôi sẽ để những chuyện này diễn ra thêm nửa năm nữa ư? Đến khi đó sẽ có biết bao nhiêu người vô tội lại bị thiêu chết, sẽ bỏ mạng vào mùa đông này trong nghèo khổ, đói kém và lạnh giá nếu tôi không ra tay làm gì? Cả thị trấn đang tràn lan lời đồn về những cảnh tượng bên dưới hầm mộ. Nếu những lời đồn ấy là xác thực thì quả là quyền năng và uy lực của Quỷ Độc đang trở nên mạnh mẽ, hẳn đang biến mình từ một linh hồn sang một sinh vật bằng xương bằng thịt. Chẳng mấy chốc hẳn sẽ quay lại hình dạng ban đầu, hiện hình của linh hồn quỷ dữ đã từng đàn áp những Người Lùn trong bạo tàn. Và đến khi ấy tất cả chúng ta sẽ ở đâu nào? Khi ấy việc hẳn khủng bố hay chiêu dụ một ai đó đến mở cổng ra sẽ dễ dàng đến dường nào cơ chứ? Không, việc này đã rành rành như ban ngày rồi. Tôi phải ra tay để giải thoát Priestown khỏi thế lực bóng tối, trước khi quyền năng của Quỷ Độc mạnh hơn thêm chút nào nữa. Vậy

nên tôi lại hỏi anh đây này, một lần nữa nhé. Anh sẽ làm cho tôi chiếc chìa khóa ấy chứ?”

Trong một đổi, anh trai của Thầy Trừ Tà vùi mặt vào hai bàn tay giống như một trong những bà lão lầm rầm cầu nguyện trong nhà thờ. Cuối cùng ông ấy cũng ngẩng lên và gật đầu. “Tôi vẫn còn giữ khuôn chìa khóa lần trước. Sáng sớm mai tôi sẽ giao chiếc chìa cho chú. Chắc là tôi còn điên hơn cả chú rồi,” ông Andrew nói.

“VẬY là tốt đấy,” Thầy Trừ Tà đáp. “Tôi biết anh sẽ không làm tôi thất vọng đâu mà. Tỉnh mơ ngày mai tôi sẽ ghé lấy.”

“Lần này tôi hy vọng chú biết mình sẽ phải làm gì khi chú xuống dưới đó đấy!”

Mặt Thầy Trừ Tà đỏ ửng vì giận. “Này anh trai, anh làm việc của anh đi, còn tôi lo chuyện của tôi!” thầy bảo.

Nghe đến đấy, ông Andrew đứng dậy, thở hắt ra rõ là chán chường, và bỏ đi mà không thèm liếc lại ra sau lấy một cái.

“ĐƯỢC rồi anh bạn,” Thầy Trừ Tà lên tiếng, “con hãy ra về trước. Quay trở lại phòng con và ở yên đấy đến sáng hôm sau. Cửa hàng của Andrew nằm trên phố Cổng Thầy Dòng. Ta sẽ đến đấy lấy khóa và sẵn sàng gặp con khoảng hai mươi phút sau khi trời sáng. Sáng cỡ ấy thì sẽ không mấy người qua lại đâu. Con còn nhớ chỗ con đứng lúc trước khi tên Phán Quan đi ngang chứ?”

Tôi gật đầu.

“Hãy đứng ở góc đường gần đấy nhất đấy anh bạn. Đừng có đến muộn. Và nhớ là, chúng ta phải tiếp tục nhịn đói đấy. Ồ, thêm điều này nữa: đừng quên mang theo chiếc túi của ta. Ta nghĩ chúng ta hẳn phải cần đến nó.”

Trên đường trở về quán trọ đầu óc tôi quay cuồng. Tôi nên sợ điều gì nhất đây: một người đàn ông đầy quyền uy sẽ săn đuổi và thiêu sống tôi trên cây cọc chằng? Hay là một sinh vật đáng sợ đã từng đánh bại thầy tôi khi thầy đang ở tuổi sung mãn, và, qua đôi mắt của một cha xứ, có thể ngay lúc này hẳn đang quan sát tôi từ những cửa sổ cao cao trên gác chuông kia?

Khi liếc mắt nhìn lên nhà thờ lớn, tôi bắt gặp một khoảng đen do chiếc áo thụng của một cha xứ gần bên tạo ra. Tôi đảo mắt sang để rồi trông thấy một cha xứ: Cha Cairns. May sao là lễ đường đang đông nghẹt người và ông ta đang nhìn chăm chăm tới trước nên thậm chí còn không liếc cả sang phía tôi. Tôi nhẹ cả người, vì lỡ may ông ta nhìn thấy tôi ở đây, quá gần với nơi tôi trọ, thì hẳn ông ta chẳng cần phải suy nghĩ gì nhiều cũng đoán ra được là tôi đang ở đâu. Thầy Trừ Tà từng bảo Cha Cairns vô hại nhưng tôi không thể không nghĩ rằng càng ít người biết được chúng tôi là ai và đang trọ tại chỗ nào thì càng tốt. Nhưng sự nhẹ nhõm của tôi chỉ được một lúc cho đến khi tôi quay trở lại phòng mình và trông thấy một mẫu giấy dính trên cửa phòng.

Thomas,

Nếu con muốn cứu lấy mạng của thầy mình, hãy đến buổi xưng tội của ta tối nay vào lúc bảy giờ. Còn sau đấy thì mọi chuyện sẽ là quá muộn.

Cha Cairns

Tôi thấy lo đến phát ốm. Làm thế nào mà Cha Cairns biết được tôi đang ở đâu cơ chứ? Liệu có ai đó theo dõi tôi chẳng? Là quản gia của Cha Gregory chẳng? Hay là tay chủ quán trọ? Tôi đã chẳng thích cái vẻ bề ngoài của ông ta tí nào. Liệu có phải ông ta đã báo tin cho nhà thờ lớn không nhỉ? Hay là do Quỷ Độc? Phải chăng kẻ ấy biết được nhất cử nhất động của tôi rồi? Có phải chính hắn đã báo cho Cha Cairns biết nơi để tìm ra tôi không? Cho dù là đã xảy ra chuyện gì đi nữa, viên cha xứ ấy biết tôi đang ở đâu, và nếu ông ta mách cho tên Phán Quan biết thì hẳn sẽ đến bắt tôi bất cứ lúc nào.

Tôi cuống cuống mở cửa phòng ngủ ra rồi khóa cứng lại sau lưng. Đoạn tôi đóng hết các cánh cửa chớp, tuyệt vọng mong rằng sẽ tránh được mọi con mắt tò mò của Priestown. Tôi kiểm tra xem chiếc túi của Thầy Trừ Tà có còn tại nơi mình đã cất không rồi ngồi xuống giường, chẳng biết phải làm gì tiếp. Thầy Trừ Tà dặn tôi phải ở lì trong phòng cho đến sáng. Tôi biết thầy sẽ chẳng thích tôi đi đến gặp ông anh họ của mình đâu. Thầy đã bảo ông ta là một cha xứ nhiều chuyện. Liệu có phải ông ta lại xía vào chuyện người khác nữa không? Mặt khác thầy cũng bảo tôi rằng Cha Cairns chỉ có ý

tốt. Nhưng ngộ nhờ viên cha xứ này thực sự biết điều gì đó có khả năng đe dọa Thầy Trừ Tà thì sao? Nếu tôi ở lại trong phòng, có thể thầy tôi sẽ rơi vào tay tên Phán Quan mất. Tuy vậy, nếu đi đến nhà thờ lớn, thì rõ là tôi đang đi thẳng đến hang ổ của tên Phán Quan và tên Quỷ Độc! Tang lễ hồi sáng đã là quá nguy hiểm rồi. Liệu tôi có thể thử vận may mình thêm chút nữa chăng?

Việc lẽ ra tôi thật sự nên làm là thuật lại cho Thầy Trừ Tà biết về mẫu tin nhắn. Nhưng tôi không thể làm thế. Vì một lẽ, thầy đã không cho tôi biết thầy đang ở nơi nào.

“Hãy tin vào trực giác của con,” Thầy Trừ Tà trước nay vẫn luôn dạy tôi như thế, nên cuối cùng tôi đã đưa ra quyết định. Tôi sẽ đi đến nói chuyện với Cha Cairns.

Chương 6

GIAO KÈO VỚI ĐỊA NGỤC

Chẳng vội vã gì, tôi chậm chậm đi qua những con phố trải đá cuội ẩm ướt. Hai bàn tay tôi nhớp nháp mồ hôi vì lo lắng, còn hai chân dường như dùng dằng chẳng muốn tiến về phía nhà thờ lớn. Như thế chúng còn khôn hơn cả tôi vậy, nên tôi cứ phải buộc một chân này lê lên trước chân kia. Nhưng trời đêm đang se lạnh, và may mắn thay trên phố chẳng có lấy bao nhiêu người. Tôi thậm chí còn chẳng đi qua một cha xứ nào.

Tôi đến nhà thờ lớn vào khoảng bảy giờ kém mười, và khi bước qua cánh cổng đi vào khoảng sân trước lát đá rộng thênh thang, tôi không thể không liếc lên bức tượng đầu thú bên trên cổng chính. Chiếc đầu xấu xí hình như còn lớn hơn bao giờ hết và hai con mắt trông vẫn rất sinh động quỷ quyệt; chúng dõi nhìn theo tôi khi tôi bước về phía cửa. Chiếc cằm dài cong vêu hết mức, đến nỗi gần chạm đến mũi, khiến cho sinh vật này trông chẳng giống bất cứ thứ gì tôi từng nhìn thấy. Lại còn thêm hai tai như tai chó và một chiếc lưỡi lè dài khỏi miệng, hai sừng ngắn từ sọ uốn ngược lên trên, thốt nhiên hình ảnh này gợi cho tôi nhớ đến con dê.

Tôi nhìn sang hướng khác và bước vào trong nhà thờ lớn, hình thù quá đổi kỳ quái của sinh vật kia làm tôi run lập cập. Vào trong thánh đường rồi tôi phải mất một lúc để mắt mình làm quen với vẻ thâm u, và thật nhẹ nhõm làm sao khi tôi thấy trong này dường như không có ai.

Thế nhưng tôi lại thấy sợ, vì hai lẽ. Thứ nhất, tôi không muốn ở trong thánh đường, nơi mà các cha xứ có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Nếu Cha Cairns đang giảng bầy hại tôi thì tôi vừa mới tự mình bước thẳng vào bầy của ông ta. Thứ hai, hiện tại tôi đang ở trong lãnh địa của Quỷ Độc. Chẳng mấy chốc nữa thôi ngày sẽ tàn, và một khi mặt trời đã lặn thì Quỷ Độc, cũng như mọi sinh vật từ bóng tối khác, sẽ trở nên nguy hiểm vô cùng. Có lẽ đến

lúc ấy tư tưởng của hắn có thể vươn lên từ hầm mộ mà tìm cho ra tôi. Tôi phải dứt điểm việc này càng nhanh càng tốt.

Buồng xưng tội ở đâu mới được nhỉ? Ở phía cuối thánh đường chỉ có vài ba bà lão, nhưng một ông lão đang quỳ mé trước thánh đường, gần một cánh cửa nhỏ của một buồng bằng gỗ dựng áp lưng vào bức tường đá.

Chừng đó cũng đủ cho tôi biết mình cần tìm gì. Cách đây một quãng lại có thêm một buồng gỗ tương tự. Buồng xưng tội. Mỗi buồng có một ngọn nến trong chân nến thủy tinh xanh đặt bên trên. Nhưng chỉ có ngọn nến nơi buồng gần bên ông lão đang quỳ là được thắp sáng.

Tôi bước dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế mé tay phải và quỳ lên một chiếc ghế lễ đằng sau ông lão nọ. Sau đây một lúc cánh cửa dẫn vào buồng xưng tội bật mở và một phụ nữ đeo mạng che mặt đen bước ra. Bà ta băng qua lối đi và đến quỳ bên ghế lễ cách đây một quãng trong khi ông lão bước vào buồng xưng tội.

Sau đây một lúc nữa thì tôi có thể nghe thấy ông lão ấy lầm rầm. Cả đời tôi chưa bao giờ đi xưng tội, nhưng tôi biết khá rõ những gì diễn ra trong ấy. Một trong những người anh của bố tôi từng trở nên rất sùng đạo trước khi bác ấy mất. Bố hay gọi bác ấy là “Joe Mộ Đạo” nhưng tên thật của bác ấy là Matthew. Bác thường đi xưng tội hai lần một tuần, và sau khi lắng nghe các tội lỗi của bác ấy, cha xứ ban cho bác phép sám hối. Điều này nghĩa là sau đây bác Matthew phải đọc đi đọc lại thật nhiều lời kinh. Vậy nên tôi đoán ông lão trong kia hiện giờ đang kể cho cha xứ nghe về những tội lỗi của mình.

Cánh cửa buồng xưng tội cứ đóng kín mít như là đến muôn đời muôn kiếp và tôi bắt đầu thấy sốt ruột. Một ý nghĩ khác lóe lên: lẽ ra trong ấy không phải là Cha Cairns mà là cha xứ khác thì sao? Nếu thế thì tôi phải xưng tội thật sự, bằng không sẽ trông có vẻ khả nghi lắm. Tôi cố nghĩ đến vài tội lỗi nghe sao cho đáng tin tí. Tham ăn có phải là tội không nhỉ? Hay ta chỉ gọi đấy là tính háu ăn thôi? Vâng, chắc chắn là tôi thích thức ăn rồi, nhưng đó là do cả ngày nay tôi đã chẳng ăn gì và bụng tôi bắt đầu kêu réo. Đột nhiên

việc làm này dường như điên khùng quá đỗi. Thoắt cái thôi tôi có thể biến thành tù nhân mất.

Tôi trở nên hoảng loạn và đứng lên tính bỏ về. Chỉ đến lúc ấy tôi mới nhẹ cả người khi chú ý thấy một tấm thiệp be bé mắc vào tay nắm cửa. Trên tấm thiệp có ghi tên: CHA CAIRNS.

Đúng lúc đó cánh cửa lại mở và ông lão bước ra, thế là tôi thay vào chỗ ông ấy trong buồng xưng tội và đóng cửa lại sau lưng. Bên trong căn buồng vừa nhỏ vừa u ám, và khi tôi quỳ xuống, mặt tôi dí sát vào tấm lưới kim loại. Đằng sau tấm lưới là màn cửa màu nâu, và đầu đấy phía sau màn cửa, một ngọn nến đang lập lòe. Tôi không thể nhìn ra mặt mũi của người đang ở sau tấm lưới, chỉ là một hình đầu người tối đen.

“Con có muốn ta nghe lời xưng tội của con không?” Tiếng của cha xúr đặc sệt giọng vùng Hát và ông ta thở khò khè rất to.

Tôi chỉ nhún vai. Nhưng rồi tôi nhận ra là ông ta không thể nhìn rõ mình qua tấm lưới. “Không ạ, thưa Cha,” tôi đáp, “nhưng cảm ơn cha đã hỏi. Con là Tom, là người học việc của thầy Gregory. Cha đã muốn gặp con mà.”

Một hồi ngừng lặng trước khi Cha Cairns mở lời. “À, Thomas đấy à, ta mừng vì con đã đến. Ta yêu cầu con đến đây vì ta cần nói chuyện với con. Ta phải nói cho con nghe một chuyện rất quan trọng và ta muốn con nán lại đây cho đến khi ta nói xong. Con có hứa là sẽ không bỏ đi cho đến khi ta nói hết những gì cần phải nói hay không?”

“Con sẽ lắng nghe ạ,” tôi nghi ngại đáp. Giờ đây tôi rất cảnh giác khi phải đưa ra lời hứa. Mùa xuân rồi tôi đã hứa hẹn với Alice và lời hứa đó khiến tôi mắc vào một lô một lốc những rắc rối.

“Tốt đấy anh bạn,” cha xúr bảo. “Chúng ta đã tạo ra một khởi đầu tốt đẹp cho một nhiệm vụ quan trọng. Và con có biết nhiệm vụ ấy là gì không?”

Tôi phân vân không rõ liệu ông ta có phải đang nói đến Quỷ Độc hay không, nhưng rồi tôi lại nghĩ tốt nhất là không nên nhắc đến cái thứ ấy khi đang ở quá gần hầm mộ như thế này, vậy nên tôi trả lời, “Không ạ, thưa Cha.”

“À, Thomas này, chúng ta phải lập kế hoạch thôi. Chúng ta phải lên kế hoạch để có thể cứu rồi lấy linh hồn bất tử của con. Nhưng con biết mình cần phải làm gì để khởi đầu tiến trình đó, phải không nào? Con phải dễ dàng đánh bại John Gregory. Con phải thôi không thực hiện cái công việc đòi bại ấy nữa. Con có làm thế vì ta không nào?”

“Con nghĩ cha muốn gặp con về chuyện giúp đỡ thầy Gregory,” tôi bắt đầu thấy nóng máu. “Con nghĩ thầy ấy đang gặp nguy hiểm cơ mà.”

“Hắn ta đang gặp nguy hiểm thật đấy Thomas à. Chúng ta có mặt ở đây là để giúp John Gregory, nhưng chúng ta phải bắt đầu bằng việc giúp đỡ con đã. Vậy con có làm theo những gì ta nói không?”

“Không thể được ạ,” tôi đáp. “Bố con đã trả bọn tiền cho con học việc, và mẹ con sẽ còn thất vọng hơn nhiều. Mẹ nói con có thiên khiếu và con phải sử dụng thiên khiếu ấy để giúp mọi người. Đây là công việc mà những người trù tà làm. Thầy trò chúng con đi khắp nơi giúp đỡ người ta khi họ gặp nguy hiểm do thể lực bóng tối gây ra.”

Mọi đổi im lặng thật dài. Tất cả tiếng động tôi nghe được là tiếng cha xử thở khò khè. Thế là tôi nghĩ ra chuyện khác.

“Con đã giúp Cha Gregory đấy, cha biết không ạ,” tôi buột miệng. “Đúng là sau đấy Cha Gregory không qua khỏi, nhưng con đã cứu cha ấy thoát khỏi một cái chết đau đớn hơn nhiều. Ít ra là Cha Gregory đã chết trên giường bệnh, khi còn được ấm áp. Cha ấy đã cố xử lý một ông kẹ,” tôi dài dòng giải thích với giọng hơi lớn tiếng một chút. “Đây chủ yếu mới là chuyện khiến cha ấy vướng vào tai họa. Lẽ ra thầy Gregory đã có thể giải quyết giùm cho cha ấy rồi. Thầy làm được những việc mà một cha xứ phải bó tay. Các cha không tiêu diệt được ông kẹ vì họ không biết cách. Làm chuyện này cần phải có nhiều thứ lắm chứ không phải chỉ vài ba lời cầu nguyện thôi đâu.”

Tôi biết lẽ ra mình không nên nói như thế về những lời cầu nguyện, và tôi trông chờ ông ta nổi cơn lôi đình. Nhưng không. Ông ta vẫn giữ bình tĩnh và như thể dường như càng khiến cho mọi chuyện tồi tệ hơn hẳn.

“Ồ phải rồi, cần phải có nhiều thứ hơn,” Cha Cairns lặng lẽ đáp, giọng ông ta giờ đây chỉ như tiếng thì thầm. “Nhiều, hơn rất nhiều. Con có biết bí mật của John Gregory là gì không, hả Thomas? Con có biết nguồn gốc sức mạnh của hắn đến từ đâu không?”

“Có chứ,” tôi đáp, giọng bỗng trở nên bình tĩnh hơn hẳn. “Thầy đã học tập hàng bao năm trời, trong suốt cả cuộc đời hành nghề của mình. Thầy có một thư viện đầy sách, và thầy phải kinh qua thời gian học việc cũng như con đây, thầy chăm chú lắng nghe lời thầy mình, ghi chép hết vào sổ, cũng giống như con bây giờ vậy.”

“Thế con không nghĩ là chúng ta cũng làm như thế sao? Phải mất biết bao nhiêu năm huấn luyện đẳng đẳng để được làm cha đấy chứ. Và các cha xứ là những con người thông minh được huấn luyện bởi những người còn thông minh hơn. Vậy làm thế nào con hoàn thành được việc mà Cha Gregory không thể, dù cha ấy đã đọc qua kinh thánh thiêng liêng của Đức Chúa Cha? Làm sao con giải thích được chuyện thầy của con có thể liên tục dứt điểm xong xuôi những việc mà anh trai hắn hoàn toàn bất lực?”

“Đấy là vì các cha xứ không được huấn luyện đúng cách,” tôi đáp. “Và bởi vì thầy con và cả con nữa là con trai thứ bảy của người con thứ bảy.”

Viên cha xứ phát ra âm thanh kỳ quặc đằng sau tấm lưới. Lúc đầu tôi nghĩ ông ta đang bị sặc; rồi tôi nhận ra mình nghe thấy tiếng cười. Ông ta đang cười nhạo tôi.

Tôi nghĩ như thế là khiếm nhã lắm. Bố tôi luôn nói rằng ta phải tôn trọng ý kiến của người khác, cho dù đôi khi ý kiến ấy nghe có ngớ ngẩn đến thế nào đi nữa.

“Chỉ là trò mê tín thôi, Thomas này,” rốt cuộc rồi Cha Cairns cũng lên tiếng. “Làm con trai thứ bảy của người con thứ bảy chẳng có nghĩa gì cả. Chỉ là chuyện tào lao. Lời giải thích xác thực cho sức mạnh của John Gregory là một điều kinh khủng đến nỗi vẫn khiến ta rùng mình mỗi khi nghĩ đến. Này nhé Thomas, John Gregory đã ký một giao kèo với Quỷ sứ. Hắn đã bán linh hồn mình cho Ác quỷ.”

Tôi chẳng thể nào tin được những gì ông ta đang nói. Khi mở mồm định bác lại thì chẳng lời lẽ nào thoát ra hết, nên tôi chỉ biết lắc đầu quây quây.

“Thật vậy đấy Thomas. Mọi sức mạnh của hắc là từ Ác quỷ. Thứ mà con và người trong Hạt gọi là ông kẹ thì chỉ là những loài quỷ sứ yếu kém hơn phải chịu đầu hàng vì ông chủ của chúng buộc chúng phải thế. Ác quỷ làm vậy cũng thấy đáng, bởi vì đổi lại, một ngày nào đó hắc sẽ sở hữu được linh hồn của John Gregory. Mà linh hồn là thứ rất quý giá với Chúa Trời, là một điều huy hoàng và tráng lệ, và Ác quỷ sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì để vấy bẩn lấy nó bằng tội lỗi và lôi kéo nó xuống ngọn lửa vĩnh cửu của Địa ngục.”

“Vậy còn con thì sao?” tôi hỏi, thấy nóng mặt trở lại. “Con đã chẳng bán đi linh hồn gì cả. Nhưng con đã cứu lấy Cha Gregory.”

“Dễ hiểu thôi mà Thomas. Con là đầy tớ của Thầy Trừ Tà, như con hay gọi hắc là thế, để rồi đến lượt hắc, hắc lại là đầy tớ của Ác Quỷ. Vậy nên những sức mạnh ma quỷ sẽ được cho con vay mượn khi con đang phục dịch. Nhưng tất nhiên, nếu con hoàn tất hết kỳ huấn luyện cùng quỷ sứ và chuẩn bị thực hành cái nghề kinh tởm của mình với tư cách là một kẻ lành nghề chứ không còn là chân học việc nữa, thì sẽ đến phiên con thôi. Con cũng sẽ phải bán đi linh hồn của mình. John Gregory chưa nói cho con biết điều này bởi vì con hãy còn quá nhỏ, nhưng chắc chắn rồi một ngày nào đó hắc cũng sẽ phải nói thôi. Và khi ngày ấy đến, sẽ chẳng có gì ngạc nhiên nữa đâu vì con sẽ nhớ đến những lời lúc này ta đang nói với con đây. John Gregory đã phạm quá nhiều sai lầm nghiêm trọng trong cuộc đời hắc và mang tội quá nặng. Con có biết hắc từng là cha xứ hay không?”

Tôi gật. “Con biết chuyện này rồi.”

“Và con có biết làm thế nào mà, chỉ ngay sau khi làm lễ thụ phong linh mục, hắc lại từ bỏ lời Chúa hay không? Con có biết đến sự ô nhục của hắc không?”

Tôi không trả lời. Tôi biết Cha Cairns rồi sẽ nói cho tôi nghe thôi.

“Một vài nhà thần học tranh luận rằng đàn bà không có linh hồn. Cuộc tranh luận ấy vẫn còn tiếp diễn, nhưng có một điều chúng ta đều biết chắc – một cha xứ thì không thể có vợ, bởi vì làm thế sẽ khiến hắn xao lãng việc hiến mình phụng sự Chúa. Sự sa ngã của John Gregory còn tệ hơn gấp đôi: hắn không những bị một người đàn bà làm cho xao lãng, mà người đàn bà đấy lại còn là người được hứa hôn với một trong những anh trai của hắn. Việc này làm gia đình chia năm xẻ bảy. Anh em trở mặt với nhau vì một ả tên Emily Burns.”

Đến lúc này tôi chẳng còn ưa Cha Cairns tẹo nào, và biết chắc rằng nếu ông ta mà đi nói với mẹ tôi về việc đàn bà không có linh hồn, thì mẹ tôi sẽ mắng cho ông ta tan xác. Nhưng tôi tò mò muốn biết chuyện của Thầy Trừ Tà. Đầu tiên là chuyện về Meg, và giờ đây tôi lại được tì tê rằng, thậm chí trước đấy nữa, thầy từng dính líu đến người tên Emily Burns này. Tôi sửng sốt và muốn biết nhiều hơn.

“Thầy Gregory có cưới Emily Burns không ạ?” tôi buột miệng hỏi ngay.

“Dưới sự chứng kiến của Chúa thì không bao giờ,” Cha Cairns trả lời. “À đến từ Blackrod, nơi có gốc gác gia đình chúng ta, rồi sống ở đó một mình cho đến ngày nay. Có người bảo hai người bọn họ đã cãi cọ, nhưng gì thì gì dần dà rồi John Gregory lại tiếp nhận một mụ đàn bà khác mà hắn đã gặp mãi trên miền Bắc xa xôi của Hạt rồi đem mụ xuống miền Nam. Tên mụ ta là Margery Skelton, một mụ phù thủy khét tiếng. Dân địa phương gọi mụ là Meg, và chẳng bao lâu sau người dân trên khắp khu đầm lầy Anglezarke lẫn những thị trấn làng mạc phía Nam của Hạt đều khiếp hãi và nguyên rủa mụ.”

Tôi chẳng nói gì. Tôi biết ông ta mong chờ là tôi sẽ choáng lăm. Tôi có choáng thật, khi nghe mọi điều ông ta kể, nhưng việc đọc cuốn nhật ký của Thầy Trừ Tà ở Chipenden đã giúp tôi chuẩn bị tinh thần cho những điều tồi tệ nhất.

Cha Cairns lại khịt khịt mũi rõ to rồi ho húng hắng trong họng. “Con có biết trong sáu người anh của John Gregory thì hắn đã mắc lỗi với ai không?”

Tôi đã đoán ra từ lâu. “Là Cha Gregory,” tôi đáp.

“Trong những gia đình sùng đạo như nhà Gregory ấy, truyền thống là luôn phải có một người con trai nhận lấy Thánh Chức. Khi John quảng thiên chức của hắn đi, một người anh khác phải thế chỗ vào và bắt đầu được huấn luyện để trở thành linh mục. Đúng thế đấy Thomas, đấy là Cha Gregory, người anh em mà hôm nay chúng ta phải chôn cất. Ông ấy đã mất đi người hứa hôn và mất luôn một em trai. Ông ta có thể làm được gì hơn là quay đầu về phía Chúa cơ chứ?”

Lúc tôi đến đây, nhà thờ này dường như chẳng có ai, nhưng khi chúng tôi trò chuyện thì tôi ý thức được những âm thanh bên ngoài buồng xưng tội. Những tiếng bước chân và tiếng người thì thầm ngày một tăng dần. Bất thình lình ngay lúc ấy, một dàn đồng ca bỗng cất tiếng. Lúc này hắn đã sau bảy giờ lâu lắm rồi và mặt trời chắc đã lặn mất. Tôi quyết định lựa lời thoái thác để bỏ ra về, nhưng khi vừa mở miệng thì tôi đã nghe thấy tiếng Cha Cairns đứng lên.

“Đi theo ta nào Thomas,” ông ta bảo. “Ta muốn chỉ cho con coi thứ này.”

Tôi nghe thấy ông ta mở cửa buồng bước ra nhà thờ, thế là tôi làm theo.

Cha Cairns ra hiệu cho tôi tiến về phía điện thờ, tại đây một dàn đồng ca gồm các cậu bé lễ sinh đang đứng trên các bậc cấp, xếp ngay ngắn thành ba hàng mỗi hàng mười cậu, được một cha xứ khác chủ xướng. Mỗi cậu đều mặc áo thầy dòng màu đen và áo thụng trắng.

Cha Cairns dừng bước, đặt bàn tay trái đang băng bó lên vai phải tôi.

“Hãy lắng nghe bọn họ đi nào Thomas. Chẳng phải giọng họ nghe như những thiên thần thánh thiện hay sao?”

Tôi chưa từng nghe thấy thiên thần hát bao giờ nên chẳng thể trả lời được, nhưng chắc chắn là các cậu bé kia phát ra âm thanh nghe hay hơn bố tôi nhiều, bố thường hay bắt đầu cất tiếng ca khi chúng tôi gần vất xong sữa. Giọng của bố nghe ghê đến nỗi có thể biến sữa thành chua loét.

“Lẽ ra con cũng có thể trở thành một thành viên trong ca đoàn ấy rồi đấy, Thomas à. Nhưng con đã để cho quá muộn. Giọng của con đã bắt đầu khàn

đi và cơ hội được phục vụ trong ca đoàn đã bị vượt mất.”

Điều này thì ông ta nói đúng. Các cậu bé kia đa phần đều nhỏ tuổi hơn tôi và giọng của các cậu nghe giống giọng con gái hơn là giọng con trai. Mà thôi, khả năng hát hò của tôi cũng chẳng khá khẩm hơn bố tôi là mấy.

“Thế nhưng, vẫn có những việc khác mà con có thể làm. Để ta chỉ cho con xem này...”

Ông ta dẫn đường đi băng qua điện thờ, qua cánh cửa đi ra dọc theo hành lang. Rồi chúng tôi bước ra khu vườn ở phía sau nhà thờ. À, trông nơi này rộng cỡ một cánh đồng chứ không hẳn là khu vườn, và thay vì được trồng hoa hồng hoa hoét thì nơi đây trồng toàn rau.

Trời đang tối dần nhưng vẫn còn đủ ánh sáng để nhìn thấy một hàng rào cây táo gai phía xa và ngay sau đấy là những bia mộ trong bãi tha ma của nhà thờ. Phía trước dãy hàng rào là một cha xứ đang quỳ gối dùng xẻng nhổ cỏ. Khu vườn thì thênh thang, chỉ có mỗi chiếc xẻng lại bé xíu.

“Thomas này, con xuất thân là gia đình nhà nông. Đây là loại lao động chân chính, tốt đẹp. Làm việc ở đây con sẽ thấy như ở nhà mình,” ông ta vừa nói vừa chỉ tay về phía cha xứ đang quỳ.

Tôi lắc đầu. “Con không muốn làm cha xứ ạ,” tôi bảo.

“Ồ, con chẳng thể nào thành cha xứ được đâu!” Cha Cairns la lên, giọng đầy choáng váng và căm phẫn. “Vì lẽ con đã đến quá gần Ác quỷ và giờ đây cho đến hết cuộc đời con sẽ được canh chừng cẩn thận phòng khi con lại sa ngã. Không đâu, người đàn ông kia là một tu huynh.”

“Huynh ư?” tôi hỏi lại, lòng hoang mang, cứ nghĩ ông ta là người trong gia đình hay sao đấy.

Cha xứ mỉm cười. “Trong những nhà thờ lớn như nhà thờ này, các cha xứ luôn có các phụ tá trợ giúp. Chúng ta gọi họ là tu huynh bởi lẽ, mặc dù không thể thi hành thánh lễ nhưng họ có thể thực hiện những nhiệm vụ quan trọng khác và là một phần trong ngôi nhà Đức Chúa. Huynh Peter là người làm vườn của chúng ta và cũng rất thạo việc đấy. Con thấy sao nào Thomas? Con có muốn làm một tu huynh hay không?”

Tôi biết quá rõ làm huynh đệ là như thế nào rồi. Là con út trong bảy anh em trai, tôi đã luôn được giao những việc mà chẳng ai khác muốn lãnh. Ở đây trông có vẻ cũng tương tự thế. Dù sao đi nữa, tôi đã có công việc rồi và tôi chẳng tin lời nào của Cha Cairns về Ác quỷ và Thầy Trừ Tà cả. Cũng khiến tôi suy nghĩ chút ít đấy, nhưng từ trong sâu thẳm tôi biết chuyện ấy không thể nào là sự thực được. Thầy Gregory là một người cao quý.

Trời mỗi lúc một tối dần và lạnh hơn nên tôi quyết định đã đến lúc phải đi.

“Cảm ơn cha đã nói chuyện với con, thưa Cha Cairns,” tôi mở lời, “nhưng cha có thể nói cho con nghe về hiểm nguy mà thầy Gregory sẽ gặp phải được không, thưa Cha?”

“Rồi sẽ nói thôi mà, Thomas,” ông ta vừa đáp vừa cười nhẹ với tôi.

Có gì đấy trong nụ cười kia mách cho tôi biết rằng mình đã bị lừa. Rằng ông ta chẳng có ý định giúp đỡ gì Thầy Trừ Tà cả.

“Con sẽ suy nghĩ về những điều cha vừa bảo với con, nhưng con phải quay về ngay thôi bằng không con sẽ lỡ bữa tối mất,” tôi bảo với ông ta. Lúc ấy lời này nghe có vẻ như một lý do thoái thác hợp lý. Ông ta không có cách nào biết được là tôi đang nhin đói vì phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó với Quỷ Độc.

“Ở đây chúng ta cũng có bữa tối cho con mà Thomas,” Cha Cairns đáp. “Đúng ra là chúng ta muốn con ở lại đây đêm nay.”

Hai cha xứ khác từ cửa hông bước ra và đang tiến về phía chúng tôi. Hai người này to lớn, và tôi chẳng ưa gì cái vẻ trên mặt họ cả.

Có một thoáng chốc mà chắc là tôi có thể bỏ chạy thoát thân, nhưng hình như bỏ chạy thì ngớ ngẩn quá khi tôi còn không rõ chuyện xảy đến tiếp theo là gì.

Và rồi không còn kịp nữa vì hai cha xứ kia đã đứng kè kè hai bên, túm chặt phần trên cánh tay và vai tôi. Tôi không vùng vẫy vì chẳng ích gì. Tay của họ vừa to vừa khỏe và tôi cảm thấy rằng nếu đứng yên một chỗ quá lâu

thì mình sẽ bắt đầu lún xuống đất mất. Họ bắt đầu đẩy tôi ngược vào phòng áo lễ.

“Chuyện này là để tốt cho con thôi Thomas à,” Cha Cairns vừa nói vừa đi theo chúng tôi vào trong. “Tối nay ngài Phán Quan sẽ tóm cổ John Gregory. Tất nhiên hẳn ta sẽ được đem ra xét xử, nhưng kết cục đã quá rõ ràng rồi. Hẳn sẽ bị thiêu sống trên giàn hỏa vì tội cấu kết với Ác quỷ. Đây là lý do vì sao ta không thể để con quay về với hẳn. Với con thì vẫn còn hy vọng. Con chỉ là một cậu bé và linh hồn con vẫn còn có thể cứu được mà không cần phải thiêu đốt đi. Nhưng nếu như con đang ở bên hẳn khi hẳn bị bắt, con sẽ phải chịu chung số phận. Vậy nên việc này chỉ là để tốt cho con thôi.”

“Nhưng thầy ấy là em họ của ông kia mà!” Tôi buột miệng thốt lên. “Thầy là người cùng một nhà. Làm sao ông lại có thể làm như thế chứ? Hãy thả tôi đi để tôi cảnh báo cho thầy.”

“Cảnh báo ư?” Cha Cairns hỏi. “Con nghĩ là ta chưa từng cố báo trước cho hẳn hay sao? Ta đã làm như thế gần suốt quãng đời trưởng thành của hẳn rồi. Giờ thì ta cần phải nghĩ cho linh hồn hơn là cho thể xác của hẳn. Ngọn lửa sẽ tẩy sạch hẳn. Chịu lấy đau đớn, linh hồn hẳn sẽ được cứu rồi. Con không hiểu sao? Ta làm điều này là để giúp hẳn đẩy Thomas. Còn có những thứ quan trọng hơn sự tồn tại ngắn ngủi của chúng ta trên thế gian này nhiều.”

“Ông đã phản bội lại thầy ấy! Phản bội lại chính máu mủ huyết thống của mình. Ông đã báo cho tên Phán Quan biết chúng tôi đang ở đây!”

“Không phải cả hai người đâu, chỉ mình John thôi. Vậy nên hãy tham gia cùng chúng ta nào Thomas. Cầu nguyện đi rồi linh hồn của con sẽ được tẩy sạch và tính mạng con sẽ không khi nào bị nguy hiểm nữa. Con thấy sao?”

Cãi cọ với kẻ quá quả quyết là mình đúng thì chẳng ích gì, nên tôi không thêm tổn hơi tổn sức. Âm thanh duy nhất vang lên là tiếng bước chân chúng tôi vọng lại, và tiếng chìa khóa khua leng xeng khi bọn họ dẫn tôi đi mỗi lúc một sâu hơn vào trong thánh đường u tịch.

Chương 7

ĐÀO THOÁT VÀ BẮT GIỮ

Bọn họ nhốt tôi vào một căn phòng ẩm thấp nhỏ bé không có cửa sổ và cũng chẳng mang bữa tối cho tôi như họ đã nhắc đến. Giường chỉ là một ụ rơm nhỏ. Khi cửa đóng lại, tôi đứng đấy trong bóng tối, lắng nghe tiếng chìa khóa được vặn trong ổ và tiếng bước chân vang vọng xa dần dọc theo hành lang.

Trong này tối đến nỗi tôi không nhìn rõ được hai bàn tay mình trước mặt nhưng điều này chẳng làm tôi lo lắng mấy. Sau gần sáu tháng làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà, tôi đã trở nên gan dạ hơn nhiều. Là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, tôi luôn trông thấy những thứ mà người khác không thể nhìn ra, nhưng Thầy Trừ Tà đã dạy tôi rằng hầu hết những thứ ấy không làm hại gì đến ta được. Đây là một nhà thờ cổ, lại thêm một bãi tha ma bên ngoài khu vườn kia, có nghĩa là sẽ có nhiều thứ lớn vờn quanh đây – những thứ không yên như là hồn ma hay văn hồn – nhưng tôi không sợ bọn chúng.

Không, thứ làm tôi lo lắng là Quỷ Độc bên dưới hầm mộ kia! Ý nghĩ rằng hắc chui vào trong tâm tưởng tôi thật đáng kinh hãi. Dĩ nhiên tôi không muốn đối mặt với chuyện này, và nếu như hiện thời hắc đã trở nên quá mạnh như Thầy Trừ Tà nghi ngại, thì hắc sẽ biết chính xác chuyện gì đang xảy ra. Thực ra hắc hắc đã thao túng Cha Cairns mất rồi, khiến ông ta quay lưng lại với em họ của mình. Hắc hắc đã len lỏi vào giữa các cha xứ và lắng nghe bao cuộc chuyện trò của họ. Hắc đã phải biết tôi là ai, tôi đang ở chỗ nào, và giá chót là hắc sẽ không thân thiện mấy.

Tất nhiên, tôi không định ở đây suốt đêm đâu. Bọn thấy đấy, trong túi tôi vẫn còn ba chiếc chìa khóa và tôi dự định sẽ sử dụng chiếc chìa đặc biệt mà ông Andrew đã làm. Cha Cairns không phải là người duy nhất biết chơi chiêu đâu nhé.

Chiếc chìa khóa sẽ không cho phép tôi đi quá Cổng Bạc, bởi ta cần phải có một thứ gì đó tinh xảo hơn và được chế tác tỉ mỉ hơn mới mở được ổ khóa đó, nhưng tôi biết chìa này sẽ giúp tôi đi ra ngoài hành lang và qua bất cứ lần cửa nào của nhà thờ. Tôi chỉ việc phải chờ đến lúc mọi người đã ngủ hết rồi tôi sẽ có thể lên ra ngoài. Nếu lên ra quá sớm chắc là tôi sẽ bị bắt lại. Mặt khác, nếu trù trừ, tôi sẽ đến cảnh báo cho Thầy Trừ Tà quá muộn, với lại có lẽ Quý Độc còn đến viếng cho nữa ấy chứ, vậy nên đây là một quyết định mà tôi không thể đi sai bước được.

Khi bóng tối bao trùm và những tiếng ồn bên ngoài lịm bớt, tôi quyết định liều một phen. Chiếc chìa khóa xoay trong ổ không chút ngắc ngứ, nhưng ngay trước khi mở cửa tôi lại nghe thấy tiếng bước chân. Tôi chết lặng đứng im nín thở, rồi dần dần, tiếng những bước chân ấy cũng đi xa và vạn vật trở về yên tĩnh.

Tôi chờ một hồi lâu, lắng nghe chăm chú. Cuối cùng, tôi hít một hơi cạn và nhẹ nhàng đẩy cửa ra. Thật may làm sao, cánh cửa mở ra không chút tiếng động và tôi bước vào hành lang, dừng lại và một lần nữa dỏng tai nghe ngóng.

Tôi không rõ là trong thánh đường và những tòa nhà phụ có còn ai ở lại không. Có lẽ mọi người đã bỏ về căn nhà to lớn, căn nhà chung của cha xứ hết rồi chẳng? Nhưng tôi không tin là họ lại không cất ai ở lại đây canh gác, thế nên tôi nhón chân đi dọc hành lang tối om, sợ là sẽ gây ra tiếng động dù là nhỏ nhất.

Khi đến được cửa hông của phòng áo lễ, tôi sững người. Tôi không cần đến chìa khóa của mình nữa. Cánh cửa đã được mở sẵn.

Lúc này bầu trời quang mây và trăng đã lên, nhuộm tràn lối đi bằng thứ ánh sáng bàng bạc. Tôi bước ra ngoài và cẩn thận di chuyển. Chỉ đến khi ấy tôi mới cảm nhận được có ai đó đằng sau mình; ai đó đang đứng nép bên cửa, ẩn mình trong bóng tối của một trong những cây cột đá to tướng chạy dọc hai bên thánh đường.

Tôi chết lặng trong một chốc. Đoạn, với trái tim đập thình thịch lớn tiếng đến chính mình còn nghe thấy, tôi chậm chậm quay người lại. Bóng người tối đen kia bước ra dưới ánh trăng. Tôi nhận ra ông ta ngay lập tức. Không phải là cha xứ nào, mà là tu huynh ban nãy quỳ gối chăm sóc khu vườn. Huynh Peter có gương mặt hốc hác, đầu gần sỏi trụi hết tóc, chỉ còn mỗi lớp tóc trắng mỏng bên dưới hai tai.

Đột nhiên ông ta cất tiếng. “Hãy đi cảnh báo cho thầy mình đi, Thomas. Đi nhanh lên! Hãy ra khỏi thị trấn này khi hai thầy trò còn có thể!”

Tôi không đáp lại. Tôi chỉ quay mình phóng chạy dọc lối đi nhanh hết mức có thể. Chỉ đến khi ra tới mấy con phố, tôi mới thôi không chạy nữa. Tôi vừa thả bộ để không lồi kéo quá nhiều sự chú ý đến mình vừa băn khoăn vì sao huynh Peter lại không cố ngăn tôi lại. Chẳng phải đây là việc ông ta phải làm ư? Có phải ông ta là người được cử ở lại canh gác không nhỉ?

Nhưng tôi không còn thời gian để suy nghĩ thấu đáo đến điều này. Tôi phải cảnh báo cho Thầy Trừ Tà biết sự phản bội của ông anh họ trước khi mọi chuyện quá muộn. Tôi không biết Thầy Trừ Tà trú tại nhà trọ nào nhưng có lẽ anh trai thầy biết. Đây là điểm khởi đầu vì tôi biết phố Cổng Thầy Dòng nằm ở đâu: đây là một trong những con phố tôi đã đi qua trong khi đang tìm kiếm nhà trọ, vậy nên cửa hiệu của ông Andrew sẽ không khó tìm cho lắm. Tôi vội bước rảo qua những con phố trái đá, bụng biết rằng mình chẳng còn bao nhiêu thời gian nữa; rằng tên Phán Quan và thuộc hạ chắc là đã đang trên đường đi đến rồi.

Cổng Thầy Dòng là một con đường rộng, nhấp nhô đồi dốc, hai bên đường là hai dãy cửa hiệu, và tôi dễ dàng tìm thấy cửa hiệu thợ sửa khóa. Bảng tên bên trên cửa hiệu đề là ANDREW GREGORY nhưng các dãy nhà đều tối thui. Tôi phải gõ cửa đến ba lần mới thấy ánh sáng lấp ló trên căn phòng lầu trên.

Ông Andrew ra mở cửa và giơ cao ngọn nến dí sát mặt tôi. Ông đang mặc chiếc áo ngủ dài và gương mặt ông biểu lộ nhiều cảm xúc lẫn lộn. Ông trông ngờ ngác, giận dữ và mệt mỏi.

“Em trai bác đang gặp nguy đấy ạ,” tôi nói, cố giữ cho giọng mình khê hết sức. “Lẽ ra cháu tự mình đi báo cho thầy rồi, nhưng cháu không biết thầy đang ở đâu...”

Ông ngoắc tay ra hiệu cho tôi vào mà không nói lời nào, đoạn dẫn đường cho tôi băng qua xưởng của mình. Những bức tường treo hàng dãy hàng dãy các loại chìa và ổ khóa đủ hình dáng kích cỡ. Một chiếc chìa to tướng dài bằng cả cánh tay tôi làm tôi thắc mắc chiếc ổ cho chìa khóa này còn to đến cỡ nào nữa. Tôi nhanh chóng giải thích chuyện gì đã xảy ra.

“Ta đã bảo chú ấy rằng có mà điên mới ở lại đây cơ mà!” ông Andrew vừa kêu lên vừa dấm mạnh nắm tay xuống bàn làm việc. “Và khốn kiếp thay cho thằng anh họ hai mặt xảo trá! Lâu nay ta đã biết tên khốn ấy không đáng tin cậy rồi. Ất hẳn là Quỷ Độc đã thâm tóm được hẳn, luồn lách trong tâm trí hẳn để trừ khử John – người duy nhất trong toàn Hạt này vẫn còn là mối đe dọa đối với hẳn!”

Ông Andrew trở lên lầu và chẳng mất bao lâu để thay vào quần áo tề chỉnh. Chúng tôi nhanh chóng quay trở ra những con phố vắng tênh, đi theo lối dẫn ngược chúng tôi quay lại hướng nhà thờ lớn.

“Thầy con đang trú tại quán Thánh Kinh và Nến,” Andrew Gregory vừa lầm bầm vừa lắc đầu. “Việc quái sao mà thầy con lại không nói cho con biết chứ? Đáng lẽ nếu con đi thẳng được đến đó thì hẳn đã không phí thời gian rồi. Ta hãy hy vọng là chúng ta không đến quá muộn nào!”

Nhưng chúng tôi đã quá muộn thật. Chúng tôi nghe thấy tiếng bọn họ cách đây cả mấy con phố: tiếng những người đàn ông la lối giận dữ và có ai đó nện cửa thành thành, âm ỉ đến nỗi tiếng ồn có thể đánh thức cả người chết.

Chúng tôi nép vào góc phố quan sát, cẩn thận không để bị phát hiện. Giờ thì chúng tôi không còn làm được gì nữa rồi. Tên Phán Quan đang cười trên con bạch mã khổng lồ và dưới quyền chỉ huy của hẳn là khoảng hai mươi người đàn ông trang bị khí giới. Bọn họ mang theo dùi cui gậy gộc và vài người lăm lăm kiếm trên tay như thể họ nghĩ sẽ bị kháng cự. Một trong những người ấy lại nện vào cửa nhà trọ bằng chuôi kiếm.

“Mở cửa ra! Mở cửa ra! Nhanh nhanh lên nào!” hấn ta gào lên. “Không thì chúng tao sẽ phá cửa đấy!”

Có tiếng then cửa được rút ra và ông chủ quán trọ xuất hiện ở cửa trong chiếc áo ngủ, tay cầm theo đèn lồng. Ông ta trông lơ đãng, như thể vừa mới thức dậy từ một giấc ngủ say. Ông ta chỉ nhìn thấy hai người đàn ông mang vũ khí đang đứng đối diện mình chứ không nhìn ra tên Phán Quan. Có lẽ vì vậy nên ông ta mới phạm một sai lầm to lớn: ông ta bắt đầu phản đối và la lối.

“Gì thế này?” ông chủ nhà trọ la lên. “Người ta không thể chợp mắt chút ít sau một ngày làm việc vất vả hay sao thế hử? Đi quấy nhiễu yên bình vào giờ giấc này nữa chứ! Tôi biết quyền của tôi đấy nhé. Có điều luật ngăn cấm những trò như thế này đấy.”

“Thằng này láo!” Tên Phán Quan bực tức quát lên, cho ngựa tiến gần hơn đến cửa. “Ta là luật pháp đây! Một tên phù thủy đang ngủ trong nhà của người. Một tên đầy tớ của Ác quỷ! Cho một kẻ thù có tiếng của Giáo hội trú ngụ sẽ mang đến bao hình phạt thảm khốc. Tránh ra, còn không thì mất mạng!”

“Ôi xin tạ lỗi đức ngài. Xin tạ lỗi!” ông chủ quán trọ rên rỉ, giơ cả hai tay lên van nài khẩn khoản, vẻ kinh hoàng nhuộm đầy mặt.

Để đáp lại, tên Phán Quan chỉ phẩy tay ra hiệu cho thuộc hạ, bọn chúng thô bạo túm lấy ông chủ. Không chút lịch sự khách sáo gì, ông ta bị lôi ra đường và quăng cho nằm phủ phục dưới đất.

Thế rồi, thật khoan thai từ tốn, với vẻ mặt hằn nét tàn nhẫn, tên Phán Quan cho con ngựa bạch của hấn giẫm lên người ông chủ quán. Một vó ngựa đạp xuống chân ông ấy thật mạnh và tôi nghe rõ mồn một tiếng xương vỡ nát. Máu tôi đông lạnh. Người đàn ông nằm trên mặt đất gào thét trong khi bốn tên vệ sĩ xộc vào trong nhà; tiếng đế giày bọn chúng nện ầm ầm lên cầu thang gỗ.

Khi bọn chúng lôi Thầy Trừ Tà ra ngoài, thầy trông thật già nua và yếu ớt. Có lẽ còn hơi chút hoảng sợ nữa, nhưng vì tôi đứng quá xa nên không đoán

chắc lắm.

“Á à, John Gregory, rốt cuộc mi cũng lọt vào tay ta!” tên Phán Quan hét lên bằng giọng vang rền đặc trưng. “Nhúm xương già khô khốc của mi rồi sẽ cháy ra trò đây!”

Thầy Trừ Tà không trả lời. Tôi nhìn theo bọn chúng trối quặt tay thầy ra sau lưng và lôi thầy đi.

“Công sức bao nhiêu năm trường, để rồi kết cục lại như thế này đây,” ông Andrew lầm bầm. “Chú ấy bao giờ cũng có ý tốt. Chú ấy không đáng bị hỏa thiêu.”

Tôi không tin chuyện này lại đang xảy ra. Cục nghẹn trong cổ họng tôi thật lớn, đến nỗi mãi sau khi Thầy Trừ Tà bị mang quanh qua góc đường và khuất khỏi tầm mắt, tôi vẫn không thể nói nên lời. “Chúng ta phải làm gì đó!” cuối cùng tôi cũng thốt lên.

Ông Andrew nặng nề lắc đầu. “Này cậu nhỏ, cứ suy nghĩ đến việc ấy đi rồi bảo cho ta biết chúng ta làm được gì nào. Bởi vì ta chẳng biết phải làm gì cả. Tốt hơn con nên quay về chỗ của ta và khi trời vừa trở sáng thì hãy rời khỏi nơi này càng xa càng tốt.”

Chương 8

CÂU CHUYỆN CỦA HUYNH PETER

Phòng bếp nằm phía cuối căn nhà, trông ra một khoảnh sân nhỏ lát đá. Khi bầu trời đang dần trở sáng, ông Andrew mời tôi ăn điểm tâm. Cũng chẳng có gì nhiều, chỉ một cái trứng và một lát bánh mì nướng. Tôi cảm ơn ông ấy nhưng buộc phải từ chối vì tôi vẫn đang còn nhịn đói. Nếu ăn vào nghĩa là tôi chấp nhận rằng Thầy Trừ Tà đã ra đi và rằng thầy trò chúng tôi sẽ không còn cùng nhau đối mặt với Quỷ Độc nữa. Nhưng dù sao tôi cũng chẳng thấy đói gì sất.

Tôi đã làm theo lời ông Andrew. Kể từ khi Thầy Trừ Tà bị bắt đi, tôi đã mãi miết suy nghĩ làm thế nào chúng tôi có thể cứu lấy thầy. Tôi cũng nghĩ đến Alice nữa. Nếu tôi không bắt tay vào làm gì đó, cả hai người họ sẽ bị thiêu chết.

“Túi đồ của thầy Gregory vẫn còn ở trong phòng con tại quán trọ Bò Đen,” bỗng nhiên tôi chợt nhớ ra, quay sang bảo bác thợ làm khóa. “Với lại chắc là thầy còn bỏ lại trượng của thầy và áo choàng của hai thầy trò tại chỗ trọ. Bây giờ ta lấy lại những thứ ấy bằng cách nào ạ?”

“Ừ, việc này ta có thể giúp được,” ông Andrew đáp. “Nếu một trong hai chúng ta đi lấy thì mạo hiểm lắm, nhưng ta biết có người này có thể gom đồ về cho con. Để chút nữa ta sẽ giải quyết.”

Khi tôi đang quan sát ông Andrew dùng bữa, có tiếng chuông ngân lên từ đâu đó xa xa. Tiếng chuông nghe rầu rĩ và giữa mỗi hồi chuông là một khoảng lặng khá dài. Nghe thật tang thương, như tiếng chuông nguyện của đám táng.

“Có phải tiếng chuông từ nhà thờ lớn không ạ?” tôi hỏi.

Ông Andrew gật đầu, vẫn tiếp tục nhai chậm rãi. Trông như thể ông ăn chẳng ngon miệng gì, cũng như tôi đang cảm thấy vậy.

Tôi thắc mắc không biết đây có phải tiếng chuông triệu gọi mọi người đến dự lễ sáng, nhưng trước khi tôi kịp hỏi được chừng ấy, ông Andrew đã nuốt miếng bánh mì nướng xuống mà bảo tôi, “Tiếng chuông này có nghĩa là lại có thêm một cái chết ở nhà thờ lớn hay nhà thờ nào khác trong thị trấn. Hoặc là thế, hoặc là một cha xứ đã qua đời ở nơi nào đó khác trong Hạt và tin dữ ấy vừa mới được truyền đến. Đạo gần đây trong trấn thường nghe thấy âm thanh này lắm. Ta e là bất cứ cha xứ nào thách thức thế lực bóng tối hay sự thối nát trong thị trấn chúng ta đều sẽ nhanh chóng bị trừ khử.”

Tôi rùng mình. “Có ai ở Priestown này biết nguyên nhân của thời kỳ đen tối là do Quỷ Độc không ạ?” tôi hỏi. “Hay chỉ có các cha xứ là biết thôi?”

“Chuyện về Quỷ Độc thì ai cũng biết cả. Ở khu vực gần sát với nhà thờ lớn nhất, hầu hết dân chúng đều cho xây gạch bít hết các lối cửa dẫn xuống hầm rượu nhà họ, và thói mê tín lẫn nỗi sợ hãi thì tràn lan. Ai lại có thể trách cứ được người dân cơ chứ khi họ thậm chí còn không thể đặt lòng tin vào những cha xứ của mình để được bảo vệ? Chả trách sao các giáo đoàn ngày một teo nhỏ,” ông Andrew vừa nói vừa lắc đầu thê lương.

“Bác làm xong chiếc chìa khóa chưa?” tôi hỏi.

“Rồi, nhưng chú John đáng thương giờ có cần đến nó nữa đâu.”

“Chúng ta có thể đấy,” tôi liền thoảng tuôn ra một mạch những gì mình sắp nói trước khi ông kịp ngăn tôi lại. “Khu hầm mộ chạy dọc ngay bên dưới nhà thờ lớn đến tận nhà dòng, vậy thì có thể có lối đi dẫn thẳng lên đến chỗ bọn họ. Chúng ta có thể đợi đến lúc trời tối, khi mọi người ngủ hết, để đột nhập vào nhà dòng vậy.”

“Chuyện này thật điên rồ,” ông Andrew lắc đầu thốt lên. “Khu nhà dòng rộng thênh thang, bao nhiêu là phòng ở trên lẫn dưới mặt đất. Thậm chí chúng ta còn không biết những tù nhân đang bị giam giữ ở đâu. Không chỉ là thế, còn có bọn người mang vũ khí canh gác nữa chứ. Con cũng muốn bị thiêu sống hay sao thế? Ta thì ta không muốn rồi đấy!”

“Cũng đáng để thử lắm mà,” tôi nài nỉ. “Bọn chúng không nghĩ là sẽ có người từ dưới lòng đất chui lên trên nhà khi mà dưới kia có tên Quỷ Độc

đâu. Chúng ta có yếu tố bất ngờ làm lợi thế và biết đâu mấy tên lính gác còn ngủ gật nữa thì sao.”

“Không,” ông Andrew cương quyết lắc đầu. “Như thế là điên rồ. Không đáng để mất thêm hai mạng người nữa.”

“VẬY bác đưa cho cháu chiếc chìa để cháu tự làm.”

“Con sẽ không bao giờ tìm thấy đường đi khi không có ta đâu. Dưới đây là cả một mê trận đường hầm đấy.”

“VẬY thì bác biết đường ạ?” tôi hỏi. “Trước đây bác đã từng xuống dưới ấy rồi ư?”

“RỒI, ta biết được đường đến tận Cổng Bạc thôi. Nhưng ta thì chỉ muốn đi xa đến đây là hết mức. Mà cũng đã hai mươi năm rồi kể từ khi ta cùng John xuống đây. Cái thứ quỷ dưới ấy suýt nữa đã giết chết John. Hẳn cũng có thể giết luôn chúng ta ấy chứ. Con đã nghe thấy John nói rồi đấy thôi: hẳn đang biến đổi từ một linh hồn, một thứ biến hình, thành ra thứ gì đấy chỉ có trời mới biết. Dưới đây chúng ta có thể chạm trán với bất cứ thứ gì. Người ta từng đồn đại về những con chó ngoao hung tợn hằm hè nhe răng to tổ bố; về những con rắn độc. Quỷ Độc có thể đọc được tư tưởng của con, con hãy nhớ lấy, và có thể hiện hình thành những nỗi lo sợ hãi hùng nhất mà con có. Không, quá nguy hiểm. Ta không biết số phận nào đau đớn hơn đây – bị tên Phán Quan thiêu sống trên giàn hỏa, hay là bị Quỷ Độc chẹt đến chết. Đây không phải là những lựa chọn mà một cậu bé phải quyết định lấy.”

“Bác đừng lo đến chuyện ấy ạ,” tôi bảo. “Bác cứ lo xử lý mấy ổ khóa còn cháu sẽ làm việc của cháu.”

“Nếu như em trai ta còn chịu không được thì con còn có hy vọng nào cơ chứ? Khi đấy em trai ta còn trong thời kỳ đỉnh cao phong độ, còn con bây giờ chỉ mới là một cậu bé.”

“Cháu không có gốc đến nỗi đi cố mà tiêu diệt Quỷ Độc đâu ạ,” tôi đáp. “Cháu chỉ làm hết sức để đưa Thầy Trừ Tà đến nơi an toàn thôi.”

Ông Andrew lắc đầu. “Con đã theo thầy mình được bao lâu rồi?”

“Gần sáu tháng ạ.”

“Vậy sao,” ông Andrew bảo, “điều này giải thích tất cả rồi, phải không nào? Con có ý tốt, ta biết, nhưng chúng ta chỉ làm cho mọi chuyện thêm tồi tệ mà thôi.”

“Thầy Trừ Tà đã bảo cháu rằng chết vì bị thiêu là một cái chết kinh khủng. Là cái chết tồi tệ hơn hết thảy. Đây là lý do vì sao thầy không tán thành việc thiêu chết phù thủy. Vậy tại sao bác lại để cho thầy phải chịu đau đớn ấy? Cháu xin bác, bác phải giúp cháu. Đây là cơ may cuối cùng cho thầy cháu đấy.”

Lần này ông Andrew chẳng nói thêm gì. Ông ngồi mãi nơi ấy, chìm đắm trong suy tư. Rốt cuộc khi ông đứng dậy khỏi ghế, ông chỉ bảo là tôi nên lánh mặt đi.

Có vẻ là dấu hiệu tốt rồi đây. Ít ra thì ông ấy không bảo tôi đi gói ghém đồ đạc.

Tôi ngồi sau nhà, bồn chồn chờ đợi khi buổi sáng chậm chạp trôi đi. Tôi đã chẳng chớp mắt được chút nào và đang mệt bã, nhưng sau những biến cố trong đêm rồi thì ngủ là chuyện tôi chẳng hứng thú muốn làm.

Ông Andrew đang làm việc. Hầu hết thời gian tôi nghe thấy tiếng ông loay hoay trong xưởng, nhưng thi thoảng cũng có tiếng chuông kính coong khi khách hàng ra vào cửa hiệu.

Khi ông Andrew quay trở vào bếp là đã gần giữa trưa. Mặt ông có vẻ gì đấy khang khác. Ông trông đắm chiêu. Và theo ngay sau lưng ông là một người khác!

Tôi đứng bật dậy, sém chút co giò bỏ chạy, nhưng cánh cửa hậu lại bị khóa mất rồi, còn chắn giữa tôi và lối ra cửa trước là hai người đàn ông. Nhưng rồi tôi nhận ra người lạ và thấy nhẹ cả người. Đây là huynh Peter, ông ta đang mang theo túi của Thầy Trừ Tà, cả thanh trượng lẫn áo choàng của thầy trò tôi nữa!

“Không sao đâu cậu bé,” ông Andrew bước đến đặt tay lên vai tôi trấn an. “Bỏ cái vẻ lo lắng trên mặt đi rồi ngồi xuống nào. Huynh Peter là bạn đấy. Xem này, huynh ấy còn mang cho con vật dụng của John nữa kìa.”

Huynh Peter mỉm cười trao cho tôi chiếc túi, thanh trượng và hai chiếc áo choàng. Tôi nhận lấy, gật đầu cảm ơn, đặt mấy món ấy vào góc nhà rồi ngồi xuống. Cả hai người đàn ông đều kéo ghế từ bàn ra ngồi đối diện với tôi.

Huynh Peter là người gần như cả đời phải làm việc ngoài trời nên phần da trên đầu ông ấy bị nắng gió biến thành một sắc nâu đều khắp. Ông cao bằng ông Andrew nhưng không đứng thẳng được như ông ấy. Lưng và vai huynh Peter đã còng xuống cả, có lẽ vì bao nhiêu năm cắm mặt làm việc với đất cùng cuốc xẻng. Mũi của ông là nét khác biệt nhất, khoằm xuống như mỏ quạ, nhưng hai mắt lại cách xa nhau và lấp lánh ánh lên vẻ tốt bụng. Trực giác tôi mách bảo ông này là người tốt.

“E hèm,” ông lên tiếng, “con may mắn vì đêm qua ta chứ không phải ai khác là người rảo quanh đây nhé, bằng không con đã bị nhốt lại trong xà lim rồi! Sau chuyện đó, Cha Cairns cho gọi ta lên ngay khi trời sáng và ta phải trả lời vài câu khó chịu. Hẳn ta không được vui cho lắm và ta không chắc là hẳn đã xong việc với ta chưa nữa!”

“Cháu xin lỗi ạ,” tôi đáp.

Huynh Peter mỉm cười. “Đừng lo gì cả, cậu nhỏ. Ta chỉ là một tên làm vườn có tiếng là bị lãng tai mà. Hẳn sẽ không bận tâm đến ta lâu lắm đâu khi mà tay Phán Quan đang có quá nhiều người khác cần phải được thiêu sống.”

“Sao bác lại để cho cháu trốn thoát ạ?” tôi hỏi.

Huynh Peter nhướn mày. “Không phải tất cả các cha xứ đều bị Quỷ Độc điều khiển đâu con. Tôi biết ông anh họ của bác,” ông ta quay sang bảo với ông Andrew, “nhưng tôi không tin Cha Cairns đâu. Tôi cho là Quỷ Độc đã thâm tóm được hẳn rồi.”

“Chính tôi cũng nghĩ thế đấy,” ông Andrew bảo. “John đã bị phản bội và tôi nghĩ hẳn Quỷ Độc là kẻ đứng đằng sau tất cả mọi chuyện. Hẳn biết John là một mối đe dọa nên đã lợi dụng tên anh họ nhu nhược của chúng tôi để trừ khử chú ấy.”

“Vâng, tôi nghĩ bác nói đúng. Bác có để ý thấy tay hẳn không? Hẳn bảo phải băng bó như vậy là vì hẳn bị phỏng nấn, nhưng mà Cha Hendle cũng bị

thương tương tự sau khi Quỷ Độc thâm tóm ông ta. Tôi nghĩ tên Cairns đã hiến máu mình cho cái thứ ấy rồi.”

Hắn là tôi trông đang kinh hoàng lắm vì huynh Peter phải đến bên mà đặt tay lên vai tôi. “Đừng lo lắng con trai à. Trong nhà thờ lớn ấy vẫn còn sót lại vài người tốt, và dù có lẽ ta chỉ là một tu huynh hèn mọn nhưng ta vẫn coi mình là một trong những người tốt ấy và sẽ làm mọi việc phụng sự Chúa bất cứ khi nào có thể. Ta sẽ làm hết sức trong khả năng của mình để giúp cho con và thầy của con. Thế lực bóng tối chưa chiến thắng đâu! Vậy nên ta hãy bàn thẳng đến công việc nào. Bác Andrew bảo ta là con rất dũng cảm khi dám đi xuống khu hầm mộ. Có đúng thế không?” ông vừa hỏi vừa trầm ngâm vuốt mũi.

“Phải có ai làm việc này, nên cháu rất sẵn lòng thử sức một phen,” tôi đáp.

“Nhưng lỡ may con phải đối mặt với...”

Huynh Peter không nói hết câu. Cứ như là ông ấy không thể buộc mình thốt ra hai tiếng “Quỷ Độc”.

“Đã có ai nói cho con biết con sẽ phải đối mặt với thứ gì chưa? Về vụ biến hình, đọc soi tâm tưởng với lại cả...” Ông ngần ngại liếc ra sau lưng trước khi thì thào, “cả chệt chết ấy?”

“Vâng, cháu có nghe rồi ạ,” tôi đáp với giọng nghe còn tự tin hơn là tôi đang thật lòng cảm thấy. “Nhưng vẫn có những chuyện cháu có thể làm được. Thứ ấy không thích loại xích bạc...”

Tôi mở túi Thầy Trừ Tà, cho tay vào rút ra sợi xích bạc cho mọi người cùng xem. “Cháu có thể trói hắn với thứ này,” tôi bảo, nhìn thẳng vào mắt của huynh Peter và cố không chớp.

Hai người đàn ông nhìn nhau rồi ông Andrew mỉm cười. “Chắc là đã luyện tập lắm lần rồi phải không con?” ông hỏi.

“Hàng bao nhiêu giờ liền ấy ạ,” tôi đáp. “Trong vườn nhà thầy Gregory có một cây cột. Cháu có thể đứng cách đấy hai mét rưỡi mà tung xích ra quấn vào cây cột đó, và thao tác gọn gàng cả tám trên chín lần ấy chứ.”

“À, nếu kiểu gì đấy mà con vượt qua được kẻ ấy và đến được nhà dòng trong tối nay thì con sẽ có được một lợi thế. Tối nay nhà dòng sẽ vắng lặng hơn thường lệ,” huynh Peter nói tiếp. “Tối hôm qua có người chết trong nhà thờ lớn nên thi thể hiện đang ở đấy chứ không phải ở ngoài thị trấn. Tối nay hầu như mọi cha xứ đều sẽ ở lại nhà thờ để làm lễ vọng.”

Qua các bài học tiếng La tinh của mình, tôi biết được “lễ vọng” có nghĩa là “thức đêm”. Thế nhưng điều này cũng không cho tôi biết là họ thức đêm làm gì.

“Họ sẽ cầu nguyện và coi sóc cho người chết,” ông Andrew mỉm cười khi nhìn thấy vẻ bối rối trên mặt tôi. “Ai đã chết vậy bác Peter?”

“Là Cha Roberts tội nghiệp. Tự kết liễu đời mình. Nhảy từ nóc nhà xuống. Đây là vụ tự tử thứ năm trong năm nay rồi,” ông liếc qua ông Andrew rồi nhìn thẳng lại vào tôi. “Nó chui hẳn vào trong đầu óc người ta, con biết đấy. Khiến cho họ làm những chuyện trái với ý Chúa và đi ngược với lương tâm họ. Và đấy là điều rất khó khăn đối với một cha xứ đã thụ phong giáo phẩm để phụng sự Chúa. Vậy nên khi ông ta không thể chịu đựng thêm được nữa thì có khi ông ta lại tự kết liễu đời mình. Việc này rất kinh khủng đấy. Tự tử là một tội lỗi muôn chết, và các cha xứ thừa biết là họ sẽ không bao giờ được lên Thiên đàng, không bao giờ được ở cạnh Chúa Cha. Con hãy nghĩ xem chuyện phải xấu xa đến mức nào mới dồn họ đến nước đó! Giá như chúng ta có thể tiêu diệt được thứ tà ma khủng khiếp ấy trước khi thị trấn này chẳng còn lại điều gì tốt đẹp cho hẳn những nhiều nữa.”

Một quãng lặng ngắt ngứ, như thể tất cả chúng tôi đang suy tư, nhưng rồi khi thấy môi của huynh Peter mấp máy tôi lại nghĩ chắc là ông đang cầu nguyện cho viên cha xứ tội nghiệp vừa mới mất. Khi ông ấy đưa tay làm dấu thì tôi chắc mẩm là thế rồi. Đoạn hai người đàn ông đưa mắt nhìn nhau và cùng gật. Không nói không rằng, họ đã cùng nhau đi đến thỏa thuận.

“Ta sẽ đi cùng con đến tận Cổng Bạc,” ông Andrew lên tiếng. “Sau đấy, huynh Peter đây sẽ có thể giúp được...”

Huynh Peter sẽ đi cùng chúng tôi sao? Hẳn ông ấy đã đọc ra vẻ mặt tôi vì ông giơ cả hai tay lên, vừa mỉm cười vừa lắc đầu.

“Ôi không đâu Tom. Ta chẳng có can đảm bén mảng đến bất cứ nơi nào gần hầm mộ đâu. Không, ý bác Andrew là ta có thể giúp bằng cách khác kia: chỉ cho con hướng đi. Này nhé, có một bản đồ những đường hầm ấy. Bản đồ được lồng trong khung treo ngay bên trong lối vào nhà dòng – lối dẫn thẳng ra vườn ấy. Ta không thể nhớ nổi mình đã phải đứng chờ ở đấy bao nhiêu giờ đồng hồ để có cha xứ nào đi xuống giao việc trong ngày cho ta. Qua bao nhiêu năm ta đã nhớ như in mọi góc ngách trên cái bản đồ ấy. Con có muốn viết ra giấy không, hay con có thể nhớ được nào?”

“Cháu có trí nhớ rất tốt đấy ạ,” tôi bảo với ông ấy.

“Được rồi, cứ bảo ta biết nếu con cần ta lặp lại nhé. Như bác Andrew đã nói, bác ấy sẽ dẫn đường cho con đến tận Cổng Bạc. Qua cổng ấy rồi, con cứ đi tiếp cho đến khi các đường hầm giao nhau. Con đi theo lối bên trái cho đến khi đến được các bậc cấp. Bậc cấp này dẫn đến một cánh cửa, sau cánh cửa ấy là hầm rượu lớn của nhà dòng. Cánh cửa đang bị khóa nhưng sẽ chẳng phải là vấn đề với con đâu khi con có chiến hữu như bác Andrew đây. Chỉ có một cánh cửa khác dẫn đi hầm rượu và nó nằm ở bức tường đầu kia bên góc bên phải.”

“Nhưng có thể nào Quý Đức lại đi theo cháu vào trong hầm rượu mà trốn đi không ạ?” tôi hỏi.

“Không đâu – hẳn chỉ có thể thoát khỏi hầm mộ qua Cổng Bạc mà thôi, cho nên con khá là an toàn một khi đã đi qua cửa dẫn vào hầm rượu. Giờ trước khi rời khỏi hầm rượu, có một điều con phải làm đây. Bên trái cánh cửa, phía trên trần nhà, là một cánh cửa sập. Cửa này dẫn lên lối đi dọc theo bờ tường phía Bắc của nhà thờ lớn – những người giao hàng thường sử dụng lối này để mang rượu và bia xuống dưới đây. Con phải mở khóa cánh cửa ấy ra trước khi tiến xa hơn. Đây là lối thoát ra ngoài nhanh hơn là phải đi ngược lại cổng. Đến đây là rõ hết chưa nào?”

“Chẳng phải sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu ta sử dụng cửa sập ấy để đi xuống sao ạ?” tôi hỏi. “Làm thế thì cháu sẽ tránh được Cổng Bạc lẫn Quỷ Độc mà.”

“Ta ước sao mọi chuyện được dễ dàng như thế,” huynh Peter đáp. “Nhưng làm vậy quá mạo hiểm. Cánh cửa ấy từ ngoài đường lẫn từ nhà dòng trông ra đều thấy. Sẽ có người nhìn thấy con chui vào đấy.”

Tôi trầm ngâm gật gù.

“Mặc dù con không thể đi vào bằng cửa ấy, vẫn có thêm một lý do chính đáng khác vì sao con nên cố mà thoát ra bằng lối này,” ông Andrew nói vào. “Ta không muốn John lại liều mình đối mặt với Quỷ Độc một lần nữa. Con thấy đấy, từ trong tâm khảm ta nghĩ rằng thầy con đang sợ – quá sợ đến mức thầy ấy có thể không đánh thẳng được...”

“Sợ ư?” tôi phẫn nộ quắc lại. “Thầy Gregory không sợ bất cứ điều gì từ thế lực bóng tối cả.”

“Ừ, chú ấy sẽ không thừa nhận thế đâu,” ông Andrew vẫn nói tiếp. “Đồng ý với con điểm này. Thậm chí chú ấy chắc còn không thừa nhận với chính mình nữa kia. Nhưng thời xa xưa chú ấy đã bị nguyên và...”

“Thầy Gregory không tin vào những lời nguyên,” tôi cắt ngang. “Thầy đã bảo thế với bác rồi cơ mà.”

“Nếu con thư thư cho ta nói hết, ta sẽ giải thích cho con hay,” ông Andrew nài nỉ. “Đây là một lời nguyên nguy hiểm và cực mạnh. Độc địa hết mức có thể. Toàn bộ ba hội phù thủy vùng Pendle đã hiệp sức lại với nhau để đưa ra lời nguyên này. Khi đấy John đã can dự quá nhiều vào việc của bọn chúng, thế là bọn chúng tạm gác sang bên bao mâu thuẫn bất đồng để nguyên rửa chú ấy. Đây là một lời nguyên máu và bao người vô tội đã bị tàn sát. Chuyện này xảy ra vào đêm ngày mừng xuân, đêm trước ngày một tháng Năm, vào hai mươi năm trước, rồi sau đấy bọn chúng gửi đến cho John một mảnh da dê vấy máu. Chú ấy từng kể cho ta nghe trên đấy có viết những gì: *Mi sẽ phải chết trong một nơi tăm tối, sâu thẳm dưới lòng đất mà không có một bạn bè nào bên cạnh!*”

“Là khu hầm mộ...” tôi thốt lên, giọng chỉ còn là tiếng thìu thào. Nếu thầy phải đối mặt với Quỷ Độc dưới khu hầm mộ kia, thì mọi điều kiện của lời nguyện đó sẽ được thỏa.

“Phải, là khu hầm mộ,” ông Andrew đồng tình. “Như ta đã nói, hãy đem chú ấy ra ngoài qua lối cửa sập. Mà thôi, huynh Peter này, tôi xin lỗi vì đã chen ngang lời bác...”

Ông Peter ừ ừ mỉm cười và nói tiếp. “Khi đã tháo then cài cửa sập rồi, con hãy đi qua cánh cửa vào lối hành lang. Đây là phần rủi ro. Ở đầu kia hành lang là căn xà lim bọn họ sử dụng để giam giữ tù nhân. Con sẽ tìm thấy thầy mình trong đó. Nhưng để đến được xà lim này, con phải đi qua phòng lính canh. Việc này nguy hiểm đấy nhưng ở dưới đó không khí khá lạnh và ẩm ướt. Bọn chúng sẽ nhen một lò sưởi thật lớn và, nếu Chúa phù hộ, cửa sẽ được đóng lại để ngăn cái lạnh. Vậy là con biết hết rồi đấy! Giải thoát cho ông Gregory và mang ông ấy qua cánh cửa sập rồi hãy tránh xa khỏi thị trấn này. Ông ấy sẽ phải quay lại đối phó với nòi sinh vật tởm lợm ấy vào khi khác vậy, khi tên Phán Quan đã đi khuất rồi ấy.”

“Đừng!” ông Andrew kêu lên. “Sau tất cả những chuyện này tôi sẽ không gọi chú ấy quay lại đây nữa đâu.”

“Nhưng nếu ông ấy không chiến đấu chống lại Quỷ Độc thì còn ai có thể làm được nữa chứ?” huynh Peter bật hỏi. “Tôi cũng không tin vào những lời nguyện đâu. Với sự giúp đỡ của Chúa Trời, John có thể đánh bại thứ linh hồn quỷ quyết ấy. Bác biết là tình hình ngày càng tồi tệ đi mà. Chắc chắn người tiếp theo sẽ là tôi thôi.”

“Không phải là bác đâu, huynh Peter à,” ông Andrew đáp. “Tôi gặp được rất ít người có được ý chí kiên định như bác lắm.”

“Tôi cố hết sức thôi,” ông Peter nhún vai. “Khi tôi nghe thấy tiếng nói thì thầm trong đầu mình thì tôi chỉ đọc kinh khẩn trương hơn. Chúa ban cho ta sức mạnh cần thiết – đấy là nếu như ta đủ lý trí để cầu xin điều ấy. Nhưng phải có việc gì đó được làm thôi. Tôi không rõ rồi tất cả những chuyện này sẽ kết thúc như thế nào nữa.”

“Mọi chuyện sẽ kết thúc khi người dân trong trấn không còn chịu đựng được nữa,” ông Andrew bảo. “Người ta chỉ chịu bị chèn ép đến nước ấy là cùng. Tôi ngạc nhiên khi thấy họ chấp nhận sự độc ác xấu xa của tên Phán Quan được lâu đến thế. Vài người trong số những kẻ bị thiêu có vài người thân hay bạn bè ở đây đấy.”

“Có lẽ thế mà cũng có lẽ không,” huynh Peter nói. “Cũng có rất nhiều người thích xem hỏa thiêu lắm. Chúng ta chỉ còn biết cầu nguyện mà thôi.”

Chương 9

HẦM MỘ

Tu huynh Peter quay về làm phận sự của mình tại nhà thờ lớn trong khi chúng tôi ngồi chờ mặt trời lặn. Ông Andrew bảo tôi rằng lối tốt nhất để xuống khu hầm mộ là qua cửa hầm rượu của một ngôi nhà bỏ hoang gần với nhà thờ lớn; sau khi trời tối chúng tôi ít có khả năng bị phát hiện hơn.

Thời gian mỗi lúc mỗi trôi đi, tôi mỗi lúc một thêm lo lắng. Khi trò chuyện với huynh Peter và ông Andrew, tôi đã cố gắng ra giọng thật tự tin, nhưng quả thực Quỷ Độc làm tôi sợ chết khiếp. Tôi mãi lục lọi trong túi của Thầy Trừ Tà, tìm lấy bất cứ thứ gì khả dĩ giúp ích được.

Tất nhiên, tôi đem theo sợi xích dài bằng bạc mà thầy dùng để trói phù thủy và quấn sợi xích ấy quanh eo mình, giấu dưới vạt áo. Nhưng tôi biết việc có khả năng quật xích quấn quanh cây cột gỗ là một lẽ, còn làm điều này với Quỷ Độc lại là lẽ hoàn toàn khác. Tiếp đến là muối và sắt. Sau khi chuyển hộp nhóm lửa lên túi áo khoác, tôi đổ đầy hai túi quần thụng của mình – muối vào túi bên phải, sắt vào túi bên trái. Hai thứ này trộn lại có tác dụng lên hầu như mọi thứ ám lấy bóng tối. Đây là cách cuối cùng tôi đối phó với mụ phù thủy già, Mẹ Malkin.

Tôi không nghĩ hai thứ này lại đủ mạnh để tiêu diệt một kẻ quyền năng như Quỷ Độc; nếu mà có tác dụng như thế thì hẳn Thầy Trừ Tà lần trước đã xử lý hẳn rồi, một lần dứt điểm. Tuy nhiên, lúc này tôi tuyệt vọng lắm rồi nên sẵn sàng thử mọi cách, và chỉ mang theo hai thứ ấy cùng sợi xích bạc cũng đã khiến tôi thấy vững dạ hơn. Dù sao đi nữa, lần này tôi có định tiêu diệt Quỷ Độc đâu nào, mà chỉ là để tránh né hẳn để kịp giải thoát cho thầy tôi thôi.

Cuối cùng, với thanh trượng của Thầy Trừ Tà bên tay trái cùng túi đồ của thầy lẫn hai chiếc áo choàng bên tay phải, tôi đi theo ông Andrew qua những con phố tối om về hướng nhà thờ lớn. Trên xa kia, bầu trời đầy mây và

không khí có mùi như thể cơn mưa chẳng xa đây là mấy. Tôi đang bắt đầu thấy ghét Priesttown rồi, với những con phố hẹp trải đá cuội và những mảnh sân sau nhà có tường bao bọc. Tôi nhớ những rặng đồi đá và vùng không gian mở bao la. Giá như giờ này tôi đang ở Chipenden, trở lại những bài học thường ngày cùng Thầy Trừ Tà! Thật khó chấp nhận được rằng cuộc đời tôi ở nơi chốn ấy có thể đã chấm dứt mất rồi.

Khi chúng tôi tiến gần đến nhà thờ lớn, ông Andrew dẫn cả hai vào một trong những ngõ hẻm chật chội giữa phần hậu của những căn nhà phố liền kề. Ông dừng bước trước một cánh cửa, chậm rãi nhấc then cài lên và gạt đầu ra hiệu cho tôi đi vào trong khu sân sau nho nhỏ. Sau khi đã cẩn thận đóng cửa lại, ông bước lên cửa sau của ngôi nhà, lúc này đang tối thui.

Một lát sau, ông xoay chìa khóa trong ổ và chúng tôi bước vào trong. Khóa cửa lại, ông đốt lên hai ngọn nến và trao cho tôi một ngọn.

“Căn nhà này bị bỏ hoang hơn cả hai mươi năm nay rồi,” ông bảo, “và nó cũng sẽ mãi như thế này thôi, vì như con nhận thấy rồi đấy, những người như em trai của ta không được thị trấn này chào đón. Căn nhà này đã bị một thứ ghê gớm gì đó ám, nên hầu như mọi người đều tránh xa nó ra, thậm chí đến chó cũng không đến gần.”

Ông Andrew nói đúng về việc đang có thứ gì đó ghê gớm trong ngôi nhà này. Thầy Trừ Tà đã khắc một ký hiệu vào mặt trong của cánh cửa hậu.

Đấy là ký tự Gamma trong tiếng Hy Lạp, được sử dụng để chỉ hoặc là một hồn ma hoặc văn hồn. Chữ số bên phải là số 1, cho thấy đây là một hồn ma cấp độ I, đủ nguy hiểm để có thể khiến vài người loạn trí.

“Tên của hắc là Matty Barnes,” ông Andrew giảng giải, “và hắc ta đã sát hại bảy người trong trấn này, có thể còn nhiều hơn thế nữa. Hắc có hai bàn tay to tướng và thường dùng tay bóp cổ nạn nhân đến chết. Nạn nhân chủ yếu là phụ nữ. Người ta bảo hắc đem nạn nhân của mình về đây và siết chết họ ngay trong chính căn phòng này. Cuối cùng một trong những người phụ nữ ấy chống trả lại và dùng kim cặp tóc đâm vào mắt hắc. Hắc chết dần chết mòn do nhiễm trùng máu. Lúc xưa John định khuyên bảo hồn ma này

chuyển đi nơi khác nhưng rồi chú ấy có kế hay hơn. Chú ấy luôn có dự định một ngày nào đó sẽ quay lại nơi này để đối phó với Quỷ Độc, và chú ấy muốn đảm bảo rằng lối đi xuống hầm mộ từ nơi này lúc nào cũng sẵn sàng. Không ai lại muốn mua một ngôi nhà bị ma ám cả.”

Thốt nhiên tôi cảm thấy không khí trở lạnh hơn và ngọn nến của chúng tôi bắt đầu chao đảo. Có thứ gì đấy đang ở gần và mỗi giây mỗi tiến đến sát hơn. Trước khi tôi kịp hít thêm một hơi nữa thì thứ ấy đã trở tới. Thật ra tôi không thể trông thấy nó nhưng tôi cảm giác được có một thứ đang lẩn khuất trong bóng tối nơi góc kia phòng bếp; một thứ gì đó đang nhìn chăm chăm vào tôi.

Việc tôi thật sự không thể nhìn thấu càng làm cho mọi chuyện tệ hơn. Những hồn ma có uy lực mạnh mẽ nhất có thể chọn để cho mình được nhìn thấy hay không. Hồn ma của Matty Barnes đang phô diễn cho tôi thấy nó mạnh đến mức nào bằng cách luôn ẩn mình, đồng thời lại cho tôi biết nó vẫn đang theo dõi tôi. Còn nữa, tôi có thể cảm nhận được tà tính của nó. Nó đang mong cho chúng tôi gặp phải điều không may và chúng tôi phải biến khỏi nơi đây càng sớm càng tốt.

“Phải chăng ta đang tưởng tượng, hay là trong này bỗng nhiên trở lạnh hơn thế này?” ông Andrew hỏi.

“Trời lạnh quá ấy mà,” tôi đáp, chẳng đề cập gì đến hồn ma. Chẳng việc gì phải làm cho ông ấy thêm bồn chồn lo lắng hơn hiện giờ.

“Thế thì ta đi tiếp thôi nào,” ông vừa bảo vừa dẫn lối đến phía những bậc cấp đi xuống hầm rượu.

Ngôi nhà này là kiểu nhà liền kề điển hình trong các thị trấn của Hạt: hai phòng đơn ở tầng trên và hai phòng tầng dưới với một rầm thượng dưới mái chĩa. Và cánh cửa dẫn xuống hầm rượu trong bếp ở ngay vị trí như căn nhà ở Horshaw, nơi mà đêm đầu tiên sau khi tôi trở thành chân học việc Thầy Trừ Tà từng mang tôi đến. Căn nhà đó bị một văn hồn ám, và để thử tôi xem có đủ khả năng theo nghề này không, Thầy Trừ Tà đã lệnh cho tôi đi xuống

hầm rượu vào lúc nửa đêm. Đây là một đêm tôi sẽ không bao giờ quên được; giờ đây nghĩ lại vẫn còn khiến tôi rùng mình.

Ông Andrew cùng tôi bước qua các bậc cấp để xuống hầm rượu. Sàn nhà lát đá trống trơn, chỉ có một chõng chắn và thảm cũ. Trông chúng cũng khá khô ráo nhưng lại bốc mùi ẩm mốc. Ông Andrew đưa cho tôi cây nến của mình rồi nhanh nhẹn lôi chõng thảm sang bên, để lộ ra cách cửa sập bằng gỗ.

“Có nhiều lối để đi xuống hầm mộ,” ông nói, “nhưng đây là lối dễ dàng và ít rủi ro nhất. Con sẽ không bắt gặp mấy người dòm ngó quanh đây đâu.”

Ông nhắc cánh cửa sập lên và tôi có thể thấy những bậc cấp bằng đá dẫn vào bóng tối. Mùi đất ẩm và mùi mùn bốc lên. Ông Andrew lấy lại cây nến rồi bước xuống trước, bảo tôi đứng chờ một chốc. Rồi ông gọi với lên, “Xuống đi con, nhưng cứ để cửa mở. Có lẽ chúng ta phải vội thoát ra khỏi đây đây!”

Tôi để chiếc túi của Thầy Trừ Tà cùng với hai chiếc áo choàng lại hầm rượu và đi theo ông ấy, tay vẫn nắm chặt thanh trượng của thầy mình. Khi xuống đến nơi, tôi ngạc nhiên thấy mình vẫn còn đứng trên mặt nền trái đá cuội chứ không phải là bùn nhão như mình tưởng. Khu hầm mộ cũng được lát nền tinh tươm như những con phố trên kia. Liệu có phải đã có rất nhiều người từng sinh sống tại nơi này trước khi thị trấn được dựng nên không; những người đã thờ phụng Quỷ Độc ấy? Nếu thế thì những con phố trái đá cuội của Priestown đã được sao chép lại từ những lối đi dưới hầm mộ này.

Ông Andrew khởi bước mà không nói lời nào, làm tôi có cảm giác ông ấy chỉ muốn làm cho xong việc thôi. Tôi biết mình cũng muốn thế.

Thoạt đầu đường hầm đủ rộng cho hai người bước đi bên cạnh nhau, nhưng trần hầm chèn đá lại quá thấp nên ông Andrew phải bước cúi đầu về phía trước. Chẳng trách sao Thầy Trừ Tà gọi những người nọ là “Người Lùn”. Những người xây nên khu vực này chắc chắn là nhỏ bé hơn người dân ở đây nhiều.

Chúng tôi đi chẳng được bao xa thì đường hầm bắt đầu thu hẹp lại; có đôi chỗ còn bị móp méo, như thể nhà thờ lớn và những tòa nhà trên xa kia đã ép căn hầm vẹo hẳn đi. Thịnh thoảng những phiến đá cuội được dùng để lợp trần và lát tường đã bong tróc đi mất, để cho bùn lầy thấm qua và rỉ xuống tường. Xa xa vọng lại tiếng nước nhỏ giọt và tiếng ủng của chúng tôi vang vọng trên nền đá.

Không lâu sau đấy, lối đi còn bị thu hẹp hơn nữa. Tôi buộc phải đi sau lưng ông Andrew, và lối đi của chúng tôi chia thành hai nhánh đường hầm thậm chí còn nhỏ hơn. Sau khi rẽ sang nhánh bên trái, chúng tôi bước vào một ngách trên mé tường trái. Ông Andrew dừng lại giơ nến lên để soi sáng một phần bên trong. Tôi kinh hoàng nhìn trần trời vào những gì mình vừa thấy. Có hai dãy kệ đầy nhóc xương: những xương sọ với hốc mắt trống lỗng, xương đùi, xương cánh tay, xương ngón tay và cả những loại xương tôi không nhìn ra được là xương gì, xương đủ kích cỡ, lẫn lộn vào nhau. Và đều là xương người!

“Hầm mộ có đầy những ngăn chứa xác như thế này,” ông Andrew bảo. “Đi lạc dưới này lúc trời tối chẳng sung sướng gì đâu.”

Mà xương ấy cũng nhỏ bé nữa, giống như xương con nít. Chắc đây là những gì còn sót lại của Người Lùn rồi.

Chúng tôi đi tiếp và chẳng mấy chốc tôi nghe thấy tiếng nước chảy xối xả phía trước. Chúng tôi quành qua góc cua và đây, ngay trước mặt là một dòng nước trông giống một con sông nhỏ hơn là một khe suối.

“Dòng nước này chảy dưới con phố chính trước mặt nhà thờ lớn,” ông Andrew vừa nói vừa chỉ tay về dòng nước đen ngòm, “và chúng ta phải băng qua đó...”

Những bậc đá, tổng cộng chín bậc cả thảy, trơn nhẵn và phẳng lì nhưng mỗi bậc đá chỉ chớm trời khỏi mặt nước.

Một lần nữa ông Andrew lại dẫn đường đi trước, nhẹ nhàng thoải mái bước từ bậc đá này sang bậc kia. Qua đến bên kia rồi ông dừng bước, quay lại quan sát tôi hoàn tất phần bước của mình.

“Tôi nay thế là còn dễ,” ông bảo, “nhưng sau khi trời mưa lớn thì mực nước sẽ dâng lên cao hơn những bậc đá nhiều. Đến lúc đó sẽ có mối nguy thật sự vì bị nước cuốn đi đấy.”

Chúng tôi bước tiếp và tiếng nước chảy nhỏ dần.

Ông Andrew đột ngột dừng phắt lại, nhìn qua vai ông tôi có thể thấy chúng tôi đã đến bên cánh cổng. Thật là một cánh cổng kỳ lạ làm sao! Tôi chưa từng thấy cánh cổng nào như thế này cả. Từ sàn lên đến tận trần hầm, từ vách này sang vách kia, một tấm lưới kim loại chặn toàn bộ đường hầm lại, ánh kim loại lóng lánh phản chiếu ánh sáng từ cây nến của ông Andrew. Có vẻ đây là một loại hợp kim chứa nhiều bạc và đã được một bác thợ rèn tay nghề cao chế tác. Mỗi một thanh chặn không phải được làm từ một ống kim loại đặc ruột mà là từ nhiều thanh mỏng hơn, xoắn lại với nhau theo hình xoắn ốc. Mẫu thiết kế rất phức tạp: cũng có thật nhiều hình dáng và hoa văn trang trí đấy, nhưng hề tôi nhìn càng kỹ thì chúng dường như càng biến hóa khôn lường.

Ông Andrew quay lại đặt tay lên vai tôi. “Đến nơi rồi, đây là Cổng Bạc. Giờ con nghe này, chuyện này quan trọng đấy. Có thứ gì đang ở gần đây không? Thứ từ thế giới bóng tối ấy?”

“Cháu không nghĩ thế,” tôi đáp.

“Nói thế là chưa đủ đâu,” ông Andrew quát lại, giọng khe khẽ. “Con phải biết cho chắc chứ! Nếu ta để cho sinh vật này sống ra ngoài thì hắn sẽ hoành hành khắp Hạng, chứ không riêng gì các cha xứ không đâu.”

À, tôi không cảm thấy khí lạnh, thường là điều cảnh báo rằng những sinh vật bóng tối đang ở gần. Vậy nên đó là một dấu hiệu cho thấy mọi sự vẫn an toàn. Nhưng Thầy Trừ Tà đã luôn dạy tôi phải biết tin tưởng vào trực giác của mình, nên để chắc ăn gấp đôi tôi liền hít một hơi thật sâu và tập trung cao độ.

Chẳng có gì. Tôi không cảm nhận được gì cả.

“Không có gì đâu ạ,” tôi bảo ông Andrew.

“Con chắc không? Thật sự chắc chứ?”

“Chắc ạ.”

Đột nhiên ông Andrew quỳ thụp xuống cho tay vào túi quần thụng. Trên tấm màn lưới sắt có một khung cửa sổ uốn cong nhưng ổ khóa bé xíu của nó lại nằm sát đất và đây là lý do vì sao ông Andrew phải cúi thấp đến thế. Ông thật cẩn thận tra chiếc chìa bé nhất vào ổ khóa. Tôi nhớ đến chiếc chìa to tướng treo trên tường trong xưởng khóa nhà ông. Hẳn bạn sẽ cho rằng chìa càng to càng quan trọng chứ gì, nhưng ở đây thì ngược lại mới đúng. Có thứ gì lại quan trọng hơn chiếc chìa tí xíu ông Andrew đang cầm trên tay kia chứ? Chiếc chìa đã giữ cho toàn Hạng này được an toàn khỏi tay Quỷ Độc.

Dường như ông Andrew phải chật vật lắm và cứ chĩnh tới chĩnh lui chiếc chìa mãi. Cuối cùng chiếc chìa cũng xoay và ông Andrew đẩy cửa mở ra rồi đứng dậy.

“Vẫn còn muốn làm việc này chứ?” ông hỏi.

Tôi gật đầu rồi quỳ xuống, đẩy thanh trượng qua cánh cửa mở rồi đi theo đấy, bò trên hai tay hai chân. Ngay lập tức ông Andrew khóa trái cửa sau lưng tôi và nhét chiếc chìa qua tấm lưới sắt. Tôi cất chìa vào bên túi quần bên trái, ém nó xuống mớ bột sắt.

“Chúc may mắn,” ông Andrew bảo. “Ta sẽ quay lại hầm rượu và chờ trong một tiếng phòng trường hợp vì lý do nào đấy mà con quay lại bằng đường này. Nếu con không xuất hiện thì ta sẽ trở về nhà. Ước gì ta có thể giúp đỡ được nhiều hơn. Con là cậu bé gan dạ đấy Tom à. Ta thực lòng mong mình có đủ can đảm để đi cùng con đấy.”

Tôi cảm ơn ông Andrew rồi tay trái cầm trượng, tay phải cầm nển, một mình dẫn bước vào bóng tối. Loáng sau, nỗi kinh hoàng tột độ về những gì mình đang đảm nhiệm đè nghẹt lấy tôi. Tôi có điên không đây? Giờ đây tôi đang ở trong hang ổ của Quỷ Độc và hẳn có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Nãy giờ tôi đang nghĩ gì thế nhỉ? Biết đâu hẳn lại biết là tôi đang có mặt ở đây rồi ấy chứ!

Nhưng tôi hít vào thật sâu và tự trấn an mình với suy nghĩ rằng vì Quỷ Độc đã không nhào đến Cổng Bạc khi ông Andrew mở khóa, nghĩa là hẳn

không thể điều gì cũng tỏ tường. Và nếu khu hầm mộ này chẳng chịt trùng trùng như người ta vẫn bảo, thì ngay lúc này đây có thể Quỷ Độc đang ở xa hàng bao nhiêu dặm. Nhưng thôi, tôi còn có thể làm gì khác hơn là phải tiếp tục bước tới chứ? Tính mạng của Thầy Trừ Tà lẫn của Alice đều tùy thuộc vào những gì tôi hành động.

Bước được khoảng một phút, tôi đến nơi đường hầm rẽ làm hai nhánh. Nhớ kỹ những gì huynh Peter đã chỉ cho mình, tôi chọn đi theo nhánh bên trái. Không khí xung quanh trở lạnh hơn và trực giác mách bảo rằng tôi không còn cô độc ở đây nữa. Xa xa phía trước, bên ngoài phạm vi ánh nến có thể rọi tới, thật nhiều hình thù dạ quang, hư ảo, nhỏ bé lượn quanh như những con dơi, vụt ra vụt vào những ngăn chứa xác dọc theo bức tường của đường hầm. Khi tôi tiến đến gần thì chúng lại biến mất. Chúng không đến thật gần tôi nhưng tôi biết chắc chúng là hồn ma của những Người Lùn. Những hồn ma này chẳng làm tôi bận tâm mấy; tôi chỉ không thể gạt được Quỷ Độc ra khỏi tâm trí mà thôi.

Tôi bước đến khúc quanh, và khi quành theo, rẽ sang hướng tay trái, tôi cảm nhận dưới chân mình có gì đấy khiến tôi sém chút trượt té. Tôi vừa giẫm lên một thứ mềm mềm dính dính.

Tôi lùi lại, nhắc nển lên để nhìn cho rõ. Những gì tôi vừa nhìn ra làm hai đầu gối tôi lầy bầy và cây nến lập cập trên bàn tay run rẩy của tôi. Là một con mèo chết. Nhưng thứ làm tôi lo không phải là vì con mèo đã chết; mà là cái cách nó chết như thế nào.

Rõ ràng con mèo đã lần xuống hầm mộ để săn chuột nhưng lại gặp phải kết cục thảm khốc. Nó đang nằm ẹp bụng xuống đất, hai mắt lồi hẳn ra ngoài. Con vật tội nghiệp đã bị ép cho bẹp dí đến nỗi cả người nó chẳng nơi nào dày hơn một phân. Nó bị bẹp dúm dính xuống nền đá nhưng chiếc lưỡi thè ra ngoài vẫn còn lấp lánh nên chắc là nó đã chết chưa được lâu lắm. Tôi rùng mình hoảng sợ. Con mèo này đúng là bị “chẹt” rồi. Nếu tên Quỷ Độc tìm thấy tôi, chắc chắn rồi số phận tôi cũng sẽ như thế.

Tôi nhanh chóng bước đi, mừng vì mình đã bỏ lại cảnh tượng kinh khủng ấy sau lưng, và cuối cùng tôi cũng đến được dãy bậc cấp bằng đá dẫn lên

cánh cửa gỗ. Nếu huynh Peter nói đúng thì đằng sau cánh cửa ấy là hầm rượu của nhà dòng.

Tôi leo lên những bậc cấp và sử dụng chìa khóa của Thầy Trừ Tà. Ngay sau đấy tôi liền đẩy được cánh cửa mở ra. Khi vào được trong hầm rượu rồi, tôi đóng cánh cửa sau lưng lại nhưng không khóa.

Hầm rượu này rất rộng, đầy những vại bia lớn và hàng dãy hàng dãy những giá đựng rượu rỉ sét bụi bặm chất toàn là chai, một số chai chắc hẳn đã ở đây từ lâu lắm rồi – chúng bị mạng nhện chẳng đầy. Dưới này im lặng tuyệt đối, và trừ phi là có ai đó đang ẩn nấp mà quan sát tôi, bằng không thì nơi đây dường như tịnh không một bóng người. Đương nhiên là ngọn nến chỉ chiếu sáng được một khoảng nhỏ xung quanh tôi, còn từ những vại bia gần nhất trở đi là bóng tối đen đặc có thể che giấu bất cứ thứ gì.

Trước khi rời khỏi nhà ông Andrew, huynh Peter đã bảo với tôi rằng các cha xứ chỉ xuống hầm rượu này mỗi tuần một lần để lấy rượu vang mà họ cần, và rằng hầu hết các cha đều chẳng muốn đi xuống hầm mộ làm gì bởi lẽ nơi ấy có Quỷ Độc. Nhưng huynh Peter không dám chắc lắm về thuộc hạ của tên Phán Quan: bọn chúng không phải là dân địa phương và chẳng hiểu biết gì nhiều nên không biết sợ. Không chỉ là thế; bọn họ tự tiện lấy bia uống và chắc chắn là sẽ không bằng lòng với chỉ một vại mà thôi.

Tôi thận trọng đi dọc hầm rượu, cứ khoảng mỗi mười sải bước thì dừng lại nghe ngóng. Rốt cuộc tôi cũng nhìn thấy cánh cửa dẫn ra hành lang và ngay đấy, trên trần hầm bên trái, ngay sát trên tường, là một cửa sập bằng gỗ to lớn. Ở nhà chúng tôi cũng có cánh cửa sập tương tự. Nông trại của gia đình tôi từng có thời được gọi là Nông trại Nhà Ủ Bia vì nơi ấy cung cấp bia cho những nông trại và tửu quán lân cận. Như lời huynh Peter đã giải thích, cánh cửa sập này được dùng để mang các thùng vại và sọt bia ra vào hầm rượu mà không phải nhọc công thông qua nhà dòng. Và huynh ấy cũng nói phải về việc lối cửa sập này sẽ là lối thoát dễ dàng nhất. Nếu ra theo lối này thì rủi ro là có khả năng tôi sẽ bị nhìn thấy, nhưng còn quay ngược trở lại phía Cổng Bạc nghĩa là chắc chắn phải đối mặt với Quỷ Độc, với lại sau khi bị bắt giam, Thầy Trừ Tà hẳn sẽ không còn đủ sức đối phó với hắn. Mà đâu

chỉ có thể, còn phải tính đến lời nguyện của Thầy Trừ Tà nữa chứ. Dù cho thầy có tin hay không thì cũng không đáng để thách thức số phận làm gì.

Có vài vại bia to dựng ngay bên dưới cửa sập. Tôi đặt cây nến lên một vại bia và dựa thanh trượng vào một bên, leo lên một vại bia khác và với được tới ổ khóa, ổ này được lắp vào ngay trong cánh cửa sập bằng gỗ để người ta có thể mở được cửa từ bên trong lẫn bên ngoài. Ổ khóa cũng khá đơn giản và chiếc chìa của Thầy Trừ Tà lại phát huy tác dụng, nhưng tạm thời lúc này tôi để cho cánh cửa sập đóng lại, phòng trường hợp ai đó bên trên lại nhìn thấy.

Tôi mở khóa cửa dẫn ra hành lang cũng dễ dàng chẳng kém, chậm chậm xoay chìa khóa để không phải gây ra tiếng động nào. Việc này khiến tôi nhận ra Thầy Trừ Tà đã may mắn xiết bao khi có một người anh trai làm thợ khóa.

Tiếp đến, tôi đẩy cửa mở để bước ra một hành lang lát đá hẹp và dài. Hành lang vắng lặng, nhưng khoảng trước đấy hai mươi bước về phía tay phải, tôi có thể nhìn thấy ánh đuốc bập bùng treo trên mắc sát tường phía trên cánh cửa đang đóng kín. Đấy phải là phòng lính canh mà huynh Peter đã cảnh báo trước cho tôi. Xa hơn nữa dọc theo hành lang là cánh cửa thứ hai, và qua cánh cửa ấy là những bậc cấp bằng đá dẫn lên những căn phòng bên trên.

Tôi từ từ đi dọc hành lang về phía cánh cửa thứ nhất, hầu như là nhón chân nhẹ nhàng và nép hẳn vào góc tối. Khi đã đến gần phòng lính canh, tôi có thể nghe thấy âm thanh từ trong ấy vọng ra. Có người ho, người cười rồi cả những tiếng nói chuyện rì rầm.

Thình lình tim tôi vọt phắt lên. Tôi nghe được tiếng nói trầm khàn rất gần nơi cửa nhưng trước khi tôi kịp lần đi, cánh cửa đã bị đẩy tung ra. Suýt chút nữa cánh cửa đập vào tôi nhưng tôi đã nhanh chóng né ra sau và nép người vào bức tường đá. Nhiều tiếng ủng nặng nề bước ra hành lang.

“Ta phải quay lại với công việc của mình,” một giọng nói tôi nhận ra được vang lên. Là giọng của tên Phán Quan và hẳn ta đang nói với ai đấy đứng

ngay bên trong lối cửa.

“Cho vài người đi bắt huynh Peter về đây,” hắn ta nói tiếp, “và mang hắn lên chỗ ta khi ta xong việc với những tên khác. Có thể Cha Cairns đã làm chúng ta sống mất một tên tù nhân nhưng hắn biết ai là kẻ có tội, ta sẽ bảo cho hắn biết thế. Với lại ít ra hắn còn chút khôn ngoan mà đi báo cáo lại với ta. Hãy trói tay tên tu huynh của chúng ta ngược ra sau lưng, đừng có nhẹ tay đấy. Hãy làm cho dây thừng cửa vào da thịt hắn để hắn biết chính xác là mình đang phải đối mặt với điều gì! Sẽ tốn nhiều hơn là chỉ đôi ba lời lăng mạ, chuyện này thì ta đảm bảo. Sắt nung nóng rồi sẽ chóng làm cho hắn mở miệng thôi!”

Đáp lại lời hắn là một tràng cười hồ hồ tàn nhẫn từ đám lính gác. Rồi cơn gió lùa chiếc áo choàng dài màu đen của tên Phán Quan phấp phới sau lưng hắn khi hắn đóng cửa lại và nhanh nhẹn bước về phía những bậc cấp ở đầu kia hành lang.

Nếu hắn quay lại thì sẽ nhìn thấy tôi ngay! Trong một khoảnh khắc, tôi nghĩ hắn sẽ dừng chân bên ngoài xà lim của những tù nhân, nhưng tôi nhẹ cả người khi thấy hắn tiếp tục leo lên các bậc cấp và đi khuất tầm mắt.

Huynh Peter đáng thương. Ông ấy sẽ bị bắt tra khảo nhưng tôi chẳng có cách nào cảnh báo cho ông ấy biết. Mà tôi chính là tù nhân mà tên Phán Quan vừa đề cập đến. Bọn chúng sẽ tra tấn ông ấy vì ông ấy đã thả cho tôi tự do! Không chỉ thế – Cha Cairns đã kể cho tên Phán Quan biết về tôi. Giờ đây, khi đã bắt được Thầy Trừ Tà, tên Phán Quan ấy sẽ đi lùng sục tôi thôi. Tôi phải giải cứu cho thầy của mình trước khi quá muộn cho cả hai thầy trò.

Khi ấy, sém chút tôi đã phạm một sai lầm to lớn khi bước qua hành lang đi đến xà lim; tuy nhiên, cũng vừa đúng lúc ấy tôi nhận ra rằng mệnh lệnh của tên Phán Quan sẽ được thi hành ngay lập tức. Quả là thế, cánh cửa phòng lính canh lại bật mở và hai tên đàn ông bước ra vừa khua khoảng dùi cui vừa rải dài về phía những bậc cấp.

Khi cánh cửa được người ở trong phòng đóng lại, tôi bị phơi bày mồn một nhưng vận may của tôi một lần nữa lại mỉm cười khi những tên lính gác ấy

không ngoái đầu lại. Sau khi bọn chúng đã leo lên các bậc cấp và đi khuất dạng, tôi chờ thêm một hồi cho tiếng ủng từ xa của bọn chúng chìm dần và cho tim mình thôi không nện thình thình nữa. Chỉ đến khi đó tôi mới nghe thấy tiếng người lao xao ở xà lim phía trước. Có ai đó đang khóc; người khác ngân nga cầu nguyện. Tôi vội vã lao đến phía phát ra âm thanh cho đến khi chạm phải một cánh cửa kim loại nặng trĩu, một phần ba phần trên cùng của cánh cửa là những song sắt dựng đứng.

Tôi giơ nến lên sát những chấn song và ghé mắt nhìn vào. Dưới ánh nến nhập nhoạng, khu xà lim trông rất kinh khủng mùi bốc ra còn khiếp hơn nữa. Có khoảng hai mươi người bị nhồi nhét trong khoảng không nhỏ bé ấy. Vài người đang nằm dài trên sàn trông như đang ngủ. Vài người khác đang ngồi tựa lưng vào tường. Một người phụ nữ đang đứng gần cửa sắt và âm thanh tôi nghe thấy là giọng của bà ta. Tôi đã đoán là bà ta đang cầu nguyện nhưng thực ra bà ta đang lầm rầm những điều vô nghĩa với hai mắt trợn ngược như thể những gì vừa trải qua đã làm cho bà mất trí.

Tôi không nhìn thấy Thầy Trừ Tà cũng như Alice, nhưng thế không có nghĩa là họ không ở trong đây. Đây đích thực là những tù nhân rồi. Những tù nhân của tên Phán Quan sắp sửa bị đưa đi thiêu sống.

Không lãng phí thì giờ, tôi đặt thanh trượng xuống, mở khóa và chậm chậm mở cửa ra. Tôi muốn đi vào trong tìm Thầy Trừ Tà và Alice, nhưng trước khi cánh cửa kịp mở ra hết, người đàn bà đang lầm rầm kia đã tiến tới trước chắn ngang lối của tôi.

Bà ta gào lên điều gì đó, khạc bao nhiêu từ ngữ vào mặt tôi. Tôi không hiểu bà ta đang nói gì nhưng bà ta lại quá lớn tiếng đến nỗi tôi phải liếc ra sau về phía phòng lính canh. Chỉ trong vòng vài giây, những người khác đã kéo cả lại sau lưng bà, đẩy bà ta ra trước, về phía hành lang. Bên trái bà ta là một cô gái, trông không lớn hơn Alice là mấy. Cô gái có đôi mắt to nâu và khuôn mặt phúc hậu, thế nên tôi quay sang hỏi cô.

“Tớ đang tìm một người,” tôi bảo, giọng chỉ như đang thì thào.

Trước khi tôi kịp nói thêm gì khác, cô gái hé môi ra như thể định nói, để lộ ra hai hàm răng gãy đôi ba chiếc, những chiếc còn lại đen sì vì sâu. Thay vì nói ra thành tiếng, một tràng cười lớn tiếng thoát ra khỏi cổ họng cô ta, và ngay lập tức đẩy lên một cơn gào rú từ những người xung quanh mình. Những người này đã bị tra tấn và trải qua bao nhiêu ngày, thậm chí là hàng tuần, bị đe dọa phải chết. Yêu cầu họ nói chuyện lý lẽ hay giữ bình tĩnh chẳng có ích gì cả đâu. Đủ kiểu ngón tay chọc vào tôi, còn một người đàn ông to lớn lên nghêu tay chân dài thòng với đôi mắt thất thần thì túm chặt tay tôi giật lên giật xuống vì biết ơn.

“Cảm ơn! Cảm ơn!” ông ta gào lên, nắm tay ông ta chặt đến nỗi tôi nghĩ ông ấy sẽ bóp nát xương tôi mất.

Tôi cố gắng giằng tay ra, nhặt thanh trượng lên và bước lùi vài bước. Kể từ lúc này, bất cứ khi nào đám lính gác cũng sẽ nghe thấy vụ lao xao này rồi đi ra hành lang để tìm hiểu. Lỡ Thầy Trừ Tà và Alice không ở trong xà lim ấy thì sao? Lỡ hai người họ đang bị giam giữ ở nơi khác thì thế nào?

Giờ thì đã quá muộn, bởi do bị phía sau thô bạo đùn tới trước, tôi đang lùi qua phòng lính gác, rồi thêm vài giây sau, tôi đã bị đẩy đến cánh cửa mở vào hầm rượu. Tôi liếc ra sau nhìn dòng người đang nối đuôi mình. Ít nhất bây giờ không ai đang la lối gì nhưng vẫn còn nhiều tiếng động hơn là tôi muốn. Tôi chỉ hy vọng là đám lính canh đang quá lo chè chén. Chắc bọn chúng đã nhàm tai với những âm thanh từ tù nhân rồi; hẳn chúng không nghĩ rằng sẽ có một cuộc phá ngục.

Khi đã vào được đến hầm rượu, tôi leo lên đứng thẳng bằng trên một vại bia, nhanh tay đẩy cánh cửa sập lên. Qua cánh cửa mở toang, tôi nhác thấy thanh trụ đá của bức tường phía ngoài nhà thờ lớn, một đợt gió lạnh và hơi ẩm thốc vào mặt tôi. Trời đang mưa nặng hạt.

Những người khác lóp ngóp bò lên vại bia. Người đàn ông lúc nãy nói cảm ơn giờ lại thô bạo huých tôi qua một bên bằng cùi chỏ và bắt đầu chui qua cửa sập. Lát sau, khi đã ra được bên ngoài, ông ta chìa tay về phía tôi, tỏ ý muốn kéo tôi lên.

“Nào!” ông ta rít lên.

Tôi do dự. Tôi muốn xem xem Thầy Trừ Tà và Alice ra khỏi xà lim chưa đã. Nhưng đến đấy thì quá muộn rồi vì một người phụ nữ đã leo lên vai bên cạnh tôi và vươn tay về phía ông kia, ông này chẳng hề ngần ngại tóm lấy cổ tay bà ta để kéo bà qua cánh cửa sập.

Sau đấy tôi chẳng còn cơ hội nào nữa. Còn bao nhiêu người khác, nhiều người gần như là ấu đả nhau trong cơn tuyệt vọng muốn thoát ra ngoài. Nhưng không phải ai cũng như thế. Một người đàn ông khác ngã một vai bìa xuống và lăn nó đến kề sát vai đang đứng thẳng để tạo thành một bậc bước giúp cho việc leo lên dễ dàng hơn. Ông lại giúp một bà lão leo lên đứng vững để người đàn ông bên trên chầm chậm kéo bà lên trên.

Những tù nhân đang thoát ra ngoài qua cửa sập, nhưng những người khác vẫn tiếp tục ụa vào hầm rượu, tôi liên tục nhìn về phía họ, hy vọng một trong những người ấy có thể là Thầy Trừ Tà hay Alice.

Một ý nghĩ bất chợt lóe lên. Ngộ nhỡ một trong hai người họ bệnh nặng hay quá yếu nên không thể rời khỏi xà lim thì sao nhỉ?

Chẳng còn lựa chọn nào khác. Tôi phải quay lại xem sao thôi. Tôi nhảy xuống khỏi vai bìa, nhưng muộn mất rồi: có tiếng thét văng ròi những giọng giận dữ. Tiếng ủng nện sầm sập dọc theo hành lang. Một tên lính gác to lớn vạm vỡ vừa hươ dùi cui vừa đẩy cửa vào hầm rượu. Hắn nhìn quanh rồi rống lên một tiếng điên tiết, lao thẳng về phía tôi.

Chương 10

CON GÁI NHỎ TOỆT

Không lưỡng lự giây nào, tôi chộp lấy thanh trượng và thổi tắt ngọn nến, nhấn chìm hầm rượu vào bóng tối và nhanh chóng di chuyển về hướng cánh cửa dẫn xuống hầm mộ.

Đằng sau tôi là những âm thanh huyền ảo kinh khủng: tiếng quát tháo, la hét và tiếng đánh đấm lẫn nhau. Liếc ra sau, tôi thấy một tên lính gác khác đang mang đuốc vào trong hầm rượu, thế là tôi lén vào sau những giá rượu, dùng chúng làm vật cản giữa mình và quầng sáng, đồng thời cầm đầu lao về phía cánh cửa bên đầu tường bên kia.

Tôi cảm thấy ân hận vì phải để Thầy Trừ Tà và Alice lại phía sau. Đã đi được xa đến chừng này rồi mà vẫn không thể giải cứu hai người họ làm tôi thấy khổ sở quá. Tôi chỉ biết hy vọng rằng giữa cơn náo loạn kia, họ có thể bằng cách nào đó cố gắng thoát được ra ngoài. Cả hai người đều có khả năng nhìn rõ trong bóng tối, và nếu tôi tìm ra được cánh cửa dẫn xuống hầm mộ thì họ cũng có thể tìm thấy. Tôi cảm nhận được vài tù nhân đang di chuyển cùng mình, tránh xa đám lính gác để tiến vào những góc ngách tối tăm của hầm rượu. Dường như còn vài người phía trước tôi nữa. Chắc trong số đó có cả thầy tôi lẫn Alice nhưng tôi không dám mạo muội kêu to vì sợ đánh động đám lính kia. Khi len lỏi qua những giá rượu và nhìn tới trước, tôi nghĩ là mình trông thấy cánh cửa xuống hầm mộ đang mở ra rồi nhanh chóng khép lại, nhưng trời tối quá nên tôi cũng không dám chắc.

Một lát sau tôi cũng đi qua cánh cửa ấy. Ngay vừa khi đóng cửa lại sau lưng, tôi đã chìm vào trong một màn tối đặc quánh đến nỗi, trong vài giây, tôi không thể nhìn thấy bàn tay mình ngay trước mặt. Tôi đứng đấy, ngay trên đầu bậc cấp, tuyệt vọng chờ đợi cho mắt mình làm quen với bóng đêm.

Vừa nhìn được ra các bậc cấp, tôi liền thận trọng bước xuống và lần dọc theo đường hầm nhanh hết mức có thể, bụng biết rõ rằng, dần dà sẽ có ai đó

đến kiểm tra cánh cửa kia. Tôi đã không khóa cửa lại phòng trường hợp Alice hay Thầy Trừ Tà đi gần ngay sau mình.

Thông thường tôi cũng khá nhạy khi nhìn trong bóng tối, nhưng trong hầm mộ này dường như mỗi lúc một tối đen hơn nên tôi phải lôi hộp nhóm lửa ra khỏi túi áo khoác. Tôi quỳ xuống rắc rắc một nhúm bụi nhùi ra trên mặt đá. Thật nhanh tay, tôi dùng viên đá và miếng kim loại để đánh lửa, rồi vài giây sau, tôi đã thắp được nến lên.

Có được ánh nến soi đường rồi, tôi di chuyển lanh lẹ hơn, nhưng không khí quanh tôi đang mỗi lúc một trở lạnh theo từng bước đi, và cách trước đây không xa tôi có thể nhìn thấy những đốm sáng ma quỷ lập lòe trên tường. Lần này cũng vậy, những hình thù dạ quang trắng nhớn bay vụt ra vụt vào trong bóng tối, nhưng giờ đây chúng còn nhiều hơn khi nãy. Thế giới những kẻ đã chết đang tụ về. Chuyển đi dọc đường hầm của tôi lúc trước đã đánh động bọn họ.

Tôi dừng phắt lại. Gì thế nhỉ? Đâu đấy xa xa tôi nghe thấy tiếng chó tru lên. Tôi đứng im, tim đập thình thịch. Là con chó bình thường hay biết đâu đấy là Quỷ Độc? Ông Andrew từng nói đến một con chó ngoao to lớn với hàm răng dữ tợn. Một con chó to lớn mà thực chất chính là tên Quỷ Độc. Tôi cố tự bảo rằng mình chỉ đang nghe thấy tiếng của một con chó thực thụ thôi, không biết bằng cách nào mà nó đã lang thang xuống hầm mộ này. Dầu sao thì, nếu mèo đã xuống được đến tận đây thì sao chó lại không thể chứ?

Tiếng tru lại vang lên, lảng động trong không gian một hồi lâu, ngân nga vang dội dọc đường hầm hun hút. Là ở trước mặt hay sau lưng tôi ấy nhỉ? Trong đường hầm này hay trong đường hầm khác? Thật không thể phân biệt được. Nhưng khi còn tên Phán Quan và thuộc hạ của hắn đang đuổi theo sau thì tôi chẳng có lựa chọn nào ngoài việc tiếp tục di chuyển về phía cổng.

Thế là tôi nhanh chân bước, người run lập cập vì lạnh, đi vòng tránh qua con mèo bị chẹt, đi mãi cho đến điểm nơi chia hai đường hầm nhập lại làm một. Cuối cùng, tôi quành qua khúc quanh và trông thấy Cổng Bạc. Đến đây tôi đứng lại, hai đầu gối bắt đầu lấy ba lấy bảy, đầu óc hoảng sợ chẳng muốn bước tiếp. Vì ở phía trước, trong bóng tối bên ngoài quầng sáng của ánh nến,

đang có ai đó đứng đón đầu tôi. Một hình thù đang ngồi bệt trên sàn gần cánh cổng, lưng tựa vào tường, đầu gục về phía trước. Có thể nào đây là một tù nhân vừa trốn thoát chăng? Kẻ đã đi qua cửa hầm rượu trước tôi ấy?

“Điều gì đã giữ chân con thế?” một giọng nói tôi nhận ra được vang lên. “Ta đã chờ ở đây đến năm phút rồi!”

Là Thầy Trừ Tà, còn sống và còn sức! Tôi nhào đến trước, lòng hân hoan vì biết thầy đã thoát ra được. Bên mắt trái thầy là một vết bầm tím xấu xí còn miệng thầy đã sưng vù cả lên. Rõ ràng thầy đã bị đánh đập.

“Thầy có sao không?” tôi lo lắng hỏi.

“Không sao cả, anh bạn à. Cho ta nghỉ một chốc để lấy lại sức rồi ta lại sẽ khỏe như vâm ấy mà. Cứ mở cửa ra đi rồi thầy trò ta sẽ sớm thoát thôi.”

“Alice có đi cùng thầy không ạ?” tôi hỏi. “Thầy có ở cùng xà lim với cô ấy không?”

“Không đâu anh bạn. Tốt nhất là quên con bé ấy đi. Nó chẳng tốt đẹp gì cả. Chỉ toàn mang lại rắc rối và giờ thì chúng ta chẳng thể làm được gì để giúp nó nữa đâu.” Giọng của thầy nghe sao khắc nghiệt và tàn nhẫn quá thế. “Nó đáng phải chịu những gì sẽ xảy đến với nó.”

“Là thiêu sống ấy à?” tôi hỏi lại. “Thầy chẳng bao giờ tán thành việc thiêu sống phù thủy chứ đừng nói gì đến một cô bé vô tội, mà chính thầy còn bảo ông Andrew là cô ấy vô tội cơ mà.”

Tôi sốc thật. Thầy chưa khi nào tin tưởng Alice nhưng thầy nói năng như thế làm tôi thấy đau lòng quá, nhất là sau khi chính thầy phải đối mặt với một số phận kinh khủng đến thế. Vậy còn Meg thì sao? Trước nay không phải khi nào thầy cũng lạnh lùng tàn nhẫn như vậy...

“Trời đất ơi, thằng này, con đang mơ hay tỉnh thế?” Thầy Trừ Tà hỏi dồn, giọng thầy vừa khó chịu vừa nôn nóng. “Coi nào, tỉnh hồn lại đi chứ! Lôi chìa khóa ra mở cổng xem nào.”

Khi tôi còn tần ngần, thầy đã chìa tay về phía tôi. “Đưa thanh trượng đây cho ta. Ta đã ở trong cái xà lim ẩm ướt kia lâu quá rồi, đêm nay mớ xương cốt già cỗi của ta đang đau nhức...”

Tôi giơ tay đưa thanh trượng cho thầy, nhưng khi những ngón tay của thầy chuẩn bị tóm lấy thanh trượng, tôi bất thần hoảng kinh nhảy lùi lại.

Không chỉ là vì tôi choáng váng khi hơi thở nóng rát, thối um của thầy phả khắp mặt tôi đâu. Mà là bởi vì ông ta đang chìa tay phải ra cho tôi! Là tay phải, chứ không phải tay trái!

Đây không phải là Thầy Trừ Tà! Đây không phải thầy của tôi!

Khi tôi trở mắt nhìn, người đông cứng chết dí tại chỗ, bàn tay của hắn rơi thông xuống bên mình, rồi thì như một con rắn, bàn tay ấy bắt đầu oằn oại trườn trên mặt đá về phía tôi. Trước khi tôi kịp cử động, cánh tay hắn đã tuột xuống, kéo dài ra gấp đôi rồi bàn tay hắn cùm lấy cổ chân tôi, túm chặt đến đau đớn. Phản xạ tức thời của tôi là cố lê chân ra khỏi gọng kìm chết người của hắn, nhưng tôi biết đấy chẳng phải là cách. Tôi đứng im tuyệt đối.

Và cố gắng tập trung tư tưởng. Tôi nắm chặt thanh trượng, cố gắng kìm nén cơn hoảng sợ, lòng tự nhủ phải nhớ hít thở đều. Tôi đang sợ chết khiếp, nhưng dù cơ thể không nhúc nhích gì, trí óc tôi lại có. Chỉ có một cách lý giải duy nhất và điều ấy làm tôi run như cây sậy vì kinh hoàng: tôi đang đối mặt với Quỷ Độc!

Buộc mình tập trung vào, tôi cẩn thận quan sát cái thứ trước mắt mình, tìm kiếm thật hung bất cứ thứ gì có thể giúp được mình dù là nhỏ nhoi nhất. Kẻ này trông y như Thầy Trừ Tà và giọng nói nghe cũng giống nữa. Không thể nào tìm được điểm khác biệt, trừ cánh tay rắn kia.

Quan sát được vài giây, tôi cảm thấy ổn định hơn. Đây là một chiêu thức mà Thầy Trừ Tà đã dạy cho tôi: khi phải đối mặt với nỗi sợ hãi ghê gớm nhất của mình, chúng ta phải tập trung thật chăm chú vào và bỏ lại những xúc cảm của ta sau lưng.

“Lúc nào cũng có tác dụng chống lại bọn chúng đấy, anh bạn nhỏ à!” thầy từng bảo với tôi. “Thế lực bóng tối phát huy dựa vào sự sợ hãi, và với một tâm trí bình thản cùng dạ dày rỗng không thì một nửa phần thắng trong trận chiến đã thuộc về ta ngay cả trước khi ta lâm trận.”

Và đúng là đang có tác dụng thật. Thân thể tôi giờ đã thôi không lập cập nữa, tôi cảm thấy bình tĩnh hơn, gần như là nhẹ nhàng thoải mái.

Quý Độc thả cổ chân tôi ra và cánh tay hăn ngoằn ngoèo thu về bên mình. Thứ sinh vật này đứng lên tiến về tôi một bước. Khi hăn làm thế, tôi nghe thấy một âm thanh lạ tai: không phải là tiếng ủng bước như tôi tưởng, mà là giống như những móng vuốt to lớn cào sồn sột xuống sàn đá thì đúng hơn. Cử động của Quý Độc cũng xáo trộn cả không khí, khiến cho ngọn nến rung rinh, làm biến dạng bóng hình Thầy Trừ Tà đang phản chiếu trên Cổng Bạc.

Tôi nhanh nhẩu quỳ xuống, đặt ngọn nến và thanh trượng lên sàn hầm mộ giữa hai chúng tôi. Thoắt sau đấy tôi đứng lên, cho hai tay vào hai bên túi quần, nắm đầy một nắm tay những muối và tay kia là bột sắt.

“Chỉ phí thời gian thôi, mi đấy,” Quý Độc lên tiếng, giọng của hăn chợt không còn giống giọng Thầy Trừ Tà chút nào. Chất giọng khản đục, vang dội qua từng viên đá trong hầm mộ, rung bần bật qua đôi ủng của tôi và khiến hai hàm tôi va nhau lập cập. *“Những trò cổ lỗ như thế chẳng hề hấn gì đến ta. Ta đã sống trên thế giới này quá lâu rồi, những thứ ấy chẳng làm ta đau được! Thầy của mi, Nhúm Xương Già Cối ấy, từng thử làm thế và chả có tác dụng gì. Chẳng tác dụng gì cả!”*

Tôi lưỡng lự, nhưng chỉ một chút xíu thôi. Biết đâu hăn đang nói xạo – bất cứ chuyện gì cũng đáng để thử cơ mà. Nhưng lúc ấy, giữa mớ bột sắt, bàn tay trái của tôi túm phải thứ gì đấy cứng cứng. Là chiếc chìa khóa bé nhỏ mở lấy Cổng Bạc. Tôi không thể mạo hiểm đánh mất chiếc chìa này.

“Á à... mi, mi đã có được thứ ta cần,” Quý Độc vừa nói vừa cười nham hiểm.

Hăn đã đọc lấy tâm trí tôi rồi ư? Hay có lẽ hăn chỉ đọc được vẻ mặt của tôi thôi, hoặc biết đâu chỉ là đoán mò? Mà kiểu gì thì hăn cũng biết quá nhiều.

“Nghe này,” hăn cất lời với một vẻ xảo quyệt hiện trên mặt, *“nếu Nhúm Xương Già Cối kia đã không làm gì được ta thì mi có được bao nhiêu cơ hội nào? Chẳng có cơ hội nào sất! Bọn kia sẽ xuống đây, sẽ sớm lùng sục tìm*

bắt mi thôi. Mi không nghe thấy tiếng bọn lính gác đấy sao? Mi, mi sẽ bị thiêu chết! Thiêu chết cùng với đám còn lại! Chẳng còn cách nào để ra khỏi đây trừ lối cổng này. Chẳng còn cách nào khác, hiểu chưa hả? Vậy mi hãy dùng chiếc chìa khóa ấy đi, trước khi quá muộn!”

Quý Độc đang đứng dạt qua một bên để tựa lưng vào vách đường hầm. Tôi biết chính xác hắn muốn gì: hắn muốn đi theo tôi chui qua cánh cổng, muốn được tự do, muốn được hoành hành ngang dọc khắp Hạm. Tôi biết Thầy Trừ Tà sẽ bảo gì với tôi; biết được thầy mong đợi ở tôi điều gì. Nhiệm vụ của tôi là phải đảm bảo sao cho Quý Độc muôn đời mắc kẹt trong hầm mộ này. Đây là điều quan trọng hơn tính mạng của chính tôi nhiều.

“Đừng có khờ thế!” Quý Độc rít lên, một lần nữa giọng của hắn nghe lớn hơn và tàn nhẫn hơn giọng Thầy Trừ Tà tôi từng nghe. *“Nghe lời ta rồi mi sẽ được tự do! Lại còn được thưởng nữa. Một phần thưởng kếp xù. Cùng một loại phần thưởng mà nhiều năm trước ta đã đề nghị với Nhúm Xương Già Cối, nhưng hắn chẳng chịu nghe theo. Rồi nhìn xem, hắn được gì nào? Trả lời ta xem! Ngày mai hắn sẽ được đem ra xét xử và bị buộc tội. Hôm sau đấy nữa hắn sẽ bị thiêu sống.”*

“Không!” tôi đáp. “Ta không thể làm thế được!”

Nghe đến đấy, gương mặt Quý Độc bùng bùng phần nộ. Hắn vẫn còn trong lốt Thầy Trừ Tà nhưng những nét mặt tôi đã quá quen thuộc giờ đây đang xiên xẹo méo mó đi vì độc ác. Hắn tiến thêm bước nữa về phía tôi rồi giơ nắm tay lên. Có lẽ chỉ là do ánh nền lửa phỉn nhưng tên Quý Độc dường như mỗi lúc một phình to. Và tôi có thể cảm nhận được luồng sức nặng vô hình đang bắt đầu ép xuống đầu và hai vai mình. Khi đang bị buộc phải khụy gối xuống, tôi nghĩ đến con mèo bị cán bẹp dí vào lớp đá lát sàn, và tôi nhận ra số phận tương tự đang chờ đón mình. Tôi cố hít lấy một hơi, nhưng không thể, và tôi bắt đầu phát hoảng. Tôi không thể thở! Vậy là xong!

Ánh sáng từ cây nến biến mất trong vùng chợt tối đen đang phủ lấy hai mắt tôi. Tôi cố gắng trong tuyệt vọng để thốt nên lời, để van xin được lòng thương hại, nhưng tôi biết sẽ chẳng có lòng thương hại nào trừ khi tôi

chịu mở cánh Cổng Bạc. Tôi đang nghĩ gì thế này? Tôi thật điên rồ khi tin rằng chỉ với vài tháng huấn luyện là mình có thể chế ngự được một sinh vật hiểm độc và đầy sức mạnh như Quỷ Độc đây! Tôi đang chết dần – tôi cảm nhận rõ được điều ấy. Chết cô độc một mình trong căn hầm mộ. Và điều tồi tệ nhất là tôi đã thất bại thảm hại. Tôi đã không cố mà giải cứu được thầy tôi hay Alice gì cả.

Đoạn tôi nghe thấy âm thanh gì đấy từ phía xa: tiếng giày lê trên sàn đá. Người ta thường bảo, khi ta hấp hối, giác quan cuối cùng rời bỏ ta đi sẽ là thính giác. Và trong một hồi tôi nghĩ rằng tiếng giày kéo lê kia là trải nghiệm cuối cùng của mình trên cõi đời này. Nhưng rồi sức nặng vô hình đang nghiền lấy thân tôi từ từ giảm trọng. Tầm nhìn rõ hẳn ra và đột nhiên tôi có thể hít thở trở lại. Tôi nhìn theo Quỷ Độc đang quay đầu nhìn về nơi đường hầm uốn quanh. Quỷ Độc cũng nghe thấy âm thanh ấy nữa!

Âm thanh kia lại vang lên. Lần này thì không còn nghi ngờ gì. Là tiếng bước chân! Có ai đó đang tiến đến!

Tôi nhìn lại về phía Quỷ Độc, trông thấy hắc đang thay đổi hình dạng. Lúc này tôi chẳng tưởng tượng gì sất. Hắc đang phình to ra. Lúc này đầu hắc đã gần chạm đến nóc hầm, thân hình hắc uốn cong đến trước, gương mặt biến chuyển cho đến khi hắc không còn mang gương mặt của Thầy Trừ Tà nữa. Cằm thò dài, chìa ra rồi cong vênh lên tạo thành hình móc câu, và mũi hắc khoằm xuống chạm lấy cằm. Có phải hắc đang biến về hình dạng thực của hắc không – về hình dáng của bức tượng đầu thú phía trên lối đi chính vào nhà thờ lớn ấy? Liệu hắc đã phục hồi được toàn bộ sức mạnh chưa nhỉ?

Tôi lắng tai nghe tiếng bước chân tiến đến gần. Lẽ ra tôi có thể thối tắt nển, nhưng làm thế chỉ để tôi lại một mình trong bóng tối với Quỷ Độc mà thôi. Ít ra thì nghe như thế đang có một người tiến đến gần chứ không phải là cả một đội quân của tên Phán Quan. Tôi chẳng quan tâm người ấy là ai. Lúc này họ vừa mới cứu mạng tôi rồi.

Thoạt đầu tôi nhìn thấy hai chân, khi người này quàng qua khúc quanh bước vào vùng nền sáng. Đôi giày mũi nhọn, rồi một cô gái mảnh dẻ mặc

váy đen với hai hông đung đưa khi cô từ khúc cua tiến đến.

Là Alice!

Cô gái dừng lại, thoát liếc về phía tôi, hai mắt mở lớn. Khi cô nhìn lên Quỷ Độc, mặt cô trông giận run lên chứ không phải là sợ hãi.

Tôi quay lại nhìn, và trong khoảnh khắc hai mắt Quỷ Độc giao với mắt tôi. Dù là trong đôi mắt ấy đang bùng lên cơn giận dữ, tôi vẫn có thể nhìn thấy một điều khác, nhưng trước khi tôi kịp nhận ra điều ấy là gì thì Alice đã lao về phía Quỷ Độc, miệng rít lên như mèo. Và rồi, thật ngạc nhiên chưa kìa, cô nhổ toẹt một bãi vào mặt Quỷ Độc.

Những gì xảy đến sau đấy chóng vánh đến nỗi chẳng nhìn ra được gì. Chỉ là một cơn gió bỗng thổi qua và tên Quỷ Độc biến mất.

Chúng tôi đứng bất động ở đấy trong một lúc tưởng chừng như rất lâu. Rồi Alice quay sang nhìn về phía tôi.

“Hắn không thích bị con gái khạc nhổ lắm nhỉ?” cô cười nhạt. “May là tớ kịp nghĩ ra trò hay ho thế.”

Tôi không trả lời. Thật không thể tin là Quỷ Độc lại tháo chạy dễ dàng đến thế, nhưng lúc đó tôi đã quỳ xuống và chập vật tra chìa vào Cổng Bạc. Hai tay tôi run rẩy và việc này cũng đầy khó khăn như khi ông Andrew thao tác.

Cuối cùng tôi cũng cho chìa vào đúng vị trí và xoay. Tôi đẩy cánh cổng mở ra, tóm lấy chiếc chìa lẫn thanh trượng rồi bò ra ngoài.

“Mang nển theo!” tôi gào lên với Alice, và khi cô gái đã bò ra an toàn, tôi cho chìa vào mặt kia cánh cổng và loay hoay vặn. Lần này dường như phải mất hàng thế kỷ ấy; bất cứ lúc nào tôi biết tên Quỷ Độc cũng có thể quay lại.

“Cậu không làm nhanh nhanh hơn được sao?” Alice hỏi.

“Trông thế chứ chẳng dễ gì đâu,” tôi đáp.

Rốt cuộc tôi cũng khóa được cổng và thở phào nhẹ nhõm. Thế rồi tôi nhớ đến Thầy Trừ Tà...

“Thầy Gregory có ở cùng xà lim với cậu không thế?” tôi hỏi.

Alice lắc đầu. “Khi cậu thả bọn tớ ra ngoài thì không. Bọn chúng lôi ông ta đi thăm tra khoảng một tiếng trước khi cậu đến.”

Tôi đã may mắn thoát khỏi việc bị bắt giữ. May mắn đưa được các tù nhân ra khỏi xà lim. Nhưng may mắn cũng có đối trọng của riêng nó. Tôi đã đến muộn mất một tiếng. Alice đã được tự do nhưng Thầy Trừ Tà vẫn còn là tù nhân, và trừ khi tôi làm được gì đó, bằng không thì thầy sẽ bị thiêu sống.

Không phí phạm thêm thời gian nữa, tôi dẫn Alice đi dọc đường hầm cho đến khi đến được chỗ dòng sông đang chảy xiết.

Tôi lướt băng qua dòng sông, nhưng khi ngoái đầu nhìn lại, Alice vẫn còn đang đứng bên bờ bên kia, nhìn chăm chăm xuống mặt nước.

“Sâu lắm Tom ơi,” cô gào lên. “Nước quá sâu còn những bậc đá lại quá trơn trượt!”

Tôi băng ngược trở lại nơi Alice đang đứng. Đoạn, nắm chặt lấy tay cô gái, tôi dắt Alice bước qua chín bậc đá nhẵn lì. Chẳng mấy chốc chúng tôi đến được cánh cửa sập dẫn lên căn nhà hoang, và khi lên được hầm rượu rồi, tôi đóng cánh cửa ấy lại. Thật thất vọng làm sao vì ông Andrew đã đi mất tiêu. Tôi cần phải trao đổi với ông ấy: để báo với ông là Thầy Trừ Tà đã không ở trong xà lim kia; để cảnh báo cho ông biết là huynh Peter đang lâm nguy và rằng những lời đồn đại trước nay đều rất chính xác – rằng sức mạnh của Quỷ Độc đã quay trở lại!

“Tốt hơn chúng ta nên ở dưới này một chốc đã. Tên Phán Quan sẽ cho lục soát khi hắn biết nhiều tù nhân các cậu đã trốn thoát. Ngôi nhà này bị ma ám – nơi cuối cùng mà người ta muốn tìm đến là ở dưới hầm rượu này đây.”

Alice gật đầu, và đây là lần đầu tiên kể từ dạo mùa xuân tôi mới có dịp nhìn ngắm cô thật kỹ. Cô đã cao bằng tôi, nghĩa là Alice cũng cao thêm ít nhất là một phân nữa, nhưng cách ăn vận thì vẫn như lần cuối tôi nhìn thấy khi tôi đưa cô gái đến nhà dì cô ở Staumin. Nếu đây không phải là cùng chiếc váy ấy, ắt nó phải là chiếc váy giống y hệt.

Khuôn mặt Alice vẫn xinh xắn như ngày nào nhưng ốm hơn, già dặn hơn, như thể gương mặt ấy đã phải chứng kiến những điều khiến nó phải trưởng

thành nhanh chóng; những điều mà chẳng ai phải nên trông thấy. Mái tóc đen của cô gái xỉn màu nâu bầm và mặt cô có vài vết nhỏ. Alice trông như chẳng được tắm gội gì trong ít nhất là một tháng.

“Gặp lại được cậu thì hay quá,” tôi bảo. “Khi trông thấy cậu trong cỗ xe của tên Phán Quan, tớ đã nghĩ vậy là đi tong rồi chứ.”

Alice không trả lời. Cô chỉ nắm chặt bàn tay tôi bóp mạnh. “Tớ đang sắp chết đói rồi đây này, Tom. Cậu không có thứ gì ăn được sao?”

Tôi lắc đầu.

“Tiếc quá,” tôi đáp. “Tớ chẳng còn lại gì cả.”

Alice quay đi, tay tóm chặt mép một tấm thảm cũ nằm trên cùng chõng thảm.

“Giúp tớ với Tom. Tớ cần phải ngồi xuống mà tớ lại không thích nền đá lạnh lẽo cho lắm.”

Tôi đặt cây nến và thanh trượng xuống rồi cả hai chúng tôi lôi tấm thảm trải lên mặt sàn đá. Mùi ẩm mốc xông lên càng nồng nặc hơn và tôi nhìn theo đám rận rệp vừa bị chúng tôi xới lên bò nháo nhào qua sàn hầm rượu bên kia.

Chẳng may may để ý, Alice ngồi xuống thảm và co hai gối lên để tì cằm vào. “Ngày nào đấy rồi tớ sẽ thanh toán sòng phẳng,” cô nói. “Không ai đáng phải bị đối xử như thế.”

Tôi ngồi xuống cạnh bên và đặt tay mình lên tay Alice. “Đã xảy ra chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

Alice im lặng một hồi, chỉ đến khi tôi nghĩ cô sẽ không trả lời mình, đột nhiên cô mở lời. “Khi đã biết tính tớ, bà dì già nua của tớ đối xử với tớ rất tốt. Bắt tớ làm việc nhiều thật đấy, nhưng luôn cho tớ ăn uống đầy đủ. Tớ chỉ vừa mới làm quen với việc sống ở Staumin thì tên Phán Quan đến. Bất ngờ tấn công bọn tớ và phá cửa xông vào nhà. Nhưng dì tớ đâu phải là Lizzie Xương Xấu. Dì ấy nào phải phù thủy.

“Bọn chúng dìm dì tố xuống hồ nước vào lúc giữa đêm trong khi lại có một đám đông đứng xem, hò reo cười nói. Tố sợ lắm, nghĩ rằng tiếp theo sẽ đến phiên mình thôi. Chúng trói hai tay dì tố vào hai chân rồi ném dì xuống nước. Dì chìm ngấm như hòn đá ấy. Nhưng lúc ấy trời vừa tối vừa gió, và khi dì tố rơi xuống nước thì một cơn gió xoáy bạt qua, thổi tắt một loạt đuốc. Phải mất một lúc lâu sau mới tìm được dì và lôi dì vào bờ.”

Alice vùi mặt vào hai bàn tay mà thốn thức. Tôi lặng thinh chờ đợi cho đến khi cô ấy có thể kể tiếp. Khi bỏ hai tay ra khỏi mặt, đôi mắt Alice ráo hoảnh nhưng môi cô lại run run.

“Khi mọi người lôi được dì lên bờ, dì đã chết. Thế là không công bằng đâu Tom. Dì có nổi đâu, dì chìm mà, thế thì chắc hẳn dì là người vô tội nhưng bọn chúng vẫn cứ giết chết dì ấy! Sau đấy chúng để tố yên, chỉ quăng tố lên cỗ xe bò cùng với những người khác thôi.”

“Mẹ tố bảo dù sao thì mẹo thả bơi phù thủy cũng chẳng có tác dụng gì đâu,” tôi nói. “Chỉ có lũ điên mới dùng trò ấy.”

“Không đâu Tom, tên Phán Quan không điên đâu. Hắn làm việc gì cũng có lý do cả, chuyện này thì cậu yên tâm. Hắn tham lam lắm. Tham tiền ấy. Hắn đã bán nhà của dì tố lấy tiền. Bọn tố thấy hắn đếm tiền mà. Đó là những gì hắn làm đấy. Kêu người ta là phù thủy, trừ khử người ta rồi chiếm lấy nhà cửa, đất đai cùng tiền bạc của họ. Với lại, hắn còn thích thú việc mình làm nữa chứ. Hắn bảo hắn làm thế để diệt trừ phù thủy ra khỏi Hạt, nhưng hắn còn tàn độc hơn bất cứ phù thủy nào tố từng biết – rõ ràng là thế.

“Có một cô gái tên Maggie. Cũng không lớn tuổi hơn tố lắm. Chúng chẳng buồn quăng cô ấy xuống nước. Chúng sử dụng một phép thử khác và cả đám bọn tố phải chứng kiến. Tên Phán Quan dùng một chiếc kim găm dài và nhọn. Hắn cứ chọc tới chọc lui mãi vào người cô gái. Lẽ ra cậu phải nghe thấy tiếng cô ấy la hét. Cô gái đáng thương gần như là đau đến phát điên. Cứ xui miết, còn bọn chúng thì để một xô nước bên cạnh bàn để làm cô ấy tỉnh lại. Nhưng rồi cuối cùng chúng cũng tìm thấy thứ chúng muốn. Dấu ấn của Quỷ! Cậu biết đấy là gì không Tom?”

Tôi gật đầu. Thầy Trừ Tà từng nói với tôi rằng đây là một trong những manh mối mà những người săn phù thủy sử dụng. Nhưng thầy cũng bảo chuyện ấy là dối trá nốt. Chẳng có thứ gì như là dấu ấn của Quỷ cả. Bất cứ ai thông hiểu kiến thức đúng đắn về thế lực bóng tối đều biết như thế.

“Làm vậy là tàn độc và bất công,” Alice nói tiếp. “Sau một đời, khi đã đau đớn lắm rồi, cơ thể cậu sẽ tê dại, vì thế nên khi kim đâm vào cậu sẽ không còn cảm giác nữa. Sau đó bọn chúng bảo đây là nơi Ác quỷ đã chạm vào cậu, do vậy cậu có tội và phải bị đem đi thiêu. Điều tệ hại nhất là cái vế trên bản mặt tên Phán Quan. Hắn trông đến là hài lòng với chính mình. Rồi tớ sẽ đòi lại công bằng cho xem. Tớ sẽ bắt hắn trả giá cho điều ấy. Maggie không đáng phải bị thiêu chết.”

“Thầy Trừ Tà cũng không đáng phải bị thiêu chết!” tôi cay đắng nói. “Cả cuộc đời thầy đã gian khổ chiến đấu chống lại thế lực bóng tối.”

“Ông ta là đàn ông nên cái chết của ông ta sẽ dễ chịu hơn một số người khác,” Alice bảo. “Tên Phán Quan bắt phụ nữ phải chịu đựng nhiều đau đớn hơn. Hắn muốn đảm bảo rằng phụ nữ phải chịu thiêu lâu hơn. Rằng cứu rỗi linh hồn phụ nữ khó hơn linh hồn đàn ông. Và phụ nữ phải chịu đau đớn thật nhiều thì họ mới thấy hối hận về những tội lỗi của mình.”

Điều này khiến tôi nhớ lại những gì Thầy Trừ Tà đã bảo về việc Quỷ Độc không chịu được có đàn bà ở gần. Rằng phụ nữ làm hắn thấy lo ngại.

“Sinh vật cậu vừa nhổ vào là Quỷ Độc,” tôi bảo cho Alice biết. “Cậu từng nghe nói đến hắn chưa? Làm sao cậu lại có thể dễ dàng dọa cho hắn bỏ đi thế?”

Alice nhún vai. “Chẳng khó khăn gì khi nhận biết được thứ nào đó không thấy thoải mái khi ta ở gần. Có vài tên đàn ông hay như thế lắm – tớ luôn biết được khi nào mình không được người ta chào đón. Tớ từng có cảm nhận ấy khi tớ đến gần Lão Gregory và ở dưới kia cũng thế. Một cái nhổ toẹt thường đuổi được tất cả đi. Nhổ ba lần vào một con cóc rồi sẽ chẳng có thứ gì với làn da lạnh lẽo ẩm ướt có thể làm phiền được cậu trong khoảng một tháng hay hơn nữa. Lizzie từng tin tưởng điều này lắm. Nhưng tớ không

nghĩ việc này lại có tác dụng với Quỷ Độc đâu. Ủ, tớ từng nghe nói về sinh vật ấy rồi. Và giờ đây, nếu hăn đã có khả năng biến hình, tất cả chúng ta đều có chuyện phải đau đầu lắm đây. Tớ chỉ là làm cho hăn ngạc nhiên, thế thôi. Lần tới thì hăn đã chuẩn bị tinh thần sẵn sàng nên tớ sẽ không đi xuống đó nữa đâu.”

Trong một lúc, cả hai chúng tôi không ai nói câu nào. Tôi chỉ nhìn trần trời xuống tấm thảm ẩm mốc cũ kỹ, cho đến khi đột nhiên tôi nghe thấy hơi thở của Alice sâu dần. Khi tôi quay lại nhìn, hai mắt cô gái đã nhắm nghiền và cô cứ ngồi thế mà ngủ, cằm tì trên hai gối.

Thực sự thì tôi không muốn thối tắt nển đi, nhưng tôi không biết chúng tôi phải ở dưới hầm rượu này trong bao lâu nên tốt hơn là tiết kiệm chút ánh sáng để sau này còn dùng đến.

Khi nển đã tắt, bản thân tôi cũng cố chợp mắt chút đỉnh nhưng khó quá. Vì một lẽ là tôi bị lạnh và cứ run rẩy mãi thôi. Vì một lẽ nữa là tôi không thể gạt bỏ suy nghĩ về Thầy Trừ Tà. Chúng tôi đã thất bại trong việc giải cứu thầy, còn tên Phán Quan sẽ rất tức giận với những chuyện vừa xảy ra. Chẳng bao lâu nữa hăn sẽ bắt đầu đem người ta đi thiêu.

Cuối cùng, chắc là tôi đã thiếp đi mất vì tôi bỗng bị đánh thức dậy bằng giọng của Alice ngay gần sát tai mình.

“Tom này,” giọng cô gái gần như thì thào, “đằng góc kia hầm rượu đang có thứ gì đó ở cùng với chúng ta đây. Nó đang nhìn tớ chăm chăm và tớ chẳng thích lắm đâu.”

Alice nói đúng. Tôi có thể cảm nhận được thứ gì đó trong góc phòng và tôi cảm thấy lạnh. Tóc tai sau gáy tôi bắt đầu dựng cả lên. Chắc lại là Matty Barnes, tên siết cổ người thôi chứ gì.

“Đừng lo Alice,” tôi bảo. “Nó chỉ là một hồn ma. Cố đừng nghĩ đến nó. Miễn là cậu đừng sợ hãi gì thì nó chẳng làm hại được cậu đâu.”

“Tớ chẳng sợ. Chỉ ít là lúc này.” Cô gái ngừng lời, đoạn nói tiếp, “nhưng trong xà lim kia thì tớ sợ thật. Chẳng ngủ được lấy một tẹo nào giữa những

tiếng gào la than khóc ấy. Tớ sẽ chớp mắt tiếp mau thôi. Chỉ là tớ muốn nó biến đi giùm. Nó nhìn trừng trừng thế chẳng phải phép gì cả.”

“Tớ không biết tiếp đến phải làm gì đây nữa,” tôi nói, trong đầu lại nghĩ đến Thầy Trừ Tà.

Alice không trả lời nhưng hơi thở cô gái lại sâu trở lại. Cô ấy ngủ mất rồi. Và hẳn tôi cũng đã ngủ thiếp đi vì một âm thanh bỗng chợt đánh thức tôi.

Đấy là tiếng ủng nặng nề. Ai đấy đang ở trong phòng bếp trên đầu chúng tôi.

Chương 11

PHIÊN XỬ THẦY TRỪ TÀ

Cánh cửa cọt kẹt mở ra và ánh nến tràn ngập căn phòng. Tôi nhẹ cả người khi thấy đó là ông Andrew.

“Ta nghĩ sẽ tìm ra con dưới này mà,” ông nói. Ông mang theo một gói đồ nhỏ. Vừa bỏ túi đồ xuống và đặt cây nến cạnh tôi, ông hất đầu về phía Alice, lúc này vẫn đang nằm quay lưng về phía chúng tôi và say ngủ, mặt tựa lên hai bàn tay.

“Thế còn đây là ai vậy?” ông hỏi.

“Cô ấy từng sống gần Chipenden ạ,” tôi đáp. “Tên cô ấy là Alice. Thầy Gregory không có đây. Bọn chúng đã mang thầy lên lầu trên để thẩm vấn.”

Ông Andrew buồn bã lắc đầu. “Huynh Peter đã nói thế rồi. Con không thể nào kém may mắn hơn thế nữa đâu. Chờ thêm nửa tiếng nữa hẳn John đã quay trở lại xà lim cùng những người khác. Còn với tình hình này, mười một người trốn thoát, nhưng chẳng bao lâu sau thì năm người bị bắt trở lại. Lại có thêm tin xấu nữa đây. Tay chân của tên Phán Quan đã bắt lấy huynh Peter ngay trên phố sau khi ông ấy rời khỏi cửa tiệm của ta. Ta đứng tại cửa sổ tầng trên nên trông thấy. Như vậy nghĩa là chỗ của ta trong thị trấn này coi như tiêu rồi. Chắc tiếp theo bọn chúng sẽ đến bắt ta nhưng ta sẽ chẳng luẩn quẩn lại đây để trả lời tra khảo làm gì đâu. Ta vừa cho khóa cửa tiệm. Dụng cụ của ta đã chất hết lên xe và ta sẽ đi xuống hướng Nam, quay trở về Adlington, nơi ta từng làm việc.”

“Cháu xin lỗi, bác Andrew ạ.”

“Thôi, lỗi phải gì. Ai lại không gắng sức giúp đỡ em ruột mình cơ chứ? Và lại với ta như thế cũng không tồi gì đâu. Cửa hàng chỉ là được thuê lại thôi và nghề của ta là ở đầu ngón tay ta đây này. Ta sẽ luôn tìm được việc

làm mà. Đây này,” ông vừa nói vừa mở gói đồ ra, “ta mang đến chút đồ ăn cho con đây.”

“Máy giờ rồi thế ạ?” tôi hỏi.

“Khoảng vài ba tiếng trước bình minh. Ta đánh liều lắm mới đến đây. Sau vụ chộn rộn vừa rồi cả nửa thị trấn đã tỉnh giấc. Rất nhiều người đang tề tựu tại tòa đại sảnh ở đường Fishergate. Sau những gì xảy ra tối qua, tên Phán Quan sẽ tổ chức một phiên tòa phán xét chóng vánh những tù nhân mà hắn còn giữ lại được.”

“Tại sao hắn không chờ đến ban ngày ban mặt chứ ạ?” tôi hỏi.

“Khi đó thì sẽ còn nhiều người hơn nữa đến dự,” ông Andrew đáp. “Hắn muốn xử cho xong trước khi có thêm bất cứ sự chống đối thực sự nào. Vài người dân trong thị trấn phản đối những việc hắn đang làm. Còn về vụ hỏa thiêu sẽ là vào tối nay, sau khi trời tối, trên ngọn đồi trọc ở Wortham, mạn Nam bờ sông. Tên Phán Quan sẽ mang theo rất nhiều binh lính được vũ trang phòng trường hợp có rắc rối xảy đến. Vì thế nếu con còn tỉnh táo, con nên ở đây đến đêm rồi lên đường bỏ đi cho rồi.”

Trước khi ông Andrew kịp mở gói đồ ra, Alice đã xoay người về phía chúng tôi và ngồi dậy. Có lẽ cô gái ngửi được mùi thức ăn, hay là nãy giờ đã nghe hết chuyện nhưng chỉ giả vờ như đang ngủ thôi. Có vài miếng giăm bông, bánh mì mới ra lò và hai quả cà chua to mọng. Chẳng nói được lời cảm ơn nào với ông Andrew, Alice lao vào ăn ngay, và tôi chỉ do dự một tí thôi rồi cũng hòa vào cùng cô ấy. Tôi đang rất đói và dường như lúc này chẳng có lý gì phải nhịn đói nữa.

“Thôi ta đi đây,” ông Andrew bảo. “Tội nghiệp cho John, nhưng giờ đây chúng ta chẳng thể làm gì nữa rồi.”

“Chẳng đáng cho chúng ta thử giải cứu thầy ấy một lần nữa ư?” tôi hỏi.

“Không, con đã làm quá nhiều rồi. Đi đến bất cứ đâu gần với nơi xử án cũng đều quá nguy hiểm. Và chóng thôi, dưới sự canh gác của lính có vũ trang, John tội nghiệp và những người còn lại sẽ xuất hiện, sau đó bị giải

đến Wortham để chịu tội thiêu sống cùng những kẻ bất hạnh đáng thương kia.”

“Nhưng còn về lời nguyện thì sao ạ?” tôi nói. “Chính bác đã bảo là thầy ấy bị nguyện sẽ phải chết một mình dưới lòng đất, chứ đâu phải trên ngọn đồi trọc đâu cơ chứ.”

“Ôi, cái lời nguyện ấy. Ta cũng như John thôi, chẳng tin vào ba thứ ấy đâu. Ta chỉ là hết cách ngăn chú ấy truy đuổi tên Quỷ Độc khi mà tên Phán Quan đang ở trong thị trấn. Không, ta e là số phận của em trai ta đã bị định đoạt rồi nên con hãy bỏ trốn đi. Có lần John bảo ta là có một thầy trừ tà đang hoạt động đâu đó gần Caster. Anh ta chịu trách nhiệm từ vùng biên giới Hạt cho đến tận phương Bắc. Con cứ nhắc đến tên của John đi, biết đâu anh ta lại thu nhận con vào. Anh ta từng là chân học việc của John đấy.”

Gật đầu một cái xong, ông Andrew quay mình bước đi. “Ta sẽ để cây nến lại cho con. Chúc lên đường may mắn nhé. Và khi nào cần một thợ khóa khéo tay, con biết phải đến đâu rồi đấy.”

Dứt lời, ông cất bước rời đi. Tôi lắng nghe tiếng bước chân ông leo lên các bậc thang của hầm rượu và đóng cửa hậu lại. Một hồi sau, Alice đang liếm hết nước quả cà chua vương trên những ngón tay. Chúng tôi đã ăn hết mọi thứ – cả vụn bánh mì cũng chẳng còn.

“Alice này,” tôi bảo, “tớ muốn đi đến phiên xử án. Chắc sẽ có cơ hội tớ làm được gì đó để giúp Thầy Trừ Tà. Cậu đi cùng tớ chứ?”

Mắt Alice mở lớn. “Làm gì đó à? Cậu đã nghe ông ấy nói rồi đấy. Chẳng thể làm được gì nữa đâu, Tom à! Làm sao cậu chống lại được đám lính có binh khí chứ? Không đâu, tỉnh trí chút đi. Không đáng để mạo hiểm như thế, đúng không? Với lại, sao tớ lại phải giúp cơ chứ? Lão Gregory ấy sẽ không làm chuyện tương tự cho tớ đâu. Lão sẽ để mặc tớ bị thiêu chết, thật đấy!”

Tôi chẳng biết phải đối đáp lại như thế nào. Lời cô ấy cũng có phần đúng đấy chứ. Tôi từng hỏi Thầy Trừ Tà về việc giúp Alice và thầy đã từ chối. Thế là, thở dài sườn sượt, tôi đứng dậy.

“Đằng nào tớ cũng sẽ đi,” tôi bảo với Alice.

“Đừng Tom, đừng để tớ ở dưới này. Khi còn có con ma ấy nữa...”

“Tớ tưởng cậu không sợ cơ mà.”

“Tớ đâu có sợ. Nhưng lần rồi lúc thiếp đi tớ cảm thấy như nó bắt đầu siết lấy cổ tớ. Nếu cậu không có đây, chắc nó sẽ còn làm nhiều trò hơn nữa.”

“Vậy thì đi cùng tớ nào. Sẽ không nguy hiểm đến thế đâu vì trời sẽ vẫn còn tối. Với lại nơi ẩn náu tốt nhất là giữa đám đông người mà. Đi nào, làm ơn đấy. Cậu thấy sao?”

“Có kế hoạch gì không?” Alice hỏi. “Có điều gì cậu chưa nói cho tớ biết không?”

Tôi lắc đầu.

“Tớ cũng nghĩ thế,” cô ấy đáp.

“Alice này, tớ chỉ đi xem sao thôi mà. Nếu tớ không thể giúp gì được, chúng ta sẽ rời đi ngay. Nhưng tớ sẽ không bao giờ tha thứ cho mình nếu tớ ít nhất còn không cố thử.”

Ngập ngừng miễn cưỡng, Alice đứng dậy. “Tớ sẽ đến xem qua thôi đấy,” cô nói. “Nhưng cậu phải hứa với tớ là nếu tình hình quá nguy hiểm thì chúng ta phải quay về ngay lập tức. Tớ rành tên Phán Quan hơn cậu. Tin tớ đi, chúng ta không nên gây rắc rối ngay trước mũi hăn.”

“Tớ hứa,” tôi đáp.

Để chiếc túi và thanh trượng của Thầy Trừ Tà lại hầm rượu, chúng tôi khởi hành đến Fishergate, nơi phiên xử diễn ra.

Ông Andrew nói là nửa thị trấn này đã thức giấc. Nói thế hơi quá, nhưng vào lúc sáng sớm như thế này đúng là có thật nhiều ánh nến hấp háy đằng sau những màn cửa và cũng thật nhiều người dường như đang vội vã băng qua những con phố tối thui cùng hướng với chúng tôi.

Tôi gần như cho là chúng tôi sẽ không đến được đâu gần tòa nhà cả, rằng đám lính gác sẽ xếp dọc dài ở bên ngoài, nhưng ngạc nhiên sao khi tôi chẳng

thấy thuộc hạ nào của tay Phán Quan sắt. Những cánh cổng gỗ to lớn rộng mở và một đám đông đứng đầy lối vào cửa, tràn cả ra đường phố bên ngoài, như thể không còn đủ chỗ cho mọi người đứng hết vào trong vậy.

Tôi thận trọng dẫn đường tiến tới, lòng mừng vì bóng đêm vẫn còn đó. Khi đến được phía sau đám đông rồi, tôi mới nhận ra cũng không đến nỗi ken chặt người như thoát đầu có vẻ là thế. Trong sảnh đường, cả bầu không khí nồng gắt mùi hôi thối khiến người ta buồn nôn. Sảnh chỉ là một căn phòng lớn có nền lát đá, với mặt cửa được rải lưạ thưa khắp mặt. Tôi không nhìn cận kề qua những lưng người trong đám đông được vì đa phần họ đều cao hơn tôi, nhưng dường như phía trước có một khoảng rộng mà không ai muốn chen vào. Tôi chộp lấy tay Alice rồi len qua mọi người, vừa đi vừa kéo cô ấy theo bước mình.

Phía sau sảnh đường vẫn còn tối om nhưng phía trước đã được chiếu sáng bằng những ngọn đuốc lớn tại mỗi góc khán đài. Tên Phán Quan đang đứng trước đấy nhìn xuống. Hắn đang nói gì đấy nhưng giọng hắn nghe nghèn nghẹt.

Tôi nhìn khắp những người đứng quanh mình và trông rõ bao cung bậc cảm xúc trên gương mặt họ: giận dữ, buồn đau, cay đắng và buông xuôi. Có vài người tỏ vẻ căm ghét thấy rõ. Đám đông này chắc chủ yếu bao gồm những người chống đối việc làm của tên Phán Quan. Một vài người trong số họ biết đâu còn là thân bằng cố hữu của những kẻ bị buộc tội nữa ấy chứ. Trong một thoáng, suy nghĩ ấy tiếp cho tôi hy vọng rằng người ta sẽ cố làm một cuộc giải cứu nào đó.

Nhưng rồi hy vọng của tôi tiêu tan: tôi hiểu ra vì sao không có ai muốn tiến lên phía trước. Bên dưới khán đài là năm băng ghế dài với các cha xứ đang ngồi quay lưng lại, nhưng đằng sau bọn họ đối diện với chúng tôi là một hàng kếp những người đàn ông mang khí giới với vẻ mặt hăm hăm. Một vài tên đang khoanh tay, những tên khác đặt tay hờ lên chuôi kiếm như thể chúng rất nóng lòng muốn tuốt kiếm ra khỏi vỏ. Không ai muốn đến gần bọn chúng cả.

Tôi liếc lên trần nhà và thấy một ban công cao thật cao chạy dọc hai bên sảnh đường; bao nhiêu khuôn mặt đang chăm soi nhìn xuống, những hình ô van trắng xanh từ dưới đất trông lên thì hình nào cũng như hình nào. Trên đây phải là nơi an toàn nhất và chắc chắn có được tầm quan sát tốt hơn. Phía tay trái tôi có những bậc thang nên tôi kéo tay Alice theo hướng ấy. Một loáng sau, chúng tôi đã di chuyển dọc theo ban công rộng lớn.

Ban công cũng không đông lắm và chúng tôi nhanh chóng tìm được một chỗ tựa vào hàng lan can khoảng giữa những cánh cửa và khán đài. Trong không khí vẫn là mùi hôi hôi tanh tỏi ấy, giờ còn nồng nặc hơn khi chúng tôi đang đứng ở nền lát đá bên dưới. Thốt nhiên tôi nhận ra ấy là mùi gì. Gần như chắc chắn sảnh đường này thường được dùng làm chợ mua bán thịt. Mùi ấy là mùi máu.

Dưới khán đài không chỉ có mình tên Phán Quan. Ở phía sau, trong chỗ tối, là một nhóm lính gác đang bao quanh những tù nhân chờ tới phiên xét xử, nhưng ngay sau lưng tên Phán Quan là hai gã lính đang túm chặt trong tay một tù nhân đang khóc than. Là một cô gái vóc người dong dong có mái tóc đen dài. Cô ấy mặc một chiếc váy rách tả tơi và đi chân không.

“Là Maggie đấy!” Alice rít lên bên tai tôi. “Là cô gái cứ bị bọn chúng chọc kim vào người ấy. Tội nghiệp Maggie quá, thật chẳng công bằng gì cả! Tôi nghĩ là cô ấy đã trốn đi rồi chứ...”

Ở trên cao này âm thanh được truyền đi rõ hơn nên tôi có thể nghe lấy từng lời mà tên Phán Quan nói. “Chính miệng ả thừa nhận mình có tội!” hắn rống lên, giọng vừa to vừa ngạo nghễ. “Ả đã thú nhận tất cả và dấu ấn của Quỷ được tìm thấy trên da thịt ả. Ta phán tội cho ả bị trói vào giàn hỏa thiêu và thiêu sống. Và cầu mong Chúa Trời rủ lòng thương xót cho linh hồn của ả.”

Maggie bắt đầu nức còn to hơn, nhưng một trong hai tên đang giữ lấy cô gái lại giằng lấy tóc cô và cô bị lôi xềnh xệch về lối cửa đi ra phía sau khán đài. Cô biến mất qua lối ấy chưa được bao lâu, một tù nhân khác mặc áo thụng đen với hai tay bị trói quặt sau lưng đã bị đẩy ra về phía quảng sáng

của ánh đuốc. Trong một thoáng tôi tưởng mình nhìn lầm nhưng rõ là không phải.

Là huynh Peter. Tôi nhận ra ông ấy nhờ lớp tóc bạc mỏng tang rủ xuống cái đầu hói cùng nét gù gù của hai vai và tấm lưng. Nhưng khuôn mặt của ông đã bị đánh cho bầm dập và rùng rùng những máu khiến tôi khó mà nhận ra được. Mũi ông đã gãy, bị bẹp dí vào trong mặt, còn một mắt phải nhắm chặt thành một khe màu đỏ sưng vù.

Trông thấy ông trong tình cảnh như thế làm tôi thấy kinh khủng quá. Tất cả là do tôi. Trước hết là vì ông ấy đã để tôi trốn thoát; sau đấy ông mách cho tôi biết cách lên vào xà lim để giải cứu Thầy Trừ Tà và Alice. Chịu bao khổ hình tra tấn như thế, hẳn là ông đã khai hết với bọn chúng rồi. Tất cả là lỗi do tôi, khiến tôi cảm thấy tội lỗi mình chất chồng.

“Tên này đã từng là một tu huynh, một đầy tớ trung thành của Giáo hội!” tên Phán Quan lại gào lên. “Nhưng giờ hãy nhìn vào hắn mà xem! Hãy nhìn vào tên phản bội này! Hắn là kẻ đã giúp đỡ cho kẻ thù của chúng ta và hiệp minh với những thế lực bóng tối. Chúng ta đã lấy được lời thú tội do chính tay hắn viết ra. Xem đây này!” hắn quát lên, tay giơ cao một mảnh giấy cho mọi người cùng thấy.

Chẳng ai có cơ may đọc được mảnh giấy ấy cả – mảnh giấy ấy nói gì mà lại không được. Cho dù đấy là lời thú tội đi nữa, chỉ cần nhìn qua mặt huynh Peter một lần là tôi đã biết huynh ấy bị đánh đập mới viết ra lời ấy. Thế không công bằng. Phiên tòa này chẳng có công đạo gì cả. Thầy Trừ Tà từng bảo tôi rằng những người bị đem ra xét xử trong lâu đài ở Caster, ít nhất họ còn được nghe luận tội – một quan tòa, một công tố viên và một người nào đó biện hộ cho họ. Nhưng ở đây thì tên Phán Quan tự mình làm tất cả mọi chuyện!

“Hắn là kẻ có tội! Không còn gì phải bàn cãi,” hắn nói tiếp. “Do đó ta phán hắn bị đem xuống bỏ lại trong hầm mộ. Và cầu mong Chúa Trời rủ lòng thương cho linh hồn của hắn!”

Từ đám đông bỗng rộ lên tiếng há hốc kinh hoàng, nhưng lớn tiếng nhất là từ những cha xứ đang ngồi trên hàng ghế trước. Họ biết chính xác số phận của huynh Peter sẽ như thế nào. Ông ấy sẽ bị Quỷ Độc chẹt đến chết.

Huynh Peter cố nói gì đấy, nhưng môi của ông đã sưng quá rồi. Một trong những tên lính gác còng đầu ông lại trong khi tên Phán Quan nở một nụ cười tàn nhẫn. Bọn chúng lôi ông ấy đi về phía cửa phía sau khán đài, và ông vừa bị lôi đi chưa được bao lâu thì một tù nhân khác đã được kéo vào từ chỗ tối. Tim tôi như muốn chùng xuống tận ủng. Tù nhân ấy là Thầy Trừ Tà.

Thoạt nhìn, ngoại trừ vài ba vết bầm trên mặt, dường như Thầy Trừ Tà không phải trải qua giai đoạn khắc nghiệt như huynh Peter phải chịu. Nhưng rồi tôi để ý thấy một điều còn lạnh gáy hơn. Thầy đang nheo nheo mắt trước ánh sáng của những ngọn đuốc và trông hoang mang ngơ ngác, đôi mắt xanh lục của thầy trống rỗng. Trông thầy như mất trí. Như thế trí nhớ thầy đã mất sạch và thầy không còn biết mình là ai. Tôi bắt đầu băn khoăn không biết thầy đã bị đánh đập tàn tệ đến mức nào.

“Trước mắt các người là John Gregory!” tên Phán Quan la lớn, giọng vang dội khắp các bức tường. “Một môn đồ của Ác quỷ, không hơn, người bao nhiêu năm nay đã tiến hành công việc tà ma của hắc trong khắp hạt này, chiếm đoạt tiền nong của những người dân cả tin khờ khạo. Nhưng liệu tên này có chịu công khai từ bỏ ý định hay không? Liệu hắc có chấp nhận tội lỗi của mình mà cầu xin được tha thứ hay không? Không, hắc rất cứng đầu và sẽ không chịu thú tội. Giờ chỉ có nhờ đến ngọn lửa thì may ra hắc mới được gột rửa và được ban cho hy vọng cứu rỗi. Nhưng hơn thế nữa, không bằng lòng với những trò tà đạo mà mình có thể làm, hắc còn huấn luyện cho những người khác và sẽ tiếp tục làm thế. Nay Cha Cairns, yêu cầu cha đứng lên đưa ra lời chứng nào!”

Từ hàng ghế đầu tiên, một cha xứ bước vào vùng sáng của ánh đuốc và tiến gần hơn đến khán đài. Ông ta đang quay lưng về phía tôi nên tôi không thể nhìn rõ mặt, nhưng tôi nhìn thấy băng tay của ông ta và khi ông ta mở miệng thì đấy chính là giọng nói mà tôi đã nghe thấy trong buồng xưng tội.

“Thưa đức ngài Phán Quan, John Gregory có mang theo một tên học việc khi bọn chúng ghé đến thị trấn này, kẻ mà hắn đã làm cho băng hoại. Tên nó là Thomas Ward.”

Tôi nghe thấy Alice há hốc gây ra tiếng rõ to còn hai đầu gối tôi bắt đầu run rẩy. Đột nhiên tôi ý thức được tình hình thật nguy hiểm làm sao khi mình ở trong sảnh đường này, rất gần với tên Phán Quan và những thuộc hạ mang gươm mang giáo của hắn.

“Nhờ hồng ân của Chúa mà thằng bé rơi vào tay tôi,” Cha Cairns nói tiếp, “và, nếu không phải vì huynh Peter can thiệp vào, để cho thằng bé thoát khỏi công lý, thì hẳn tôi đã trao thằng bé cho ngài đây tra khảo. Nhưng chính tôi cũng có tra hỏi nó đấy, thưa đức ngài, và nhận thấy thằng bé này đã được tôi luyện cho chây ì trước tuổi và chẳng có cách nào thuyết phục được nó chỉ bằng lời lẽ đơn thuần. Mặc dù tôi đã cố gắng hết sức, nó vẫn không nhìn nhận những lỗi lầm của con đường nó chọn, và việc này chúng ta phải trách tội John Gregory, người đã không bằng lòng với việc chỉ mình hắn tác nghiệp trò tà ma của hắn, mà còn chủ động làm hỏng cả thế hệ trẻ. Theo như tôi được biết, có hơn hai chục tên học việc đã qua tay hắn đào tạo, một vài tên trong số đó giờ đây còn tiếp bước nối nghiệp và hoạt động riêng lẻ. Cứ như thế nên điều tà ma độc địa vẫn còn phát tán khắp Hạt như bệnh dịch.”

“Cảm ơn Cha. Cha có thể ngồi xuống. Chỉ riêng lời chứng của Cha cũng đủ để buộc tội tên John Gregory rồi đấy!”

Khi Cha Cairns ngồi xuống lại, Alice túm lấy cùi chỏ tay tôi. “Thôi nào,” cô thì thầm vào tai tôi, “ở lại đây nguy hiểm lắm!”

“Không, làm ơn mà,” tôi thì thầm đáp trả. “Nán lại thêm chút nữa thôi.”

Nghe thấy tên mình bị nhắc đến có làm tôi sợ thật, nhưng tôi muốn nán lại thêm vài phút để xem chuyện gì sẽ xảy ra cho thầy mình.

“Hỡi John Gregory, với mi thì chỉ có một loại hình phạt duy nhất!” tên Phán Quan gầm lên. “Mi sẽ bị trói lên giàn hỏa và bị thiêu chết. Ta sẽ cầu nguyện cho mi. Ta sẽ cầu nguyện rằng đau đớn sẽ dạy cho mi biết những

lầm lạc trên con đường mi chọn. Ta sẽ cầu nguyện rằng mi biết cầu xin Chúa tha thứ để cho, khi thân xác mi đã thiêu rụi, linh hồn mi sẽ được cứu rỗi.”

Tên Phán Quan nhìn thầy trừng trừng khi hắn lầm rầm cầu nguyện, nhưng làm thế cũng chẳng khác gì hắn đang quát gào vào vách đá. Sâu trong mắt Thầy Trừ Tà chẳng có vẻ thấu hiểu gì cả. Nói theo cách nào đấy điều này cũng là một may mắn vì dường như thầy chẳng hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Nhưng điều này cũng khiến tôi nhận thấy rằng, ngay cả khi tôi có cố gắng cứu được thầy đi nữa, có thể thầy sẽ chẳng bao giờ trở lại như xưa.

Một cục nghẹn dâng lên trong họng tôi. Ngôi nhà của Thầy Trừ Tà đã trở thành nhà mới của tôi. Tôi nhớ đến những bài học, những lần đàm đạo với Thầy Trừ Tà và cả những thời khắc đáng sợ khi chúng tôi phải đương đầu với thể lực bóng tối. Tôi rồi sẽ nhớ tất thảy những chuyện ấy, và ý nghĩ rằng thầy tôi sẽ bị thiêu sống cho đến chết bắt đầu làm mắt tôi nhòa đi.

Mẹ tôi đã nói đúng. Thoạt đầu tôi từng ngại ngần không muốn trở thành chân học việc của Thầy Trừ Tà. Tôi sợ nỗi cô đơn. Nhưng mẹ đã bảo tôi rằng tôi sẽ có Thầy Trừ Tà để nói chuyện cùng; rằng mặc dù thầy là thầy tôi, nhưng dần dà thầy sẽ trở thành bạn tôi. Ở, tôi không biết liệu cái phần ấy có xảy đến chưa, vì thầy vẫn luôn hà khắc hung dữ với tôi, nhưng tôi biết chắc mình sẽ nhớ đến thầy lắm.

Khi đám lính gác lôi thầy vào lối cửa, tôi gật đầu với Alice, và vẫn cúi gằm không nhìn thẳng vào mắt ai, tôi dẫn đường đi dọc theo ban công xuống cầu thang. Ngoài kia tôi có thể thấy bầu trời đang dần trở sáng. Chẳng mấy chốc nữa, chúng tôi sẽ không còn được bóng đêm bao phủ và biết đâu lại có ai đấy nhận ra chúng tôi. Những con phố bắt đầu tấp nập hơn rồi, và đám đông tụ tập bên ngoài sảnh đường đã nhân lên còn hơn gấp đôi từ khi chúng tôi bước vào trong ấy. Tôi len lỏi qua đám đông để có thể nhìn xuống một bên tòa nhà, về phía cánh cửa mà các tù nhân được mang ra mang vào.

Liếc qua một lần là tôi biết tình hình này vô vọng. Tôi không thể trông thấy bất cứ tù nhân nào, nhưng điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì đang có ít nhất là hai mươi tên lính gác đứng gần lối cửa. Chúng tôi có cơ may nào khi chống lại nhiều tên như thế chứ? Với cõi lòng trĩu nặng, tôi

quay sang nhìn Alice. “Ta quay về nào,” tôi bảo. “Có ở đây nữa cũng vô ích.”

Tôi nóng lòng quay lại hầm rượu nên bước rất nhanh. Alice đi theo tôi mà không nói một lời.

Chương 12

CÔNG BẠC

T trở vào hầm rượu, Alice quay sang nhìn tôi, hai mắt cô gái tóe lửa giận.

“Thật không công bằng Tom à! Maggie đáng thương. Cô ấy không đáng bị thiêu chết. Chẳng có ai trong số đó đáng bị như thế cả. Phải làm gì đó thôi.”

Tôi nhún vai và chỉ nhìn trần trời vào khoảng không, đầu óc tê dại. Một đổi sau, Alice dựa người ra sau và ngủ thiếp. Tôi cũng cố làm theo nhưng rồi lại bắt đầu nghĩ đến Thầy Trừ Tà. Dù có vẻ vô vọng thật, liệu tôi có nên đến chỗ hỏa thiêu và xem mình có giúp gì được không? Sau khi đắn đo cân nhắc điều này một lúc, cuối cùng tôi quyết định, khi màn đêm buông xuống, tôi sẽ rời khỏi Priestown để về nhà nói chuyện với mẹ mình.

Mẹ sẽ biết tôi nên làm gì. Ở đây tôi chẳng biết phải xoay sở thế nào và tôi cần trợ giúp. Tôi sẽ phải đi bộ suốt đêm và sẽ chẳng được ngủ nghỉ gì nên giờ tốt nhất là cố chợp mắt một tí khi có thể. Cũng phải mất một lúc sau tôi mới thiếp đi được, nhưng khi vừa thiếp đi như thế, gần như ngay lập tức tôi bắt đầu mơ và điều tiếp theo tôi biết là mình đang ở trong hầm mộ.

Đa phần trong các giấc mơ ta sẽ không biết là mình đang mơ. Nhưng khi ta nhận thức được, thường thì một trong hai điều này sẽ xảy ra. Hoặc là ta tỉnh dậy ngay tắp lự, hoặc ta vẫn chìm trong giấc mơ và làm những việc ta muốn. Dù sao với tôi thì luôn luôn là như thế.

Nhưng giấc mơ này lại khác. Như thể đang có thứ gì đó khống chế mọi cử động của tôi. Tôi đang đi dọc một đường hầm tối tăm với một mẫu nến trên tay trái và đang tiến vào lối cửa của một trong những ngăn chứa xác cất giữ xương Người Lùn. Tôi chẳng muốn đi đến gần đấy chút nào nhưng hai chân tôi cứ bước tới mãi.

Tôi dừng bước trước lối cửa vào mở toang, ánh nến chấp chới soi sáng đồng xương. Phần lớn chúng nằm trên những kệ ở phía cuối ngách, nhưng có vài mảnh xương gãy vương rải rác trên nền đá và chất thành đồng trong góc. Tôi không muốn bước vào trong ấy, thật sự là không, nhưng hình như tôi chẳng có lựa chọn nào khác. Tôi bước vào trong ngăn, tai nghe thấy tiếng những mảnh xương khô lạo xạo dưới chân mình, rồi đột nhiên tôi thấy thật lạnh.

Vào một mùa đông khi tôi còn bé, anh James của tôi đã đuổi tôi chạy khắp và nhét tuyết vào tai tôi. Tôi đã cố đánh trả nhưng anh ấy nhỏ hơn anh cả Jack có một tuổi mà lại to lớn khỏe mạnh y như Jack, đến nỗi bố tôi sau đấy đã tìm được cho anh chân học việc tại chỗ bác thợ rèn. Anh cũng có tính khô hài giống Jack. Nhét tuyết vào tai là ý tưởng khô hài vớ vẩn của James nhưng làm thế rất đau và cả mặt tôi sẽ tê cóng lẫn đau đớn trong hàng giờ sau đấy. Trong giấc mơ này tôi cũng cảm thấy y chang. Lạnh cực cùng. Như vậy có nghĩa là một thứ gì đó từ thể lực bóng tối đang tiến đến gần. Cơ lạnh bắt nguồn từ trong đầu tôi cho đến khi đầu tôi lạnh cóng tê dại, như thế nó không còn thuộc về tôi nữa.

Từ trong bóng tối phía sau tôi có kẻ nào đó lên tiếng. Kẻ ấy đứng sát sau lưng tôi, chặn giữa tôi và lối cửa. Giọng nói ấy trầm khàn khàn đặc và chẳng cần hỏi tôi cũng biết là thứ gì đang nói. Dù cho không đứng đối diện, tôi vẫn ngửi thấy hơi thở hôi thối của hắn.

“Ta bị trừng phạt,” Quỷ Độc lên tiếng. *“Ta bị chèn. Ta chỉ có chừng này thôi.”*

Tôi chẳng nói chẳng rằng và có một hồi im lặng thật lâu. Đây là cơn ác mộng mà tôi đang cố gắng để tỉnh thoát khỏi. Tôi thật sự đấu tranh hết sức nhưng vô ích.

“Này đây, một căn phòng dễ chịu,” Quỷ Độc nói tiếp. *“Là một trong những nơi yêu thích nhất của ta. Chất đầy xương. Nhưng máu tươi mới là thứ ta cần và máu của bọn trẻ ranh là loại tốt nhất. Nhưng nếu không kiếm đâu ra máu thì ta sẽ tồn tại nhờ xương. Xương mới lóc là tốt hơn cả. Lần nào cũng hãy mang cho ta xương mới lóc, còn tươi ngọt và đầy ắp tủy. Đấy*

là thứ ta thích. Ta thích được chẻ đôi xương còn mới mà hút hết tủy ra. Nhưng thà có được xương cũ còn hơn là chẳng có gì. Xương cũ giống như những thứ này đây. Chúng tốt hơn là cơn đói đang gặm nhấm lấy thân ta từ bên trong. Cơn đói làm ta thật đau đớn.

“Trong những xương cũ thì chẳng có tủy gì. Nhưng xương cũ vẫn còn ký ức đấy, mi có biết không. Chính ta, ta đã khẽ những chiếc xương cũ, thật chậm rãi, để chúng trút bỏ ra mọi bí mật chúng có. Ta trông thấy những da thịt đã từng một lần bao bọc lấy chúng, những hy vọng và hoài bão mà kết cuộc là đông giòn tan chết chóc khô héo này đây. Điều ấy cũng làm ta đầy bụng nữa. Điều ấy giúp giảm đi cơn đói.”

Quý Độc giờ đây ở sát bên tai trái tôi, giọng của hắn còn khẽ hơn cả tiếng thì thào. Tôi đột nhiên nóng lòng muốn quay lại nhìn vào hắn nhưng hắn đã đọc ra tâm tưởng của tôi.

“Thằng nhóc, đừng quay lại,” hắn cảnh báo. *“Bằng không mi sẽ chẳng thích những gì mi nhìn thấy đâu. Hãy chỉ trả lời cho ta câu hỏi này đi đã...”*

Lại thêm một đôi dài im lặng và tôi có thể nghe thấy tiếng tim mình đập thình thịch trong lồng ngực. Sau cùng thì Quý Độc cũng đưa ra câu hỏi của hắn.

“Sau cái chết sẽ là gì?”

Tôi không biết câu trả lời. Thầy Trừ Tà chưa bao giờ đề cập đến chuyện này. Tôi chỉ biết là có những hồn ma vẫn có thể suy nghĩ và nói năng. Và có những mảnh linh hồn được gọi là văn hồn đã bị linh hồn bỏ rơi lại khi linh hồn ấy tiếp tục siêu thoát. Nhưng mà siêu thoát thành gì mới được? Tôi không biết. Chỉ có Chúa mới biết. Nếu có Chúa thật.

Tôi lắc đầu. Tôi không nói cũng chẳng quay lại vì quá sợ. Tôi cảm nhận được sau lưng mình một thứ gì đó thật to lớn và kinh khiếp.

“Chẳng có gì sau cái chết cả! Không có gì! Không có gì sất!” Tên Quý Độc rú lên sát bên tai tôi. *“Chỉ có tối đen và trống rỗng. Không suy nghĩ. Không cảm xúc. Chỉ là sự lãng quên. Mọi thứ đó đều đang chờ đợi mi bên kia cõi chết. Nhưng hãy làm theo lời ta đi, thằng nhóc kia, rồi ta có thể ban*

cho mi một cuộc sống trường thọ! Hầu hết những con người yếu kém chỉ mong sống được cao nhất là bảy mươi năm. Nhưng ta có thể ban cho mi gấp mười hay hai mươi lần như thế! Và mọi việc mi phải làm chỉ là mở cánh cổng ấy để thả ta ra! Chỉ việc mở cánh cổng thôi còn ta sẽ tự làm phần việc còn lại. Thầy của mi cũng có thể tự do ra đi nữa. Ta biết đấy là điều mi muốn. Hãy quay trở lại đi, mi cũng có thể làm vậy, với cuộc sống mi từng có.”

Một phần trong tôi những muốn chấp nhận. Tôi đang phải đối diện với việc Thầy Trừ Tà bị thiêu sống và một chuyến hành trình dằng dặc đến Caster mà không biết chắc là mình có được tiếp tục thời học việc của mình hay không nữa. Giá như mọi việc có thể quay lại như khi nó vốn thế! Nhưng mặc dù rất muốn đồng ý, tôi biết chuyện ấy là không tưởng. Thậm chí cho là tên Quỷ Độc có giữ lời đi chăng nữa, tôi không thể để hãn tung hoành khắp Hạng mà thoải mái tác oai tác quái được. Tôi biết Thầy Trừ Tà thà chết chứ không để chuyện ấy xảy ra.

Tôi định mở miệng từ chối, nhưng trước khi tôi kịp thốt nên lời thì Quỷ Độc lại nói thêm.

“Đứa con gái kia sẽ dễ dàng thôi!” hãn bảo. “Nó chỉ muốn một đồng lửa ấm. Một mái nhà để chui ra chui vào. Quần áo sạch sẽ. Nhưng hãy nghĩ đến những gì ta đề nghị! Ta chỉ muốn có máu của mi. Mà mi thấy đấy, không nhiều đâu. Và cũng sẽ không đau đớn gì lắm. Chỉ vừa đủ như ta yêu cầu. Và rồi chúng ta sẽ thỏa hiệp một giao kèo. Cứ cho ta hút máu của mi để ta có thể mạnh mẽ trở lại. Cứ để ta đi qua cánh cổng và trao cho ta tự do. Ba lần sau đấy, ta sẽ làm theo lời mi và mi sẽ được sống trường thọ. Máu của đứa con gái kia còn tốt hơn là không có gì nhưng máu của mi mới là thứ ta thật sự cần. Mi là đứa con bảy lần bảy. Trước đây ta chỉ mới ném loại máu ngọt ngào như máu của mi có một lần thôi. Và ta vẫn còn nhớ như in vậy. Vị máu ngọt ngào từ đứa con thứ bảy của người con thứ bảy. Nó khiến ta mới mạnh mẽ làm sao! Phần thưởng cho mi mới to lớn làm sao! Chẳng phải thế còn tốt hơn sự hư vô của cái chết ư?”

“À, một ngày nào đó rồi cái chết sẽ đến với mi. Chắc chắn nó sẽ đến mặc cho ta đã ban gì cho mi đi nữa, nó sẽ bò đến bên mi như sương mù bên bờ sông trong một đêm ẩm lạnh. Nhưng ta có thể trì hoãn thời khắc ấy. Trì hoãn được bao nhiêu năm ấy chứ. Phải là một quãng thời gian rất dài trước khi phải đối mặt với bóng đêm ấy. Với sự đen tối ấy. Với nỗi hư vô ấy! Thế nào thẳng nhóc, mi bảo sao nào? Ta bị trừng phạt. Ta bị chèn. Nhưng mi có thể giúp được!”

Tôi hoảng sợ và cố thêm lần nữa để thức dậy. Nhưng đột nhiên chữ nghĩa tuôn trào khỏi mồm tôi, gần như thể là chúng được kẻ nào đó khác thốt ra vậy:

“Ta không tin sau cái chết lại không có gì cả,” tôi nói. *“Ta có linh hồn và nếu ta sống một cuộc đời đúng đắn, thì ta sẽ trường tồn theo một cách nào đó. Sẽ vẫn còn vài điều gì đấy. Ta không tin vào hư vô. Ta không tin vào điều đó!”*

“Không! Không!” Quỷ Độc gào lên. *“Mi không biết những gì ta biết! Mi không thể nhìn thấy những gì ta thấy! Ta nhìn được cả bên kia cái chết. Ta nhìn thấy sự trống không. Hư vô. Ta biết chứ! Ta nhìn thấy tình trạng khủng khiếp của sự hư vô. Chẳng có gì trong đó cả. Chẳng có gì hết!”*

Tim tôi bắt đầu chậm nhịp lại và bỗng nhiên tôi cảm thấy bình tĩnh. Quỷ Độc vẫn còn ở sau lưng tôi nhưng ngăn chứa xác đã bắt đầu ấm hơn. Giờ thì tôi đã hiểu. Tôi hiểu được nỗi đau của Quỷ Độc. Tôi hiểu được vì sao hẳn phải sống trên nhân mạng, uống lấy máu người, hút lấy hy vọng và mơ ước của họ...

“Ta có linh hồn và ta sẽ sống tiếp,” tôi cố giữ giọng bình tĩnh mà bảo với Quỷ Độc. *“Và đấy là điều khác biệt. Ta có linh hồn còn người thì không! Với người thì sau khi chết đi chẳng còn gì cả! Chẳng còn gì sắt!”*

Đầu tôi bị ép chặt vào bức vách ngăn mộ gần đấy, sau lưng tôi một tiếng rít tức tối vang lên. Một tiếng rít dần biến thành tiếng rú gào vì phẫn nộ.

“Đồ ngu ngốc!” Quỷ Độc quát lớn, giọng hằn rên vang khắp ngăn và vang vọng dọc theo những đường hầm dài dặc tối om của hầm mộ. Hẳn ra

đòn làm đầu tôi ngoặt sang một bên, nghiêng trán tôi vào vách đá cứng lạnh. Qua khước mắt trái, tôi có thể trông thấy kích cỡ của bàn tay khổng lồ đang tóm chặt đầu mình. Thay vì những móng tay, đầu các ngón tay của hắn là những vuốt vàng khè to tướng.

“Mi đã có cơ hội nhưng giờ đây cơ hội đó đã vĩnh viễn biến mất!” Quỷ Độc rống lên. *“Nhưng còn có đứa khác giúp được ta. Vì thế nếu ta không chiếm lĩnh được người, ta sẽ thỏa hiệp với con bé ấy!”*

Tôi bị đẩy về phía đồng xương trong góc. Tôi cảm thấy như mình đang rơi xuyên qua đồng xương ấy. Tôi rơi xuống sâu sâu mãi, vào một chiếc hố không đáy chứa toàn là xương. Ngọn nến đã tắt ngúm nhưng đồng xương dường như ánh lên trong bóng tối: những sọ người nhe răng, những lồng xương sườn, xương ống tay ống chân, những mẫu xương bàn tay, ngón tay và ngón cái, và suốt lúc ấy một lớp bụi chết chóc khô khốc phủ khắp mặt tôi, xộc vào mũi vào miệng và chui cả xuống cổ họng tôi, cho đến khi tôi phát sặc và chẳng thể thở được nữa.

“Đây là mùi vị của cái chết!” Quỷ Độc la lớn. *“Và đây là hình ảnh của cái chết!”*

Đồng xương khô phai dần khỏi tầm nhìn và tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Không thấy được gì. Tôi chỉ là đang rơi qua vùng tối đen. Rơi vào thế giới bóng tối. Tôi lo đến phát khiếp rằng không biết bằng cách nào đó Quỷ Độc đã giết chết tôi trong giấc ngủ, nhưng tôi vật vã tranh đấu để thức dậy. Không biết làm thế nào nhưng Quỷ Độc đã nói chuyện được với tôi trong khi tôi đang ngủ và tôi biết giờ đây hắn sẽ quay sang thuyết phục ai để làm chuyện tôi vừa từ chối.

Alice!

Cuối cùng tôi cũng đánh thức được mình dậy, nhưng đã quá muộn rồi. Một ngọn nến đang cháy sáng gần bên tôi nhưng nó chỉ còn có một mẫu. Tôi đã ngủ thiếp đi hàng giờ liền! Ngọn nến còn lại đã biến mất và Alice cũng thế!

Tôi lần tay vào túi nhưng chỉ để khẳng định điều tôi đoán từ trước. Alice đã trộm lấy chìa khóa cánh Cổng Bạc...

Khi loạng choạng đứng lên tôi cảm thấy xây xẩm và đầu nhức buốt. Tôi sờ vào mu bàn tay, trán mình và thấy tay mình trơn ướt những máu. Bằng cách nào đó Quỷ Độc đã gây ra vết thương này cho tôi trong giấc mơ. Hẳn cũng đọc được suy nghĩ của tôi nữa. Làm sao ta có thể đánh bại một sinh vật khi mà hẳn biết được ta định làm gì trước cả khi ta có cơ hội ra tay hay lên tiếng chứ? Thầy Trừ Tà đã nói không sai – sinh vật này là kẻ nguy hiểm nhất mà chúng tôi từng phải đối phó.

Alice đã để mở cánh cửa sập, và không bỏ phí một giây nào, tôi chộp lấy cây nến, leo qua những bậc cấp đi xuống hầm mộ. Vài phút sau tôi đi đến bên dòng sông, trông có vẻ còn sâu hơn lúc trước. Dòng nước, là một dòng chảy xuôi cuộn cuộn, giờ đây thực sự đã chảy tràn qua hết ba trong số chín bậc đá, những bậc ngay giữa dòng nước, và tôi có thể cảm nhận được dòng nước ào ạt chảy qua ủng mình.

Tôi nhanh chóng băng qua, lòng hy vọng rằng mình không đến quá muộn. Nhưng khi quành qua khúc cua, tôi trông thấy Alice đang ngồi tựa lưng vào tường. Bàn tay trái của cô đặt thông trên nền đá, những đầu ngón tay sưng máu.

Và cánh Cổng Bạc đã mở toang!

Chương 13

HỎA THIÊU

“Alice!” tôi gào lên, trố mắt nhìn vào cánh cổng mà không thể tin nổi.
“Cậu đã làm gì thế?”

Cô gái ngược nhìn lên tôi, hai mắt long lanh nước mắt.

Chiếc chìa khóa vẫn còn nằm trong ổ. Giận quá, tôi giật phắt chiếc chìa ra bỏ lại vào túi quần, vùi nó thật sâu dưới đồng bột sắt.

“Đi!” tôi gắt lên, phần nộ đến nỗi gần như không nói thêm được gì.
“Chúng ta phải ra khỏi đây thôi.”

Tôi chìa tay trái ra nhưng cô ấy không nắm lấy. Thay vào đó, cô ấy lại ghì sát bàn tay đang máu me đầy khắp vào người mình và nhìn xuống, mặt nhăn nhó vì đau.

“Tay cậu sao thế?” tôi hỏi.

“Không có gì đâu,” cô đáp. “Rồi sẽ chóng khỏi thôi. Giờ thì mọi chuyện sẽ ổn cả.”

“Không đâu Alice,” tôi quật lại, “không ổn gì cả. Giờ thì toàn hạt này sẽ gặp nguy hiểm, nhờ ơn phước của cậu đấy.”

Tôi nhẹ nhàng kéo bàn tay không thương tích của Alice và dẫn cô đi dọc đường hầm cho đến khi đến bên dòng sông. Tới ngay mép nước, cô giăng tay ra nhưng tôi lại không để ý gì lắm. Tôi chỉ đơn giản là nhanh nhẩu băng qua thôi. Chỉ đến khi tới được bờ bên kia rồi tôi mới quay lại nhìn và thấy Alice vẫn còn đứng nhìn chăm chăm xuống mặt nước.

“Đi thôi nào!” tôi la lớn. “Nhanh lên!”

“Tớ không thể Tom à!” Alice gào lên đáp lại. “Tớ không băng qua được!”

Tôi đặt nền xuống và quay trở lại với Alice. Cô né đi nhưng tôi tóm chặt lấy cô. Nếu cô chống cự thì tôi chẳng có cơ may nào cả đâu, nhưng khi hai

tay tôi vừa chạm vào Alice, cơ thể cô nhũn đi và Alice ngã người vào tôi. Không bỏ phí chút thời gian nào, tôi khuyu gối xuống vác lấy Alice lên vai mình, theo cái cách mà tôi từng thấy Thầy Trừ Tà vác một mụ phù thủy.

Bạn thấy đấy, tôi chẳng còn nghi ngờ gì cả. Nếu không băng qua được dòng nước đang chảy xiết thì Alice đã trở thành thứ mà Thầy Trừ Tà từng luôn lo sợ là có ngày cô ấy sẽ trở thành. Vụ giao ước với Quỷ Độc đã khiến cô ấy cuối cùng cũng bước hẳn vào thế giới bóng tối.

Một phần trong tôi muốn bỏ mặc Alice lại đấy. Tôi biết Thầy Trừ Tà hẳn sẽ làm như vậy. Nhưng tôi không thể. Tôi sẽ đối nghịch với ý của thầy nhưng tôi phải làm thế thôi. Cô ấy vẫn là Alice và chúng tôi từng cùng nhau trải qua biết bao nhiêu chuyện.

Dù Alice nhẹ cân là thế, việc vác cô trên vai băng qua dòng sông vẫn thật khó khăn và tôi phải chật vật cố gắng lắm mới giữ được thăng bằng trên các bậc đá. Còn tệ hơn nữa là ngay khi tôi bắt đầu băng qua sông, Alice bắt đầu khóc la như thể mình đang bị tra tấn.

Rốt cuộc rồi chúng tôi cũng sang đến bờ bên kia, tôi hạ Alice đứng xuống đất còn mình thì nhặt mẩu nền lên.

“Đi thôi nào!” tôi bảo, nhưng cô gái vẫn đứng đấy run cầm cập làm tôi phải giằng lấy tay cô mà kéo đi cho đến khi chúng tôi tới được những bậc cấp dẫn lên hầm rượu.

Trở lại hầm rượu rồi, tôi đặt nền xuống và ngồi lên mép một tấm thảm cũ. Lần này thì Alice không ngồi. Cô chỉ đứng khoanh tay dựa lưng vào tường. Bọn tôi chẳng ai nói với ai tiếng nào. Chẳng còn gì để nói trong khi tôi lại đang quá bận suy nghĩ.

Tôi đã ngủ thiếp đi rất lâu, cả trước và sau giấc mơ kia. Tôi bước đến, ghé mắt nhìn ra đầu những bậc thang của hầm rượu và thấy mặt trời đang lặn dần. Chờ thêm độ nửa tiếng nữa rồi tôi sẽ lên đường. Tôi rất muốn cứu Thầy Trừ Tà nhưng lại thấy mình cực kỳ vô dụng. Thậm chí chỉ cần nghĩ về những gì sắp xảy đến với thầy thôi cũng đủ làm tôi đau lòng rồi, nhưng tôi làm sao chọi lại hàng tá những tên có mang vũ khí chứ? Và tôi sẽ không đi

lên ngọn đồi trọc chỉ để coi vụ hỏa thiêu đâu. Tôi không thể chịu được cảnh đó. Không, tôi sẽ đi về nhà gặp mẹ. Bà sẽ biết tiếp theo tôi phải làm gì.

Có lẽ cuộc đời làm chân học việc cho thầy trừ tà của tôi đã chấm dứt. Hay mẹ tôi có thể chỉ là gợi ý cho tôi nên đi lên hướng Bắc của Caster mà tìm cho mình một thầy mới. Thật khó biết được mẹ sẽ khuyên tôi làm gì.

Khi quyết định đã đến lúc, tôi lôi sợi xích bạc từ bên dưới áo, nơi tôi đã cột vào ấy, và đặt nó trở lại túi của Thầy Trừ Tà cùng áo choàng của thầy. Như bố tôi luôn nói: “Không vung tay thì không túng thiếu!” Thế là tôi cất toàn bộ bột sắt và muối vào trong ngăn riêng của chúng bên trong túi – lôi được hết trong túi quần ra bao nhiêu thì tôi cố cất hết bấy nhiêu.

“Nào!” tôi bảo với Alice. “Tớ sẽ dẫn cậu ra ngoài nào.”

Vậy là, mình mặc áo choàng, tay mang túi và trượng, tôi leo lên các bậc thang rồi dùng chiếc chìa khóa còn lại để mở khóa cánh cửa hậu. Sau khi ra đến ngoài sân, tôi lại khóa cửa lại.

“Tạm biệt nhé Alice,” tôi nói và dợm quay bước đi.

“Sao thế? Cậu không đi cùng tớ sao Tom?” Alice hỏi.

“Đi đâu?”

“Đến đám hỏa thiêu chứ còn đâu nữa, để tìm tên Phán Quan. Hắn sẽ phải nhận lấy những gì sẽ xảy đến cho hắn. Những gì mà hắn đáng phải lãnh. Tớ sẽ trả đũa hắn vì những đau đớn hắn đã gây ra cho bà dì già cả của tớ lần cho Maggie.”

“Và cậu sẽ làm thế bằng cách nào nào?” tôi hỏi lại.

“Cậu thấy rồi đấy, tớ đã cho tên Quỷ Độc tí máu của tớ,” Alice đáp, mắt mở to. “Tớ thò ngón tay qua tấm lưới sắt và hắn đã hút lấy máu bên dưới móng tay tớ. Có thể hắn không thích con gái, nhưng hắn thích máu của bọn tớ. Hắn lấy được thứ hắn muốn và giao kèo đã định nên bây giờ hắn phải làm theo những gì tớ bảo. Hắn phải thỏa mãn ý nguyện của tớ.”

Những móng tay bên bàn tay trái của Alice đã tím đen do máu khô đọng lại. Thấy kinh tởm, tôi quay mình đi mở cổng sân và bước ra ngoài lối đi.

“Tom, cậu định đi đâu thế? Giờ cậu không thể bỏ đi được đâu!” Alice la lên.

“Tớ về nhà nói chuyện với mẹ,” tôi đáp, chẳng buồn quay lại nhìn cô ấy.

“Thế thì cứ về nhà với mẹ cậu đi! Cậu chỉ là thằng con bám váy mẹ, rúc nách mẹ, và cậu muôn đời sẽ vẫn là thế!”

Tôi đi chưa được hơn chục bước thì Alice đã chạy đuổi theo sau.

“Đừng đi Tom! Đừng đi mà!” cô gào lên.

Tôi cứ bước. Tôi thậm chí chẳng buồn quay lại.

Lần tiếp theo Alice quát lên với tôi, trong giọng cô ấy chất chứa giận dữ thật sự. Nhưng còn hơn thế, cô nghe có vẻ tuyệt vọng nữa.

“Cậu không thể bỏ đi được đâu Tom. Tớ không cho phép cậu làm thế. Cậu là của tớ. Cậu thuộc về tớ!”

Khi cô ấy chạy bổ đến chỗ tôi, tôi xoay người lại đối mặt với cô ấy. “Không đâu Alice!” tôi bảo. “Tớ không thuộc về cậu. Tớ thuộc về thế giới ánh sáng còn cậu giờ đây đã thuộc về bóng tối!”

Alice vươn tay ra trước tóm lấy cánh tay trái của tôi mà bấu thật mạnh. Tôi có thể cảm nhận được những móng tay của cô cắt vào da thịt mình. Tôi rụt lại vì đau nhưng vẫn nhìn thẳng vào hai mắt cô ấy.

“Cậu không biết cậu vừa làm gì đâu!” tôi nói.

“Ồ có, tớ có biết chứ Tom. Tớ biết chính xác mình đã làm gì và một ngày nào đó cậu sẽ phải cảm ơn tớ vì điều này. Cậu cứ quá lo lắng cho cái tên Quỷ Độc quý báu của cậu, nhưng mà tin tớ đi, hẳn chẳng xấu xa hơn tên Phán Quan là mấy đâu,” Alice vừa nói vừa thả tay tôi ra. “Những gì tớ vừa làm là vì lợi ích của tất cả chúng ta, của cậu và của tớ, của cả Lão Gregory nữa.”

“Quỷ Độc sẽ giết chết thầy ấy. Đây là việc đầu tiên hẳn sẽ làm sau khi được tự do!”

“Không, cậu lầm rồi đấy Tom! Quỷ Độc không phải là kẻ muốn giết Lão Gregory, mà là tên Phán Quan cơ. Lúc này đây Quỷ Độc là hy vọng sống sót

duy nhất của lão ta. Và đây là nhờ vào tớ.”

Tôi thấy hoang mang.

“Nghe này Tom, đi theo tớ rồi tớ sẽ chỉ cho cậu thấy.”

Tôi lắc đầu.

“Thế thì, dù cậu có đi theo hay không kệ cậu, tớ vẫn sẽ ra tay thôi,” Alice nói tiếp.

“Ra tay làm gì?”

“Tớ sẽ cứu lấy những tù nhân của tên Phán Quan. Tất cả bọn họ. Tớ sẽ cho hẳn ta nếm mùi bị thiêu là như thế nào!”

Tôi lại nhìn trừng trừng vào Alice nhưng cô ấy không hề nao núng né tránh cái nhìn của tôi. Trong đôi mắt cô bừng bừng lửa giận, và trong khoảnh khắc ấy tôi có cảm giác như Alice có thể nhìn thẳng vào mắt của Thầy Trừ Tà, điều mà thông thường cô không làm được. Alice đã nói thật và tôi thấy có vẻ như Quỷ Độc sẽ nghe theo lời cô ấy mà giúp đỡ. Dù gì thì hai người bọn họ đã có giao kèo sao đó rồi đấy thôi.

Nếu có bất cứ cơ hội nào để cứu lấy Thầy Trừ Tà thì tôi phải có mặt ở đây để đưa thầy đến nơi an toàn. Tôi chẳng thấy vững dạ chút nào khi phải dựa vào một kẻ tà ma như Quỷ Độc, nhưng tôi còn lựa chọn nào đâu cơ chứ? Alice quay người đi theo hướng dẫn đến ngọn đồi trọc, và thật chậm chạp, tôi cũng bắt đầu đi theo.

Đường phố vắng lặng và chúng tôi bước đi nhanh lẹ về hướng Nam.

“Tốt hơn là tớ phải giấu thanh trượng này đi,” tôi bảo với Alice. “Biết đâu nó lại khiến chúng ta lộ chân tướng mất.”

Alice gật đầu và chỉ tay về phía một nhà kho cũ nát. “Để nó lại đằng sau kia kìa. Trên đường quay về chúng ta có thể ghé vào lấy lại.”

Trên bầu trời phía Tây vẫn còn sót lại chút ánh sáng le lói được phản chiếu trên mặt sông uốn lượn bên dưới những đỉnh đồi của Wortham. Hai mắt tôi bị hút lên phía rặng đồi đá trọc thê lương. Những sườn đồi bên dưới

đấy còn được che phủ với những cây thân mộc, giờ đang bắt đầu rụng lá, nhưng từ đấy trở lên thì chỉ toàn là cỏ và bụi dại.

Chúng tôi bỏ lại những căn nhà cuối cùng sau lưng mình và nhập vào một đám người đang băng qua cây cầu đá nhỏ hẹp bắc ngang dòng sông, chậm chạp di chuyển xuyên qua bầu không khí lạnh yên ả thấp. Bên bờ sông sương mù phủ khá dày nhưng chẳng mấy chốc chúng tôi đã vượt lên trên đấy khi chúng tôi đi ngược lên đồi, băng qua những rừng cây, lê bước qua những ụ lá nát vụn ẩm ướt để đến gần đỉnh đồi. Đã có một đám đông tụ tập quanh đấy, mỗi phút lại có thêm nhiều người nữa hòa vào. Có ba đồng cành khô củi mục khổng lồ chất sẵn đấy chờ được châm lửa, đồng to nhất đặt chính giữa hai đồng còn lại. Từ giàn thiêu dựng lên những cọc gỗ to, nơi các nạn nhân sẽ bị trói vào.

Cao xa trên rừng đồi đá trọc, với ánh sáng từ thị trấn dàn trải bên dưới, không khí tươi mát hơn. Toàn khu vực được chiếu sáng bằng những ngọn đuốc cắm vào những trụ gỗ cao thanh mảnh, đang nhẹ nhàng lay động trong cơn gió thoảng về hướng Tây. Nhưng cũng có những vùng tối, nơi các khuôn mặt của đám đông chìm trong bóng đêm, và tôi theo bước Alice lẫn vào một trong những vùng ấy, để chúng tôi có thể theo dõi chuyện đang diễn ra mà không bị phát hiện.

Đang đứng canh gác, quay lưng lại với giàn thiêu, là mười hai người đàn ông to lớn đội mũ trùm đen, chỉ chừa ra những khe hở cho hai mắt và miệng. Họ mang dùi cui trên tay và trông rất sẵn sàng sử dụng chúng. Đây là những kẻ phụ tá hành quyết sẽ giúp tên Phán Quan châm lửa thiêu, và nếu cần thiết, giúp đẩy lùi đám đông.

Tôi không rõ đám đông sẽ phản ứng ra sao. Liệu có đáng trông mong là bọn họ sẽ ra tay làm gì đó không? Bất cứ người thân hay bạn bè nào của những người bị buộc tội đều muốn cứu lấy họ, nhưng liệu họ có đủ lực lượng để thử giải cứu hay không thì không chắc. Đương nhiên, như huynh Peter từng nói, có rất nhiều người thích xem cảnh hỏa thiêu. Nhiều người đến đây để được giải trí.

Ý nghĩ ấy vừa xuất hiện trong đầu tôi thì, từ phía xa, tôi nghe thấy nhịp trống rộn rã.

“Thieu! Thieu! Thieu, lũ phù thủy kia, thieu đi!” dường như nhịp trống dồn lên như thế.

Nghe thấy âm thanh đấy, đám đông bắt đầu rì rầm, giọng của họ lớn dần lên thành tiếng la hét, sau cuối bùng lên thành tiếng huýt sáo và rú rít inh ỏi. Tên Phán Quan đang ngồi chễm chệ ngất ngưỡng trên lưng con bạch mã to tướng từ xa tiến lại gần, và đằng sau hắn là cỗ xe chở các tù nhân đang khấp khểnh lăn theo. Những người đàn ông khác cưỡi ngựa đi dọc hai bên và đằng sau cỗ xe, kiếm giắt ngang hông. Phía sau họ, đang diễu bộ, là mười hai tay trống hiên ngang, các cánh tay của họ nâng lên hạ xuống một cách khoa trương để tạo nên nhịp trống họ đang gõ xuống.

“Thieu! Thieu! Thieu, lũ phù thủy kia, thieu đi!”

Đột nhiên toàn bộ tình hình trở nên vô vọng. Vài người đang đứng ở hàng trước bắt đầu chọi trái cây thối vào những tù nhân, nhưng những tay lính gác đang đi ngang men sườn, chắc là lo sợ sẽ bị chọi nhầm, liền rút kiếm ra chĩa thẳng vào họ, đẩy họ quay lại đám đông, khiến cho cả đám người phải dõn ra sau.

Cỗ xe tiến đến gần hơn rồi dừng lại, và mãi đến giờ tôi mới trông thấy Thầy Trừ Tà. Vài tù nhân đang quỳ gối, lầm rầm cầu nguyện. Những người khác rên la hay bứt tóc bứt tai, nhưng thầy của tôi chỉ đứng thẳng oai phong, nhìn về phía trước. Gương mặt thầy trông bơ phờ mỗi mệ, trong mắt thầy vẫn còn đó vẻ mơ hồ, như thể thầy chưa hiểu được chuyện gì đang xảy đến với mình. Có thêm một vết bầm đen mới trên trán thầy phía trên mắt trái, còn môi dưới thầy rách đôi và sưng vù – rõ ràng thầy lại bị đánh đập thêm lần nữa.

Một cha xứ bước tới trước, tay phải cầm cuộn giấy, và nhịp trống thay đổi. Nhịp trống dồn dập lên đến cao trào rồi đột nhiên ngưng bật, khi viên cha xứ bắt đầu xướng lên từ tấm giấy da.

“Hỡi những người dân của thị trấn Priestown, hãy nghe đây! Chúng ta tụ tập về đây để chứng kiến một cuộc hành quyết chiếu theo luật pháp bằng việc thiêu chết mười hai mụ phù thủy và một lão phù thủy, là những kẻ khốn nạn tội lỗi mà mọi người đang nhìn thấy trước mặt mình đây. Hãy cầu nguyện cho linh hồn bọn họ! Hãy cầu nguyện rằng khi chịu lấy đau đớn, bọn chúng sẽ nhận ra sai lầm trên con đường chúng đã chọn. Hãy cầu nguyện rằng bọn chúng sẽ cầu xin lòng thứ tha của Chúa và được chuộc lại linh hồn bất tử của chúng.”

Lại thêm một hồi trống gióng lên. Viên cha xứ chưa nói hết và khi trật tự được vãn hồi thì ông ta nói tiếp.

“Đức Ngài Bảo Hộ của chúng ta, ngài Phán Quan tối thượng, mong rằng đây sẽ là bài học cho những ai muốn đi theo con đường của thể lực bóng tối. Hãy nhìn những kẻ tội lỗi này bốc cháy! Hãy quan sát xương của bọn chúng nứt gãy và mỡ của chúng tan chảy như mỡ nến. Hãy lắng nghe tiếng chúng kêu thét và hãy luôn nhớ rằng như thế vẫn không là gì cả! Như thế vẫn không là gì nếu so sánh với ngọn lửa từ Địa ngục! Không có gì sánh được với sự tra tấn vĩnh hằng đang chờ đón những kẻ không tìm kiếm sự cứu rỗi!”

Nghe đến những lời này đám đông chợt im bật. Có lẽ là do nỗi sợ hãi Địa ngục mà viên cha xứ vừa nhắc tới, nhưng tôi nghĩ, dường như là điều gì đó khác hơn. Là điều hiện giờ tôi đang sợ. Là phải đứng đấy quan sát sự kinh hoàng từ những cảnh tượng sắp sửa xảy ra. Là việc ý thức được rằng máu và da thịt người sống sẽ bị quăng vào lửa để chịu đựng nỗi thống khổ không nói nên lời.

Hai người đàn ông đầu trọc mũ bước tới và thô bạo kéo tù nhân đầu tiên từ cỗ xe xuống – một phụ nữ có mái tóc bạc rũ lòa xòa quá vai, gần chạm đến eo. Khi bọn chúng lôi bà ta từ cỗ xe đến giàn thiêu gần nhất, bà ta bắt đầu khạc nhổ và nguyên rửa, giăng co trong tuyệt vọng để thoát đi. Vài người trong đám đông cười ồ lên cổ vũ, gọi bà ta bằng những từ tục tĩu, nhưng bất ngờ thay bà ta giăng được ra và dõm bỏ chạy vào đêm tối.

Trước khi đám lính gác kịp nhắc bước đuổi theo, tên Phán Quan đã phóng ngựa qua mặt bọn chúng, vó ngựa làm bùn bắn tung tóe từ nền đất mềm.

Hắn tóm lấy tóc bà ta, xoáy những ngón tay vào trong các lọn tóc của bà trước khi vung tay dấm. Đoạn hắn hung tợn kéo bà ta lên khiến cho lưng bà phải uốn cong và bà ta gần như bị nhấc khỏi mặt đất. Bà ta rên lên một tiếng yếu ớt the thé khi tên Phán Quan lôi xềnh xệch bà ta về phía những tay lính gác, bọn này lại tóm lấy và nhanh tay trói bà vào một trong những cây cọc ven rìa giàn thiêu lớn nhất. Số phận của bà đã được định đoạt.

Tim tôi thắt lại khi thấy Thầy Trừ Tà là tù nhân tiếp theo bị lôi ra khỏi cỗ xe. Bọn chúng giải thầy đến giàn thiêu lớn nhất và trói thầy vào cây cọc trung tâm nhưng thầy chẳng chống cự lấy một lần. Thầy trông vẫn còn hoang mang ngơ ngác. Tôi nhớ thầy từng bảo tôi rằng việc bị thiêu sống là một trong những cái chết đau đớn nhất mà con người có thể tưởng tượng ra được, và thầy không nỡ làm thế với phù thủy. Trông thấy thầy bị trói ở kia, chờ đợi số phận của mình, thật quá sức chịu đựng. Một vài tên trong đám thuộc hạ của tên Phán Quan đang cầm theo đuốc, và tôi tưởng tượng bọn chúng châm lửa lên các giàn thiêu, những ngọn lửa liếm lên phía Thầy Trừ Tà. Nghĩ đến đây thật kinh khủng và nước mắt bắt đầu ròn ròn trên mặt tôi.

Tôi cố nhớ lại điều thầy mình đã nói về một thứ gì đó hay một người nào đó luôn dõi theo những việc ta làm. Nếu ta sống đúng đắn, thầy bảo thế, thì trong giờ phút cần được giúp đỡ nhất thứ ấy sẽ đứng bên ta, trao cho ta sức mạnh của chính nó. Vâng, thầy đã sống cuộc đời đúng đắn và đã làm mọi chuyện mà thầy nghĩ là tốt nhất. Vậy nên thầy đáng nhận được một điều gì đó chứ. Chắc phải là thế chứ?

Nếu tôi là thành viên của gia đình chăm đi lễ và cầu nguyện hơn, hẳn khi ấy tôi đã đọc kinh cầu. Nhưng tôi lại không có thói quen ấy và không biết vì sao, mặc dù không ý thức được nhưng tôi bắt đầu thì thầm một mình. Tôi không có ý khẩn nguyện gì nhưng tôi nghĩ chắc thực tình đây đã là lời khẩn rồi.

“Xin hãy giúp thầy ấy,” tôi thì thầm. “Cầu xin hãy giúp đỡ cho thầy.”

Thình lình lông tóc sau gáy tôi bắt đầu động đậy và ngay lập tức tôi cảm thấy lạnh, thật lạnh. Có thứ gì đó từ thế lực bóng tối đang tiến đến gần. Thứ

gì đó mạnh bạo và nguy hiểm. Tôi nghe thấy Alice đột nhiên hức lên rồi khàn giọng lầm bầm, và ngay lập tức trước mắt tôi tối sầm, đến nỗi khi tôi quay lại với tay về phía Alice, tôi chẳng còn trông thấy hai bàn tay trước mặt mình nữa. Tiếng rì rầm từ đám đông đã lui về phía xa xăm và vạn vật trở nên tĩnh lặng im ắng. Tôi cảm thấy như mình bị cắt lìa khỏi thế giới, chỉ còn lại một mình trong bóng đêm.

Tôi biết Quỷ Độc đã đến rồi. Tôi không thể trông thấy gì nhưng lại cảm nhận được hắc đang ở rất gần đây, một linh hồn tối đen to lớn, một sức nặng ngàn cân đang đe dọa sẽ ép chết tôi. Tôi hoảng kinh, sợ cho mình và cho cả những con người vô tội đang tề tựu quanh đây, nhưng tôi chẳng thể làm gì ngoài việc chờ đợi trong bóng đêm cho đến khi mọi việc kết thúc.

Khi mắt tôi nhìn thấy trở lại, tôi thấy Alice tiến về phía trước. Trước khi tôi kịp ngăn thì Alice đã bước ra khỏi chỗ tối để đi thẳng đến chỗ Thầy Trừ Tà và hai kẻ hành quyết nơi giàn thiêu trung tâm. Tên Phán Quan đang đứng gần bên quan sát. Khi Alice đến gần, tôi trông thấy hắc ta quay đầu ngựa cho ngựa phi nước kiệu nhỏ. Trong khoảnh khắc, tôi tưởng hắc định cho ngựa giẫm lên Alice nhưng không, hắc chỉ cho ngựa dừng lại, thật gần sát đến nỗi Alice hắc có thể giơ tay ra vuốt ve mũi con ngựa cũng được.

Một nụ cười độc địa nở ra trên mặt hắc và tôi biết hắc đã nhận ra Alice là một trong những tù nhân trốn thoát. Những gì Alice làm sau đấy, tôi sẽ luôn nhớ mãi.

Trong sự im lặng đột ngột vừa trùn xuống ấy, Alice chìa hai tay về phía tên Phán Quan, chỉ vào mặt hắc bằng cả hai ngón trỏ. Rồi cô chột phá ra cười thật dài, thật lớn, âm thanh ấy vang dội qua khắp vùng đồi, khiến cho lông tóc sau cổ tôi lại dựng đứng. Đây là một tiếng cười hân hoan chiến thắng kèm với thách thức, và tôi nghĩ thật trớ trêu làm sao khi tên Phán Quan đang chuẩn bị thiêu sống những người kia, tất cả đều bị kết tội sai lầm, tất cả đều vô tội, trong khi kẻ đang tự do đối mặt với hắc lại là một phù thủy thực thụ với quyền năng đích thực.

Tiếp sau đó, Alice xoay người trên gót và bắt đầu quay, hai tai vẫn vươn ngang ra hai bên. Trong khi tôi dõi theo, những đốm đen bắt đầu xuất hiện

trên mũi và đầu con bạch mã của tên Phán Quan. Thoạt tiên tôi lơ ngơ không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Nhưng rồi con ngựa hí lên hoảng sợ và dựng đứng lên trên hai chân sau, và tôi trông thấy những giọt máu nhỏ từ bàn tay trái của Alice bắn ra. Máu từ nơi mà tên Quỷ Độc vừa mới hút lấy.

Thình lình một cơn cuồng phong ào đến, một tia chớp rạch trời kèm tiếng sấm đùng đoàng thật lớn đến độ làm tai tôi nhói đau. Tôi thấy mình khụy gối xuống đất và có thể nghe thấy người ta kêu gào la hét. Tôi nhìn lui về phía Alice và thấy cô gái vẫn còn xoay tít, mỗi lúc một nhanh hơn. Con bạch mã lại thối lui, dựng lên trên hai chân sau, lần này nó khiến cho tên Phán Quan rơi khỏi yên, rớt ra sau ngã lên giàn thiêu.

Lại một tia chớp nữa và bỗng nhiên rìa giàn thiêu bắt lửa, ngọn lửa tí tách bùng lên trong khi tên Phán Quan đang lồm cồm ngồi dậy, xung quanh bị lửa bao bọc. Tôi trông thấy vài tên lính nhào đến định giúp hấn nhưng cả đám đông cũng đang nhào tới và một trong những tên lính gác bị lôi khỏi ngựa. Trong tích tắc một cuộc bạo loạn ngút trời vỡ ra. Tứ bề mọi người đang chống chọi ẩu đả. Một số kẻ khác đang tháo chạy và không gian tràn ngập tiếng quát tháo la hét.

Tôi thả túi xuống chạy đến bên thầy mình, vì ngọn lửa đang lan rất nhanh, đe dọa sẽ nhấn chìm thầy trong ấy. Chẳng nghĩ ngợi gì, tôi băng thẳng qua giàn thiêu, cảm nhận được sức nóng của lửa, chắc hẳn lúc này lửa đã bén đến những khúc củi lớn hơn rồi.

Tôi loay hoay cởi trói cho thầy, những ngón tay lóng ngóng quanh các gút thắt. Bên tay trái tôi, một người đàn ông đang cố phóng thích cho người phụ nữ tóc bạc mà bọn chúng đã trói vào trước tiên. Tôi đâm hoảng vì mình chẳng làm được gì cả. Có quá nhiều các gút thắt! Gút quá chặt còn hơi nóng lại ngay một tầng dần!

Đột nhiên bên tay trái tôi vang lên tiếng reo chiến thắng. Người đàn ông đã cởi trói được cho người phụ nữ, và chỉ nhìn qua một lần là tôi biết ngay: ông ta đang cầm trong tay con dao và dễ dàng cắt qua sợi dây trói. Ông ta dợm đưa người phụ nữ rời khỏi cây cọc thì bỗng liếc nhìn lại tôi. Không trung tràn ngập tiếng la hét và tiếng lửa bốc thành ngọn lách tách. Cho dù tôi

có kêu lên thì hẳn ông ta cũng chẳng nghe thấy gì, thế nên tôi chỉ đơn giản là chìa tay về phía ông ta. Đường như trong tích tắc ông ta có do dự, nhìn chăm chăm vào tay tôi, nhưng rồi cũng quăng con dao về phía tôi.

Con dao rơi hệt, rớt vào trong ngọn lửa. Thậm chí chẳng kịp nghĩ gì, tôi thọc tay thật sâu vào trong đám củi đang cháy mà lôi con dao ra. Chỉ mất có vài giây tôi đã cắt sạch sợi thừng.

Giải thoát được Thầy Trừ Tà khi chúng tôi chỉ còn trong gang tấc là bị thiêu chết như thế này khiến tôi cảm thấy nhẹ nhõm làm sao. Nhưng niềm vui của tôi chẳng được bao lâu. Chúng tôi còn lâu mới được an toàn. Thuộc hạ của tên Phán Quan vẫn vây quanh hai chúng tôi và có khả năng rất lớn là chúng tôi sẽ bị nhận diện và bị bắt lại. Lần này thì cả hai thầy trò tôi sẽ bị thiêu chết!

Tôi phải đưa thầy ra khỏi giàn thiêu để lẩn vào vùng bóng tối trước mặt; đến nơi mà không ai có thể nhìn thấy chúng tôi. Đường như việc này phải mất hàng thế kỷ. Thầy nặng nề tựa vào tôi và chỉ đi được những bước ngắn loạng choạng. Tôi nhớ đến túi của thầy, nên chúng tôi đi đến nơi tôi đã thả túi xuống. Chỉ là may mắn phước đức lắm hai chúng tôi mới tránh được đám thuộc hạ của tên Phán Quan. Còn tay cầm đầu của bọn chúng thì không thấy đâu, nhưng tôi có thể thấy phía xa xa, những tên đang ngồi trên mình ngựa vùng kiếm chém loạn xạ xuống bất cứ ai đang ở gần. Tôi biết là bất cứ lúc nào một trong số bọn chúng cũng có thể lao về phía chúng tôi. Sự việc mỗi lúc mỗi thêm khó khăn; sức nặng của Thầy Trừ Tà dường như gia tăng trên vai tôi, trong khi bên tay phải tôi còn phải cầm theo chiếc túi của thầy. Nhưng rồi có ai đó nâng tay kia của thầy lên và chúng tôi đang di chuyển vào trong góc tối của những rặng cây đến nơi an toàn.

Người đó là Alice.

“Tớ đã làm được rồi, Tom ơi! Tớ đã làm được!” cô phấn khởi reo lên.

Tôi chẳng rõ mình phải trả lời như thế nào nữa. Dĩ nhiên là tôi vui mừng, nhưng tôi không thể chấp nhận phương thức của cô ấy được. “Thế giờ Quý Độc đầu rồi?” tôi hỏi.

“Đừng lo đến chuyện ấy Tom ạ. Tớ có thể nhận biết khi nào hắn đang ở gần, mà bây giờ tớ chẳng cảm thấy hắn đâu cả. Hắn phải hao tổn rất nhiều sức mạnh để làm chuyện vừa rồi nên tớ đoán là hắn phải quay lại thế giới bóng tối một thời gian để mà hồi sức.”

Tôi chẳng thích nghe thế tí nào. “Thế còn tên Phán Quan thì sao?” tôi hỏi. “Tớ chẳng nhìn ra chuyện gì đã xảy đến với hắn cả. Hắn đã chết rồi à?”

Alice lắc đầu. “Chỉ bị phỏng tay khi ngã xuống thôi. Nhưng giờ thì hắn đã biết bị thiêu là như thế nào rồi!”

Khi Alice nói thế, tôi bắt đầu nhận thức được cơn đau trên chính tay mình, cánh tay trái đang ôm lấy Thầy Trừ Tà đây. Tôi nhìn xuống thì thấy mu bàn tay phồng rộp sưng tấy. Cứ bước đi một bước, cơn đau dường như càng tăng thêm.

Chúng tôi băng qua cây cầu cùng đám đông nhốn nháo đầy những người hoảng sợ, tất cả đều hướng lên phía Bắc, hăng hái rời xa cuộc bạo loạn và những hệ lụy tiếp theo. Chẳng bao lâu nữa thôi, binh lính của tên Phán Quan sẽ chinh đồn lại, sẽ nhiệt tình tiếp tục bắt giữ các tù nhân và trừng phạt bất cứ ai có dự phần vào cuộc trốn chạy của những tù nhân ấy. Bất cứ kẻ nào cản trở bước tiến của bọn chúng đều sẽ bị khổ sở.

Bình minh còn lâu mới đến thì ba người chúng tôi đã tránh hắn khỏi Priesttown, và chúng tôi nghỉ ngơi vài giờ đầu ngày trong một chuồng bò ọp ẹp, vì sợ rằng người của tên Phán Quan sẽ lùng sục quanh đây để tìm kiếm tù nhân đào thoát.

Thầy Trừ Tà chẳng nói lấy lời nào khi tôi trò chuyện với thầy, ngay cả sau khi tôi lấy thanh trượng ra trao lại thầy cũng không nói. Hai mắt thầy vẫn đờ đẫn và nhìn trân trân, như thể trí óc của thầy đang ở một nơi khác. Tôi bắt đầu thấy lo rằng cú choảng vào đầu thầy khá là nặng đây, như thế thì tôi còn ít lựa chọn lắm.

“Chúng ta phải đem thầy về nông trại nhà tớ thôi,” tôi bảo với Alice. “Mẹ tớ có thể giúp được cho thầy đấy.”

“Nhưng bà sẽ không vui về gì khi gặp tớ đâu nhỉ?” Alice hỏi. “Nhất là sau khi thấy được tớ đã làm gì thì bà lại càng không vui. Cả ông anh trai của cậu cũng thế.”

Tôi gật đầu, nhăn nhó vì đau. Những gì Alice nói đúng đấy chứ. Sẽ tốt hơn nếu cô ấy không về cùng tôi, nhưng tôi lại cần cô giúp tôi đỡ Thầy Trừ Tà, lúc này thầy chẳng còn đi đứng vững được nữa.

“Có gì không ổn thế Tom?” Alice hỏi. Cô đã để ý thấy tay tôi nên bước sang xem. “Sẽ chóng chữa lành thôi,” cô nói, “tớ sẽ không đi lâu đâu...”

“Đừng Alice, nguy hiểm lắm!”

Nhưng trước khi tôi kịp ngăn cô lại thì Alice đã chạy ra khỏi nhà kho. Mười phút sau cô quay lại với vài miếng vỏ cây nhỏ và vài chiếc lá của một loại cây mà tôi không nhận ra. Cô dùng răng nhai nhai mảnh vỏ cây cho đến khi nó biến thành những mảnh xơ nhỏ.

“Chìa tay cậu ra nào!” cô ra lệnh.

“Cái gì thế?” tôi nghi ngại hỏi, nhưng tay tôi đang thật sự rất đau nên tôi làm theo như được bảo.

Thật nhẹ nhàng, Alice đặt mảnh vỏ cây nhỏ lên vết phỏng và quần bàn tay tôi ủ vào mớ lá cây. Rồi cô rút một sợi chỉ đen khỏi váy và dùng nó để định vị chỗ băng bó.

“Lizzie đã dạy cho tớ trò này,” Alice bảo. “Sẽ giúp cơn đau biến đi nhanh ấy mà.”

Tôi định mở miệng phản đối, nhưng gần như ngay lập tức cơn đau dịu đi. Đây là phương thuốc mà Alice được một mục phù thủy dạy cho. Một phương thuốc hiệu nghiệm. Thế giới này có nhiều điều thật kỳ khôi. Nhờ vào điều ác mà điều lành xuất hiện. Và không chỉ là chuyện bàn tay của tôi không đau. Nhờ vào Alice và giao kèo giữa cô ấy với Quỷ Độc mà Thầy Trừ Tà đã được cứu thoát.

Chương 14

CÂU CHUYỆN CỦA BỐ

Khoảng một tiếng trước khi hoàng hôn buông xuống, chúng tôi nhìn thấy nông trại. Tôi biết bố tôi và anh Jack chắc chỉ mới bắt đầu vắt sữa bò thôi nên lúc này mà vào nhà là thích hợp nhất. Tôi cần có dịp nói chuyện riêng với mẹ.

Tôi chưa trở về nhà lần nào kể từ mùa xuân rồi, khi mù phù thủy già, Mẹ Malkin, đã ghé qua thăm nhà tôi một chuyến. Lần đó nhờ vào sự quả cảm của Alice mà chúng tôi tiêu diệt được mù, nhưng vụ việc này đã làm cho Jack và vợ anh ấy, chị Ellie, không vui, và tôi biết hai người họ không muốn tôi ở lại nhà sau khi trời tối cho lắm. Công việc của Thầy Trừ Tà làm họ thấy sợ và họ lo có chuyện gì đó xảy đến với con của mình. Vậy nên tôi chỉ muốn giúp Thầy Trừ Tà và sau đó lên đường càng nhanh càng tốt.

Tôi cũng ý thức được rằng mình đang mạo hiểm với tính mạng của mọi người khi tôi đưa Thầy Trừ Tà và Alice về nông trại. Nếu người của tên Phán Quan theo chúng tôi đến tận đây thì bọn chúng cũng sẽ không thương tiếc cho những ai chứa chấp một mù phù thủy và một người trừ tà đâu. Tôi không muốn gia đình mình gặp nhiều nguy hiểm hơn nữa, thế là tôi quyết định để Thầy Trừ Tà và Alice ngay bên ngoài ranh giới nông trại. Nơi ấy có một lều chăn cừu của nông trại gần với chúng tôi nhất. Họ đã chuyển sang nuôi gia súc nên túp lều này bao nhiêu năm nay không được dùng đến. Tôi phụ với Alice đưa Thầy Trừ Tà vào trong lều rồi bảo cô chờ ở đấy. Xong xuôi, tôi băng qua cánh đồng, đi thẳng về hướng hàng rào bao quanh sân nông trại nhà mình.

Khi tôi mở cửa bước vào bếp, mẹ tôi đang ngồi tại nơi quen thuộc của bà trong góc nhà cạnh lò sưởi, trên chiếc ghế đu. Chiếc ghế đang ở yên một chỗ và mẹ chỉ nhìn tôi chăm chăm khi tôi bước vào. Các màn cửa sổ đã được

kéo lại, và cây nến sáp ong trên chiếc chân nến bằng đồng đang được thấp sáng.

“Ngồi xuống đi con,” mẹ bảo, giọng bà mềm mỏng nhỏ nhẹ. “Kéo ghế lại đây và kể cho mẹ nghe nào.” Bà hình như chẳng ngạc nhiên chút nào khi thấy tôi.

Tôi từng quen với chuyện như thế. Mẹ luôn được cần đến khi các bà mụ gặp phải rắc rối trong những ca sinh khó, và cũng kỳ lạ thay là mẹ luôn biết trước khi nào có người cần đến sự giúp đỡ của mình trước khi lời nhắn được chuyển đến nông trại cả một lúc lâu. Mẹ có thể cảm nhận những chuyện như vậy, như là mẹ vừa cảm nhận được sự trở về của tôi. Có một điều gì đó rất đặc biệt về mẹ tôi. Bà có những thiên khiếu mà một kẻ như tên Phán Quan kia sẽ rất muốn trừ khử.

“Có chuyện không hay xảy ra phải không nào?” mẹ hỏi. “Tay con bị làm sao thế?”

“Không có gì đâu mẹ. Chỉ bị phỏng thôi à. Alice đã chữa chỗ này rồi. Giờ con chẳng thấy đau gì nữa hết.”

Mẹ tôi nhướn mày khi nghe nhắc đến tên Alice. “Kể chuyện ấy cho mẹ nghe đi con.”

Tôi gật đầu, cảm thấy cổ họng mình dâng nghẹn. Tôi phải cố đến ba lần trước khi thốt nổi câu đầu tiên. Khi đã nói được rồi thì mọi thứ tuôn trào hồi hả.

“Mẹ ơi, bọn chúng sém chút đã thiêu chết thầy Gregory rồi đấy. Tên Phán Quan bắt được thầy ở Priestown. Chúng con đã trốn thoát nhưng bọn chúng sẽ đuổi theo thôi, trong khi Thầy Trừ Tà lại không được khỏe. Thầy cần được giúp. Cả chúng con ai cũng thế.”

Nước mắt chảy thành dòng xuống mặt tôi khi tôi tự thú nhận với chính mình chuyện gì giờ đây đang làm tôi canh cánh nhất. Lý do chính khiến tôi không muốn đến khu đồi trọc là vì tôi sợ. Tôi sợ bọn chúng sẽ bắt được tôi và tôi cũng sẽ bị thiêu chết.

“Con đang làm trò quỷ gì ở Priestown thế?” mẹ tôi hỏi.

“Anh của thầy Gregory qua đời và đám ma của ông ta tổ chức ở đây. Thầy trò con phải đến dự.”

“Con không kể cho mẹ biết hết mọi chuyện rồi,” mẹ tôi bảo. “Làm cách nào mà con thoát được khỏi tay tên Phán Quan vậy?”

Tôi không muốn cho mẹ biết Alice đã làm gì. Bạn biết rồi đấy, mẹ tôi từng một lần cố giúp Alice và tôi không muốn bà biết là rốt cuộc cô ấy đã trở thành thế nào, đã dẫn thân vào thế lực bóng tối như Thầy Trừ Tà từng e ngại.

Nhưng tôi không có lựa chọn nào khác. Tôi kể cho mẹ nghe toàn bộ câu chuyện. Khi tôi kể xong, mẹ tôi thở dài sườn sượt. “Chuyện thật sự rất tồi tệ đấy,” bà nói. “Quý Độc đang tự do ngoài kia chẳng phải là điềm lành cho bất cứ ai trong Hạt cả – rồi còn thêm một phù thủy trẻ bị trói buộc vào hắc nữ nữa chứ – ôi, ta lo sợ cho tất cả mọi người chúng ta. Nhưng chúng ta phải chấp nhận tình thế thôi. Chúng ta chỉ làm được có vậy. Mẹ đi lấy túi thuốc và đi xem mình có thể làm được gì cho thầy Gregory đáng thương không nào.”

“Cảm ơn mẹ ạ,” tôi nói, chợt nhận ra là này giờ mình toàn nói về những vấn đề của bản thân. “Nhưng ở nhà mọi chuyện ra sao vậy mẹ? Con bé con của Ellie thế nào rồi ạ?” tôi hỏi.

Mẹ tôi mỉm cười nhưng tôi lại nhìn ra một thoáng u sầu trong mắt bà. “Ồ, con bé khỏe ấy mà, còn Ellie và Jack thì vẫn hạnh phúc như trước giờ vẫn thế. Nhưng con này,” mẹ khẽ chạm vào tay tôi, “mẹ cũng có vài tin không hay báo cho con đây. Là về bố con ấy. Lâu nay ông bệnh rất nặng.”

Tôi đứng bật dậy, không thể tin nổi những gì mẹ vừa nói. Vẻ mặt của bà mách cho tôi biết chuyện này nghiêm trọng đây.

“Ngồi xuống đi con trai,” mẹ tôi bảo, “và hãy lắng nghe cho kỹ trước khi con bắt đầu thấy lo buồn. Tình hình tuy không tốt nhưng cũng có thể đã còn tệ hơn đấy. Khởi đầu là một cơn cảm lạnh nặng nhưng rồi nó lại ăn vào phổi bố và biến chứng thành sưng phổi khiến chúng ta sém chút là mất ông rồi. Giờ thì bố con đang hồi phục, mẹ hy vọng là thế, nhưng mùa đông này ông ấy phải mặc cho thật đủ ấm. Mẹ e là bố sẽ không bao giờ có thể làm được

nhều việc đồng áng nữa. Jack sẽ phải nai lưng làm mọi việc mà không có bố thôi.”

“Con có thể giúp mà mẹ.”

“Không đâu con trai, con còn có công việc của riêng con. Khi Quỷ Độc đang tự do và thầy của con lại yếu sức thì Hạt này lại cần con hơn bao giờ hết. Nay, thôi để mẹ lên lầu báo bố con trước là có con ở đây. Và mẹ sẽ không kể bất cứ rắc rối nào của con cho bố biết cả. Chúng ta không việc gì phải để cho bố biết thêm tin xấu hay những cơn sốc không hay nào. Chúng ta chỉ giữ riêng bí mật giữa mẹ con ta thôi nhé.”

Tôi chờ trong bếp nhưng chỉ ít phút sau mẹ tôi đã đi xuống lầu, mang theo chiếc túi.

“Thôi, con lên gặp bố trong khi mẹ đi giúp thầy con đi. Bố vui vì con đã về nhưng đừng để cho bố phải nói quá nhiều đấy. Ông vẫn còn rất yếu.”

Bố tôi đang ngồi tựa lưng lên chông gối trên giường. Ông mỉm cười yếu ớt khi tôi bước vào phòng. Khuôn mặt bố tiêu tụy và mệt mỏi, trên cằm ông lởm chồm râu bạc khiến ông trông còn già hơn.

“Ngạc nhiên quá đấy Tom. Ngồi xuống đây nào,” bố tôi nói, hất đầu ra hiệu về phía chiếc ghế bên cạnh giường.

“Con xin lỗi ạ,” tôi bảo. “Nếu con biết bố ốm thì con đã quay về sớm hơn để thăm bố rồi.”

Bố tôi giơ tay lên như muốn nói chẳng hề gì đâu. Rồi ông bắt đầu ho dữ dội. Mọi người cho là sức khỏe của bố đang trở nên khá hơn nên tôi không muốn nghe ông nói gì khi ông ốm nặng. Căn phòng mang mùi bệnh. Hơi hướm của một thứ mà ta không khi nào nghĩ thấy khi ở ngoài trời. Thứ gì đó chỉ luẩn quẩn trong những phòng người ốm.

“Công việc sao rồi con?” bố tôi hỏi, sau khi đã dứt cơn ho sặc sụa.

“Không tồi ạ. Giờ con đã quen với nó rồi và con thích công việc này hơn việc đồng áng,” tôi vừa đáp vừa gạt đi những gì mới xảy ra vào sâu trong tâm trí.

“Việc đồng áng với con quá tẻ nhạt chứ gì, hử?” bố hỏi với thoáng mỉm cười. “Này con, bố cũng đâu phải suốt đời làm nông dân đâu.”

Tôi gật đầu. Thời trai trẻ bố tôi từng là thủy thủ. Bố từng kể rất nhiều chuyện về những nơi ông đã đi qua. Đây là những câu chuyện thật thú vị, đầy màu sắc và hứng thú. Hai mắt bố luôn sáng lên xa xăm mỗi khi ông hồi tưởng lại những quãng thời gian ấy. Tôi muốn trông thấy ánh sáng sinh khí ấy quay trở lại trong đôi mắt bố mình.

“Phải rồi bố nhỉ,” tôi bảo, “kể cho con nghe những câu chuyện của bố đi. Chuyện về con cá voi khổng lồ ấy.”

Bố tôi im lặng một lúc, đoạn nắm lấy tay tôi, kéo tôi vào gần hơn. “Bố nghĩ có một chuyện bố phải kể cho con nghe đây con trai, trước khi quá muộn.”

“Bố đừng nói năng vớ vẩn thế chứ,” tôi ngạc nhiên khi thấy ông đổi hướng câu chuyện như thế.

“Không đâu Tom, bố hy vọng được chứng kiến thêm một mùa xuân và mùa hè nữa, nhưng bố không nghĩ mình còn ở lại thế gian này lâu lắm đâu. Đạo gần đây bố suy nghĩ rất nhiều và bố nhận ra đã đến lúc phải nói cho con những gì bố biết. Bố không mong là sẽ gặp được con trong một thời gian dài nhưng giờ con đang ở đây và ai biết được lần tới chúng ta gặp nhau sẽ là khi nào chứ?” Bố ngừng lời rồi nói tiếp, “Chuyện về mẹ con đây – chuyện bố mẹ đã gặp nhau như thế nào ấy.”

“Bố sẽ được nhìn thấy lắm mùa xuân nữa mà bố,” tôi nói, nhưng trong bụng rất ngạc nhiên. Trong tất cả những câu chuyện hấp dẫn của bố, có một chuyện mà ông chưa khi nào kể đến đầu đến đuôi: là chuyện bố đã gặp mẹ như thế nào. Chúng tôi có thể nhận thấy ông thật sự không khi nào muốn kể đến chuyện ấy. Hoặc là ông thay đổi đề tài hoặc bảo bọn tôi đi mà hỏi mẹ. Chúng tôi chẳng bao giờ hỏi. Khi ta còn nhỏ, có những chuyện ta không hiểu nhưng lại chẳng hỏi han cho rõ làm gì. Ta biết là bố mẹ mình không muốn nói cho ta biết. Nhưng hôm nay thì khác.

Bố mệt mỏi lắc đầu rồi cúi đầu thật thấp, như thể đang có một gánh nặng lớn đè xuống hai vai ông. Khi ông ngồi thẳng lại, nụ cười nhẹ đã trở lại trên mặt.

“Mà này, bố không chắc là mẹ có cảm ơn bố đã nói cho con biết không đấy, vậy nên ta giữ chuyện này giữa hai bố con thôi nhé. Bố cũng sẽ không kể cho các anh con nghe đâu, và bố yêu cầu con cũng làm như thế đấy, con trai. Nhưng bố nghĩ với loại hình công việc mà con đang theo, rồi con lại là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, thôi thì...”

Bố lại ngừng lời và nhắm nghiền mắt. Tôi chăm chăm nhìn bố, lòng cảm thấy một đợt sóng muộn phiền khi tôi nhận ra bố trông mới già và ốm yếu làm sao. Bố mở mắt ra và bắt đầu kể.

“Chúng ta dong thuyền vào một cảng nhỏ để lấy thêm nước ngọt,” bố kể, khởi đầu câu chuyện theo cách như thể ông cần phải nói cho chong chóng vào trước khi đổi ý. “Đấy là một nơi cô quạnh được những ngọn đồi cao lởm chởm đá bao quanh, trên đấy chỉ có nhà của tay chủ cảng và vài túp lều nhỏ bé của ngư dân được xây bằng đá trắng. Bọn ta đã lênh đênh trên biển hàng tuần liền nên ông thuyền trưởng, một người đàn ông tốt bụng, bảo rằng bọn ta xứng đáng được nghỉ ngơi chút ít. Thế là ông ấy cho mọi người lên bờ nghỉ phép. Bọn ta chia thành hai phiên và bố thuộc phiên thứ hai, bắt đầu sau khi trời đã tối mịt.

“Đám bọn ta gồm khoảng mười hai người và khi chúng ta đến được quán rượu gần nhất, nằm ven rìa một ngôi làng trên nửa đường lên núi, thì quán rượu gần sừa soạn đóng cửa. Thế là chúng ta phải uống thật nhanh, nốc bao nhiêu là rượu mạnh qua cổ cứ như là không còn có ngày mai nữa, rồi chúng ta mỗi người mua một bình vang đỏ để uống trên đường quay về thuyền.

“Hắn là bố đã uống quá nhiều, bởi vì khi thức dậy bố chỉ nằm một mình ở ven con dốc ngược xuống cầu cảng. Mặt trời vừa mới ló dạng nhưng bố cũng chẳng lo gì vì đến giữa trưa chúng ta mới dong buồm ra khơi. Bố lồm cồm đứng dậy phúi phúi bụi. Đúng lúc ấy, bố nghe thấy tiếng nước nở từ xa vọng lại.

“Bố đứng đó nghe ngóng chừng được một phút trước khi đi đến quyết định. Ý bố là, tiếng khóc ấy nghe như tiếng phụ nữ nhưng làm sao mà bố chắc được chứ? Ở những vùng ấy có đủ thứ truyền thuyết lạ kỳ về những sinh vật sẵn khách lữ hành làm mồi. Bố chỉ có một mình, và cũng không ngại nói cho con biết là bố thấy sợ, nhưng nếu bố không đi xem thử ai đang khóc thì hẳn bố sẽ không bao giờ gặp được mẹ con và giờ sẽ không có con ở đây đâu.

“Bố men theo lối đó leo ngược lên ngọn đồi dốc, lúc qua bên kia đồi thì phải bò lồm cồm xuống cho đến khi bố đến ngay rìa mỏm đá. Mỏm đá ấy rất cao, bên dưới là những con sóng xô tới tấp vào kè đá, và bố có thể trông thấy con thuyền đang neo trong vịnh, và nó nhỏ đến nỗi dường như bố có thể đặt nó vừa vặn vào lòng bàn tay mình.

“Một phiến đá hẹp chìa ra khỏi mỏm đá như chiếc răng chuột, và một cô gái đang ngồi tựa lưng vào đấy, mặt hướng ra biển. Cô ấy bị một sợi xích trói vào phiến đá. Hơn nữa, trên người cô gái còn không có mảnh vải che thân.”

Nói đến đây, mặt bố tôi đỏ dừ.

“Khi ấy, cô gái bắt đầu khóc to lên kể lẽ cho bố nghe. Kể về việc gì đó mà cô ấy khiếp sợ. Thậm chí còn tồi tệ hơn là bị trói vào phiến đá ấy rất nhiều. Nhưng cô gái đang nói bằng ngôn ngữ của mình còn bố thì chẳng hiểu được lấy một chữ – cho đến giờ bố vẫn chẳng hiểu đâu nhưng mẹ con đã dạy cho con rất nhiều rồi, và con có biết rằng con là đứa duy nhất mà mẹ con chuyên tâm dạy dỗ đến thế không? Mẹ con là một người mẹ tốt nhưng chẳng có ông anh nào của con từng được nghe đến một tiếng Hy Lạp hết.”

Tôi gật đầu. Vài người anh của tôi không lấy làm hài lòng lắm với chuyện này, đặc biệt là Jack, và điều ấy đôi khi làm cuộc đời tôi hơi khó sống.

“Không, cô gái ấy không thể giải nghĩa bằng lời rằng đấy là gì, nhưng có điều gì đó từ ngoài khơi xa kia đang làm cho cô ấy kinh sợ. Bố chẳng nghĩ ra được đấy là gì, nhưng rồi mặt trời vừa nhú lên khỏi đường chân trời thì cô ấy thét văng lên.

“Bố nhìn chăm chăm vào cô ấy nhưng vẫn không thể tin vào mắt mình: những vết phỏng rộp bé xíu bắt đầu xuất hiện trên da cô cho đến khi, chỉ trong vòng chưa đầy một phút, cả người cô ấy là một trời đau đớn. Cô ấy khiếp sợ mặt trời. Cho đến tận bây giờ, như con chắt hẳn đã lưu ý, mẹ con luôn thấy khổ sở khi phải ra ngoài dưới ánh mặt trời của Hạc, nhưng ánh nắng trên vùng đất đó gay gắt đến mức nếu không được giúp đỡ thì cô ấy sẽ mất mạng.”

Bố dừng lại thở lấy hơi, còn tôi nghĩ ngợi về mẹ. Trước nay tôi vẫn biết là mẹ hay tránh ánh nắng mặt trời – nhưng dù có biết tôi cũng chẳng để tâm đến làm gì.

“Bố thì làm gì được cơ chứ?” Bố tôi tiếp tục. “Bố phải suy nghĩ cấp tốc, thế nên bố cởi phăng áo mình ra che cho cô ấy. Chiếc áo không đủ lớn và chẳng còn cách nào khác hơn là bố phải dùng cả quần của mình. Rồi bố đứng lom khom ở đấy, quay lưng về phía mặt trời, để cho bóng của bố phủ lên cô ấy, che chắn cho cô ấy khỏi ánh nắng dữ dội.

“Bố đứng mãi như thế cho đến lúc chiều tà, khi mặt trời đã khuất sau ngọn đồi. Lúc đó thuyền của bố đã ra khơi mà không có bố, còn lưng bố thì rộp lên vì cháy nắng, nhưng mẹ con vẫn còn sống và các vết phỏng trên người đã mờ đi. Bố chật vật tìm cách giải thoát cô ấy khỏi sợi xích, nhưng cho dù là ai đã thắt những gút ấy thì đó phải là kẻ am hiểu tường tận về các loại gút hơn một tay thủy thủ như bố nhiều. Chỉ đến khi bố tháo được xích ra khỏi người cô gái, bố mới chú ý thấy một việc thật tàn ác đến khó tin. Ý bố là, cô ấy là một người tốt, mẹ con ấy – làm thế nào mà ai đó có thể làm một việc như thế, lại còn với một cô gái nữa chứ?”

Bố tôi chột im bật và nhìn chăm chăm xuống hai tay mình, tôi có thể thấy hai tay bố run rẩy khi hồi tưởng lại những gì ông đã chứng kiến. Tôi chờ trong một phút rồi mới nhẹ nhàng gợi ý.

“Là gì vậy hả bố?” tôi hỏi. “Người ta đã làm gì thế ạ?”

Khi ngược nhìn lên, mắt bố ngấn lệ. “Bọn chúng đã đóng đinh bàn tay trái của mẹ con vào tảng đá. Là một cây đinh to đầu bẹt và bố không nghĩ ra

được cách nào để giải thoát cho tay cô ấy mà không làm cô ấy phải đau hơn nữa. Nhưng cô gái chỉ mỉm cười giằng tay mình rách ra, để cây đinh vẫn còn dính vào tảng đá. Máu chảy thành giọt nhỏ xuống đất cạnh chân cô ấy nhưng cô gái vẫn đứng lên đi về phía bố như thể chẳng có chuyện gì.

“Bố lùi một bước và sém chút rơi ra khỏi mỏm đá, nhưng cô ấy đã đặt tay phải mình lên vai bố làm bố đứng vững lại, và rồi chúng ta hôn nhau. Là một thủy thủ mỗi năm ghé qua hàng tá cảng, trước đây bố từng hôn vài cô rồi, nhưng thường là chỉ sau khi bố nốc đầy cả bia thành ra đỡ đỡ, đôi khi còn sắp ngất đi nữa ấy chứ. Bố chưa bao giờ hôn một cô gái khi còn tỉnh táo và chắc chắn là không làm điều ấy giữa ban ngày ban mặt. Bố không thể cắt nghĩa được nhưng ngay lập tức bố biết cô gái ấy là một nửa của mình. Là người phụ nữ mà mình sẽ chung sống hết phần đời còn lại.”

Đến đây bố tôi lại ho và ho thật lâu. Khi dứt cơn thì bố hực cả hơi và phải chờ thêm đôi ba phút nữa tôi mới nói được trở lại. Lẽ ra tôi nên để cho bố nghỉ ngơi nhưng tôi biết có thể mình chẳng còn cơ hội nào nữa. Đầu óc tôi quay cuồng. Có điều gì đấy trong câu chuyện của bố gợi nhắc cho tôi nhớ đến những gì Thầy Trừ Tà đã viết về Meg. Mụ ta cũng từng bị trói bằng xích. Khi được thả ra mụ đã hôn Thầy Trừ Tà cũng như mẹ tôi hôn bố. Tôi thắc mắc không biết sợi xích ấy có phải là xích bạc hay không nhưng tôi không thể hỏi được. Một phần trong tôi không muốn biết câu trả lời. Nếu bố muốn tôi biết, hẳn bố đã kể rồi.

“Chuyện gì xảy ra tiếp theo vậy bố? Làm thế nào mà bố quay về nhà được vậy?”

“Mẹ con có tiền, con trai à. Bà sống một mình trong căn nhà rộng nằm trong khu vườn có tường cao bao quanh. Nơi ấy cách chỗ bố tìm thấy mẹ chưa tới một dặm, thế nên chúng ta đi về đó và bố ở lại nơi ấy. Bàn tay của mẹ con nhanh chóng lạnh lặn mà chẳng để lại dù là những vết sẹo mờ nhất, và bố dạy cho mẹ ngôn ngữ của mình. Hay, thật ra mà nói, là mẹ hướng dẫn cho bố cách dạy mẹ. Bố chỉ vào một vật và lớn tiếng gọi tên nó. Khi mẹ con lặp lại những gì bố nói thì bố chỉ cần gật đầu tỏ ý là đúng. Một từ chỉ cần

dạy một lần là đủ. Mẹ con thực sáng dạ lắm, con trai à. Rất sáng dạ. Bà ấy là một người phụ nữ thông minh và không bao giờ quên cái gì cả.

“Mà thôi, bố ở lại căn nhà ấy trong nhiều tuần và cũng rất vui vẻ, trừ vài ba đêm nào đó những bà chị của mẹ con đến thăm. Họ có hai người, cao dong dong, vẻ mặt hung tợn. Họ thường nhóm một đồng lửa bên ngoài phía sau nhà và ngồi ở đấy cho đến sáng để nói chuyện với mẹ con. Thỉnh thoảng ba người bọn họ nhảy nhót quanh đồng lửa; những đêm khác thì họ chơi xúc xắc. Nhưng mỗi lần họ đến bao giờ cũng có tranh cãi và dần dà các cuộc tranh cãi càng theo chiều hướng xấu đi.

“Bố biết ắt hẳn là điều gì đó liên quan đến bố, vì các bà chị của mẹ con thường quắc mắt nhìn bố qua cửa sổ với vẻ giận dữ và mẹ con phải vẫy tay bảo bố quay vào phòng. Không, hai người ấy không thích bố lắm và bố nghĩ, đây là lý do chủ yếu buộc chúng ta phải rời bỏ căn nhà ấy và quay lại Hạt.

“Lúc ra đi bố chỉ là một tay làm thuê, một thủy thủ bình thường, nhưng khi quay về thì bố như là một người đức cao vọng trọng. Mẹ con đã chi tiền cho chuyến đi về và chúng ta thuê hẳn một ca-bin cho riêng chúng ta. Rồi mẹ con mua nông trại này và bố mẹ làm lễ cưới trong nhà thờ nhỏ ở Mellor, nơi bố mẹ của bố được chôn cất. Mẹ con không tin vào những gì chúng ta tin nhưng bà đã làm thế vì bố để cho láng giềng khỏi bàn tán dị nghị, và đến trước cuối năm thì anh Jack của con chào đời. Ta đã có một cuộc sống tốt đẹp, con à, và phần tốt đẹp nhất bắt đầu vào cái ngày bố gặp mẹ con. Nhưng bố kể cho con nghe chuyện này là vì bố muốn con hiểu. Con có biết rằng, một mai khi bố qua đời, mẹ con sẽ quay về quê hương của bà, trở lại nơi bà thuộc về không?”

Tôi há hốc mồm ngạc nhiên khi nghe bố nói thế. “Thế còn gia đình của mẹ thì sao?” tôi hỏi. “Chắc chắn là mẹ không muốn rời xa các cháu của mình đâu.”

Bố tôi buồn bã lắc đầu. “Ta không nghĩ là mẹ con còn lựa chọn nào khác đâu, con trai. Mẹ con từng bảo với bố là bà còn một số chuyện mà bà gọi là ‘chút chuyện dang dở’ ở bên ấy. Bố không biết đấy là chuyện gì, và lại mẹ cũng chưa bao giờ bảo cho bố biết vì sao bà lại bị trói vào tảng đá cho chết.

Bà có cuộc đời và thế giới riêng của mình, và khi đến thời điểm, bà sẽ quay lại với chúng, vậy nên con đừng làm khó mẹ con đấy. Nhìn bố này, anh bạn. Con thấy gì nào?”

Tôi chẳng biết phải nói gì.

“Con đang thấy một ông già không còn sống được bao lâu trên cõi đời này nữa. Bố nhìn ra sự thật này mỗi khi bố nhìn vào gương, vậy nên con đừng cố bảo bố là bố nói không đúng làm gì. Còn mẹ con, bà ấy còn đang trong thời xuân sắc. Có thể bà không còn là cô gái một thời nữa, nhưng bà vẫn có biết bao nhiêu năm sống khỏe mạnh. Nếu không phải vì những việc bố làm trong ngày hôm đấy, thì mẹ con hẳn sẽ chẳng thèm để mắt đến bố đâu. Mẹ con xứng đáng được có tự do, vậy nên con hãy để cho bà ra đi với nụ cười. Con sẽ làm vậy chứ, con trai?”

Tôi gật đầu rồi ngồi im bên cạnh bố cho đến khi ông bình thần trở lại và thiếp vào giấc ngủ.

Chương 15

SỢI XÍCH BẠC

Khi tôi xuống dưới nhà thì mẹ tôi đã quay trở lại. Tôi nóng lòng muốn hỏi Thầy Trừ Tà ra sao rồi và mẹ đã làm gì cho thầy nhưng lại không có dịp. Nhìn qua cửa sổ, tôi thoáng thấy Jack đang băng qua sân cùng Ellie, đưa bé được công kênh trên hai tay họ.

“Mẹ đã làm những việc có thể cho thầy con rồi, con trai à,” mẹ tôi thì thầm ngay trước khi Jack mở cửa vào. “Chúng ta sẽ nói chuyện sau bữa tối.”

Jack đứng sững trên lối cửa nhìn tôi một hồi, bao cảm xúc lẫn lộn thoáng qua mặt anh ấy. Cuối cùng anh cũng mỉm cười rồi bước đến đặt một tay lên vai tôi.

“Anh vui khi gặp lại chú đấy, Tom ạ,” anh bảo.

“Em đang trên đường về Chipenden nên tiện thể ghé qua đây,” tôi bảo với Jack. “Em định tạt vào xem mọi người có khỏe không thôi mà. Nếu biết bố ốm em đã ghé thăm sớm hơn rồi...”

“Giờ bố đang bình phục,” Jack bảo. “Đấy mới là điều quan trọng.”

“Ồ phải đấy Tom, bố giờ đã khỏe hơn nhiều rồi,” Ellie tán thành. “Vài tuần nữa bố lại khỏe như thường ấy mà.”

Tôi có thể thấy vẻ mặt buồn rầu của mẹ lại nói lên điều ngược lại. Sự thật là nếu bố còn sống được đến mùa xuân thì đã may mắn lắm rồi. Mẹ biết vậy và tôi cũng thế.

Trong bữa tối ai nấy đều có vẻ lãnh đạm, kể cả mẹ. Tôi không đoán được đó là vì tôi có mặt ở đây hay là vì cơn bệnh của bố đã làm cho mọi người im lặng đến vậy, nhưng trong suốt bữa ăn Jack chỉ buồn gật đầu với tôi thôi, còn khi anh ấy có mở miệng thì chỉ để nói những lời cay mỉa.

“Chú trông xanh xao đấy Tom,” Jack nói. “Chắc phải là do ba cái trò lén lút trong bóng tối ấy nhỉ. Không tốt cho chú chút nào.”

“Đừng có lỗi mắng thế chứ, Jack!” Ellie mắng. “Mà này, em nghĩ gì về bé Mary của tụi chị nào? Tháng trước anh chị mới cho bé rửa tội đấy. Bé lớn khá nhiều kể từ lần cuối em gặp, phải không nào?”

Tôi mỉm cười gật đầu. Tôi rất đổi kinh ngạc khi thấy đứa bé lớn mới nhanh làm sao. Thay vì còn là một em bé xiu xiu với khuôn mặt đỏ hồng nhăn nhoe, giờ đây con bé đã đầy căng tròn úm và tay chân cứng cáp cùng vẻ mặt lạnh lợi hiếm kỳ. Bé trông như đã sẵn sàng rời khỏi đầu gối chị Ellie mà bắt đầu bò quanh sàn bếp rồi.

Tôi không thấy đói cho lắm, nhưng ngay khi mẹ xúc một phần đầy ắp món hầm nóng sốt vào đĩa cho tôi thì tôi cầm cúi ăn ngay.

Chúng tôi vừa dùng bữa xong thì mẹ đã mỉm cười với anh Jack và chị Ellie. “Mẹ có chuyện phải bàn với Tom,” bà nói. “Vậy sao hai con không lên lầu ngủ sớm một lần đi nhỉ? Với lại Ellie này, đừng lo chuyện rửa bát đĩa. Mẹ sẽ làm cho.”

Trong đĩa vẫn còn sót lại chút món hầm và tôi nhìn thấy mắt Jack đảo nhanh từ đĩa ấy sang mẹ. Nhưng Ellie đã đứng dậy nên Jack chậm chạp làm theo. Tôi có thể thấy là anh ấy chẳng vui vẻ gì.

“Con nghĩ con sẽ dẫn chó dạo quanh hàng rào ngoài rìa trước đã,” anh nói. “Tối qua có con cáo lớn vờn quanh đấy.”

Anh vừa rời khỏi phòng thì tôi buột miệng hỏi ngay câu hỏi mà này giờ tôi đang nôn nóng muốn biết.

“Thầy ấy sao rồi mẹ? Liệu thầy Gregory có ổn không ạ?”

“Mẹ đã làm những gì có thể cho ông ấy rồi,” mẹ tôi đáp. “Nhưng những vết thương vùng đầu thường là tự chúng lành lại bằng cách này hay cách khác. Chỉ có chờ mới biết thôi. Mẹ nghĩ con nên đưa thầy trở về Chipenden càng sớm càng tốt. Ở đây ông ấy cũng được chào đón nhưng mẹ phải tôn trọng ý kiến của Jack và Ellie nữa.”

Tôi gật đầu và buồn bã nhìn xuống bàn.

“Con có thể ăn thêm phần nữa không, Tom?” mẹ hỏi.

Tôi không chờ được bảo đến lần thứ hai và mẹ tôi mỉm cười khi tôi cầm cái ăn. “Mẹ chỉ lên lầu xem bố con ra sao thôi,” bà nói.

Loáng sau mẹ đã quay xuống. “Ông ấy ổn,” bà bảo. “Ông chỉ gật đầu bảo muốn ngủ tiếp.”

Mẹ ngồi xuống đối diện và nhìn tôi ăn, gương mặt bà trở nên nghiêm nghị. “Những vết thương mẹ nhìn thấy trên mấy ngón tay của Alice – có phải đấy là nơi Quỷ Độc hút máu của con bé không?”

Tôi gật đầu.

“Con có còn tin nó sau bao nhiêu chuyện đã xảy ra không?” đột nhiên mẹ tôi hỏi.

Tôi nhún vai. “Con không biết phải làm gì. Cô ấy đã bước sang thế giới bóng tối, nhưng không có cô ấy thì Thầy Trừ Tà và rất nhiều người vô tội khác nữa hẳn đã mất mạng rồi.”

Mẹ tôi thở dài. “Thật là chuyện khó chịu và mẹ cũng không chắc là câu trả lời đã rõ ràng chưa nữa. Ước sao mẹ có thể đi cùng để giúp con mang thầy con trở về Chipenden, vì đấy sẽ là cuộc hành trình không dễ dàng gì, nhưng mẹ không thể bỏ bố con lại. Nếu không được chăm sóc cẩn thận bố con có thể tái phát và mẹ không muốn mạo hiểm để chuyện đó xảy ra.”

Tôi dùng một miếng bánh mì chùi sạch đĩa rồi đẩy lùi ghế ra sau.

“Con nghĩ tốt hơn là con nên lên đường thôi mẹ ạ. Con ở đây càng lâu thì càng khiến mọi người chóng gặp nguy hiểm hơn. Chẳng có cách nào tên Phán Quan chịu để cho bọn con bỏ đi mà không đuổi theo cả. Hơn nữa bây giờ tên Quỷ Độc còn tự do và đã uống máu của Alice nữa chứ, nên con không thể mạo hiểm dẫn đường cho hắn đến đây được.”

“Khoan hãy vội đi đã,” mẹ tôi bảo. “Để mẹ cắt ít khoanh giảm bông và bánh mì cho con ăn dọc đường.”

“Cảm ơn mẹ ạ.”

Mẹ tôi bắt tay vào cắt bánh mì trong khi tôi dõi theo, lòng ước sao mình có thể nán lại lâu hơn. Trở về nhà thật hạnh phúc làm sao, cho dù chỉ ở được

có một đêm cũng thế.

“Tom này, trong những bài học của con về phù thủy ấy mà, thầy Gregory có nói cho con biết về loại phù thủy sử dụng thuật hiệp thần không vậy?”

Tôi gật đầu. Những loại phù thủy khác nhau luyện thành sức mạnh theo nhiều cách khác nhau. Một số kẻ sử dụng cốt thuật, kẻ khác sử dụng huyết thuật; gần đây thầy có bảo tôi về loại phù thủy thứ ba và thậm chí còn là loại nguy hiểm hơn hẳn. Bọn chúng sử dụng phép được gọi là “phép hiệp thần”. Chúng đưa máu mình cho một sinh vật nào đó – có thể là một con mèo, con cóc hay thậm chí là dơi. Để đổi lại, sinh vật ấy biến thành tai thành mắt cho bọn họ và làm theo những gì họ muốn. Nhiều khi sinh vật ấy trở nên mạnh đến nỗi bọn phù thủy hoàn toàn rơi vào quyền kiểm soát của nó và bản thân bọn họ chỉ còn rất ít hoặc dường như là không còn chút ý chí nào.

“À, đây là những gì mà Alice nghĩ là hiện giờ con bé đang làm đấy, Tom ạ – sử dụng phép hiệp thần. Con bé đã giao kèo với kẻ ấy và đang sử dụng hẳn để có được thứ mình muốn. Nhưng con trai ời, con bé ấy đang chơi một trò chơi nguy hiểm. Nếu bất cẩn, nó sẽ có kết cục làm tôi tở cho kẻ ấy và con không bao giờ còn tin tưởng được nó nữa đâu. Ít nhất là trong khi Quỷ Độc vẫn còn sống.”

“Thầy Gregory bảo Quỷ Độc đang ngày càng lớn mạnh đấy mẹ. Rằng chẳng bao lâu nữa hẳn sẽ có thể khôi phục lại hình hài nguyên thủy của hẳn. Con từng thấy hẳn dưới khu hầm mộ rồi – hẳn đã biến thành Thầy Trừ Tà và cố lừa con. Vậy nên rõ ràng là ở dưới ấy hẳn đang ngày một trở nên mạnh hơn.”

“Đúng là vậy thật nhưng những gì vừa xảy ra sẽ làm cho hẳn loạn choạng một tí. Con thấy đấy, Quỷ Độc sẽ vẫn còn phải sử dụng rất nhiều năng lượng để thoát được khỏi cái nơi mà hẳn đã bị chèn ép trong biết bao nhiêu năm dài. Vậy nên lúc này đây hẳn sẽ rất hoang mang bối rối, chắc là giờ hẳn đã trở lại là một linh hồn rồi và chưa đủ mạnh để khoác lột da thịt vào đâu. Chắc hẳn hẳn sẽ không thể nào thu phục được toàn bộ sức mạnh cho đến khi giao kèo máu với Alice được hoàn tất.”

“Liệu hãn có thể nhìn qua mắt của Alice không ạ?” tôi hỏi.

Ý nghĩ ấy mới đáng sợ làm sao. Tôi sắp sửa phải đi cùng Alice trong đêm tối. Tôi nhớ lại cảm giác bị sức nặng của Quỷ Độc ép trên đầu và hai vai mình, biết là mình sắp bị chẹt và thời khắc cuối cùng của đời mình sắp đến. Có lẽ sẽ an toàn hơn nếu tôi chờ cho đến khi mặt trời lên...

“Không, chưa đâu con ạ. Alice đã cho hãn máu và sự tự do. Để đổi lại hãn sẽ phải hứa nghe theo lời con bé ba lần, nhưng qua mỗi lần thì hãn sẽ muốn thêm nhiều máu của con bé hơn. Sau khi lại cho hãn uống máu tại đám hỏa thiêu ở Wortham, con bé sẽ yếu đi và ngày càng khó cưỡng lại hãn. Nếu Alice cho Quỷ Độc uống máu thêm lần nữa, hãn có thể nhìn qua mắt của con bé. Cuối cùng, sau lần uống máu thứ ba, Alice sẽ thuộc về Quỷ Độc và hãn sẽ có đủ sức mạnh để trở lại nguyên hình. Đến lúc đó chẳng ai có thể làm gì để cứu Alice đâu,” mẹ tôi bảo.

“Vậy nghĩa là dù Quỷ Độc đang ở đâu thì hãn cũng sẽ tìm theo Alice ư?”

“Hãn sẽ tìm theo đấy con ạ, nhưng trong khoảng thời gian ngắn này thì chưa đâu, trừ phi con bé triệu hãn đến, bằng không cơ hội để hãn tìm ra chỗ của Alice không cao lắm. Nhất là khi con bé đang trên đường di chuyển. Nếu con bé ở yên một chỗ trong một khoảng thời gian dài bất kỳ thì Quỷ Độc sẽ có nhiều cơ hội tìm ra nó hơn. Nhưng mà qua mỗi đêm hãn sẽ trở nên mạnh hơn đấy, nhất là khi hãn ra tay với vài nạn nhân khác. Bất kể loại máu nào cũng có thể giúp cho hãn hết, dù là máu người hay máu động vật. Ai đó đi một mình trong đêm tối sẽ rất dễ bị khủng bố. Rất dễ thuận lòng làm theo ý hãn. Trong một khoảng thời gian hãn sẽ tìm theo Alice, và rồi sau đó hãn sẽ ở bất cứ nơi đâu gần với con bé trừ lúc ban ngày, khi đấy chắc chắn hãn ở dưới đất. Những sinh vật từ thế giới bóng tối hiếm khi lang thang đây đó khi có ánh sáng lắm. Nhưng với Quỷ Độc được tự do ngang dọc thế này, đang ngày một phục hồi sức mạnh, thì mọi người trong Hạt đều phải lo sợ khi màn đêm buông xuống.”

“Mọi chuyện bắt đầu như thế nào vậy mẹ? Thầy Gregory kể với con là vua Heys – vua của Người Lùn – đã phải hy sinh các con trai của mình cho Quỷ Độc và không biết bằng cách nào mà người con út đã chèn được hãn.”

“Đây là một câu chuyện kinh khủng và đáng buồn,” mẹ tôi đáp. “Thật không ai dám nghĩ đến những gì đã xảy ra cho các người con của đức vua. Nhưng mẹ nghĩ tốt hơn là con nên biết để hiểu được con đang chống lại thứ gì. Quý Độc sống dưới những khu hầm mộ ở Heysham, giữa xương cốt của người đã khuất. Đầu tiên hắn bắt người con cả đến đấy rồi đối xử với anh ta như đồ chơi, nhặt nhạnh hết những ý nghĩ và mơ ước trong trí óc của anh ta cho đến khi chẳng còn sót lại gì ngoài nỗi đau đớn và tuyệt vọng u tối nhất. Và hắn tiếp tục làm thế với hết người con trai này đến người con trai khác. Con nghĩ xem cha của họ đã phải cảm thấy thế nào nào! Ông ấy là một vị vua, thế mà chẳng thể làm gì để cứu vãn được.”

Mẹ tôi buồn bã thở dài. “Chẳng có người con nào của vua Heys sống sót được hơn một tháng dưới kiểu tra tấn như thế. Ba người đã nhảy xuống từ mỏm đá gần đấy để rồi tan xác trên bãi đá bên dưới. Hai người khác không chịu ăn uống gì rồi chết dần chết mòn. Người con thứ sáu bơi thẳng ra biển cho đến khi sức cùng lực kiệt và chết đuối – xác của anh ta được những cơn thủy triều mùa xuân đưa dạt vào bờ. Cả sáu người con ấy đều được chôn dưới những thạch mộ khắc từ chính rặng núi đá. Một năm mờ xa hơn đó một tí là nơi chôn cất của vua cha, ông qua đời chẳng bao lâu sau cái chết của người con thứ sáu, vì quá đau buồn. Vậy nên chỉ còn lại Naze, người con út của ông, người con thứ bảy, là sống được lâu hơn ông.

“Bản thân vị vua cũng là người con thứ bảy, nên Naze cũng giống như con và có thiên khiếu. Ông ấy nhỏ bé, thậm chí là so với chuẩn của các thần dân, và dòng máu cổ xưa chạy rần rật tràn qua các huyết quản của ông. Bằng cách nào đó ông ấy đã chèn được Quý Độc nhưng không ai biết chính xác là thế nào, cả thầy con cũng không biết. Sau đó kẻ này đã giết chết Naze ngay tại chỗ, chệt ông ấy bẹp dí vào phiến đá. Nhiều năm sau đó, vì xương cốt của ông làm cho Quý Độc nhớ lại mình đã bị phỉnh như thế nào, nên hắn đã nghiền nát xương cốt ông ấy thành hàng mảnh nhỏ rồi hắt qua Cổng Bạc, để rồi sau đấy thần dân của Naze có thể mai táng ông ấy cho đàn hoàng. Những gì còn sót lại của ông ấy được chôn cùng với những người anh khác

dưới những tấm bia đá ở Heysham, nơi được đặt tên theo tên của vị vua cổ đại.”

Hai mẹ con tôi chẳng nói năng gì một hồi lâu. Thật là một câu chuyện kinh khủng.

“Vậy thì giờ đây làm sao chúng ta ngăn được hắc khi hắc lại được tự do hả mẹ?” tôi hỏi, phá tan bầu im lặng. “Làm sao ta có thể kết liễu hắc?”

“Để việc ấy cho thầy Gregory đi Tom. Con chỉ cần giúp thầy quay lại Chipenden để thầy phục hồi và mạnh khỏe trở lại thôi. Rồi thầy sẽ quyết định nên làm gì tiếp. Cách dễ nhất là chèn hắc lại, nhưng dù có thành công hắc vẫn có khả năng tác oai tác quái, mà những năm gần đây hắc đã làm thế mỗi lúc một nhiều hơn. Nếu như lấy lại được hình hài trước đây ở dưới khu hầm mộ ấy, nhất định hắc sẽ tung hoành trở lại. Rồi chẳng bao lâu sau, khi sức mạnh đã tăng lên, hắc sẽ trở về được nguyên thể, sẽ tiếp tục phá hoại Priestown và cả Hạt bao quanh nữa. Vậy nên dù là khi hắc bị chèn thì chúng ta có được an toàn hơn chút đấy, nhưng thế vẫn không phải là giải pháp tốt ráo. Thầy của con phải nghiên cứu cách kết liễu cho được hắc, vì lợi ích của tất cả mọi người.”

“Nhưng lẽ thầy không hồi phục thì sao ạ?”

“Thôi ta cứ hy vọng là thầy con sẽ hồi phục đi nào, vì còn rất nhiều việc cần được hoàn tất mà có lẽ con chưa sẵn sàng để đảm đương nổi đâu. Biết không con trai, bất cứ nơi nào Alice đi qua, Quỷ Độc sẽ lợi dụng con bé để làm tổn thương những người khác, nên thầy con chắc là sẽ chẳng có lựa chọn nào hơn là phải nhốt con bé xuống hố.”

Mẹ tôi trông lo lắng bất an, rồi đột nhiên bà ngừng lời, đặt tay lên trán, nhắm nghiền mắt lại, như thể bà bất chợt bị đau đầu khủng khiếp.

“Mẹ, mẹ có sao không?” tôi lo lắng hỏi.

Bà gạt đầu mỉm cười yếu ớt. “Này con, con ngồi ở đây một chốc nhé. Mẹ cần phải viết một bức thư cho con mang đi.”

“Một bức thư à? Cho ai thế ạ?”

“Ta sẽ nói nhiều hơn khi mẹ viết xong.”

Tôi ngồi trên ghế bên lò sưởi, nhìn chăm chăm vào đồng than hồng trong khi mẹ tôi ngồi viết tại bàn. Tôi thắc mắc không biết mẹ đang viết gì nhỉ. Khi viết xong, bà ngồi xuống ghế đu của mình và đưa chiếc phong bì cho tôi. Phong bì đã được niêm kín và trên đây có viết:

Gửi con trai út của ta, Thomas J. Ward

Tôi ngạc nhiên quá. Tôi cứ tưởng đây phải là lá thư gửi cho Thầy Trừ Tà để thầy đọc khi thầy khỏe hơn chứ.

“Sao mẹ lại viết cho con vậy mẹ? Sao mẹ không nói ngay cho con biết những gì mẹ cần phải nói chứ?”

“Vì mỗi một điều nhỏ bé ta làm đều khiến mọi việc thay đổi, con à,” mẹ dịu dàng đặt tay lên cánh tay trái của tôi. “Nhìn thấy trước tương lai là rất nguy hiểm, và trao đổi thông tin về những gì ta nhìn thấy lại còn nguy hiểm hơn gấp bội. Thầy con phải đi theo con đường của chính thầy. Ông ấy phải tìm ra lối đi riêng cho mình. Mỗi người chúng ta ai cũng có tự do ý chí. Nhưng trước mặt chúng ta đây rồi sẽ có bóng đen bao phủ, nên mẹ phải làm mọi cách trong quyền hạn của mình để ngăn ngừa những chuyện tồi tệ nhất có khả năng xảy đến. Con hãy chỉ mở lá thư này ra trong thời khắc cần kíp nhất, khi tương lai dường như không còn trông mong gì được nữa. Hãy tin vào trực giác của mình. Con sẽ biết ngay khi nào thời khắc ấy đến – dù mẹ cầu mong cho con rằng thời khắc ấy sẽ chẳng bao giờ xảy ra cả. Từ giờ đến lúc đó, con nhớ cất giữ bức thư này cho cẩn thận.”

Thuận theo lời mẹ, tôi nhét lá thư vào bên trong áo khoác.

“Giờ thì đi theo mẹ nào. Mẹ có thứ này cho con đây.”

Từ giọng nói lẫn cung cách khác lạ của mẹ, tôi có thể đoán được là chúng tôi sẽ đi đến đâu. Và tôi đã đúng. Tay cầm theo nến trong chân nến bằng đồng, mẹ dẫn tôi lên lầu đến phòng kho riêng của mẹ, là căn phòng được khóa kín ngay bên dưới rầm thượng. Ngày nay, ngoài mẹ ra thì không có ai đi vào căn phòng đó. Cả bố cũng không. Khi còn bé tôi từng theo mẹ vào trong đấy vài lần, mặc dù bây giờ tôi chẳng còn nhớ gì nhiều lắm.

Lôi từ trong túi ra một chiếc chìa, mẹ tôi mở khóa cửa và tôi theo bà vào bên trong. Căn phòng chất đầy những rương và hộp. Tôi biết mẹ thường vào trong này mỗi tháng một lần. Nhưng bà làm gì thì tôi không thể đoán ra.

Mẹ tôi bước vào phòng và dừng lại trước một chiếc hòm lớn gần với cửa sổ nhất. Rồi bà nhìn tôi chăm chăm cho đến khi tôi thấy hơi khó chịu một chút. Bà là mẹ của tôi và tôi rất yêu bà, nhưng chắc chắn là tôi sẽ chẳng thích phải làm kẻ thù của bà chút nào cả.

“Con đã theo thầy Gregory học việc được gần sáu tháng, vậy nên con cũng có nhiều thời gian tự mình chứng kiến nhiều việc rồi,” bà nói. “Và đến giờ phút này thế lực bóng tối đã để ý đến con, sau đó sẽ cố truy diệt con. Vậy nên con đang ở trong vòng nguy hiểm, và trong một quãng thời gian mỗi nguy hiểm đó sẽ mỗi lúc một tăng dần. Nhưng hãy nhớ lấy điều này. Con cũng ngày càng tiến bộ nữa. Con đang tiến bộ rất nhanh. Mỗi một hơi thở, mỗi một nhịp đập của trái tim con đều làm cho con mạnh hơn, can đảm hơn, giỏi giang hơn. Bao nhiêu năm nay John Gregory đã chống chọi với thế giới bóng đêm để dọn đường cho con. Vì lẽ, con trai à, khi con trưởng thành làm một người đàn ông, sẽ phải đến phiên thế lực bóng tối phải khiếp sợ con. Bởi khi ấy con sẽ là người đi săn, chứ không phải là kẻ bị săn đuổi. Đây là lý do vì sao ta đã ban cho con sự sống.”

Kể từ khi bước chân vào phòng thì đây là lần đầu tiên mẹ mỉm cười với tôi, nhưng đây là một nụ cười buồn. Đoạn, tay nâng nắp hộp lên, bà giơ cao ngọn nến cho tôi thấy thứ đang nằm trong hộp.

Một sợi xích bạc với những mắt xích tinh xảo lấp lánh sáng ngời dưới ánh nến. “Cầm nó lên đi,” mẹ tôi bảo. “Mẹ không thể chạm vào nó được.”

Lời mẹ nói làm tôi rùng mình bởi có điều gì đấy mách bảo với tôi rằng đây cũng chính là sợi xích đã trói mẹ tôi vào tảng đá. Bố không có nói đây là xích bạc, một sự bỏ sót chi tiết trọng yếu bởi lẽ xích bạc luôn được dùng để trói phù thủy. Đây là một công cụ quan trọng trong nghề trừ tà. Liệu có thể nào mẹ tôi là phù thủy? Có lẽ là một phù thủy nữ yêu như là Meg chẳng? Sợi xích bạc, cái cách mẹ tôi hôn lấy bố tôi – tất cả đều nghe quen lắm.

Tôi nhắc sợi xích lên và cầm nó thẳng bằng trên hai tay. Sợi xích mảnh và nhẹ, chất lượng tốt hơi xích của Thầy Trừ Tà, trong hộp kim này có chứa lượng bạc nhiều hơn.

Như thế đã đoán ra được tôi đang nghĩ gì, mẹ tôi lên tiếng, “Mẹ biết bố đã kể cho con nghe bố mẹ gặp nhau thế nào rồi. Nhưng con ạ, hãy luôn nhớ lấy điều này. Tất cả chúng ta không có ai là thật tốt hay thật xấu cả – chúng ta luôn ở lưng chừng chính giữa – nhưng trong cuộc đời của mỗi người luôn có một thời khắc khi chúng ta phải bước một bước quan trọng, hoặc là về phía ánh sáng hoặc về phía bóng tối. Đôi khi đấy là quyết định mà ta thầm đưa ra trong đầu. Hay có thể chỉ vì một người đặc biệt nào đó ta gặp được. Vì những gì bố con từng làm cho mẹ mà mẹ đã bước theo hướng đúng đắn, và đấy là vì sao hôm nay mẹ đang đứng đây. Giờ đây sợi xích này thuộc về con. Con hãy cắt nó đi và giữ gìn cẩn thận cho đến khi con phải dùng đến.”

Tôi quấn sợi xích quanh cổ tay mình rồi nhét nó vào túi trong, cạnh bên bức thư. Xong xuôi, mẹ tôi đóng nắp hộp lại và tôi theo bước bà ra khỏi phòng, đứng chờ bà khóa cửa lại.

Xuống dưới nhà, tôi cầm lấy túi bánh mì kẹp và chuẩn bị ra đi.

“Để mẹ coi tay con trước khi con đi đã nào!”

Tôi chìa tay ra và mẹ tôi cẩn thận tháo những sợi chỉ rồi tuốt lớp lá đắp ra. Vết phỏng hình như đã lành hết rồi.

“Con bé ấy hiểu biết việc mình làm,” mẹ tôi bảo. “Khoản này mẹ nể nó đấy. Giờ con để cho vết thương thoáng khí rồi vài ngày nữa sẽ lành ngay thôi.”

Mẹ ôm chầm lấy tôi, rồi sau khi nói lời cảm ơn mẹ lần nữa, tôi mở cửa sau nhà và bước vào đêm tối. Đang băng qua nửa cánh đồng, hướng thẳng về phía hàng rào ven rìa, tôi nghe thấy tiếng chó sủa và một dáng người đang xăm xăm xuyên qua bóng tối đi về phía tôi.

Là Jack, và khi anh đến gần, nhờ ánh sao mà tôi thấy được gương mặt anh cau có giận dữ.

“Mày nghĩ tao ngu hay sao thế hử?” anh quát tháo. “Hử? Đám chó chẳng mất tới năm phút là tìm thấy bọn chúng rồi!”

Tôi nhìn sang mấy con chó đang co rúm sau chân Jack. Chúng là chó săn và không hiền lành gì, nhưng chúng biết tôi còn thì những mong chúng sẽ vẫy đuôi mừng tôi hay sao đó. Có thứ gì đó đã làm cho chúng sợ khiếp lên.

“Mày cũng nên nhìn mà xem,” Jack bảo. “Con nhỏ ấy rít lên rồi nhổ nước bọt vào mấy con chó này, thế là chúng chạy cặp đuôi như thể Quỷ sứ vừa tóm lấy đuôi chúng vậy. Khi tao bảo con bé cút đi, nó còn cả gan bảo tao là nó đang ở trên đất người khác và chẳng việc gì can dự đến tao cả.”

“Thầy Gregory đang ốm, Jack à. Em không còn lựa chọn nào khác là phải ghé qua xin mẹ giúp. Em đã để thầy với Alice bên ngoài phạm vi nông trại rồi mà. Em biết anh cảm thấy thế nào nên em đã cố hết sức rồi.”

“Hắn rồi. Tao là thằng đàn ông trưởng thành, thế mà mẹ lại ra lệnh cho tao đi ngủ như thằng con nít. Thế mày nghĩ chuyện ấy sẽ làm tao cảm thấy như thế nào hử? Mà lại còn trước mặt vợ tao nữa chứ. Nhiều khi tao không rõ nông trại này thực chất có phải là của tao không nữa.”

Đến lúc ấy cả tôi cũng nổi đóa lên rồi. Tôi rất muốn bảo cho anh biết là chắc chắn nông trại sẽ thuộc về anh và sẽ còn chóng hơn là anh tưởng nữa đấy. Nông trại sẽ về tay anh một khi bố qua đời và mẹ bỏ về quê quán của bà. Nhưng tôi căn môi không nói một lời nào.

“Xin lỗi nhé Jack, nhưng em phải đi thôi,” tôi vừa bảo vừa quay bước bỏ đi về phía căn lều nơi tôi đã để Alice và Thầy Trừ Tà lại. Bước được khoảng mười bước, tôi quay lại nhưng Jack đã quay lưng về phía tôi và đi về nhà anh rồi.

Chúng tôi lên đường mà không ai nói một lời. Tôi đang có nhiều chuyện phải nghĩ và tôi cho là Alice biết điều đó. Thầy Trừ Tà chỉ nhìn chăm chăm vào khoảng không nhưng hình như thầy đã bước vững hơn và không cần phải tựa vào chúng tôi nữa.

Khoảng một tiếng trước khi mặt trời mọc, tôi là đứa đầu tiên mở miệng phá tan bầu im lặng.

“Cậu đói không?” tôi hỏi. “Mẹ tớ có soạn cho chúng ta ít đồ điểm tâm này.”

Alice gạt đầu và chúng tôi ngồi xuống bên bờ sông rợp cỏ để ăn. Tôi mời Thầy Trừ Tà chút ít nhưng thầy thô bạo gạt tay tôi đi. Chốc lát sau, thầy bỏ đi ra hơi xa một chút và ngồi lên một bụi rào như thể thầy chẳng muốn ngồi đâu gần chúng tôi cả. Hay ít nhất là gần với Alice.

“Thầy trông có vẻ khỏe hơn rồi. Mẹ tớ đã làm gì thế?” tôi hỏi.

“Bà ấy đã gột rửa trán lão ta và cứ nhìn tới nhìn lui vào mắt lão ấy. Rồi bà cho lão ta uống thứ chất thuốc lỏng gì đó. Tớ tránh ra đằng xa và bà chẳng hề liếc về hướng của tớ nữa kia.”

“Đấy là vì mẹ tớ biết cậu đã làm gì. Tớ phải kể cho bà biết. Tớ không thể nói dối mẹ tớ.”

“Tớ chỉ làm những gì có lợi nhất thôi. Tớ đã trả ơn cho lão ta và cứu những người khác. Tớ làm thế cũng vì cậu nữa đấy, Tom à. Để cậu có thể cứu được Lão Gregory của cậu và tiếp tục học hành. Đấy là điều cậu muốn, có phải không? Chẳng phải tớ đã làm điều đúng đắn hay sao?”

Tôi không đáp. Alice đã ngăn không cho tên Phán Quan thiêu chết những người vô tội. Cô ấy đã cứu được rất nhiều mạng người, bao gồm cả Thầy Trừ Tà. Cô ấy đã làm tất cả những chuyện đó và chúng đều là những chuyện tốt. Không, đây không phải là về những gì Alice đã làm, mà là về cách cô ấy thực hiện chúng kia. Tôi muốn giúp cô nhưng tôi chẳng biết phải làm thế nào.

Giờ đây Alice đã thuộc về thế giới bóng tối, và một khi Thầy Trừ Tà khỏe trở lại thì thầy sẽ muốn chôn Alice xuống hố ngay. Alice biết thế, và tôi cũng vậy.

Chương 16

MỘT CHIẾC HỒ DÀNH CHO ALICE

Rốt cuộc, khi mặt trời một lần nữa lặn về hướng Tây, mấy rặng đồi đá đã sừng sững trước mặt và chẳng bao lâu sau chúng tôi đã leo qua rừng cây để tiến về phía nhà Thầy Trừ Tà, theo lối tránh khỏi làng Chipenden.

Tôi dừng lại ngay sát cổng trước. Thầy Trừ Tà còn cách đây chừng hai mươi bước, nhìn trân trân vào ngôi nhà như thể thầy mới nhìn thấy nó lần đầu.

Tôi quay lại nhìn Alice. “Cậu nên đi đi,” tôi nói.

Alice gật đầu. Còn phải lo đến ông kẹ kiếng của Thầy Trừ Tà nữa chứ. Nó canh gác ngôi nhà và vườn tược xung quanh. Chỉ cần bước qua cổng một bước thôi, Alice sẽ gặp nguy mất.

“Cậu sẽ ở đâu?” tôi hỏi.

“Đừng lo gì cho tở cả. Và cũng đừng có nghĩ là tở thuộc về Quỷ Độc nhé. Tở không gốc đâu. Tở phải triệu hấn hai lần trước khi chuyện đó xảy ra, đúng không nào? Thời tiết chưa lạnh lắm nên tở sẽ ở gần đây trong vài ngày. Có lẽ ở lại chỗ là những gì còn sót lại của nhà mụ Lizzie ấy. Rồi chắc chắn tở sẽ đi đến Đông Pendle. Tở còn có thể làm gì khác cơ chứ?”

Alice vẫn còn người thân ở Pendle nhưng bọn họ đều là phù thủy. Mà dù cô ấy có nói gì đi nữa, giờ đây Alice đã thuộc về thế lực bóng tối rồi. Pendle là nơi cô ấy sẽ cảm thấy thoải mái nhất.

Không nói thêm lời nào, Alice quay lưng rời đi trong bóng chiều u ám. Tôi buồn rầu nhìn theo cô gái cho đến khi cô đi khuất dạng, đoạn tôi quay lại mở cổng.

Tôi mở khóa cửa trước và Thầy Trừ Tà theo chân tôi đi vào trong. Tôi dẫn đường đi vào bếp, đã có lửa bập bùng trong lò sưởi và bàn ăn dọn sẵn cho hai người. Ông kẹ đã trông chờ chúng tôi trở về. Đây là một bữa ăn nhẹ, chỉ

có hai tô súp đậu và vài lát bánh mì dày. Sau một chuyến đi bộ thật dài thì tôi đã đói rồi nên ngồi vào ăn ngay.

Trong một lúc lâu, Thầy Trừ Tà chỉ ngồi đó và ngó chăm chăm vào tô súp bốc khói, nhưng rồi thầy cũng cầm lát bánh mì lên mà nhúng vào.

“Khó nhọc cho con thật đấy, anh bạn. Và được về lại nhà mới thoải mái làm sao,” thầy nói.

Quá ngạc nhiên khi thấy thầy nói chuyện trở lại khiến tôi suýt chút nữa là té khỏi ghế.

“Thầy đang thấy khỏe hơn chứ ạ?” tôi hỏi.

“Rồi, khỏe hơn trước rồi. Ngủ một đêm đầy giấc là ta sẽ khỏe như vâm ấy mà. Mẹ con là một phụ nữ giỏi giang đấy. Trong Hạt này không ai biết đến các loại thuốc giỏi hơn bà ấy đâu.”

“Con nghĩ thầy chẳng nhớ được gì kia. Thầy trông cứ như người mất hồn. Gần như là thầy đang mộng du ấy.”

“Thì đúng là thế mà anh bạn. Ta có thể nhìn và trông thấy mọi thứ nhưng tất cả đều có vẻ không thật. Chỉ giống như là ta đang trong cơn ác mộng. Và ta không thể nói gì. Dường như ta không tìm được từ ngữ diễn tả. Chỉ đến khi đứng ngoài kia, nhìn lên ngôi nhà này, ta mới hoàn hồn lại. Con vẫn còn giữ chìa khóa xuống Cổng Bạc đấy chứ?”

Ngạc nhiên, tôi cho tay vào túi quần bên trái và lôi chiếc chìa khóa ra. Tôi trao lại cho Thầy Trừ Tà.

“Thứ này gây ra bao nhiêu là rắc rối nhỉ,” thầy vừa nói vừa lật tới lật lui chìa khóa trong tay. “Nhưng mà xét theo mọi mặt thì con đã làm rất tốt.”

Tôi mỉm cười, trong bụng thấy phấn khởi hơn biết bao ngày qua, nhưng khi thầy tôi lại mở lời, giọng thầy thật khắc nghiệt.

“Con bé ấy đâu?” thầy gắt lên.

“Chắc cũng chẳng ở đâu xa đâu ạ,” tôi thú nhận.

“Thôi, chúng ta sẽ xử trí nó sau.”

Suốt bữa tối tôi mãi nghĩ đến Alice. Cô ấy sẽ tìm thấy gì để ăn đây? Ừ thì cô ấy giỏi bắt thỏ nên chắc sẽ không đói đâu – thế là một chuyện đã giải quyết xong. Tuy nhiên, vào mùa xuân, sau khi Lizzie Xương Xấu bắt cóc một đứa bé, đám đàn ông trong làng đã đốt rụi nhà mụ ta và đồng tàn tích sót lại ấy sẽ không che chắn được gì nhiều trong một đêm mùa thu cả. Ấy nhưng mà, như Alice đã nói, thời tiết vẫn chưa trở lạnh hẳn. Không, mối đe dọa lớn nhất của cô ấy là Thầy Trừ Tà cơ.

Hóa ra thì đây là đêm cuối cùng thời tiết dễ chịu trong năm: buổi sáng hôm sau bầu không khí đã ngấm lạnh thấy rõ. Thầy Trừ Tà và tôi ngồi trên băng ghế nhìn xa xăm về phía rặng đồi đá, gió đang thổi mạnh hơn. Đám lá cây rào rạt rụng. Mùa hè thật sự đã chấm dứt.

Tôi đã lấy sẵn tập viết ra nhưng hình như Thầy Trừ Tà chẳng vội vàng bắt đầu bài học. Thầy vẫn chưa bình phục từ sau vụ tra tấn của tên Phán Quan. Suốt bữa điểm tâm thầy nói rất ít và hầu hết thời gian thầy chỉ nhìn vào khoảng không, như thể đang đắm chìm trong suy nghĩ.

Rốt cuộc tôi là người lên tiếng. “Một khi đã được tự do, Quỷ Độc sẽ muốn gì đây ạ? Hẳn sẽ gây ra chuyện gì cho Hạt vậy?”

“Dễ có đáp án thôi,” Thầy Trừ Tà đáp. “Trên hết, hẳn muốn trở nên to lớn hùng mạnh hơn. Rồi thì chẳng còn giới hạn nào cho những nỗi kinh hoàng mà hẳn sắp gây ra cả. Hẳn sẽ gieo rắc tai ương lên khắp Hạt. Và sẽ chẳng có sinh vật nào trốn thoát được. Hẳn sẽ uống máu và độc tâm trí cho đến khi sức mạnh của hẳn phục hồi toàn diện. Hẳn sẽ nhìn bằng mắt của những kẻ có thể đi lại được dưới ánh sáng ban ngày, trong khi hẳn bị buộc phải ẩn nấp trong chỗ tối tăm nào đó dưới lòng đất. Trong khi lúc trước hẳn chỉ có thể khống chế các cha xứ trong nhà thờ và nói rộng ảnh hưởng của hẳn ra khắp Priesttown, thì giờ đây chẳng có nơi nào trong Hạt sẽ còn an toàn nữa.

“Caster có lẽ là nơi tiếp theo phải chịu họa. Nhưng trước hết tên Quỷ Độc có thể chỉ chọn một ngôi làng nhỏ mà chệt chết mọi người ở đấy như lời cảnh cáo, chỉ để phô trương rằng hẳn có thể làm gì! Đây là cách hẳn đã khống chế vua Heys và cả vị vua tiền nhiệm. Nếu không thuận theo thì có nghĩa là toàn thể dân chúng sẽ bị chệt chết.”

“Mẹ bảo con là hắc sẽ đi tìm Alice,” tôi khổ sở nói.

“Đúng đấy anh bạn! Con bạn Alice điên khùng của con đấy. Hắc cần con bé để khôi phục lại sức mạnh. Con bé đã hai lần cho hắc máu, vậy nên khi con bé còn tự do, nó sẽ nhanh chóng bị Quỷ Độc kiểm soát toàn bộ. Nếu không có chuyện gì xảy ra để ngăn điều đó lại, thì con bé sẽ trở thành một phần của Quỷ Độc và bản thân nó hầu như sẽ chẳng còn chút ý chí nào đâu. Quỷ Độc có thể điều khiển nó, lợi dụng nó dễ dàng như ta có thể bẻ ngón út của ta vậy. Quỷ Độc biết điều này – hắc sẽ làm mọi cách để được uống máu con bé thêm lần nữa. Giờ đây hắc đang lùng sục con bé đấy.

“Nhưng bạn ấy mạnh mẽ lắm,” tôi phản đối. “Và dù sao đi nữa con nghĩ là Quỷ Độc sợ phụ nữ cơ mà. Cả hai chúng con từng gặp hắc dưới hầm mộ lúc con đang cố cứu thầy. Hắc đã biến hình thành thầy để gạt con.”

“Vậy là lời đồn đã đúng – ở dưới đấy hắc đã học được cách biến thành hình dáng thực.”

“Vâng ạ, nhưng khi Alice nhổ nước bọt vào hắc, hắc lại bỏ chạy. Có lẽ bạn ấy chỉ cần làm thế mãi cũng được.”

“Phải, đúng là Quỷ Độc thấy kiểm soát một phụ nữ thì khó hơn đàn ông. Phụ nữ làm hắc không yên tâm vì họ thường là những sinh vật ngang bướng và thường không đoán trước được. Nhưng một khi hắc đã uống máu của phụ nữ vào rồi thì tất cả đều thay đổi. Bây giờ hắc sẽ truy đuổi Alice và chẳng để con bé được yên đâu. Hắc sẽ tìm đường luôn lách vào những giấc mơ của con bé để chỉ cho nó thấy nó có thể có được những gì – những thứ mà con bé chỉ cần yêu cầu là xuất hiện ngay thôi ấy – cho đến khi con bé nghĩ là lại cần phải triệu hồi hắc đến. Chắc chắn tên anh họ của ta đã nằm trong tầm kiểm soát của Quỷ Độc rồi. Bằng không thì gã sẽ không bao giờ phản bội ta như thế.”

Thầy Trừ Tà gãi gãi râu. “Mà thôi, Quỷ Độc sẽ liên tục lớn mạnh và ta chẳng làm được gì nhiều để ngăn hắc không xúi bẩy người khác làm trò xấu xa cho đến khi vạn vật trong Hạt này đều trở nên mục ruỗng. Đây là điều đã xảy đến với những Người Lùn mãi cho đến lúc những biện pháp tuyệt vọng

được dụng đến. Chúng ta phải tìm cho ra chính xác là Quỷ Độc đã bị chén như thế nào; thậm chí nếu tìm ra cách để tiêu diệt hẳn thì còn tốt hơn. Đây là lý do vì sao chúng ta cần đến Heysham. Nơi đây có một khu nghĩa địa lớn, một gò mả, và xác của vua Heys cùng các con trai của ông ta được chôn dưới những thạch mộ gần đây.

“Ngay khi ta lại sức, chúng ta sẽ đi đến đó. Con biết rồi đấy, những kẻ phải chịu cái chết bất đắc kỳ tử đôi khi gặp phải rắc rối là không thể siêu thoát khỏi thế gian này. Cho nên chúng ta sẽ ghé qua xem những nấm mồ ấy. Nếu chúng ta may mắn, một hai con ma sẽ còn lảng vảng tại đấy. Biết đâu lại còn cả hồn ma của Naze, người đã ra tay chén. Có thể đấy là hy vọng duy nhất của chúng ta, bởi vì, nói thật tình thì anh bạn nhỏ à, ngay lúc này đây ta chẳng biết làm cách nào để chấm dứt chuyện này cả.”

Vừa dứt lời, Thầy Trừ Tà gục đầu xuống trông thật buồn bã và rất lo lắng. Tôi chưa khi nào thấy thầy mất nhuệ khí đến vậy.

“Thầy đã từng đến nơi ấy chưa ạ?” tôi thắc mắc không biết vì sao những hồn ma ấy lại chưa được khuyển nhủ và bảo là nên siêu thoát đi chứ.

“Rồi con, mới chỉ một lần thôi. Ta từng đến đấy khi còn là chân học việc. Thầy ta đến đấy để đối phó với một hải hồn tai quái khi ấy đã ám cả bờ biển. Khi xong việc, tại ngọn đồi bên trên những mỏm đá, thầy trò ta đi qua những nấm mồ mà ta biết nơi đó phải có chuyện gì đấy, bởi vì đang là một đêm hè oi bức thế nhưng bỗng nhiên trời trở rét run. Khi thầy ta vẫn cầm cúi đi tiếp, ta có hỏi ông ấy vì sao, ông đã không dừng bước mà làm gì.

“ ‘Để cho thật yên đi nào’ thầy ta bảo thế. ‘Chuyện này chẳng làm phiền đến ai cả. Vả lại, có những linh hồn tồn tại trên dương gian này là vì chúng còn những nhiệm vụ phải hoàn thành. Vậy nên tốt nhất là hãy để cho chúng tự làm lấy.’ Lúc ấy ta không hiểu thầy ta có ý gì, nhưng cũng như mọi khi, thầy ta lại nói đúng.”

Tôi cố hình dung ra Thầy Trừ Tà khi làm chân học việc. Thời đó thầy lớn tuổi hơn tôi bây giờ nhiều, vì trước đấy thầy từng được huấn luyện để làm

cha cơ mà. Tôi băn khoăn không biết thầy của thầy mình trông ra sao, người đã chịu nhận một anh chàng lớn tuổi như thế rồi vào làm chân học việc.

“Mà thôi,” Thầy Trừ Tà lên tiếng, “chúng ta sẽ sớm khởi hành đi Heysham đây, nhưng trước khi đi còn có một chuyện khác cần phải xử lý cho xong. Con biết là chuyện gì không?”

Tôi rùng mình. Tôi biết thầy sẽ nói gì.

“Chúng ta phải xử lý con bé kia, nên chúng ta cần biết được nơi nó đang ẩn náu. Ta đoán là tại đồng đồ nát còn sót lại của nhà mẹ Lizzie. Con nghĩ sao?” Thầy Trừ Tà hỏi như ra lệnh.

Tôi định đáp lại là mình phản đối, nhưng thầy một mực nhìn tôi chăm chú cho đến khi tôi phải cụp mắt xuống đất. Tôi không thể nói dối thầy được.

“Chắc đây là nơi bạn ấy trú chân đây ạ,” tôi thú nhận.

“Thế hả anh bạn, vậy thì con bé không thể ở lại đó lâu hơn nữa. Nó là mối nguy cho tất cả mọi người. Nó phải bị quăng vào hố. Càng sớm càng tốt. Cho nên tốt hơn hết là con nên bắt đầu đào đi...”

Tôi trở mắt nhìn thầy, chẳng thể nào tin được những gì mình vừa nghe thấy.

“Này anh bạn, chuyện này khó khăn thật đấy nhưng phải được thực thi thôi. Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ Hạt này an toàn cho tất cả mọi người, trong khi con bé ấy luôn luôn là mối đe dọa.”

“Nhưng thế là không công bằng!” tôi thốt lên. “Bạn ấy đã cứu mạng thầy cơ mà! Mùa xuân rồi Alice còn cứu cả mạng của con nữa. Tất cả những chuyện bạn ấy làm đến phút cuối hóa ra đều ổn cả. Alice có ý tốt.”

Thầy Trừ Tà giơ tay lên bảo tôi im miệng. “Đừng phí hơi nữa!” thầy ra lệnh với vẻ mặt lạnh lùng. “Ta biết con bé đó đã ngăn đám hỏa thiêu. Ta cũng biết là nó cứu mạng người ta, bao gồm cả mạng của ta. Nhưng nó đã phóng thích Quỷ Độc và ta thà chết còn hơn là để cho cái thứ xấu xa đó được tự do thoải mái tác oai tác quái. Con hãy làm theo lời ta và chấm dứt chuyện này cho rồi!”

“Nhưng nếu chúng ta giết chết được Quỷ Độc thì Alice sẽ được tự do! Bạn ấy sẽ có thêm cơ hội khác!”

Khuôn mặt Thầy Trừ Tà đỏ lựng vì giận, và khi thầy cất lời, giọng thầy sắc đanh đầy đe dọa. “Một phù thủy sử dụng thuật hiệp thần luôn luôn là kẻ nguy hiểm. Đến đúng lúc, đúng giai đoạn chín muồi, nó sẽ còn nguy hiểm hơn những kẻ sử dụng xương hay máu gấp bội. Nhưng thông thường vật được hiệp thần chỉ là một con dơi hay con cóc – là những thứ nhỏ nhút yếu kém dần dà tăng trưởng sức mạnh thôi. Thế mà hãy nghĩ đến thứ con bé ấy đã dùng xem! Hết thứ để dùng rồi hay sao mà lại đi chọn Quỷ Độc! Và nó còn nghĩ Quỷ Độc phải tuân thủ theo ý muốn *của nó* nữa chứ!

“Con bé ấy thông minh, liều lĩnh và sẽ chẳng có điều gì mà nó không dám làm. À phải, lại còn cao ngạo nữa chứ! Nhưng dù Quỷ Độc có chết đi thì mọi chuyện vẫn sẽ không chấm dứt được. Nếu để cho con bé trở thành phụ nữ trưởng thành mà chẳng bị kiểm soát theo dõi gì, thì nó sẽ là mụ phù thủy nguy hiểm nhất mà toàn Hạt này từng biết đến! Chúng ta phải đối phó với nó ngay lúc này trước khi mọi chuyện quá muộn. Ta là thầy; con là chân học việc. Con phải nghe theo ta và làm như con được bảo!”

Nói đoạn thầy quay lưng và nóng giận bỏ đi. Với cõi lòng thiếu não, tôi đi theo thầy vào trong nhà để lấy xẻng và cây roi đo. Chúng tôi đi thẳng ra khu vườn phía Đông, và tại đó, chỉ cách cái hố tối đen chôn Lizzie Xương Xấu chưa tới năm mươi bước, tôi bắt đầu đào một cái hố mới, sâu hai mét rưỡi và mỗi cạnh vuông một mét hai.

Phải mãi đến khi hoàng hôn buông xuống thì tôi mới hoàn tất cái hố vừa ý Thầy Trừ Tà. Tôi vừa trèo ra khỏi hố vừa cảm thấy bất an vì biết rằng Lizzie Xương Xấu đang ở trong hố của mụ cách đây không xa mấy.

“Giờ thì chừng đó được rồi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Sáng mai con đi xuống làng cho mời bác thợ nề lên đo đạc.”

Bác thợ nề sẽ xây một hàng rào ranh giới bằng đá tảng quanh miệng hố, rồi mười ba thanh sắt chắc chắn sẽ được đóng vào bờ đá đó để ngăn cản bất

cứ cơ hội đào thoát nào. Trong khi bác thợ nề làm việc thì Thầy Trừ Tà sẽ đứng trông chừng để bác được an toàn khỏi ông kẻ giữ nhà.

Khi tôi lách thếch quay vào nhà, thầy tôi thoáng nhẹ nhàng đặt tay lên vai tôi. “Con đã làm đúng bốn phận của mình. Mọi người chỉ có thể đòi hỏi ở con đến mức ấy thôi và ta muốn nói cho con biết rằng, từ ấy đến nay con đã vượt quá kỳ vọng mà mẹ con từng hứa hẹn...”

Tôi kinh ngạc nhìn lên thầy. Mẹ tôi từng viết thư cho thầy để bảo rằng tôi sẽ là chân học việc giỏi nhất mà thầy từng có, nhưng lúc ấy thầy đâu có thích mẹ tôi nói như thế.

“Cứ phát huy nữa đi,” Thầy Trừ Tà nói tiếp, “và đến ngày ta phải nghỉ tay, ta sẽ rất an tâm rằng ta đã trao Hạt vào tay người giỏi giang nhất. Ta hy vọng điều này sẽ làm con thấy đỡ buồn hơn.”

Thầy Trừ Tà khi nào cũng kiệm lời khen, nên nghe được thầy nói vậy là một chuyện hết sức đặc biệt. Tôi đoán chắc là thầy đang cố làm tôi vui lên tí ấy mà, nhưng tôi không thể gạt bỏ hình ảnh cái hố lẫn Alice ra khỏi đầu mình, và tôi e là lời khen của thầy chẳng có tác dụng gì cả.

Đêm ấy tôi khó mà ngủ được, nên khi chuyện đó xảy ra thì tôi đang tỉnh như sáo.

Thoạt đầu, tôi nghĩ đấy chỉ là cơn dông bất chợt thôi. Có một tiếng gầm rồi một tiếng rít vèo và cả căn nhà dường như rung rinh như thể vừa bị một cơn gió lớn làm cho nghiêng ngả. Có thứ gì đó va mạnh kinh khủng vào cửa sổ phòng tôi và rõ ràng tôi có nghe tiếng kính nứt răng rắc. Tôi cảnh giác quỳ lên trên giường để kéo màn cửa ra.

Cửa sổ loại khung kính trượt này được chia thành tám khung dày cui lệch nhau, nên nếu nhìn xuyên qua đó bạn không thể thấy gì nhiều, ngay cả vào những lúc trời trong nhất. Nhưng tối ấy trăng khuyết và tôi chỉ có thể nhìn thấy những ngọn cây đang cúi gục oằn mình như thể các gốc của chúng đang bị một binh đoàn những kẻ khổng lồ ra tay rung lắc. Và ba trong số các khung cửa sổ phòng tôi đã rạn. Trong một thoáng, tôi suýt nữa không cưỡng lại được ý nghĩ dùng dây kéo nâng nửa dưới cửa sổ lên để xem chuyện gì

đang xảy ra. Nhưng rồi tôi nghĩ tốt hơn là không nên. Mặt trăng vẫn đang chiếu sáng nên có khả năng đây không phải là cơn dông tự nhiên. Có thứ gì đó đang tấn công chúng tôi. Liệu đây có thể nào là Quỷ Độc không nhỉ? Hẳn đã tìm thấy chúng tôi rồi sao?

Tiếp đây là một tiếng động rầm thật lớn kèm theo âm thanh xé toạc từ đâu đó ngay trên đầu tôi. Nghe như thể có ai đó đang vụt thật mạnh xuống mái nhà, dùng nắm đấm nặng trĩu đâm thủng thủng xuống. Tôi nghe thấy tiếng các viên ngói bắt đầu bong vèo vèo, rơi loảng xoảng xuống nền đá bao quanh sân cỏ phía Tây bên dưới.

Tôi nhanh nhẹn mặc quần áo vào rồi phóng vội xuống nhà từng hai bậc thang một. Cánh cửa hậu đang mở toang và tôi chạy vội ra sân cỏ, lao thẳng vào một cơn gió mạnh đến nỗi thở còn không được chứ nói gì đến chuyện tiến tới thêm bước nào. Nhưng tôi vẫn ép mình di chuyển, nhích từng bước chậm chạp, cố sức mở mắt ra nhìn khi cơn gió quần quật vào mặt.

Nhờ có ánh trăng, tôi thấy Thầy Trừ Tà đang đứng giữa những rặng cây và ngôi nhà, chiếc áo choàng đen của thầy phấp phới trong cơn gió dữ. Thầy đang giơ cao thanh trượng trước mặt như thể đã sẵn sàng ngăn lấy một cú tấn công. Hình như phải mất cả kiếp tôi mới đến được bên thầy.

“Gì vậy? Gì vậy ạ?” đến chỗ thầy rồi, tôi gào lên.

Lời đáp cho tôi gần như đến ngay tức thì, nhưng không phải từ Thầy Trừ Tà. Một tiếng kêu kinh khủng độc ác vỡ òa trong không trung; nghe như sự pha trộn giữa tiếng hét phẫn nộ và tiếng gầm nhức nhối mà cách xa hàng dặm cũng nghe được. Đây là tiếng của ông kẹ nhà Thầy Trừ Tà. Trước đây tôi đã từng nghe thấy âm thanh ấy, vào mùa xuân, khi nó ngăn không cho Lizzie Xương Xấu đuổi theo tôi vào trong khu vườn phía Tây. Vậy là tôi biết ở dưới kia, trong bóng tối giữa những hàng cây, ông kẹ đang đối mặt với thứ gì đó đang đe dọa ngôi nhà và những khu vườn.

Là Quỷ Độc chứ còn thứ gì khác nữa chứ?

Tôi đứng đấy run lên vì sợ và vì lạnh, hai hàm răng va nhau lập cập còn toàn thân đau nhừ vì bị cơn gió dữ làm cho bầm dập. Nhưng một chốc sau,

cơn gió dịu xuống rồi dần dà mọi thứ trở nên thật tĩnh lặng.

“Vào nhà đi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Cho đến sáng hôm sau ở đây chẳng còn gì để làm đâu.”

Khi chúng tôi đi đến cửa sau, tôi đứng nhìn những mảnh ngói vỡ vương vãi trên nền đá.

“Có phải là Quỷ Độc không ạ?” tôi hỏi.

Thầy Trừ Tà gật đầu. “Hắn chẳng mất bao lâu để tìm ra chúng ta nhỉ?” thầy vừa nói vừa lắc đầu. “Rõ ràng lỗi là do con bé ấy thôi. Hắn hẳn đã tìm thấy con nhỏ đó trước. Hoặc là thế, hoặc là con bé đã cho gọi hắn đến.”

“Alice sẽ không bao giờ làm như thế nữa đâu,” tôi cố gắng phản biện bảo vệ cho Alice. “Ông kệ đã cứu chúng ta à?” tôi hỏi để thay đổi đề tài.

“Phải, bây giờ là nhờ có nó và cái giá phải trả là thế nào thì sáng mai chúng ta mới biết được. Nhưng ta không dám chắc ông kệ sẽ thành công thêm lần thứ hai đâu. Ta sẽ ở đây canh gác vậy,” Thầy Trừ Tà bảo. “Con trở lên phòng cố mà ngủ tí đi. Ngày mai bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra nên con cần phải khôn ngoan tỉnh táo đấy.”

Chương 17

TÊN PHÁN QUAN ĐÃ ĐẾN

Tôi xuống dưới nhà ngay trước lúc bình minh ló dạng. Bầu trời đêm hôm qua quang đãng là thế mà giờ đây đã phủ đầy mây u ám, không khí tĩnh lặng tuyệt đối và những vạt cỏ điểm xuyết sắc trắng sương giá mùa thu.

Thầy Trừ Tà đang ở gần cửa sau, vẫn đứng trong tư thế gần giống y như khi tôi nhìn thấy thầy lần cuối. Thầy trông có vẻ mệt mỏi và gương mặt thầy cũng âm đạm lẫn xám ngoét như bầu trời trên kia.

“À nào anh bạn,” thầy mệt mỏi nói, “ta đi xem qua các thiệt hại nào.”

Tôi tưởng ý thầy muốn nói đến căn nhà nhưng thay vào đó thầy lại bước ra phía những rặng cây bên khu vườn phía Tây. Dĩ nhiên là có tổn hại rồi, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng như đêm qua có vẻ thế. Có vài nhánh cây lớn đổ gục, cành con vương vãi trên nền cỏ và băng ghế ngồi bị lật ngược. Thầy Trừ Tà huơ tay ra hiệu về phía đấy và tôi giúp thầy nâng băng ghế lên, đặt nó vào vị trí cũ.

“Cũng không đến nỗi tệ lắm nhỉ,” tôi cố gắng làm thầy vui vẻ hơn tí vì thầy trông ủ rũ chán chường quá thế.

“Tệ thật ấy chứ,” thầy quả quyết. “Biết là Quỷ Độc sẽ luôn mỗi lúc một mạnh hơn nhưng tốc độ này còn nhanh hơn ta tưởng. Nhanh hơn nhiều. Đáng lẽ hẳn chưa có khả năng làm ra chuyện này sớm như vậy đâu. Chúng ta chẳng còn lại bao nhiêu thời gian nữa rồi!”

Thầy Trừ Tà dẫn đường quay trở vào nhà. Chúng tôi có thể thấy mái nhà đã mất đi vài viên ngói và một trong những nắp chụp ống khói đã đổ nghiêng khỏi ống.

“Phải chờ đến khi chúng ta có thời gian rồi mới sửa đến đấy được,” thầy bảo.

Đúng lúc ấy từ trong bếp vọng ra tiếng chuông ngân. Đây là lần đầu tiên trong cả buổi sáng Thầy Trừ Tà mới cười héo hắt. Trông thầy thoáng nhẹ nhõm.

“Ta còn không chắc là thầy trò mình có được dùng điểm tâm sáng hay không nữa,” thầy nói. “Có lẽ cũng không đến nỗi nghiêm trọng như ta nghĩ...”

Khi chúng tôi bước vào bếp, điều đầu tiên tôi để ý thấy là những phiến đá lát sàn giữa bàn ăn và lò sưởi lấm tấm vết máu. Và căn bếp thật hoang lạnh. Rồi tôi hiểu ra lý do. Tôi đã làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà được sáu tháng, nhưng đây là buổi sáng đầu tiên lò sưởi không được nổi lửa. Và trên bàn chẳng có lấy trứng hay thịt muối gì cả, chỉ có một lát bánh mì nướng mỏng dính cho mỗi người.

Thầy Trừ Tà chạm nhẹ vào vai tôi để cảnh báo. “Chớ nói gì đấy. Cứ ăn hết và phải tỏ ra biết ơn vì những gì ta được dọn cho.”

Tôi làm theo như được dặn, nhưng khi nuốt hết một miếng nhồi đầy bánh mì nướng xong thì bụng tôi vẫn còn sôi réo.

Thầy Trừ Tà đứng dậy. “Bữa điểm tâm ngon hết sảy. Bánh mì được nướng đến hoàn hảo,” thầy nói vang vào trong không trung. “Và cảm ơn vì tất cả những gì người đã làm tối qua. Thầy trò chúng ta đều rất cảm kích.”

Thường thì ông kẹ hầu như không bao giờ xuất hiện, nhưng bây giờ một lần nữa nó lại hiện hình thành một con mèo hung to tướng. Chỉ nghe thấy có tiếng gừ gừ khe khẽ vang lên và con mèo loáng xuất hiện gần bên lò sưởi. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ thấy vẻ ngoài của con mèo như hôm nay. Tai trái của nó rách bươm tóe máu, đám lông trên cổ máu bện thành bết. Nhưng điều tệ hại nhất là những gì xảy ra cho mặt của nó. Con mèo đã bị chột một mắt. Nơi trước đây từng là mắt trái bây giờ chỉ còn là một vết thương thẳng đứng nhức nhối.

“Nó sẽ không bao giờ trở lại nguyên vẹn như xưa,” Thầy Trừ Tà buồn rầu nhận xét khi ông kẹ đã ra ngoài qua cửa sau. “Chúng ta phải lấy làm mừng vì Quý Độc vẫn chưa phục hồi toàn bộ sức mạnh, chứ không thì tối qua

chúng ta đã mất mạng rồi. Ông kẹ đã cho chúng ta thêm chút thời gian. Giờ đây chúng ta phải sử dụng chút thời gian ấy trước khi quá muộn...”

Ngay lúc thầy đang nói thì tiếng chuông dưới ngã tư đường lại gióng lên. Có việc cần đến Thầy Trừ Tà rồi. Với mọi chuyện xảy đến đêm qua cộng với mối nguy đến từ Quỷ Độc, tôi nghĩ thầy mình sẽ phớt lờ tiếng chuông ấy đi chứ, nhưng tôi đã lầm.

“Nào anh bạn,” thầy bảo. “Con chạy xuống xem có chuyện gì cần dưới kia nào.”

Khi tôi xuống tới ngã tư, chuông đã thôi không ngân nữa nhưng sợi dây chuông vẫn còn đung đưa. Bên dưới tán lá của hàng liễu gai âm u như trước nay vẫn thế, tôi chỉ mất một giây để nhận ra đây không phải là lời triệu hồi công việc của thầy trừ tà. Một cô gái mặc váy đen đang đứng chờ nơi ấy.

Alice.

“Cậu đang liều lắm đấy nhé!” tôi vừa bảo vừa lắc đầu. “Cậu còn may là thầy Gregory không đi cùng tớ xuống dưới này đấy.”

Alice mỉm cười. “Với tình trạng như bây giờ thì Lão Gregory sẽ không bắt được tớ đâu. Giờ lão ta còn không bằng phân nửa như trước cơ mà.”

“Đừng có chắc满满 như thế!” tôi bức bối. “Thầy đã bắt tớ đào một cái hố rồi. Dành cho cậu đấy. Và nếu không cẩn thận thì đấy sẽ là nơi cậu tàn đời đấy nhé.”

“Sức mạnh của Lão Gregory đã tiêu tán rồi còn đâu. Chả trách sao lão ta lại bắt cậu đào!” Alice nói với giọng đầy vẻ mỉa mai.

“Không đúng,” tôi cãi, “thầy bắt tớ đào để cho tớ chấp nhận việc gì cần phải làm. Nhiệm vụ của tớ là chôn cậu vào đấy.”

Giọng Alice bỗng trở nên rầu rầu. “Cậu sẽ thật sự làm thế với tớ sao Tom?” cô hỏi. “Sau tất cả những chuyện chúng ta cùng trải qua với nhau sao? Tớ cứu cậu ra khỏi một cái hố. Cậu không nhớ à, khi Lizzie Xương Xấu muốn lóc xương cậu ấy? Khi Lizzie đang mài con dao của mẹ ta ấy?”

Tôi nhớ chuyện này rõ lắm chứ. Nếu không nhờ Alice giúp thì tối đó tôi đã chết mất rồi còn đâu.

“Alice này, cậu hãy đi đến Pendle trước khi quá muộn,” tôi bảo với cô gái. “Hãy tránh càng xa nơi này càng tốt!”

“Quý Độc không đồng ý đâu. Ông ấy nghĩ là tớ nên ở gần đây thêm ít lâu nữa.”

“Tên Quý Độc là một *sinh vật*, chứ chẳng phải là *ông* nào đâu nhé!” tôi quặc lại, thấy bức bối khi nghe những gì Alice vừa nói.

“Không đúng đâu Tom, hẳn không phải là sinh vật gì đâu,” Alice đáp. “Tớ đã đánh hơi ra hẳn, và chắc chắn hẳn là con người mà!”

“Tối qua Quý Độc tấn công nhà của Thầy Trừ Tà. Hẳn có thể đã giết chết thầy trò tớ rồi. Cậu đã phái hẳn đến đấy à?”

Alice quả quyết lắc đầu. “Chuyện đó chẳng liên quan gì đến tớ đâu Tom. Tớ thề đấy. Chúng tớ trao đổi với nhau, chỉ có thể thôi, và hẳn nói cho tớ nghe vài chuyện.”

“Tớ lại nghĩ là cậu sẽ không dính líu gì tới hẳn nữa cơ đấy!” tôi hầu như chẳng tin được những lời cô ấy vừa nói.

“Tớ đã cố gắng lắm rồi Tom à, thực sự đấy. Nhưng hẳn vẫn đến thủ thi nhiều điều vào tai tớ. Tìm đến tớ trong bóng đêm, lúc tớ đang cố chợp mắt. Hẳn thậm chí còn nói chuyện với tớ trong những giấc mơ nữa kia. Hẳn đã hứa hẹn với tớ nhiều chuyện.”

“Như là chuyện gì?”

“Không dễ dàng gì đâu, Tom à. Vào ban đêm trời trở lạnh hơn hẳn. Thời tiết đang xấu đi. Quý Độc bảo rằng lẽ ra tớ có thể có một lò sưởi thật lớn với thật nhiều than củi và sẽ không bao giờ thiếu thốn bất cứ thứ gì nữa. Hẳn còn bảo tớ cũng có thể có quần áo đẹp này, để cho người ta không còn coi thường tớ như hiện giờ nữa, họ nghĩ tớ cứ như là một thứ gì đó vừa chui ra khỏi bờ khỏi bụi không bằng.”

“Đừng nghe lời hẳn, Alice à. Cậu phải cố gắng hơn mới được!”

“Nhưng đôi khi nghe lời hăn lại có cái hay à,” Alice nói với nụ cười nửa miệng quái quái, “bằng không thì cậu sẽ rất hối tiếc đấy. Nay, tớ biết được vài chuyện đây. Vài chuyện có thể cứu mạng Lão Gregory lẫn mạng của cậu đấy.”

“Nói cho tớ biết đi,” tôi giục.

“Không rõ vì sao tớ phải nói nhỉ, trong khi cậu lại đang định cho tớ sống nốt kiếp này trong hố chứ!”

“Thế là không công bằng đâu Alice.”

“Tớ lại sẽ giúp cậu thôi, thật mà. Nhưng tớ thắc mắc liệu cậu có làm thế cho tớ không đây...?”

Alice ngừng lời nhìn tôi cười buồn. “Này cậu, tên Phán Quan đang trên đường đến Chipenden này đấy. Trong vụ hỏa thiêu ấy hăn chỉ bị phỏng hai tay thôi, giờ hăn muốn báo thù. Hăn biết Lão Gregory sinh sống đâu đấy gần đây nên hăn đang đem binh lính vũ trang cùng chó săn đến. Loại chó săn khát máu khổng lồ có răng to cộ ấy. Hăn sẽ đến đây chậm nhất là vào giữa trưa. Thế nên cậu hãy đi mà báo cho Lão Gregory những gì tớ vừa nói đi. Nhưng đừng có mong là lão ta nói lời cảm ơn đâu đấy.”

“Tớ sẽ đi báo cho thầy,” tôi vừa nói vừa lập tức bước đi ngay, chạy thực mạng lên đồi về phía ngôi nhà. Vừa chạy, tôi vừa nhận ra là mình chưa nói lời cảm ơn Alice, nhưng làm sao tôi lại có thể cảm ơn cô ấy vì đã sử dụng thể lực bóng tối để giúp đỡ chúng tôi cơ chứ?

Thầy Trừ Tà đang đứng chờ ngay bên trong ngạch cửa hậu. “Này con,” thầy bảo, “thở lấy hơi đi đã. Ta nhìn mặt con là biết con sắp mang tin xấu đến rồi.”

“Tên Phán Quan đang trên đường đến đây đấy ạ,” tôi báo. “Hăn tìm hiểu được là chúng ta đang sinh sống gần Chipenden!”

“Mà ai báo cho con tin này thế?” Thầy Trừ Tà vừa hỏi vừa gãi gãi cằm.

“Là Alice ạ. Bạn ấy bảo hăn ta sẽ đến đây vào giữa trưa. Quỷ Độc đã mách với Alice...”

Thầy Trừ Tà thở dài sườn sượt. “Thôi, tốt hơn là chúng ta nên tránh đi càng sớm càng tốt. Trước tiên, con hãy đi xuống làng báo cho bác hàng thịt biết là chúng ta sẽ đi lên hướng Bắc, băng qua rừng đồi đá để đến Caster và còn lâu mới trở lại. Rồi con đến chỗ bác hàng tạp hóa nói cho bác ấy tương tự như thế và bảo là tuần tới chúng ta sẽ không cần đến chỗ lương thực nào đâu.”

Tôi chạy nhanh xuống làng và làm đúng theo lời Thầy Trừ Tà đã bảo. Khi quay lại thì Thầy Trừ Tà đã đứng chờ ngay cửa sân sàng lên đường rồi. Thầy đưa cho tôi chiếc túi của thầy.

“Chúng ta đi xuôi về hướng Nam chứ ạ?” tôi hỏi.

Thầy Trừ Tà lắc đầu. “Không đâu con, chúng ta sẽ đi ngược lên hướng Bắc như ta đã nói. Chúng ta cần đi đến Heysham, và nếu gặp may, ta sẽ nói chuyện được với hồn ma của Naze.”

“Nhưng chúng ta đã nói cho mọi người biết là mình sẽ đi đến đâu rồi. Tại sao con lại không vờ như là chúng ta sẽ đi về hướng Nam chứ?”

“Bởi vì ta hy vọng tên Phán Quan trên đường đến đây sẽ ghé qua làng trước. Rồi sau đó, thay vì đi lùng sục tìm cho ra ngôi nhà, hắc sẽ đi theo hướng Bắc và đám chó săn của hắc sẽ đánh hơi thấy dấu vết của chúng ta. Chúng ta phải lôi kéo hắc rời xa khỏi căn nhà. Có vài quyển sách trong thư viện không thể thay thế được. Nếu hắc ta đến đây, thuộc hạ của hắc sẽ lục tung cả nơi này lên và thiêu rụi mọi thứ. Không, ta không thể mạo hiểm bất cứ điều gì xảy đến cho những cuốn sách của ta được.”

“Nhưng dù thế nào thì bọn chúng có bắt được ta không ạ?”

“Không đâu anh bạn. Nếu chúng ta đi theo lối vượt qua các rừng đồi đá thì không. Bọn chúng sẽ không thể nào sử dụng ngựa được trong khi chúng ta lại khởi hành trước bao nhiêu tiếng đồng hồ. Chúng ta còn có lợi thế nữa. Chúng ta thông thuộc Hạt này, nhưng còn tên Phán Quan và binh lính của hắc chỉ là người ngoài vùng. Mà thôi, ta đi thôi nào. Chúng ta bỏ phí khá nhiều thời gian rồi đấy!”

Thẳng bước về phía rặng đồi đá, Thầy Trừ Tà thoăn thoắt khởi hành. Nhanh hết mức, tôi liền đi theo, vai mang theo chiếc túi nặng trĩu của thầy như thường lệ.

“Biết đâu vài tay chân của hắc sẽ phóng ngựa đi trước đón đầu chúng ta tại Caster thì sao?” tôi hỏi.

“Chắc chắn bọn chúng sẽ làm thế, và nếu chúng ta đi thẳng đến Caster thì đấy có thể là rắc rối to. Không, chúng ta sẽ băng qua thị trấn đi về hướng Đông đến Heysham để viếng thăm khu gò mả. Ta vẫn còn phải đối phó với Quỷ Độc mà thời gian lại đang mỗi lúc một cạn dần. Nói chuyện với hồn ma của Naze là cơ hội cuối cùng cho chúng ta tìm ra giải pháp.”

“Và sau đó thì sao ạ? Chúng ta sẽ đi đâu? Liệu chúng ta còn có thể quay trở lại đây nữa không?”

“Ta thấy không có lý do gì mà không được khi thời cơ chín muồi. Dần dà chúng ta sẽ thoát khỏi tên Phán Quan thôi. Có nhiều cách để làm được chuyện này.Ồ, rồi hắc ta sẽ lục lọi tìm tòi một thời gian để gây rối một tí, chắc chắn là thế. Nhưng chẳng bao lâu sau hắc sẽ quay trở về nơi chốn của hắc thôi. Trở về nơi mà hắc có thể giữ mình ấm áp trong suốt mùa đông sắp tới này ấy.”

Tôi gật gù nhưng chẳng phải là hoàn toàn vui vẻ gì. Tôi có thể nhận ra đủ mọi sơ hở trong kế hoạch của Thầy Trừ Tà. Này nhé, có lẽ là khi khởi hành thầy còn đi đứng nhanh nhẹn vậy, nhưng thầy vẫn chưa khỏe hắc và việc băng qua những rặng đồi đá là việc nặng nhọc chứ chẳng chơi. Bọn chúng có thể bắt kịp chúng tôi trước khi chúng tôi đến được Heysham ấy chứ. Còn nữa, ngả nào thì bọn chúng cũng tìm được đến nhà Thầy Trừ Tà mà thiêu sạch nơi ấy đi cho bỏ ghét, nhất là khi bọn chúng mất dấu chúng tôi. Rồi còn phải lo cho năm tới nữa chứ. Vào mùa xuân, tên Phán Quan lại phải đi lên phương Bắc. Hắc ta có vẻ là kẻ không bao giờ bỏ cuộc. Tôi chẳng thể thấy được cách nào mà cuộc sống lại sẽ quay trở về được như bình thường nữa. Và rồi một ý nghĩ khác lóe lên trong tôi...

Ngộ nhờ chúng bắt được tôi thì sao? Tên Phán Quan thường tra tấn người ta để bắt họ trả lời câu hỏi. Lỡ bọn chúng buộc tôi khai ra nơi tôi từng sinh sống thì thế nào? Bọn chúng đã tịch biên hoặc đốt rụi nhà của những phù thủy và thầy phép rồi. Tôi nghĩ đến chuyện bố, Jack và Ellie chẳng còn nơi nào mà sinh sống. Và bọn chúng sẽ làm gì khi thấy mẹ tôi chứ? Bà không thể bước ra ngoài ánh nắng mặt trời. Bà thường xuyên giúp đỡ những bà mẹ trong vùng trong những ca đẻ khó, và bà còn sở hữu một bộ sưu tập khổng lồ các loại cỏ cây dược thảo. Mẹ tôi sẽ gặp nguy thật sự!

Tôi chẳng chia sẻ bất cứ điều nào với Thầy Trừ Tà vì tôi có thể thấy thầy luôn không quan tâm đến những câu hỏi của tôi.

Trong vòng một tiếng thầy trò tôi đã leo lên trên những rặng đồi đá. Thời tiết yên ả và có vẻ như chúng tôi sẽ có được một ngày đẹp trời trước mặt.

Giá như tôi gạt bỏ được lý do vì sao chúng tôi phải đi lên đây ra khỏi tâm trí mình, tôi đã có thể tận hưởng vui thú vì thời tiết này rất thích hợp để đi bộ. Chúng tôi chỉ có đám cỏ cùng chim dẽ theo bầu bạn, và xa xa phía Tây Bắc kia là mặt biển xa xăm đang lấp la lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Thoạt tiên Thầy Trừ Tà sải bước rất hăng hái, đi trước dẫn đường. Nhưng chưa đến giữa trưa thầy bắt đầu hết hơi, và khi chúng tôi dừng chân ngồi nghỉ cạnh một dãy ụ đá, thầy trông mệt mỏi thấy rõ. Khi thầy mở bọc phô mai ra, tôi thấy hai tay thầy đang run rẩy.

“Đây này anh bạn,” thầy đưa cho tôi một mẩu phô mai bé. “Đừng có ăn hết trong một lúc đấy.”

Làm theo lời thầy khuyên, tôi chỉ chậm rãi nhấm nháp mẩu phô mai.

“Con có biết con bé kia đang theo bước chúng ta không?” Thầy Trừ Tà hỏi.

Tôi kinh ngạc nhìn thầy và lắc đầu.

“Nó đang cách đằng sau kia chừng một dặm,” thầy bảo, khoa tay về hướng Nam. “Bây giờ khi chúng ta dừng thì nó cũng dừng. Con nghĩ nó muốn gì nào?”

“Con đoán là bạn ấy chẳng còn nơi nào khác để đi, ngoại trừ Pendle, mà bạn ấy thực sự không muốn đến đấy. Và lại bạn ấy không còn lựa chọn nào khác là phải rời khỏi Chipenden nữa. Sẽ không còn an toàn gì khi tên Phán Quan cùng thuộc hạ ủa đến.”

“Phải rồi, và có lẽ là vì nó tự nhiên thích con và chỉ muốn đi theo con bất cứ nơi nào con đến. Ước gì ta có đủ thời gian để đối phó với nó trước khi chúng ta rời Chipenden. Nó là mối đe dọa đấy, vì bất cứ nơi nào có nó thì Quỷ Độc sẽ không ở cách đấy bao xa đâu. Hiện giờ hắc đang ẩn mình dưới lòng đất, nhưng một khi trời tối, con bé kia sẽ thu hút hắc đến với nó như con thiêu thân lao mình vào đóm lửa và chắc chắn là hắc sẽ lờn vờn quanh đấy cho xem. Nếu con bé lại cho hắc uống máu, hắc sẽ trở nên mạnh hơn và bắt đầu nhìn thấy mọi vật qua mắt con bé. Trước đấy có thể hắc thử vận với những nạn nhân khác – dù là người hay thú, hiệu quả vẫn như nhau. Sau khi mập căng những máu rồi, hắc sẽ trở nên mạnh hơn và sẽ chóng khoác lấy lột bằng xương bằng thịt. Đêm qua mới chỉ là bắt đầu thôi đấy.”

“Nếu không nhờ có Alice chúng ta sẽ chẳng bao giờ rời khỏi Chipenden,” tôi chỉ ra. “Chúng ta sẽ thành tù nhân của tên Phán Quan.”

Nhưng Thầy Trừ Tà cố ý bỏ ngoài tai. “Thôi,” thầy bảo, “tốt nhất ta hãy đi tiếp nào. Có ngồi đây ta cũng chẳng trẻ hơn được tí nào đâu.”

Nhưng sau một tiếng thì chúng tôi lại phải dừng chân. Lần này Thầy Trừ Tà ngồi nghỉ còn lâu hơn trước khi buộc mình đứng lên. Suốt cả ngày cứ lặp đi lặp lại như thế, với những quãng nghỉ mỗi lúc một lâu hơn còn thời gian bước tiếp mỗi ngắn lại. Đến gần chiều tà, tiết trời bắt đầu thay đổi. Mùi mưa hăng nồng hơn, thoạt tiên là trong không khí và chẳng bao lâu sau thì mưa bắt đầu lắt rắc.

Khi trời sập tối, chúng tôi bắt đầu đi xuống đồi về phía những mảng tường đá ghép bao bọc rải rác. Mạn đồi dốc đứng còn nền cỏ lại trơn trượt nên chúng tôi cứ sẩy chân mãi. Còn tệ hơn, cơn mưa trở nên nặng hạt và gió từ phía Tây bắt đầu thổi đến.

“Chúng ta sẽ nghỉ chân để ta lấy lại sức nào,” Thầy Trừ Tà lên tiếng.

Thầy xăm xăm đi đến phần bờ tường gần nhất rồi chúng tôi trèo qua đấy mà khom người nép vào mé Đông, để trú mình khỏi lúc mưa lớn nhất.

“Sự ẩm ướt thấm sâu vào xương tủy con người khi con đến tuổi ta,” Thầy Trừ Tà bảo. “Đấy là những gì một đời dãi dầu sương gió ở Hạt này gây ra cho con đấy. Trước sau gì rồi chúng ta ai cũng bị vậy cả. Hoặc là xương hoặc là phổi của con sẽ bị tổn thương.”

Chúng tôi lom khom khổ sở náu vào bức tường. Tôi mỗi mệt rã rời, và bất chấp là đang ở ngoài trời trong một đêm như thế này nhưng để tỉnh táo cũng phải chật vật lắm. Chẳng bao lâu sau tôi đã thiếp hẳn đi và bắt đầu mơ. Đấy là một trong những giấc mộng dài mà dường như tiếp diễn suốt cả đêm. Và đến khúc cuối, cơn mơ ấy biến thành cơn ác mộng...

Chương 18

ÁC MỘNG TRÊN ĐỒI

Dứt khoát đây là cơn ác mộng tồi tệ nhất tôi từng kinh qua. Mà hoạt động trong ngành nghề này thì tôi gặp rất nhiều ác mộng. Tôi bị lạc và đang tìm đường quay về nhà. Lẽ ra chuyện này dễ xoay sở thôi vì vạn vật đang chìm đắm dưới ánh trăng, nhưng cứ mỗi khi tôi quành sang một góc đường nào đó và nghĩ là mình nhận biết được vài dấu mốc, thì ngay lập tức tôi lại sai. Rốt cuộc tôi cũng đến được đỉnh đồi Treo Cổ và nhìn thấy nông trại nhà mình bên dưới.

Khi đang leo xuống đồi, tôi bắt đầu cảm thấy rất khó chịu. Dù đây là lúc đêm nhưng cảnh vật vẫn quá sức im lìm, quá sức tĩnh lặng và bên dưới kia không có thứ gì đang di chuyển cả. Các dọc hàng rào trông xập xệ xiêu vẹo, là điều mà bố tôi và anh Jack không bao giờ cho phép xảy ra, còn những cánh cửa kho chứa cỏ thì vắt vẻo đứt gãy nửa số bản lề.

Căn nhà trông như bị bỏ hoang: vài cánh cửa sổ gãy đổ còn mái nhà bong tróc nhiều viên ngói. Tôi cạy cục mãi mới mở được cửa sau, và khi nó ken két bật mở không như bình thường, tôi bước vào trong bếp thì căn bếp trông như chẳng có người nào sống trong đây cả bao nhiêu năm nay rồi. Bụi bặm bám đầy khắp nơi, mạng nhện rủ từ trần nhà xuống. Chiếc ghế đu của mẹ đặt ngay chính giữa căn phòng, trên đây là một mảnh giấy gấp tư, tôi nhặt nó lên mang ra chỗ có ánh trăng để đọc.

Mồ của bố mày, của Jack, của Ellie và con bé Mary chôn trên đồi Treo Cổ. Mày sẽ tìm thấy mẹ mày trong kho chứa cỏ.

Tim nhức nhối muốn vỡ òa, tôi phóng ra ngoài sân. Đoạn tôi khựng lại bên ngoài kho chứa cỏ, cẩn thận lắng nghe. Vạn vật im thin thít. Thậm chí còn không có lấy một tiếng gió thoảng. Tôi bần chồn bước vào trong bóng thâm u, lòng không biết mình đang chờ đợi thấy gì. Liệu trong ấy có nấm mồ nào không? Nấm mồ của mẹ ấy?

Ngay thẳng trên mái nhà là một lỗ hổng, và trong quầng sáng ánh trăng tôi có thể trông thấy mái đầu của mẹ. Bà đang nhìn thẳng vào tôi. Thân thể bà vẫn chìm trong bóng tối, nhưng từ vị trí của mặt bà thì hình như bà đang quỳ dưới đất.

Sao mẹ tôi lại quỳ làm gì? Và vì sao bà trông buồn khổ đến vậy? Bà không vui khi được gặp lại tôi sao?

Thình lình mẹ tôi cất lên tiếng thét đau đớn. “Đừng nhìn mẹ, Tom à! Đừng có nhìn ta! Quay mặt ngay đi!” bà gào lên như thể đang bị nhục hình.

Ngay khi tôi quay mặt đi thì mẹ tôi đứng dậy, và từ khöhe mắt mình tôi liếc thấy một thứ khiến xương cốt tôi nhũn nhão. Từ cổ trở xuống mẹ tôi trông khác hẳn. Tôi trông thấy nào cánh nào vảy cùng một tia sáng lóe từ những nanh vuốt sắc lẹm khi bà bay thẳng lên không trung và bắn xuyên qua mái nhà kho, lòi theo cả nửa mái nhà cùng bà. Tôi ngược nhìn lên, lấy tay che mặt mình khỏi những mảnh gỗ và ngói vụn đang rào rào đổ xuống, và trông thấy mẹ mình, một bóng đen nổi bật trên mặt trăng tròn vành vạnh, khi bà đang từ mái nhà kho vỡ nát bay vút lên trời.

“Không! Không!” tôi gào lên. “Chuyện này không thật, chuyện này không phải đang xảy ra!”

Để đáp lại, một giọng nói trong đầu tôi lên tiếng. Là tiếng rít khàn khàn của Quỷ Độc.

“Ánh trăng soi sáng bản chất của mọi vật, nhóc à. Mà đã biết thế rồi còn gì. Tất cả những gì mà vừa thấy là sự thật hay là sẽ xảy đến. Chỉ cần có thời gian thôi.”

Có ai đó bắt đầu nắm lấy vai tôi lắc mạnh khi tôi tỉnh dậy trong cơn vã mồ hôi lạnh. Thầy Trừ Tà đang cúi xuống nhìn tôi.

“Này anh bạn, tỉnh dậy đi nào!” thầy gọi. “Chỉ là ác mộng thôi mà. Là tên Quỷ Độc đang cố gắng len vào tâm trí con, cố làm cho chúng ta yếu đi thôi.”

Tôi gật đầu nhưng lại không kể cho Thầy Trừ Tà nghe chuyện gì đã xảy ra trong giấc mơ ấy. Đau lòng lắm, không thể nhắc đến được. Tôi giương mắt nhìn lên trời. Mưa vẫn rơi nhưng mây thì lơ thơ rải rác và đã có thể nhìn

thấy vài vì sao. Trời vẫn còn tối đen, nhưng chẳng bao lâu nữa là đến lúc bình minh.

“Chúng ta đã ngủ cả đêm hả thầy?”

“Đúng vậy,” Thầy Trừ Tà đáp, “nhưng thật ra ta không định như thế.”

Thầy kiên quyết nhồm dậy. “Tốt hơn ta nên đi tiếp khi còn có thể,” thầy lo lắng nói. “Con không nghe thấy bọn chúng sao?”

Tôi đóng tai lên, và rốt cuộc, vượt lên trên tiếng gió tiếng mưa, tôi nghe ra tiếng chó sủa tru lên từ xa.

“Phải, bọn chúng cách đây chẳng xa đâu,” Thầy Trừ Tà bảo. “Hy vọng duy nhất của chúng ta là làm chúng mất mùi chúng ta. Để làm thế ta cần có nước nhưng nước cũng phải đủ sâu cho chúng ta lội qua. Tất nhiên là sau đó chúng ta phải quay lại trên cạn nhưng đám chó phải bị dụ chạy dọc lên dọc xuống bờ sông rồi mới đánh hơi lại được chúng ta. Và nếu gần đây có con suối nào đấy thì chuyện này dễ dàng hơn nhiều.”

Chúng tôi lồm cồm leo qua bờ tường để đi xuống một sườn đồi dốc, di chuyển nhanh hết sức khi băng qua nền cỏ trơn ướt. Bên dưới chúng tôi là một chòi chần cừu in bóng nổi bật trên nền trời, và ngay cạnh nó là một cây mận gai cổ thụ đang oằn mình ngã xuống chòi nhà trong vì gió bốn mùa, những cành cây trơ trọi như móng vuốt bổ bầu vú vào mái chòi. Chúng tôi tiếp bước về phía căn chòi trong một lúc nhưng rồi đột ngột dừng cả lại.

Phía trước mặt chúng tôi về bên tay trái là một bãi quây bằng gỗ. Đã có đủ ánh sáng để trông thấy trong bãi quây ấy là một đàn vài con cừu, khoảng chừng hai mươi mấy con. Và tất cả đều đã chết.

“Anh bạn này, ta chẳng thích cái quang cảnh này một chút xíu nào cả.”

Tôi cũng không thích gì cảnh ấy. Nhưng rồi tôi nhận ra ý thầy không phải là những con cừu đã chết. Mà là thầy đang nhìn vào căn chòi đằng sau đấy.

“Chắc chúng ta đã đến quá trễ,” thầy nói, giọng thầy giờ chỉ còn là tiếng thì thào. “Nhưng nhiệm vụ của chúng ta là phải vào trong ấy mà xem...”

Dứt lời, thầy rảo bước về phía căn chòi, tay nắm chắc trượng. Tôi nổi bước vác theo chiếc túi của thầy. Khi đi ngang qua bãi quây, tôi liếc mắt sang con cừu nằm chết gần nhất. Mớ lông trắng xù như len của nó rờn rờn những máu. Nếu đây là tác phẩm của Quỷ Độc thì hẳn hẳn đã được uống máu no nê. Giờ thì hẳn còn mạnh đến mức nào nữa đây?

Cánh cửa trước đang mở toang nên chúng tôi bước thẳng vào trong mà chẳng cần thưa gửi gì, Thầy Trừ Tà đi trước dẫn đường. Mới vừa bước một bước qua ngưỡng cửa, thầy đã khựng lại và hít vào một hơi. Thầy nhìn trừng trừng sang bên trái. Đâu đó sâu vào trong căn phòng là ánh nền lập lờ, và trong ánh sáng nhấp nhোang đó tôi có thể trông thấy, mới thoát nhìn lần đầu tiên, tôi tưởng là bóng của người chần cừu. Nhưng hình thù đó quá rõ nét nên không thể nào là cái bóng được. Ông ta đang tựa lưng vào tường và đầu gậy chần cừu cong cong đang được giơ cao quá đầu như thế để đe dọa chúng tôi. Phải mất một chập sau tôi mới hiểu mình đang trông thấy gì, nhưng có điều gì đó khiến đầu gối tôi bủn rủn và tim tôi cứ chực thót ra khỏi miệng.

Khuôn mặt ông ta là một sự pha trộn giữa kinh hoàng và phẫn nộ. Hai hàm răng nhe hết cả ra nhưng có vài chiếc đã gãy và máu me vấy khắp mặt. Ông ta đứng thẳng người nhưng không phải là đang đứng. Ông ta đã bị ép dẹp lép. Bị chẹt vào tường. Dán dính vào vách đá. Đây đúng là trò ra tay của Quỷ Độc.

Thầy Trừ Tà dẫn thêm một bước vào trong chòi. Rồi thêm bước nữa. Tôi theo sát gót thầy cho đến khi có thể nhìn thấy toàn bộ cảnh quan cơn ác mộng bên trong. Trong góc chòi là chiếc nôi em bé nhưng đã bị quăng nát vào tường, và lẫn lộn giữa đồng đồ nát ấy là những tấm chăn và một mảnh khăn nhỏ vấy máu. Máu của đứa bé, nhưng không thấy xác đâu. Thầy tôi đến gần bên mấy tấm chăn và thận trọng nâng chúng lên. Những gì đập vào mắt rõ ràng đã làm thầy chột dạ. Thầy ra hiệu cho tôi đừng nhìn vào rồi thầy đập chăn lại cùng tiếng thở dài.

Đến lúc này tôi đã nhìn ra bà mẹ của đứa trẻ. Xác một người phụ nữ đang nằm trên sàn nhà, bị chiếc ghế đu che khuất mất một phần. Tôi tạ ơn trời đất là mình không nhìn thấy mặt bà ấy. Bên tay phải bà đang nắm chặt chiếc que

đan, một cuộn len lăn vào lò sưởi gần lụi tàn, lúc này đã cháy ngả sang màu tro xám.

Cánh cửa dẫn sang phòng bếp đang để mở và đột nhiên tôi cảm thấy sợ chết khiếp. Tôi cảm nhận được là chắc hẳn đang có thứ gì lẩn khuất trong ấy. Ý nghĩ ấy chỉ vừa chui vào đầu tôi thì nhiệt độ căn phòng chợt sụt giảm. Quý Độc vẫn còn đây. Tôi có thể cảm thấy hằn trong xương tủy của mình. Trong cơn hoảng loạn, tôi sém chút là co giò bỏ chạy ra khỏi căn chòi nhưng Thầy Trừ Tà vẫn đứng yên kiên định, và khi thầy còn ở đấy thì làm sao tôi lại có thể bỏ thầy một mình được?

Vào giây phút ấy ngọn nến bất thành linh tắt ngúm, như thể nó vừa bị những ngón tay vô hình đập tắt, nhấn chìm thầy trò tôi vào trong bóng thâm u, và từ khoảng tối om nơi cửa bếp, một giọng nói trầm khàn vọng ra. Giọng nói này vang vọng trong không trung và truyền xung lực qua nền đá của căn chòi khiến cho hai chân tôi cũng cảm nhận được.

“Chào Nhúm Xương Già Cối. Cuối cùng ta cũng lại gặp nhau. Bao ngày qua ta đã đi tìm mi. Ta biết là mi đang ở đâu đấy gần đây mà.”

“Phải rồi, và giờ mi đã tìm ra ta,” Thầy Trừ Tà mệt mỏi đáp, chống thanh trượng xuống sàn đá và tì người mình lên đấy.

“Khi nào mi cũng là kẻ phá bình, phải không nào, Nhúm Xương Già Cối? Nhưng giờ thì mi phá bình quá nhiều rồi đấy. Ta sẽ giết thẳng nhỏ trước, trong khi mi phải đứng đấy mà chứng kiến. Rồi sau đấy mới đến lượt mi.”

Một bàn tay vô hình nhắc bóng tôi lên, quăng tôi thật mạnh vào vách tường đến nỗi tôi tắc hết cả hơi. Thế rồi công đoạn chệt diễn ra, một sức nặng ép mạnh xuống khiến các xương sườn tôi bắt đầu muốn gãy lìa. Nhưng tệ hơn cả là cái sức nặng kinh khủng trên trán làm tôi nhớ đến khuôn mặt của người chần cừ bị ép dẹp lép vào vách. Tôi hoảng kinh, chẳng thể nào nhúc nhích hay hít thở gì cả. Bóng đen trùm lên mắt tôi và điều cuối cùng tôi biết là hình như Thầy Trừ Tà đang lao về phía cửa bếp, tay giơ cao thanh trượng.

Ai đó đang lay tôi nhẹ nhàng.

Tôi mở mắt ra và nhìn thấy Thầy Trừ Tà đang cúi xuống. Tôi đang nằm trên sàn căn chòi. “Con có sao không?” thầy lo lắng hỏi.

Tôi gật đầu. Xương sườn tôi nhức nhối. Hít vào hơi nào cũng đau. Nhưng tôi vẫn đang thở. Tôi vẫn còn sống.

“Nào, để xem ta có thể dìu con đứng dậy được không nào...”

Có Thầy Trừ Tà nâng cho, tôi gượng đứng dậy được.

“Con bước đi được không?”

Tôi gật đầu và bước một bước tới trước. Dù không cảm thấy vững chãi lắm nhưng tôi vẫn có thể bước được.

“Con giỏi lắm.”

“Cảm ơn thầy đã cứu con ạ,” tôi thưa.

Thầy Trừ Tà lắc đầu. “Ta nào có làm gì đâu. Quỷ Độc thành linh biến mất, như thể hắc vừa bị triệu đi. Ta thấy hắc di chuyển ngược lên đồi. Hắc trông như một đám mây đen che hết các vì sao. Chuyện kinh khủng đã xảy ra tại đây,” thầy vừa bảo vừa liếc quanh căn chòi. “Nhưng chúng ta phải rời đi nhanh hết mức thôi. Trước hết chúng ta phải cứu lấy mình đã. Có thể chúng ta sẽ thoát khỏi tên Phán Quan, nhưng khi con bé kia còn theo chân chúng ta thì Quỷ Độc sẽ luôn ở gần và sẽ luôn mỗi lúc một lớn mạnh. Chúng ta cần đến Heysham để tìm ra cách đối phó với cái thứ xấu xa ấy một lần cho dứt điểm!”

Với Thầy Trừ Tà dẫn đường đi trước, chúng tôi rời khỏi căn chòi và đi tiếp xuống đồi. Thầy trò tôi băng qua thêm hai đoạn bờ tường nữa cho đến khi tôi nghe được tiếng nước chảy ào ạt. Giờ thì thầy tôi di chuyển nhanh hơn nhiều, gần như là nhanh bằng lúc chúng tôi khởi hành rời khỏi Chipenden, vậy nên tôi đoán giấc ngủ vừa rồi có giúp thầy tôi lại sức đôi chút. Trong lúc toàn thân tôi đau nhức và phải vất vả theo kịp bước thầy, chiếc túi của thầy trong tay tôi trở nặng hằn.

Chúng tôi đến bên một lối mòn hẹp dốc cạnh khe suối, vốn là một dòng nước ào ào xối từ trên thẳng xuống núi đá bên dưới.

“Xa xuống dưới kia khoảng một dặm thì dòng suối này đổ vào một trũng nước giữa lòng núi,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa rảo bước theo lối mòn. “Mặt đất khúc ấy bằng phẳng và hai dòng suối chảy tràn ra đó. Đây là thứ chúng ta đang kiếm tìm.”

Tôi bám theo bằng tất cả sức lực. Dường như trời đổ mưa xối xả chưa từng thấy và nền đất dưới chân trở nên trơn trượt nguy hiểm. Chỉ cần sẩy một bước thôi là bạn rơi xuống nước ngay. Tôi thắc mắc không biết Alice có ở gần đây không và liệu cô ấy có thể bước dọc lối mòn với dòng nước xiết ở ngay bên cạnh thế này không. Alice cũng sẽ gặp nguy mất. Đám chó săn có thể đánh hơi thấy mùi cô ấy.

Thậm chí trên nền tiếng suối đổ và mưa rơi tôi vẫn nghe được tiếng đàn chó săn; dường như chúng mỗi lúc một tiến đến gần hơn. Đột nhiên, tôi nghe thấy một âm thanh làm tôi nín thở.

Một tiếng thét vánh!

Alice! Tôi quay mình nhìn ngược lên lối mòn nhưng Thầy Trừ Tà đã chớp lấy tay tôi kéo về phía trước. “Chúng ta chẳng làm gì được đâu anh bạn ạ!” thầy gào lên. “Chẳng làm được gì đâu! Vậy nên ta đi tiếp nào.”

Tôi tuân theo, cố gắng phớt lờ âm thanh từ mạn đồi đằng sau chúng tôi vọng lại. Có bao nhiêu là tiếng kêu gào la hét và lại thêm những tiếng thét kinh hoàng nữa cho đến khi dần dà mọi thứ trở nên im lặng và tôi chỉ còn nghe được tiếng nước ào ào chảy đi. Lúc này bầu trời đã sáng sủa hơn nhiều, và bên dưới chúng tôi, trong ánh sáng bình minh đầu tiên, tôi có thể nhìn ra mặt trũng nước lơ mờ dần trải giữa những tán cây.

Tim tôi nhói đau khi nghĩ về chuyện có khả năng đã xảy đến với Alice. Cô ấy không đáng phải chịu như vậy.

“Tiếp tục đi nào,” Thầy Trừ Tà nhắc lại.

Và rồi chúng tôi nghe thấy tiếng gì đó trên lối mòn sau lưng – nhưng lại di chuyển mỗi lúc một gần hơn. Nghe như là một con thú đang lao về phía chúng tôi. Một con chó khổng lồ.

Như thế này hình như chẳng công bằng gì cả. Chúng tôi đã đến thật gần bên trũng nước với hai dòng suối chảy ra lắm rồi. Chỉ thêm mười phút nữa là chúng tôi có thể khiến cho đám chó ấy mất mùi. Nhưng tôi ngạc nhiên khi thấy Thầy Trừ Tà chẳng di chuyển nhanh hơn chút nào. Hình như thầy thậm chí còn đi chậm lại nữa cơ chứ. Cuối cùng, thầy dừng hẳn lại và kéo tôi nép sang một bên lối đi; tôi thắc mắc không biết có phải là thầy đã cạn kiệt sức lực rồi chẳng. Nếu thế, hai thầy trò chúng tôi đến đây là đi tong.

Tôi nhìn sang Thầy Trừ Tà, thầm hy vọng rằng thầy sẽ rút thứ gì đó trong túi ra mà cứu lấy cả hai. Nhưng thầy chẳng hề manh động. Con chó săn đang lao hết tốc lực về phía chúng tôi. Nhưng khi nó đến gần hơn, tôi để ý thấy nó kỳ kỳ sao đó. Vì một lẽ nó đang rên lên ăng ăng chứ chẳng phải tru tréo ông ổng như một con chó săn đang sửa váng. Và hai mắt nó đang chăm chú vào một điểm trước mặt thay vì vào chúng tôi. Nó phóng qua sát đến độ tôi chìa tay ra là chạm vào nó ngay.

“Nếu ta không làm thì con này đang hoảng sợ,” Thầy Trừ Tà lên tiếng. “Coi chừng đấy! Thêm một con khác nữa này!”

Con kế tiếp phóng đến, rên rĩ hết con trước, đuôi cụp vào giữa hai chân. Loáng sau, lại thêm hai con nữa. Và rồi, ngay sát đằng sau là con chó săn thứ năm. Tất thảy chẳng để ý gì đến bọn tôi mà chỉ đâm đầu phóng qua lối mòn lầy lội thẳng đến trũng nước.

“Chuyện gì đã xảy ra thế ạ?” tôi hỏi.

“Chắc chắn ta sẽ chóng hiểu ra thôi mà,” Thầy Trừ Tà đáp. “Thôi cứ đi tiếp đi nào.”

Chẳng bao lâu sau mưa tạnh hẳn và chúng tôi đến được bên trũng nước. Trũng nước rộng thênh thang và đa phần mặt nước đều phẳng lặng. Nhưng gần chỗ chúng tôi là nơi dòng suối đổ vào thành một dòng cuộn cuộn trắng xóa, hối hả đổ qua sườn dốc đứng mà chảy xuống khuấy động mặt hồ. Chúng tôi đứng đấy nhìn chăm chăm vào dòng nước đang đổ xuống, nơi những cành cây, nhánh lá và thậm chí đôi lúc có cả những súc gỗ bị cuốn phăng vào trũng nước.

Bất ngờ một vật to lớn hơn rơi tõm xuống mặt nước làm nước bắn tung tóe. Vật này chìm sâu xuống dưới đáy nhưng rồi lại xuất hiện cách chỗ rơi khoảng ba mươi sải và bắt đầu bị cuốn về phía bờ trũng mạn Tây. Vật ấy trông như một xác người.

Tôi vội vã lao đến mép nước. Lỡ ra là Alice chẳng? Nhưng trước khi tôi kịp nhảy xuống nước, Thầy Trừ Tà đã đặt tay lên vai tôi siết mạnh.

“Không phải là Alice đâu,” thầy nhẹ nhàng bảo. “Thân hình ấy quá lớn. Với lại, ta nghĩ chính con bé đã cho gọi Quỷ Độc. Bằng không thì tại sao hẳn lại đột ngột bỏ đi cơ chứ? Có Quỷ Độc về phe mình hẳn con bé ấy đã giành lấy phần thắng trong bất cứ cuộc đụng độ nào đang xảy ra phía sau kia. Tốt nhất chúng ta nên đi vòng qua bờ bên kia xem thử nào.”

Hai thầy trò tôi đi men theo bờ trũng uốn cong. Vài phút sau, chúng tôi đã đứng bên bờ mạn Tây dưới những tán cây ngô đồng to lớn, chân lún sâu cả tấc dưới đám lá rụng. Vật nổi trên mặt nước lúc này còn cách đây một quãng, giờ đang dạt đến gần hơn. Tôi hy vọng là Thầy Trừ Tà nói đúng, rằng cái xác ấy quá lớn, do đó không thể nào là xác của Alice, nhưng vì trời vẫn còn quá tối nên không biết chắc được. Với lại nếu đây không phải là xác của Alice thì còn là xác của ai nữa cơ chứ?

Tôi bắt đầu thấy sợ nhưng chẳng còn làm gì được ngoại trừ đứng chờ cho trời sáng và cái xác kia trôi gần đến chỗ chúng tôi hơn.

Những đám mây chậm chạp tản ra và chẳng bao lâu sau, bầu trời đã hửng rạng đủ cho thầy trò tôi nhận diện được cái xác để khỏi phải nghi ngại pháp phòng gì nữa.

Là xác của tên Phán Quan.

Tôi nhìn vào cái xác đang nổi lều bều. Xác nằm ngửa mặt lên trời và chỉ có khuôn mặt là nhô lên khỏi mặt nước. Miệng hẳn đang há to và cả hai mắt cũng thế. Trên gương mặt chết ngắc tái nhợt đó còn phảng phất vẻ kinh hoàng. Trông như thể trong xác của hắn chẳng còn lại giọt máu nào cả.

“Lúc còn sống tên này đã thả bời nhiều người vô tội xuống nước,” Thầy Trừ Tà cất lời. “Toàn là những con người khốn khổ, già nua, cô độc. Nhiều

người trong số đó đã phải lao động vất vả cả đời và xứng đáng được hưởng chút ít thanh bình yên tĩnh lúc tuổi già, cộng thêm chút ít kính trọng nữa. Và giờ thì tới phiên hăn. Hăn phải hứng lấy quả báo mà hăn đáng phải chịu.”

Tôi biết rằng việc thả bơi phù thủy chỉ là trò mê tín vớ vẩn, nhưng tôi vẫn không thể không nghĩ đến sự thật là hăn ta đang nổi. Những người vô tội sẽ chìm; những kẻ có tội sẽ nổi. Những người vô tội như là bà dì của Alice, bà đã chết vì quá sốc.

“Alice đã gây ra việc này phải không ạ?” tôi hỏi.

Thầy Trừ Tà gật đầu. “Phải đấy. Vài người sẽ nói là do con bé gây ra. Nhưng thực chất là Quỷ Độc mới đúng. Tính đến giờ con bé đã triệu hăn hai lần rồi. Quyền năng hăn thống trị con bé giờ đang tăng lên và những gì nó nhìn thấy thì hăn cũng sẽ nhìn thấy nốt.”

“Vậy chẳng phải chúng ta nên lên đường sao?” tôi bồn chồn hỏi, đưa mắt nhìn qua bên kia hồ, nơi trũng nước chảy thẳng vào. Bên cạnh đấy là lối mòn. “Liệu thuộc hạ của tên Phán Quan có đi theo xuống đây không nhỉ?”

“Chắc cũng có khả năng ấy lắm. Đây là nếu bọn chúng còn chút hơi sức nào. Nhưng ta linh cảm là lúc này bọn chúng chẳng được khỏe khoắn gì đâu. Không, ta đang trông đợi kẻ khác kia, và nếu ta không lầm, thì con bé ấy đang đến kia kìa...”

Tôi dõi theo ánh nhìn của Thầy Trừ Tà về phía con suối, nơi có một dáng người nhỏ bé đang đi xuống lối mòn rồi đứng đấy một chập ngấm nghĩa dòng thác đổ. Đoạn ánh mắt của Alice chuyển sang thầy trò tôi và cô gái bắt đầu đi dọc bờ sông về phía chúng tôi.

“Hãy nhớ nhé,” Thầy Trừ Tà cảnh báo, “giờ thì Quỷ Độc có thể nhìn qua mắt con bé rồi. Hăn đang gầy dựng thêm quyền năng và sức mạnh, đồng thời học hỏi lấy những điểm yếu của chúng ta. Cẩn thận với lời nói và hành động của con đấy.”

Một phần trong tôi những muốn gào lên cảnh báo Alice hãy chạy đi khi còn có thể. Lúc này chẳng ai biết được Thầy Trừ Tà sẽ làm gì với cô ấy nữa rồi. Một phần khác trong tôi đột nhiên thấy sợ hãi cô ấy cực cùng. Nhưng tôi

còn biết làm gì nữa đây? Tận trong đáy lòng, tôi biết Thầy Trừ Tà là hy vọng duy nhất của Alice. Giờ đây còn ai khác có khả năng giải phóng Alice khỏi tay Quỷ Độc nữa chứ?

Alice đi đến đứng sát mép nước, để tôi đứng giữa cô ấy và Thầy Trừ Tà. Cô đang nhìn chăm chăm vào xác của tên Phán Quan. Trên mặt cô ẩn hiện sự pha trộn giữa nỗi kinh hoàng và niềm hân hoan chiến thắng.

“Mi cũng nên nhìn cho kỹ vào đi con nhóc kia,” Thầy Trừ Tà lên tiếng. “Xem xét chi tiết công trình của mi đi. Liệu có đáng thế không?”

Alice gật đầu. “Hắn hứng lấy những gì hắn phải chịu,” cô quả quyết.

“Phải rồi, nhưng với cái giá nào cơ?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Mi càng lúc càng thuộc về thế lực bóng tối. Triệu Quỷ Độc đến thêm một lần nữa rồi mi sẽ vĩnh viễn lạc lối.”

Alice không trả lời và cả ba chúng tôi im lặng đứng đấy một hồi lâu, chỉ nhìn chăm chăm vào mặt nước.

“Thôi nào anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo, “ta nên đi thôi. Ai đó khác sẽ phải xử lý cái xác này vì chúng ta còn việc phải làm. Còn mi đấy, con bé kia, mi sẽ đi theo bọn ta nếu mi biết điều gì là có lợi cho mình. Giờ thì mi nên lắng tai nghe và phải nghe cho kỹ đây, vì ta đang đề nghị với mi hy vọng duy nhất. Cơ may duy nhất mà mi có thể có được để giải thoát khỏi kẻ ấy.”

Alice ngược nhìn lên với hai mắt mở lớn.

“Mi biết mi đang trong tình thế nguy hiểm thế nào chứ gì? Mi có muốn được thoát ra không?” thầy hỏi.

Alice gật đầu.

“Vậy thì lại đây!” thầy lạnh lùng ra lệnh.

Alice ngoan ngoãn đến bên thầy.

“Mi đi đến bất cứ đâu thì Quỷ Độc cũng sẽ cách đấy không xa, nên từ giờ trở đi tốt hơn là mi nên đi cùng ta và anh bạn này. Ta thà biết mang máng kẻ ấy ở đâu còn hơn là để cho hắn tung hoành khắp Hạm mà tàn hại người vô tội. Vậy nên mi nghe đây và nghe cho kỹ vào. Từ rày trở đi, điều quan trọng

là mi không nghe không thấy gì hết – như thế thì Quỷ Độc chẳng thu lượm được gì từ mi cả. Nhưng này, mi phải tự giác làm việc ấy. Nếu mi ăn gian một xíu xiu nào thì mọi chuyện sẽ rất khó khăn cho tất cả chúng ta.”

Thầy mở túi ra và bắt đầu lục lọi trong ấy. “Đây là khăn bịt mắt,” thầy vừa bảo vừa giơ ra một dải vải đen cho Alice thấy. “Mi sẽ mang vào chứ?” thầy hỏi.

Alice gật đầu, đoạn Thầy Trừ Tà xòe lòng bàn tay trái về phía cô ấy. “Thấy cái này không?” thầy hỏi. “Đây là hai nút sáp để nhét tai.”

Mỗi một nút nhét tai đều có dính một núm bạc để sau đấy có thể tháo nút được dễ dàng.

Alice nghi ngại nhìn mấy cái nút sáp nhưng rồi cô cũng ngoan ngoãn nghiêng đầu cho Thầy Trừ Tà nhẹ nhàng nhét nút đầu tiên vào. Sau khi nhét nút tai bên kia xong, thầy bèn thắt chặt khăn bịt ngang mắt Alice.

Chúng tôi lên đường, hướng về hướng Đông - Bắc, Thầy Trừ Tà nắm lấy khuỷu tay Alice dẫn đi. Tôi chỉ hy vọng là trên đường đi chúng tôi không phải đi ngang qua ai cả. Họ sẽ nghĩ sao đây chứ? Chắc chắn là chúng tôi sẽ thu hút rất nhiều sự chú ý không mong muốn.

Chương 19

THẠCH MỘ

Lúc này là ban ngày nên sẽ chẳng có mối đe dọa trực tiếp nào từ Quỷ Độc. Cũng như bao giống loài của bóng tối, hắn đang phải ẩn náu dưới lòng đất. Và khi Alice bị bịt mắt bịt tai như thế này rồi, hắn sẽ không còn có thể nhìn qua mắt cô ấy hay lắng nghe những gì chúng tôi trao đổi. Hắn sẽ không biết chúng tôi đang ở đâu.

Tôi từng nghĩ sẽ phải có thêm một ngày cuộc bộ vất vả nữa và thắc mắc không biết liệu chúng tôi có đến được Heysham trước khi tối trời hay không. Nhưng ngạc nhiên làm sao là Thầy Trừ Tà đã đưa chúng tôi ngược lên một đường mòn dẫn đến một nông trại và đứng chờ ngoài cổng, đám chó sủa inh ỏi đình tai nhức óc, trong khi một lão nông khập khiễng chống gậy đi đến. Trên mặt ông ta lộ rõ vẻ lo lắng.

“Tôi xin lỗi,” ông ta rên rỉ. “Tôi thật sự xin lỗi, nhưng chẳng có gì thay đổi cả. Nếu có thì tôi đã đưa cho ông rồi.”

Hình như năm năm trước Thầy Trừ Tà đã giúp diệt trừ một ông kẹ quấy phá khỏi nông trại của ông già này và thầy vẫn chưa được trả công. Giờ thì thầy tôi muốn được trả công nhưng không phải bằng tiền.

Trong vòng nửa tiếng, chúng tôi đã ngồi trên cỗ xe do một trong những con ngựa thồ to lớn nhất mà tôi từng thấy kéo; ngồi đánh xe là con trai của lão nông nọ. Thoạt đầu, trước khi khởi hành, anh ta đã nhìn vào Alice đang bị bịt mắt, vẻ mặt hoang mang không hiểu.

“Thôi ngay cái trò trở mắt nhìn con bé mà tập trung vào việc của anh đi!” Thầy Trừ Tà nạt um lên làm anh chàng vội vã nhìn đi chỗ khác. Có vẻ anh ta rất vui khi chở chúng tôi đi, mừng vì được thoát khỏi công việc đồng áng thường ngày trong vài tiếng đồng hồ, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã men theo những con đường tắt, đi qua khu vực Đông Caster. Thầy Trừ Tà bắt

Alice nằm xuống trong xe và dùng rơm che lên mình cô ấy để người đi ngang khỏi nhìn thấy.

Rõ ràng là con ngựa này vốn quen với việc kéo những thồ hàng nặng, nên trong khi chỉ có ba chúng tôi ngồi ở sau thì nó phóng như bay. Thấp thoáng xa xa chúng tôi có thể nhìn thấy thị trấn Caster cùng những tòa lâu đài ở đấy. Rất nhiều phù thủy từng mất mạng tại nơi này sau một phiên xử dài, nhưng ở Caster người ta không hỏa thiêu phù thủy, mà lại treo cổ. Vậy nên, nói theo thuật ngữ thủy thủ của bố tôi thì, chúng tôi “bẻ lái đánh vòng” khỏi thị trấn ấy, và không lâu sau đấy đã bỏ xa nơi này và băng qua cây cầu bắc ngang sông Lune, sau đấy đổi hướng tiến về phía Tây - Nam đi đến Heysham.

Anh chàng nông dân được bảo đứng chờ chúng tôi ở cuối con đường ven rìa làng.

“Bọn ta sẽ quay lại lúc bình minh,” Thầy Trừ Tà bảo. “Đừng lo. Ta sẽ trả công cho anh xứng đáng.”

Chúng tôi leo theo con đường mòn ngược lên đồi, về phía tay phải là một nhà thờ cũ kỹ và một bãi tha ma. Tại đấy, bên phía mạn đồi khuất gió, vạn vật tĩnh lặng, những cây cổ thụ cao to phủ bóng xuống các thạch mộ. Nhưng khi leo qua cánh cổng trên đỉnh mỏm đá thì một cơn gió xiết mang theo mùi vị của biển thốc vào chúng tôi. Trước mặt chúng tôi là tàn tích của một căn nhà nguyện bằng đá nho nhỏ chỉ còn sót lại ba vách tường dựng đứng. Chúng tôi đã leo lên khá cao và tôi có thể nhìn thấy vịnh bên dưới cùng bãi cát dài đang bị thủy triều bao phủ gần hết, kể đến là sóng biển đang vỗ ào ào vào vách đá của doi đất nhỏ phía xa.

“Đa phần những bờ biển ở phía Tây đều bằng phẳng,” Thầy Trừ Tà giảng giải, “và đây là vách đá cao nhất trong Hạng. Người ta bảo đây là nơi con người đầu tiên đặt chân lên Hạng. Họ đến từ vùng đất miền Tây xa xôi và thuyền của họ bị mắc cạn vào bãi đá bên dưới kia. Hậu duệ của họ đã dựng lên nhà nguyện này.”

Thầy chỉ tay và nơi đấy, ngay phía sau đám tàn tích, tôi trông thấy những thạch mộ. “Trong toàn Hạt chẳng còn nơi nào khác giống nơi này đâu,” Thầy Trừ Tà bảo.

Được khắc sâu vào một phiến đá lớn, ngay bên mép ngọn đồi dốc đứng, là một dãy sáu cổ quan tài, tất cả đều mang hình dáng thân thể người cùng một nắp đậy bằng đá đặt khít vào rãnh khắc. Các cổ quan tài này có hình dạng kích thước khác nhau nhưng nhìn chung đều khá nhỏ, như được đẽo ra cho con nít vậy, nhưng đây lại là những nấm mồ của sáu Người Lùn. Sáu người con trai của vua Heys.

Thầy Trừ Tà quỳ xuống cạnh ngôi mộ gần nhất. Trên đầu mỗi ngôi mộ là một hốc hình vuông và thầy lần ngón tay mình theo quanh hốc ấy. Đoạn thầy duỗi những ngón tay bên bàn tay trái. Khoảng gang tay của thầy vừa che đủ hốc đá kia.

“Giờ thì cái này có thể được dùng làm gì nào?” thầy tự mình lẩm bẩm.

“Những Người Lùn lớn đến mức nào ạ?” tôi hỏi. Những nấm mồ có kích thước khác nhau, và khi quan sát kỹ, tôi nhận thấy chúng không thật nhỏ như mình thoát tưởng.

Để trả lời tôi, Thầy Trừ Tà mở túi lôi ra một thanh thước gấp. Thầy mở thanh thước ra để đo nấm mồ.

“Ngôi mộ này dài khoảng một mét sáu,” thầy thông báo, “và phần giữa rộng khoảng mười ba phân rưỡi. Nhưng còn có nhiều vật dụng tư trang được chôn theo Người Lùn để họ dùng ở thế giới bên kia nữa. Vài người trong số họ cao trên một mét rưỡi, còn rất nhiều người khác thì nhỏ con hơn hẳn. Thời gian trôi đi, mỗi thế hệ trở nên lớn xác hơn nhờ vào những cuộc hôn nhân lai tạp giữa họ và những kẻ xâm lăng từ ngoài biển. Thế nên giống người này không hẳn đã chết hết rồi đâu. Máu của họ vẫn còn chảy qua huyết quản của chúng ta đấy.”

Thầy Trừ Tà quay sang Alice, và ngạc nhiên thật, thầy mở khăn bịt mắt cho cô. Tiếp đấy thầy còn gỡ cả nút nhét tai, rồi cẩn thận bỏ tất cả vào túi. Alice hấp háy mắt rồi nhìn quanh. Cô trông không được vui vẻ gì lắm.

“Chẳng thích nơi này đâu,” cô phàn nàn. “Có gì đấy không ổn. Cảm giác không hay.”

“Thế cơ à?” Thầy Trừ Tà bảo. “Ừ, đây là điều thú vị nhất mà mi nói trong cả ngày hôm nay đấy. Cũng thật lạ vì ta lại thấy nơi này thú vị đấy chứ. Không gì sánh bằng chút khí biển làm khỏe người cả!”

Tôi thì dường như chẳng thấy có gì làm khỏe người ở đây. Gió đã ngừng thổi và giờ đây những cuộn sương mù xoắn tít đang từ ngoài biển trườn vào, không khí mỗi lúc một trở lạnh hơn. Trong vòng một giờ nữa thôi trời sẽ tối. Tôi biết ý Alice muốn nói gì. Đây là nơi cần phải tránh xa khi hoàng hôn buông xuống. Tôi có thể cảm nhận được thứ gì đó và tôi không nghĩ thứ ấy sẽ thân thiện lắm đâu.

“Có thứ gì đó đang lẩn khuất cạnh đây thầy ạ,” tôi bảo với Thầy Trừ Tà.

“Ta hãy lại kia ngồi và cho thứ ấy chút thời gian làm quen với chúng ta đã nào,” Thầy Trừ Tà lên tiếng. “Chúng ta đâu muốn làm cho thứ ấy hoảng sợ mà biến đi mất...”

“Là hồn ma của Naze ạ?” tôi hỏi.

“Ta hy vọng là vậy. Chắc chắn hy vọng thế. Nhưng chúng ta sẽ sớm biết thôi. Cứ kiên nhẫn đã.”

Chúng tôi ngồi xuống bên bờ cỏ cách đấy một quãng, trong khi ánh sáng chậm chậm lịm tắt. Tôi càng lúc càng thấy lo.

“Khi trời tối hẳn thì sẽ ra sao ạ?” tôi hỏi Thầy Trừ Tà. “Liệu tên Quỷ Độc sẽ không xuất hiện sao? Giờ thầy đã tháo khăn bịt mắt cho Alice rồi, hẳn sẽ biết chúng ta đang ở đâu mất!”

“Ta nghĩ chúng ta ở đây là an toàn lắm rồi,” Thầy Trừ Tà đáp. “Đây có thể là nơi duy nhất trong toàn Hạt này mà hẳn phải tránh xa. Có điều gì đó đã được tiến hành tại đây, và nếu ta không lầm, thì Quỷ Độc sẽ không đến gần khu này trong vòng một dặm. Có lẽ hẳn biết chúng ta đang ở đâu nhưng hẳn chẳng làm được gì. Ta nói có đúng không nào con nhóc kia?”

Alice rùng mình gật đầu. “Hẳn đã cố nói chuyện với cháu. Nhưng giọng của hẳn rất xa xôi yếu ớt. Hẳn thậm chí còn không thể chui vào đầu cháu

được.”

“Đấy chính là điều ta hy vọng,” Thầy Trừ Tà nói. “Nghĩa là cuộc hành trình của chúng ta không đến nỗi uổng phí.”

“Hắn muốn cháu ra khỏi đây ngay lập tức. Muốn cháu đi đến chỗ hắn...”

“Và đấy có phải là điều *mi* muốn không?”

Alice lắc đầu và lại rùng mình.

“Ta mừng khi nghe thế đấy, bởi vì lần tới ấy mà, như ta đã bảo với mi rồi, sẽ chẳng còn ai có thể cứu nổi mi đâu. Bây giờ hắn đang ở đâu?”

“Hắn ở dưới mặt đất. Trong một hang động tối tăm, ẩm ướt. Hắn tự tìm được vài miếng xương nhưng hắn quá đói nên từng ấy xương là không đủ.”

“Được rồi! Giờ đến lúc ta bắt tay vào việc nào,” Thầy Trừ Tà bảo. “Hai đứa náu mình vào giữa mấy bức tường kia đi.” Thầy khoa tay chỉ về đồng nhà nguyện đổ nát. “Cố mà chộp mắt lấy một lúc trong khi ta đứng canh gác cạnh mấy ngôi mộ này.”

Chúng tôi không bàn cãi gì và đến ngồi xuống bãi cỏ giữa đồng tàn tích của nhà nguyện. Vì bị hỏng mất một bức vách nên chúng tôi vẫn có thể nhìn thấy Thầy Trừ Tà và những nấm mồ. Tôi nghĩ chắc là thầy sẽ ngồi xuống thôi, nhưng thầy vẫn đứng nguyên, tay trái thầy gác lên thanh trượng.

Tôi đã mệt lử nên chẳng bao lâu sau là ngủ thiếp đi. Nhưng đột nhiên tôi choàng tỉnh. Alice đang lay lay vai tôi.

“Gì thế?” tôi hỏi.

“Lão ta đang phí thời gian vô ích kìa,” Alice chỉ tay về phía Thầy Trừ Tà đang lom khom quanh mấy nấm mồ. “Có thứ gì đấy gần bên nhưng là ở đằng sau kia, gần bờ rào ấy.”

“Cậu chắc chứ?”

Alice gật đầu. “Nhưng cậu đi mà nói cho lão ta biết. Nếu do tớ nói thì lão ta sẽ không tử tế lắm đâu.”

Tôi bước về phía Thầy Trừ Tà và gọi to, “Thầy Gregory ơi!” Thầy chẳng động đậy làm tôi thắc mắc phải chẳng thầy vừa lom khom vừa ngủ thiếp đi

mất rồi. Nhưng sau đó, thật chậm rãi, thầy đứng dậy quay nửa thân trên về phía tôi, còn hai chân vẫn giữ nguyên tại chỗ.

Có vài khoảng trống giữa các đám mây nhưng những mảng ánh sao ấy vẫn không đủ cho tôi nhìn rõ mặt Thầy Trừ Tà. Dưới mũ trùm của thầy chỉ là một khoảng tối đen.

“Alice bảo đằng sau kia có thứ gì đấy, gần bờ rào ấy ạ,” tôi mách với thầy.

“Vậy sao,” thầy lầm bầm. “Thế thì nên ra sau đấy coi xem nào.”

Chúng tôi bước đến phía bờ rào. Chúng tôi càng đến gần, không khí càng trở lạnh nên tôi biết Alice nói đúng. Có một thứ linh hồn nào đấy đang lẩn khuất quanh đây.

Thầy Trừ Tà chỉ tay xuống dưới, rồi thỉnh thoảng thầy quỳ xuống, giật giật mớ cỏ dài. Tôi cũng quỳ xuống bắt tay vào giúp thầy. Chúng tôi phát hiện ra thêm hai thạch mộ nữa. Một ngôi mộ dài gần một mét rưỡi nhưng mộ còn lại dài chỉ bằng phân nửa. Đây là ngôi mộ nhỏ hơn hết thảy.

“Có người mang trong mình dòng máu cổ xưa thuần khiết đã được chôn tại đây,” Thầy Trừ Tà nói. “Cùng với đấy là sức mạnh. Đây là ngôi mộ mà chúng ta đang tìm. Chắc chắn hồn ma của Naze sẽ quanh đây thôi! Lùi lại một chút nào anh bạn. Tránh xa nhé.”

“Con không thể ở lại nghe sao hả thầy?” tôi hỏi.

Thầy Trừ Tà lắc đầu.

“Thầy không tin con sao?” tôi lại hỏi.

“Con có tin chính mình không?” là câu trả lời. “Con hãy tự hỏi mình điều ấy đi! Trước hết là khả năng ông ta chỉ hiện hình khi có một người trong chúng ta ở đây thôi. Và lại, tốt hơn là con không nên nghe cuộc trò chuyện này. Quỷ Độc đọc được tâm trí, không nhớ à? Con có đủ mạnh để ngăn không cho hắn đọc tâm trí của con không? Chúng ta không thể để hắn biết là chúng ta đang làm chuyện này; rằng chúng ta đang có kế hoạch; rằng chúng ta biết được điểm yếu của hắn. Khi hắn len vào được trong các giấc mơ của con, sự sợ hãi trong não con tìm kiếm manh mối và kế hoạch, con có tin tưởng bản thân mình không để lộ điều gì không?”

Tôi không chắc lắm.

“Con là một cậu bé can đảm, là kẻ can đảm nhất trong những người từng học việc với ta. Nhưng con vẫn chỉ là thế thôi, là một chân học việc, và chúng ta không được phép quên điều này. Vậy nên con lùi lại đi nào!” thầy vừa nói vừa xua tay đuổi tôi đi.

Tôi làm theo lời thầy và tấp tểnh quay về chỗ nhà nguyện hoang phế. Alice đang say ngủ nên tôi ngồi xuống bên cạnh cô ấy một chập nhưng chẳng thể yên lòng được. Tôi nôn nao là vì thực sự muốn biết hồn ma của Naze sẽ tiết lộ điều gì. Còn về chuyện Thầy Trừ Tà cảnh báo tôi việc Quỷ Độc sục sạo trong trí tôi khi tôi đang ngủ, chuyện này không làm tôi lo lắng lắm. Ở đây chúng tôi an toàn khỏi tay hắn, và nếu Thầy Trừ Tà tìm ra được điều thầy muốn tìm, thì đến tối mai mọi chuyện với Quỷ Độc coi như chấm dứt.

Thế là tôi lại rời khỏi đồng đồ nát ấy mà bò dọc bức tường đến gần Thầy Trừ Tà hơn. Đây không phải là lần đầu tôi không nghe theo lời thầy, nhưng lại là lần đầu tiên sát sao nguy hiểm đến vậy. Tôi ngồi xuống tựa lưng vào tường và chờ đợi. Nhưng chẳng phải chờ lâu. Dù ở cách xa như thế tôi cũng bắt đầu cảm thấy rất lạnh và cứ run lập cập mãi. Một trong những hồn người đã chết đang tiến đến gần, nhưng liệu đấy có phải là hồn ma của Naze?

Một tia sáng le lói bắt đầu tụ lại từ bên trên năm mồ bé nhất. Không hẳn ánh sáng ấy mang dáng dấp người, mà chỉ là một cột sáng cao chưa tới đầu gối Thầy Trừ Tà. Ngay lập tức tôi nghe thấy tiếng thầy tra hỏi hồn ma ấy. Không gian vắng lặng tịch mịch, và cho dù Thầy Trừ Tà đang kìm giọng thật khẽ, tôi vẫn có thể nghe rõ từng lời thầy nói.

“Nói mau!” Thầy Trừ Tà bảo. “Nói đi, ta ra lệnh cho ngươi đấy!”

“*Mặc ta! Để ta yên nghỉ đi!*” tiếng trả lời vọng lại.

Mặc dù Naze đã qua đời khi còn rất trẻ và trong thời sung mãn của mình, giọng nói của hồn ma nghe như tiếng một ông lão rất già. Giọng nói ấy rền rĩ khò khè chất chứa sự mệt mỏi rệu rã. Nhưng không nhất thiết đấy không phải là hồn ma của Naze. Thầy Trừ Tà từng nói cho tôi hay rằng những hồn

ma không nói năng như khi họ còn sống. Hồn ma liên lạc trực tiếp với tâm trí ta và vì thế ta có thể hiểu được lời của kẻ đã sống từ bao thế hệ trước; kẻ mà lúc xưa có lẽ đã giao tiếp bằng thứ ngôn ngữ khác hẳn.

“Tên ta là John Gregory và ta là con trai thứ bảy của người con thứ bảy,” Thầy Trừ Tà lên giọng. “Ta đến đây để kết thúc chuyện mà đáng lẽ phải được làm từ nhiều năm trước; để chấm dứt bao điều tàn ác của Quỷ Độc và cũng để ban cho người sự an nghỉ cuối cùng. Nhưng đây là những điều ta cần phải biết. Trước hết, người phải nói cho ta biết tên của người!”

Có một sự im lặng kéo dài làm tôi nghĩ hồn ma này sẽ không trả lời đâu, nhưng cuối cùng hồn ma cũng đáp.

“Ta là Naze, con trai thứ bảy của vua Heys. Người muốn biết những gì?”

“Đã đến lúc chấm dứt chuyện này vĩnh viễn,” Thầy Trừ Tà đáp. “Quỷ Độc đã được tự do và sẽ nhanh chóng khôi phục toàn bộ sức mạnh để đe dọa cả vùng đất này. Hẳn phải bị tiêu diệt. Nên ta đến đây hỏi lấy kiến thức của người. Người đã chèn hẳn vào khu hầm mộ bằng cách nào? Làm thế nào để giết được hẳn? Người có thể cho ta biết chăng?”

“Người có mạnh mẽ không?” giọng của Naze khò khè đáp lại. “Người có thể khép tâm trí lại ngăn không cho Quỷ Độc đọc được không?”

“Có, ta có thể làm được chuyện ấy,” Thầy Trừ Tà đáp.

“Vậy thì may ra còn có hy vọng. Ta sẽ cho người biết ta đã làm gì. Ta đã chèn Quỷ Độc bằng cách nào. Trước hết, ta giao kèo với hẳn là ta sẽ hiến máu mình cho hẳn. Sau khi hẳn có thể uống được ba lần rồi, đổi lại hẳn phải ba lần tuân theo lệnh ta. Tại nơi sâu tối nhất trong khu hầm mộ ở Priestown là một hốc chôn cất chứa những hũ hài cốt đựng tro các bậc tổ tiên đã khuất của chúng ta, những bậc cha ông của thần dân chúng ta. Chính trong căn phòng đó ta đã cho gọi Quỷ Độc đến để hẳn uống máu mình. Để đổi lại ta cũng chứng tỏ mình là một kẻ cứng đầu chắt chẽ.

Lần đầu tiên ta ra lệnh cho Quỷ Độc không bao giờ được bén mảng đến nơi gò mả và phải tránh xa khỏi nơi mà cha và các anh ta được chôn cất, vì ta muốn mọi người được yên nghỉ. Quỷ Độc rên rỉ thảm thương vì nơi gò mả

ấy là nơi trú ngụ yêu thích của hắn, nơi mà hắn ẩn náu qua thời khắc ban ngày và nằm đấy ôm lấy đồng xương khô mà hút đến tận những ký ức cuối cùng chứa đựng trong đấy. Nhưng đã giao kèo thì vẫn phải là giao kèo nên hắn chẳng còn cách nào khác, đành phải tuân theo. Khi triệu hắn đến lần thứ hai, ta phái hắn đi đến cùng trời cuối đất để tìm kiếm kiến thức, và thế là hắn phải đi xa trong một tháng một ngày, tạo cho ta có đủ thời gian cần thiết.

Đến khi ấy ta cho người của ta bắt tay vào việc, chế tác và lắp đặt cánh Cổng Bạc. Nhưng ngay cả khi quay về Quỷ Độc cũng chẳng hay biết gì chuyện này vì tâm trí ta rất vững vàng và ta đã giấu nhem những suy nghĩ của mình.

Sau khi cho hắn uống máu lần cuối, ta bảo với Quỷ Độc những gì ta yêu cầu, thét vang thật lớn cái giá mà hắn phải trả.

“‘Mi bị chèn vào nơi này!’ ta đã ra lệnh như thế. ‘Bị giam vào bên trong hầm mộ mà chẳng có lối ra. Nhưng vì ta không bao giờ nguyện cho bất cứ sinh linh nào, dù đấy có là thứ xấu xa ghê tởm đi nữa, phải chịu đựng thống khổ mà không có được tia hy vọng, nên ta đã cho dựng cánh Cổng Bạc. Nếu có ai từng ngu si đến nỗi mở cánh cổng ấy ra khi mi đang hiện diện, thì mi có thể thoát khỏi cánh cổng ấy và được tự do. Tuy nhiên, từ đấy trở đi, nếu có khi nào mi quay lại chốn này, mi sẽ bị chèn vùi trong đấy đến muôn kiếp!’”

Do trái tim mềm yếu đã thống trị ta nên việc chèn kia đã không được quyết liệt như đáng ra phải thế. Trong suốt cả đời mình, ta luôn chan chứa niềm cảm thông với tất cả mọi người. Có kẻ xem đấy là yếu điểm và đôi khi cũng đúng thế thật. Vì ta không thể nguyện Quỷ Độc bị cầm tù vĩnh viễn mà không cho hắn một cơ hội mong manh được thoát ra.”

“Người đã hành động đủ rồi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Và giờ ta sẽ kết thúc việc ấy. Nếu chúng ta có thể dụ được hắn quay trở lại nơi ấy thì hắn sẽ bị chôn vùi vĩnh viễn! Khởi đầu từ đấy đi. Nhưng làm sao hắn có thể bị giết chết? Người nói cho ta biết được không? Sinh vật này giờ đây quá tàn độc nên chỉ chèn hắn thôi thì không đủ nữa rồi. Ta cần phải tiêu diệt hắn.”

“Trước hết hắc phải khoác lên mình lột da thịt. Thứ nữa là hắc phải đang ở sâu trong hãm mộ. Thứ ba là trái tim hắc phải bị xuyên thủng bằng vật làm bằng bạc. Chỉ đến khi nào cả ba điều kiện ấy đều được thỏa thì hắc mới chết hắc. Nhưng lại có một rủi ro rất lớn cho kẻ nào nỗ lực làm chuyện này. Trong lúc quần quai với cái chết thì Quỷ Độc sẽ phóng thích một lượng sức mạnh rất lớn đến nỗi kẻ giết hắc gần như chắc chắn là phải chết.”

Thầy Trừ Tà thở dài. “Cảm ơn người về những thông tin này,” thầy bảo với hồn ma. “Sẽ là khó khăn lắm đây nhưng vẫn phải được tiến hành thôi, bằng mọi giá. Nhưng giờ đây nhiệm vụ của người đã hoàn tất. Hãy ra đi thanh thản. Hãy siêu thoát qua thế giới bên kia.”

Đáp lại thì hồn ma của Naze chỉ rên lên khản đặc đến nỗi tóc gáy sau lưng tôi bắt đầu dựng cả lên. Đây là tiếng rên chứa đựng bao đau khổ.

“Sẽ chẳng có thanh thản nào cho ta cả,” hồn ma mệt mỏi rên rỉ. *“Chẳng có tí thanh thản nào cho đến khi Quỷ Độc chết hắc đi...”*

Vừa nói cộc sáng nhỏ nhoi kia vừa nhạt dần. Không chần chừ thêm nữa, tôi lần theo bức tường và quay trở lại đồng hồ nát. Lát sau Thầy Trừ Tà bước vào, nằm xuống nền cỏ và nhắm mắt lại.

“Ta phải suy nghĩ kỹ càng lắm đây,” thầy thì thào.

Tôi chẳng nói gì. Đột nhiên, tôi cảm thấy tội lỗi vì đã nghe trộm cuộc nói chuyện giữa Thầy Trừ Tà và hồn ma của Naze. Giờ tôi lại biết quá nhiều. Tôi e là nếu nói cho thầy nghe thì thầy sẽ đuổi tôi đi để chỉ mình thầy đối mặt với Quỷ Độc mà thôi.

“Sáng sớm mai ta sẽ giải thích cho,” thầy nói khẽ. “Nhưng giờ thì ráng mà ngủ đi. Phải đến khi mặt trời lên cao thì rời khỏi nơi này mới an toàn!”

Tôi ngạc nhiên thấy mình ngủ khá ngon. Chỉ đến khi bình minh sắp ló dạng, tôi mới bị đánh thức bởi tiếng sột soạt lạ lùng. Là Thầy Trừ Tà đang mài sắc lưỡi dao gấp ẩn trong thanh trượng của thầy bằng viên đá mài mà thầy lấy từ trong túi ra. Thầy thao tác rất lóng lánh, thì thoảng dùng ngón tay thử độ sắc của lưỡi dao ấy. Cuối cùng thầy cũng ưng ý và sau một tiếng *cách*, lưỡi dao gấp ngược vào trong trượng.

Tôi lồm cồm đứng dậy đuổi chân một đôi, trong khi Thầy Trừ Tà cúi xuống, lại mở túi ra lục lọi một hồi.

“Bây giờ ta đã biết chính xác cần phải làm gì,” thầy nói. “Chúng ta có thể đả bại tên Quỷ Độc. Có thể chấm dứt chuyện này nhưng đây sẽ là nhiệm vụ khó khăn nhất mà ta từng gánh vác. Nếu ta thất bại thì sẽ rất khốn đốn cho tất cả chúng ta.”

“Phải làm những gì ạ?” tôi hỏi thế nhưng trong dạ thấy khó chịu vì tôi đã biết rồi còn gì. Thầy không trả lời tôi mà lại đi qua tôi thẳng đến phía Alice, lúc này đã ngồi dậy, hai tay bó gối.

Thầy thắt khăn bịt mắt cho chặt rồi nhét nút tai đầu tiên vào. “Giờ đến nút thứ hai này, nhưng trước khi nhét vào, ta muốn mi lắng nghe cho kỹ đây, bởi chuyện này rất quan trọng,” thầy bảo. “Tối nay, khi ta tháo nút nhét tai này ra, ta sẽ bảo ngay với mi và mi phải lập tức làm theo lời ta mà không được hỏi han gì hết. Mi hiểu chưa?”

Alice gật đầu và thầy nhét nút tai thứ hai vào. Một lần nữa, Alice không nghe không thấy gì hết. Và Quỷ Độc sẽ không biết chúng tôi đang tính làm gì và định đi đến đâu. Trừ khi bằng cách nào đó hắn đọc được tâm trí tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy chột dạ vì những gì mình đã làm. Tôi đã biết quá nhiều.

“Rồi,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa quay sang tôi. “Ta sẽ nói cho con nghe một điều con chẳng thích đâu. Chúng ta phải quay lại Priestown. Trở vào khu hầm mộ.”

Đoạn thầy quay gót, nắm lấy khuỷu tay Alice và dẫn cô quay trở lại cỗ xe ngựa, nơi anh chàng nông dân kia vẫn còn đứng chờ.

“Chúng ta phải đến Priestown nhanh hết mức mà con ngựa này có thể thồ được,” Thầy Trừ Tà bảo.

“Tôi chẳng biết gì chuyện này cả,” anh chàng kia đáp. “Bố tôi đang chờ tôi quay về vào giữa trưa. Có nhiều việc cần làm lắm.”

Thầy Trừ Tà đưa ra một đồng bạc. “Này, cầm lấy đi. Hãy đưa chúng ta đến đây trước khi trời tối và anh sẽ nhận thêm đồng nữa. Ta không nghĩ bố

anh sẽ nề hà gì lắm đâu. Ông ta thích đếm tiền lắm kia mà.”

Thầy Trừ Tà bắt Alice nằm xuống dưới chân chúng tôi và lại lấy rơm phủ lên cô ấy để người nào có đi ngang qua cũng không nhìn thấy được, ngay sau đấy chúng tôi khởi hành. Thoạt tiên chúng tôi đi bọc quanh Caster nhưng rồi, thay vì phải đi ngược về hướng đồi đá, chúng tôi lại hướng ra con lộ chính thẳng đến Priestown.

“Chẳng phải quay trở lại đây giữa ban ngày ban mặt là nguy hiểm lắm sao thầy?” tôi lo lắng hỏi. Con đường này thật đông đúc và chúng tôi liên tục qua mặt những cỗ xe khác lẫn khách bộ hành. “Lờ người của tên Phán Quan nhìn thấy chúng ta thì sao?”

“Ta sẽ không bảo là chuyện này không có rủi ro gì đâu,” Thầy Trừ Tà đáp. “Nhưng giờ đây những kẻ đang lùng sục chúng ta hẳn vẫn còn bận rộn với chuyện mang cái xác xuống khỏi vùng đồi đá. Chắc chắn bọn chúng sẽ mang hẳn ta về Priestown để mai táng nhưng phải đến ngày mai chuyện ấy mới xảy ra; đến khi đấy thì mọi chuyện đã xong xuôi và chúng ta lên đường mất rồi. Dĩ nhiên, còn phải nghĩ đến chuyện cơn dông nữa chứ. Những ai có chút suy nghĩ sẽ ở yên trong nhà, tránh mình khỏi cơn mưa ấy mà.”

Tôi ngược nhìn lên trời. Ở phía Nam, những đám mây bắt đầu tụ lại nhưng tôi trông không đến nỗi nào là rầm rộ lắm. Khi tôi nói ra thế, Thầy Trừ Tà mỉm cười.

“Con còn phải học hỏi nhiều đấy anh bạn ạ. Đây sẽ là một trong những cơn dông lớn nhất mà con từng chứng kiến đấy.”

“Sau bao nhiêu là mưa trút như thế con những tưởng chúng ta phải có được vài ngày đẹp trời chứ ạ,” tôi than vãn.

“Chắc chắn sẽ được thế thôi. Nhưng chuyện này không tự nhiên chút nào. Trừ phi là ta đoán sai, chứ cơn dông này là do Quỷ Độc hô hào cũng như khi hẳn hô phong hoán vũ tấn công nhà ta ấy mà. Đây là một dấu hiệu nữa cho biết hẳn đã mạnh đến mức nào đấy. Hẳn sẽ sử dụng cơn dông để phô trương nỗi giận dữ bức dọc của mình vì đã không thể lợi dụng Alice như hẳn mong muốn. Chà, như thế lại tốt cho chúng ta: trong khi đang tập trung cho

chuyện ấy, hẳn sẽ không bận tâm lắm đến ta hay đến con đâu. Và điều này sẽ giúp chúng ta đến được thị trấn mà không gặp chút trục trặc nào.”

“Tại sao chúng ta phải đến hầm mộ để giết Quỷ Độc ạ?” tôi hỏi, hy vọng rằng thầy sẽ nói cho tôi biết điều tôi đã rõ. Như thế thì tôi không phải giả vờ mãi nữa.

“Phòng trường hợp ta không thể tiêu diệt được hắn. Ít nhất một khi đã quay vào trong ấy, với cánh Cổng Bạc được khóa chặt, thì Quỷ Độc sẽ lại bị mắc kẹt. Lần này là vĩnh viễn. Đây là điều mà hồn ma của Naze đã nói cho ta biết. Nhưng rồi, ngay cả khi ta không thành công trong việc tiêu diệt hắn, ít ra là ta đã trả lại mọi chuyện về như nó vốn có. Mà thôi, con hỏi thế là đủ rồi đấy nhé. Ta cần chút thanh tịnh để chuẩn bị cho những gì ta sắp làm đây...”

Thầy trò chúng tôi chẳng nói chuyện với nhau cho đến khi đến được ven rìa thị trấn Priestown. Đến lúc này bầu trời đã đen kịt, những tia chớp ngoằn ngoèo rạch ngang dọc cùng những tiếng sấm nổ vang gần như là ngay trên đỉnh đầu. Mưa trút xối xả làm quần áo chúng tôi ướt sũng, khiến tôi vừa ướt vừa khó chịu. Tôi thấy tội nghiệp cho Alice vì cô ấy vẫn còn nằm ẹp trên sàn xe lúc này đã ngập đến một tấc nước. Hẳn phải rất khó khăn khi không được nhìn, được nghe và được biết là cô ấy đang đi đâu hay khi nào chuyển hành trình mới chấm dứt.

Chuyến đi của chính tôi lại chấm dứt sớm hơn dự kiến nhiều. Ngay ven rìa Priestown, khi chúng tôi băng qua ngã tư đường cuối cùng, Thầy Trừ Tà gọi lớn cho anh nông dân dừng cỗ xe lại.

“Con phải xuống đây thôi,” thầy vừa nói vừa nghiêm nghị nhìn tôi.

Tôi kinh ngạc trở mắt nhìn thầy. Nước mưa đang nhỏ giọt từ chớp mũi xuống hàm râu thầy nhưng thầy chẳng hề chớp mắt trong khi vẫn trừng trừng nhìn tôi với vẻ mặt dữ tợn.

“Ta muốn con quay về Chipenden,” thầy chỉ tay về phía con đường hẹp dẫn chệch theo hướng Đông - Bắc. “Hãy đi vào bếp nói với ông kẹ của ta là có thể ta sẽ không trở về. Bảo với nó trong trường hợp đó nó phải bảo vệ

cho căn nhà được an toàn để chờ con khi con sẵn sàng. An toàn và bảo đảm cho đến khi con hoàn tất kỳ học việc và cuối cùng cũng đủ khả năng tiếp quản.

“Làm xong việc đó, con hãy đi lên phía bắc Caster tìm Bill Arkwright, tay Thầy Trừ Tà của vùng. Ông ta hơi cù lần một chút nhưng rất trung thực và ông ta sẽ huấn luyện cho con trong khoảng bốn năm nữa hay gì đó. Sau rốt con cần phải quay về Chipenden để nghiên cứu thật nhiều vào. Con phải cắm đầu cắm cổ vào sổ sách ấy để bù lại việc ta không còn đó mà huấn luyện cho con nữa!”

“Tại sao cơ? Có chuyện gì không ổn thế ạ? Sao thầy lại không quay về cơ chứ?” tôi hỏi. Lại thêm một câu hỏi mà tôi đã biết tổng lời đáp.

Thầy Trừ Tà buồn rầu lắc đầu. “Bởi vì chỉ có một cách duy nhất để đối phó với Quỷ Độc và chắc chắn cách ấy sẽ lấy đi mạng sống của ta. Cả mạng của con bé kia nữa, nếu ta không làm. Chuyện này khó khăn thật đấy anh bạn à, nhưng cũng phải được làm thôi. Có lẽ một ngày nào đấy, cách đây bao nhiêu năm nữa, chính con cũng phải đối diện với một nhiệm vụ như vậy. Ta hy vọng không phải như thế nhưng đôi khi cũng xảy đến đấy. Thầy của ta qua đời khi đang làm nhiệm vụ tương tự và bây giờ là đến phiên ta. Lịch sử có thể lặp lại, và nếu có như vậy, chúng ta phải sẵn sàng hy sinh mạng sống của chính mình. Đây chỉ là điều đi kèm với công việc này, do đó tốt hơn con nên làm quen với nó đi.”

Tôi băn khoăn không rõ có phải Thầy Trừ Tà đang nghĩ về lời nguyện hay chẳng. Có phải thầy đang mong phải chết là vì thế? Nếu thầy chết đi, sẽ chẳng còn ai ở dưới đấy mà bảo vệ lấy Alice đang hoàn toàn nằm trong tay Quỷ Độc.

“Nhưng còn về Alice thì sao ạ?” tôi phản đối. “Thầy đã không nói cho bạn ấy biết chuyện gì sắp xảy ra! Thầy đã gạt bạn ấy!”

“Phải làm vậy thôi. Dù sao con bé này chẳng còn cứu rồi được nữa đâu. Thế này là hay nhất. Ít ra thì linh hồn con bé sẽ được tự do. Còn tốt hơn là bị trói buộc vào cái kẻ gớm ghiếc ấy.”

“Con xin thầy,” tôi nài nỉ. “Hãy cho con theo thầy với. Để con giúp một tay mà.”

“Cách tốt nhất con có thể giúp là hãy làm theo những gì ta bảo!” Thầy Trừ Tà sốt ruột đáp, đoạn nắm chặt tay tôi rồi thô bạo đẩy tôi ra khỏi xe. Tôi lóng ngóng rơi khỏi xe và té quỵ xuống đất. Khi tôi lảo đảo đứng dậy, cỗ xe đã bỏ đi xa và Thầy Trừ Tà không hề nhìn lại.

Chương 20

THƯ CỦA MẸ

Tôi để cho cỗ xe gần khuất dạng rồi mới bắt đầu chạy đuổi theo, từng hơi thở nấc nghẹn trong họng. Tôi không biết mình sẽ làm gì nhưng tôi không chịu nổi cái ý nghĩ bày ra trước mặt. Thầy Trừ Tà dường như đã chấp nhận sự thực là mình sẽ chết còn Alice thậm chí chẳng biết chuyện gì sắp xảy đến với mình.

Lẽ ra rủi ro tôi bị trông thấy là không cao – mưa thì như đang trút nước còn đám mây đen trên kia lại càng khiến cho bầu trời tối đen gần như nửa đêm. Nhưng các giác quan của Thầy Trừ Tà rất nhạy, và nếu tôi đến quá gần thầy sẽ phát giác ngay. Thế nên tôi lúc chạy lúc bước, giữ khoảng cách nhưng cố sao cho vẫn còn nhìn thấy bóng cỗ xe thấp thoáng khi này khi khác. Các con phố trong thị trấn Priestown vắng hoe, và mặc dù đang mưa, ngay cả khi cỗ xe đang cách đấy khá xa, tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng vó ngựa lộp cộp và tiếng bánh xe lăn trên mặt đường lát sỏi.

Chẳng mấy chốc mái tháp nhọn bằng đá vôi bắt đầu lơ mờ hiện ra bên trên các mái nhà, xác định hướng đi và đích đến của Thầy Trừ Tà. Đúng như tôi nghĩ, thầy đang đi đến ngôi nhà bị ma ám có hầm rượu dẫn xuống khu hầm mộ.

Ngay lúc đấy tôi cảm thấy có điều gì rất lạ. Không phải là cảm giác lạnh đến tê dại thường thấy thông báo sự đến gần của thứ gì đó từ thế lực bóng tối. Không, lần này lại giống như những mảnh băng vụn bé nhỏ đột nhiên mọc ngay từ trong đầu tôi hơn. Trước nay tôi chưa bao giờ trải qua chuyện này nhưng đây là lời cảnh báo mà tôi cần đến. Tôi đoán được đấy là gì và cố gắng xóa sạch trí óc mình trước khi Quỷ Độc lên tiếng.

“Cuối cùng ta cũng tìm ra được mi!”

Theo bản năng, tôi dừng phắt và nhắm mắt lại. Dù nhận ra là hẳn không thể nhìn qua mắt mình, tôi vẫn cứ nhắm tịt mắt. Thầy Trừ Tà đã bảo với tôi

rằng Quỷ Độc không nhìn thấy mọi vật giống như chúng ta. Cho dù hẳn có thể tìm thấy ta, cũng giống như một con nhện liên kết với con mồi của nó bằng sợi tơ mỏng manh, hẳn vẫn sẽ chưa biết là ta đang ở đâu. Thế là tôi duy trì mãi như thế. Bất cứ thứ gì tôi nhìn thấy cũng sẽ được thấm vào trong tư tưởng của tôi và sẽ sớm thôi, Quỷ Độc sẽ bắt đầu gạn lọc qua những tư tưởng ấy. Hẳn có thể tìm ra manh mối là tôi đang ở Priesttown.

“Mi đang ở đâu thế thằng nhóc? Nói cho ta biết đi. Không sớm muộn gì rồi mi cũng sẽ phải nói thôi. Có thể là theo cách nhẹ nhàng hay đau đớn. Tùy mi chọn...”

Những mảnh băng đang lớn dần và toàn bộ đầu tôi đang bắt đầu tê cứng. Điều này khiến tôi lại nhớ đến anh James và nông trại. Nhớ đến chuyện anh ấy hay chạy đuổi theo tôi vào mùa đông nọ để nhét tuyết vào tai tôi.

“Ta đang trên đường trở về nhà,” tôi dối. “Về nhà nghỉ ngơi.”

Vừa nói, tôi vừa tưởng tượng mình đang bước vào sân nông trại với đồi Treo Cổ thấp thoáng nơi chân trời, xuyên qua bóng chiều u ám. Đám chó giữ nhà bắt đầu sủa vang khi tôi tiến vào cửa sau, chân giẫm lẹp bẹp qua sân bùn với mưa xối vào mặt.

“Nhúm Xương Già Cối đâu rồi? Nói cho ta biết xem nào. Lão ta cùng con bé đang đi đến đâu thế?”

“Quay trở lại Chipenden,” tôi đáp. “Thầy sẽ chôn Alice xuống hố. Ta đã cố thuyết phục thầy nhưng thầy chẳng chịu nghe. Thầy luôn làm thế với đám phù thủy.”

Tôi tưởng tượng mình giật mở cửa sau và bước vào bếp. Màn cửa sổ đã được kéo xuống hết và những cây nến sáp ong đang được thắp sáng trong chân nến bằng đồng đặt trên bàn. Mẹ tôi đang ngồi trên ghế đu. Khi tôi bước vào, bà ngược lên nhìn và mỉm cười.

Ngay lập tức Quỷ Độc biến mất và cơn lạnh bắt đầu tan dần. Tôi đã không ngăn được hẳn đọc lấy tâm trí tôi nhưng tôi lại phỉnh hấn. Tôi đã làm được chuyện này! Vài giây sau lòng hân hoan của tôi lịm tắt. Liệu hẳn còn

ghé qua đầu tôi nữa không đây? Hay còn tồi tệ hơn, liệu hẳn có ghé qua nhà tôi không vậy?

Tôi mở bừng mắt và chạy hết tốc lực về phía căn nhà bị ma ám. Vài phút sau, tôi lại nghe thấy tiếng còi xe nên tôi lại chuyển sang vừa đi vừa chạy.

Cuối cùng còi xe cũng dừng lại nhưng ngay lập tức lặn bánh, khiến tôi phải chú ý mình né vào con hẻm khi còi xe ầm ầm lao ngược về phía tôi. Anh chàng nông dân kia đang cúi thấp người gò dây cương, giục cho vó ngựa thồ to đùng lọc cọc vỗ lên mặt đường sỏi ướt. Anh ta đang vội vã quay về nhà và tôi không thể bảo là mình trách anh ấy được.

Tôi chờ khoảng năm phút để Alice và Thầy Trừ Tà vào trong nhà rồi mới chạy dọc con phố và nhấc then cài cửa vào sân. Đúng như tôi dự đoán, Thầy Trừ Tà đã khóa trái cửa lại nhưng tôi vẫn còn giữ chiếc chìa của ông Andrew, và chỉ loáng sau là tôi đã đứng trong bếp. Tôi lôi mẫu nến trong túi mình ra, thắp nó lên, rồi chẳng mất bao lâu sau, tôi đã đi xuống hầm mộ.

Tôi nghe thấy tiếng thét ở đâu đó phía trước và đoán ra đấy là gì. Thầy Trừ Tà đang mang Alice băng qua dòng sông. Dù đang bị bịt mắt bịt tai nhưng chắc hẳn cô ấy vẫn cảm nhận được dòng nước xiết.

Tôi nhanh chóng chạy qua những bậc đá bắc ngang dòng sông và đến được Cổng Bạc vừa kịp lúc. Alice và Thầy Trừ Tà đã vào bên kia cửa rồi, thầy tôi đang quỳ lúi húi chuẩn bị đóng cổng lại.

Thầy tức tối nhìn lên khi tôi chạy như bay về phía thầy. “Lẽ ra ta phải biết chứ nhỉ!” thầy nạt lớn, giọng thầy đầy căm phẫn. “Mẹ con không dạy con biết nghe lời tí nào sao?”

Giờ nghĩ lại, tôi có thể thấy là Thầy Trừ Tà đã làm đúng, rằng thầy chỉ muốn tôi được an toàn, nhưng tôi vẫn lao về trước, chộp lấy cánh cửa và bắt đầu kéo cửa mở ra. Thầy Trừ Tà cưỡng lại một lát nhưng rồi thầy chỉ thả ra và mang theo cây trượng chui qua phía tôi.

Tôi không biết phải nói gì. Tôi không suy nghĩ kỹ càng. Tôi chẳng có khái niệm là mình mong làm được gì khi bất chấp tất cả mà đi theo thầy và Alice. Nhưng đột nhiên tôi nhớ đến lời nguyên.

“Con muốn giúp,” tôi nói. “Ông Andrew có kể cho con nghe về lời nguyện. Rằng thầy sẽ chết một mình trong bóng tối mà không có bạn bè nào bên cạnh. Alice không phải là bạn thầy nhưng con thì phải. Và nếu con đến đây thì lời nguyện không thể thành sự thật...”

Thầy nâng thanh trượng qua khỏi đầu như thể sắp sửa dùng nó đánh tôi. Hình như là thầy đang phình to ra cho đến khi thầy chồm vờn ngay bên trên tôi. Tôi chưa từng thấy thầy giận đến thế bao giờ. Tiếp sau đấy, thật ngạc nhiên và đáng sợ làm sao, thầy bước về phía tôi và tát thẳng vào mặt tôi. Tôi loạng choạng nhảy lùi ra sau, lòng chẳng tin nổi chuyện gì vừa xảy đến.

Cú đánh không mạnh tay cho lắm nhưng nước mắt đã ngập tràn mắt tôi và chảy thành dòng xuống hai má. Bố tôi chưa khi nào tát tôi như thế cả. Tôi không thể tin là Thầy Trừ Tà lại làm thế và tự trong thâm tâm tôi thấy bị tổn thương. Còn đau hơn là bất cứ cơn đau thể xác nào.

“Hãy làm theo lời ta bảo!” thầy ra lệnh. “Con được sinh ra trên cõi đời này là có lý do của nó. Đừng có quăng lý do ấy đi vì một điều mà con không thể thay đổi. Nếu con không làm thế vì ta, thì hãy làm thế vì mẹ con. Quay trở lại Chipenden đi. Rồi đi đến Caster và làm như ta đã bảo. Đây là điều mẹ con muốn. Hãy làm cho bà ấy tự hào về con.”

Dứt lời, Thầy Trừ Tà quay gót và vẫn nắm lấy khuỷu tay Alice, dẫn cô gái đi dọc theo đường hầm. Tôi đứng nhìn theo cho đến khi hai người họ quành qua khúc quanh và khuất dạng.

Chắc tôi đã phải đứng đấy chờ hơn nửa tiếng đồng hồ, chỉ biết nhìn trân trối vào cánh cổng bị khóa, đầu óc tê dại.

Cuối cùng, khi mọi hy vọng đã tiêu tan, tôi quay lưng bắt đầu lần bước ngược trở lại. Tôi không biết mình sẽ làm gì tiếp nữa. Chắc là nghe theo lời Thầy Trừ Tà thôi, tôi nghĩ thế. Tôi còn lựa chọn nào khác đâu cơ chứ? Nhưng tôi không thể gạt ra khỏi đầu chuyện Thầy Trừ Tà đã tát mình. Có lẽ đây là lần cuối cùng thầy trò tôi gặp nhau, thế mà chúng tôi lại chia tay trong oán giận và thất vọng.

Tôi băng qua dòng sông, tìm đến lối đi trái sỏi và leo lên hầm rượu. Lên được đấy rồi, tôi ngồi bệt xuống tấm thảm cũ mốc meo cố quyết định xem nên làm gì tiếp theo. Đột nhiên, tôi chợt nhớ ra là còn một lối khác xuống hầm mộ có thể đưa tôi qua bên kia Cổng Bạc. Cánh cửa sập dẫn xuống hầm rượu, cánh cửa mà vài tù nhân đã theo đấy để trốn thoát! Liệu tôi có thể đi đến đấy mà không bị phát hiện không? Cũng có khả năng là mọi người đều đang ở trong nhà thờ lớn ấy chứ.

Nhưng ngay cả khi xuống được hầm mộ, tôi vẫn không biết mình có thể làm gì để giúp. Có đáng phải không nghe theo lời Thầy Trừ Tà một lần nữa mà chẳng được gì không? Liệu là tôi chỉ quẳng phí đời mình trong khi nhiệm vụ của tôi là đi đến Caster để tiếp tục học việc không? Thầy Trừ Tà đã nói đúng chẳng? Rồi mẹ tôi có đồng ý đấy là điều đúng đắn cần làm? Những suy nghĩ này cứ quay mòng mòng trong đầu nhưng chẳng dẫn tôi đến câu trả lời nào cả.

Thật khó để có thể biết chắc mọi điều, thế nhưng Thầy Trừ Tà đã luôn dạy tôi phải biết tin tưởng vào trực giác của mình và hình như trực giác đang mách bảo với tôi rằng mình phải cố làm điều gì đó để giúp. Nghĩ đến đây, tôi bỗng nhớ đến lá thư của mẹ bởi vì đấy chính là những gì bà từng nói.

“Hãy chỉ mở lá thư này ra trong thời khắc cần kíp nhất. Hãy tin tưởng vào trực giác của mình.”

Đúng bây giờ là thời khắc cần kíp rồi, thế nên tôi nôn nóng lôi chiếc bì thư từ trong túi áo khoác ra. Tôi nhìn chăm chăm vào nó một hồi rồi mới xé phong bì lấy lá thư bên trong. Tôi để thư gần sát ngọn nến và bắt đầu đọc.

Tom thương,

Con đang phải đối mặt với phút giây nguy hiểm. Mẹ đã không dự tính được là thời khắc khủng hoảng như vậy lại đến sớm thế và giờ đây, tất cả những gì mẹ có thể làm là chuẩn bị tinh thần cho con bằng cách nói cho con biết về thứ con sắp phải đối mặt, đồng thời chỉ ra những hậu quả tùy thuộc vào quyết định mà con phải đưa ra.

Có rất nhiều chuyện mẹ không nhìn thấu được nhưng có một điều thì mẹ chắc chắn. Thầy của con sẽ đi xuống hốc chôn cất tại nơi sâu tối nhất của hầm mộ và tại đây, ông ấy sẽ đối đầu với Quỷ Độc trong một trận chiến sống còn. Nếu cần thiết, thầy con sẽ dùng Alice làm mồi nhử dẫn đến nơi ấy. Ông ấy không còn lựa chọn nào khác đâu. Nhưng còn con thì có đấy. Con có thể đi xuống nơi ấy để ra sức trợ giúp. Nhưng này, trong ba người đối mặt với Quỷ Độc, chỉ có hai người sống sót để rời khỏi hầm mộ thôi.

Nhưng nếu giờ đây mà con quay lưng đi, thì hai người dưới ấy chắc chắn sẽ chết. Và họ sẽ chết vô ích.

Đôi khi trong cuộc sống cũng cần thiết phải hy sinh bản thân vì lợi ích của những người khác. Mẹ muốn được an ủi cho con biết chừng nào nhưng mẹ không thể. Con hãy mạnh mẽ lên và làm theo những gì lương tâm mình mách bảo. Dù con có chọn làm thế nào, mẹ vẫn sẽ luôn tự hào về con.

Mẹ

Tôi còn nhớ điều Thầy Trừ Tà đã từng bảo với tôi chỉ ngay sau khi thầy nhận tôi vào học việc. Thầy nói với một vẻ buộc tội gay gắt đến nỗi tôi phải khắc ghi vào tâm khảm.

“Trên hết thầy, chúng ta không tin vào lời tiên tri. Chúng ta không tin rằng tương lai đã được định sẵn.”

Tôi thật rất muốn tin lời Thầy Trừ Tà, bởi vì, nếu mẹ tôi nói đúng, thì một trong những người chúng tôi – Thầy Trừ Tà, Alice hay tôi – sẽ phải bỏ mạng dưới kia trong bóng tối. Nhưng bức thư trong tay đã bảo cho tôi biết mà không phải nghi ngờ gì nữa rằng lời tiên tri vẫn có khả năng xảy ra. Chứ làm sao mẹ tôi lại biết được rằng Thầy Trừ Tà và Alice sẽ đi xuống hốc chôn cất kia mà đối mặt với Quỷ Độc? Và làm sao mà tình cờ tôi lại đọc lá thư ngay đúng thời điểm cần thiết cơ chứ?

Trực giác ư? Liệu chừng ấy có đủ để giải thích chẳng? Tôi rùng mình và thấy sợ hãi hơn bao giờ hết kể từ khi tôi bắt đầu làm việc cho Thầy Trừ Tà.

Tôi có cảm giác như mình đang bước đi trong cơn ác mộng, nơi mọi chuyện đã được định đoạt từ trước còn mình thì chẳng thể làm gì và cũng chẳng có lựa chọn nào sất. Làm sao mà có lựa chọn được, khi mà nếu mặc cho Alice và Thầy Trừ Tà đẩy để bỏ đi thì kết cục sẽ là cái chết cho hai người họ chứ?

Và còn có thêm một lý do khác để tôi phải một lần nữa xuống dưới hầm mộ. Lời nguyện. Có phải vì thế mà Thầy Trừ Tà đã tát tôi chẳng? Phải chăng thầy nổi giận vì thầy bí mật tin vào đấy và thế là sợ chẳng? Lại toàn thêm lý do để ra tay giúp đỡ. Mẹ tôi từng có lần bảo rằng thầy sẽ là sư phụ tôi nhưng rồi dần dà sẽ thành bạn tôi. Liệu thời điểm ấy đã đến hay chưa thì không rõ, nhưng chắc chắn tôi là bạn của thầy hơn là Alice nhiều và Thầy Trừ Tà đang cần tôi!

Khi tôi rời khỏi sân nhà để bước ra hẻm, dù vẫn còn mưa nhưng bầu trời đã lặng yên. Tôi cảm giác rằng sẽ có thêm nhiều sấm chớp nữa và chúng tôi đang ở giữa lúc bố tôi hay gọi là “mắt bão”. Đúng lúc ấy, trong bầu không gian tương đối yên lặng kia, tôi lại nghe thấy tiếng chuông nhà thờ lớn gióng lên. Đây không phải tiếng chuông tang thương tôi từng nghe thấy khi ở trong nhà ông Andrew, tiếng chuông gióng lên vì một cha xứ đã tự sát. Lần này là tiếng chuông trong trẻo, tràn trề hy vọng kêu gọi cộng đoàn đến dự lễ tối.

Thế là tôi đứng chờ trong hẻm, tựa lưng vào tường để tránh lượng mưa nặng hạt nhất. Tôi cũng chẳng hiểu vì sao mình bận tâm đến điều này vì tôi đã ướm như chuột lột rồi. Cuối cùng thì tiếng chuông cũng dứt, nghĩa là tôi hy vọng giờ đây mọi người đã vào cả trong nhà thờ tránh khỏi lối tôi đi. Vậy nên tôi cũng bắt đầu chậm rãi tiến về phía ấy.

Tôi quàng qua ngã tư và bước về phía cổng. Ánh sáng bắt đầu tắt dần và những đám mây đen vẫn còn trên cao kia. Rồi bỗng nhiên bầu trời sáng lóa do một tia sét rạch ngang, giúp tôi nhìn thấy khu vực phía trước nhà thờ lớn hoàn toàn vắng bóng người. Tôi có thể nhìn ra phần ngoài của nhà thờ cùng những cột đá to tướng và những khung cửa sổ chớp nhợp. Có ánh nền chiếu sáng tấm kính thủy tinh màu, và trên cánh cửa sổ bên trái cửa chính là hình ảnh của Thánh George vận áo giáp, tay cầm kiếm và khiên mang dấu thập

tự màu đỏ. Bên phải là Thánh Peter đứng trước chiếc thuyền câu. Và ngay chính giữa, phía bên trên cánh cửa, là hình ảnh chạm khắc xấu xa của Quỷ Độc, chiếc đầu tượng đá đang quắc mắt nhìn tôi trừng trừng.

Vị thánh mà tôi được đặt tên theo không có ở đây. Thomas Kê Hồ Nghi. Thomas Tên Vô Tín. Tôi không biết là mẹ hay bố tôi chọn cho tôi tên ấy nhưng họ đã chọn rất đúng. Tôi không tin vào những gì Giáo Hội tin; ngày nào đó rồi tôi sẽ được chôn bên ngoài sân nhà thờ, chứ không phải bên trong. Một khi đã trở thành thầy trừ tà rồi, xương cốt của tôi sẽ không bao giờ được yên nghỉ trong vùng đất thánh cả. Nhưng điều này chẳng làm tôi mấy may bận tâm. Như Thầy Trừ Tà thường hay bảo, mấy cha xứ chẳng biết gì cả.

Tôi có thể nghe thấy tiếng hát vọng ra từ bên trong nhà thờ. Chắc hẳn là dàn đồng ca mà tôi từng được nghe họ tập luyện sau khi ghé thăm Cha Cairns trong buổi xưng tội của ông ta. Trong một thoáng tôi chợt thấy ghen tị với đức tin của họ. Bọn họ thật may mắn vì đã có được một thứ mà tất cả mọi người đều có thể cùng tin vào. Được ở bên trong nhà thờ với những con người đó thì dễ dàng hơn là phải một mình đi xuống khu hầm mộ lạnh lẽo ẩm ướt.

Tôi băng qua những phiến đá lát đường đến lối đi trải sỏi rộng rãi chạy song song với bức tường phía Bắc của nhà thờ. Ngay lập tức, khi tôi sắp quành sang khúc cua, tim tôi bỗng nhảy thót lên miêng. Có ai đó đang ngồi đối diện cửa sập, lưng tựa vào tường, náu mình khỏi cơn mưa. Bên cạnh hẳn ta là một cây dùi cui bằng gỗ chắc nụi. Là một trong những tay lính canh của nhà thờ.

Tôi sém chút là rên lên thật lớn. Lẽ ra tôi đã phải tính trước chuyện này. Sau vụ mấy tù nhân kia trốn thoát, người ta bắt đầu lo đến chuyện an ninh – mà hầm rượu của họ thì lại đầy rượu vang với cả bia nữa.

Tôi thất vọng tràn trề và gần như là từ bỏ ý định ngay lúc đó, nhưng khi tôi vừa quay lưng, chuẩn bị rón rén bỏ đi, thì nghe thấy một tiếng động khiến tôi phải chăm chú nghe thêm lần nữa cho chắc. Nhưng tôi đã không

lầm. Đây là tiếng ngáy. Tên lính gác đang ngủ gật! Làm thế quái nào mà hẳn lại có thể ngủ dưới bao nhiêu là sấm chớp kia nhỉ?

Chẳng tin được là vận mình đỏ đến thế, tôi bước đến cánh cửa sập, hết sức chậm rãi, cố gắng cho ủng mình không nghiêng lẹo xạo lên sỏi, lo lắng rằng bất cứ lúc nào tên lính canh cũng có thể thức giấc và thế là tôi buộc phải bỏ chạy.

Khi tiến đến gần thì tôi cảm thấy vững dạ hơn. Gần đấy có hai chai rượu vang rỗng. Chắc hẳn tên này đã say rồi và không cách nào tỉnh dậy ngay được. Tuy nhiên, tôi vẫn không thể liều lĩnh. Tôi quỳ xuống và thật cẩn thận tra chiếc chìa của ông Andrew vào ổ khóa. Một đôi sau, tôi nhấc cánh cửa sập lên và hạ mình xuống vại bia bên dưới trước khi thận trọng kéo cánh cửa trở lại vị trí cũ.

Tôi vẫn còn chiếc hộp đánh lửa và mẩu nến mà tôi vẫn luôn mang theo mình. Tôi chẳng mất bao lâu để thắp nến lên. Giờ thì tôi có thể nhìn thấy rồi – nhưng tôi vẫn không biết làm cách nào để tìm ra căn hốc chôn cất.

Chương 21

HY SINH

Tôi luôn lách qua những thùng bia và giá rượu cho đến tận cánh cửa dẫn xuống hầm mộ. Theo như tôi để ý thì còn chưa tới mười lăm phút nữa trời sẽ tối nên tôi không có nhiều thời gian. Tôi biết rằng ngay khi mặt trời lặn, thầy tôi sẽ bắt Alice triệu Quỷ Độc đến lần cuối cùng.

Thầy Trừ Tà sẽ cố đâm xuyên qua tim Quỷ Độc bằng lưỡi dao của mình nhưng thầy chỉ có một cơ hội duy nhất mà thôi. Nếu thầy thành công, lượng sức mạnh được phát tiết ra chắc chắn sẽ giết chết thầy. Đúng là thầy rất quả cảm, sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình, nhưng nếu thầy đâm trượt, Alice cũng sẽ phải chịu đau đớn. Khi nhận thức được mình đã bị gạt và rằng giờ đây sẽ vĩnh viễn bị mắc kẹt đằng sau Cổng Bạc, Quỷ Độc sẽ nổi cơn thịnh nộ; cả Alice và thầy tôi chắc chắn sẽ phải trả giá bằng mạng của họ nếu như hãn không nhanh chóng bị tiêu diệt. Hãn sẽ chệt họ bẹp dí xuống nền đá cuội.

Đi đến xuống bậc cấp cuối cùng, tôi ngừng lại. Tôi nên đi theo đường nào đây? Tức thì câu hỏi của tôi được giải đáp: một trong những câu bố tôi hay nói chợt xuất hiện trong đầu tôi.

“Luôn luôn đặt chân thuận lên trước!”

À, chân thuận của tôi là chân trái, nên thay vì đi thẳng xuống đường hầm trước mặt, con đường dẫn đến Cổng Bạc và dòng sông ngầm phía sau đây, tôi lại đi theo đường hầm phía bên trái. Đường hầm này rất hẹp, bề ngang chỉ đủ cho một người đi qua, và nó lại uốn lượn ngoằn ngoèo đổ dốc sâu xuống làm tôi có cảm giác như mình đang lao xuống đường xoắn ốc.

Tôi càng xuống sâu hơn, không khí càng thêm lạnh lẽo và tôi biết những kẻ đã khuất đang tụ họp lại. Tôi liên tục nhác thấy nhiều thứ qua khóe mắt mình: những hồn ma của Người Lùn, những hình thù nhỏ bé không hơn gì một tia sáng le lói là mấy thoắt ẩn thoắt hiện trên các bức vách của đường

hầm. Và tôi cũng ngờ rằng phía sau lưng mình còn có nhiều ánh sáng như thế này hơn là trước mặt – một cảm giác rằng bọn họ đang theo bước tôi; rằng tất cả chúng tôi đều đang đi xuống hốc chôn cất.

Cuối cùng tôi cũng trông thấy ánh nền lấp lóa đằng trước và tôi dần bước vào hốc. Nơi này nhỏ hơn tôi tưởng, hình dạng quây tròn với đường kính chưa tới hai mươi sải chân. Bên trên đây là một kệ cao được đục lõm vào vách đá, và trên nữa là những hũ hài cốt bằng đá thật lớn đựng những gì còn lại của tổ tiên đã khuất. Ngay trung tâm trần hầm là lỗ hồng khá tròn giống như ống khói, một lỗ đen mà ánh nền không thể hắt đến được. Từ lỗ ấy thông xuống đung đưa những xích và móc câu.

Nước từ trần đá nhỏ giọt xuống và những bức vách phủ đầy bùn nhớt xanh lè. Không khí cũng mang mùi hôi thối đặc quánh: mùi của nước đọng mục ruỗng.

Một băng ghế đá được đeo ôm vòng theo tường; Thầy Trừ Tà đang ngồi trên đấy, cả hai tay gác lên thanh trượng, trong khi Alice ngồi bên phải thầy, vẫn còn bị bịt mắt và nhét tai.

Khi tôi tiến lại, thầy nhìn tôi chăm chăm nhưng không còn có vẻ giận dữ gì nữa, mà chỉ là buồn rầu vô hạn.

“Con ngu si hơn là ta tưởng,” thầy lặng lẽ nói khi tôi bước đến đứng trước mặt thầy. “Quay trở lại ngay bây giờ đi khi con còn có thể. Một chốc lát nữa thôi thì sẽ quá muộn.”

Tôi lắc đầu. “Xin thầy, hãy cho con ở lại. Con muốn giúp đỡ mà.”

Thầy Trừ Tà thở dài đánh sượt. “Có thể con còn làm cho mọi chuyện tồi tệ thêm đấy. Nếu Quỷ Độc biết được bất cứ lời cảnh báo nào, hắn sẽ tránh xa nơi này. Con bé này không biết nó đang ở đâu, còn ta có thể đóng chắc tâm trí ta với hắn. Con có làm được không? Nếu hắn đọc được tâm trí con thì sao?”

“Hồi nãy Quỷ Độc đã cố đọc tâm trí con rồi. Hắn muốn biết thầy đang ở đâu. Cả con đang ở đâu nữa. Nhưng con đã kháng lại hắn và hắn thất bại rồi ạ,” tôi bảo với thầy.

“Con làm thế nào để ngăn hăn vậy?” thầy hỏi, giọng thầy bỗng thoát cộc cằn.

“Con đã dối hăn. Con vờ như mình đang trên đường về nhà và con bảo với hăn là thầy đang đi về Chipenden.”

“Thế hăn tin con à?”

“Có vẻ là thế,” tôi đáp, lòng tự nhiên thấy kém chắc chắn hơn.

“Thôi, khi hăn được gọi đến đây thì chúng ta sẽ sớm biết thôi. Giờ con lùi một chút về phía đường hầm đi nào,” Thầy Trừ Tà bảo, giọng thầy chột điệu dàng hơn. “Từ đây con có thể quan sát. Nếu mọi chuyện chuyển hướng xấu thì biết đâu con còn được phân nửa cơ hội để bỏ trốn. Đi đi con! Đừng chần chừ nữa. Sắp đến lúc rồi!”

Tôi làm theo, lùi lại khá xa vào đường hầm. Tôi biết rằng đến khi ấy thì mặt trời đã lặn sâu qua đường chân trời rồi và bóng tối sẽ dần kéo đến. Quỷ Độc sẽ rời khỏi nơi hăn ẩn náu dưới lòng đất. Trong hình dáng linh hồn của mình, hăn có thể tự do bay trên không trung và xuyên thấu qua đất đá cứng chắc. Một khi được gọi đến, hăn sẽ bay thẳng đến chỗ Alice, còn nhanh hơn một con diều hâu với đôi cánh gập, và hăn sẽ đáp xuống như một tảng đá thẳng xuống con mồi. Nếu như kế hoạch của Thầy Trừ Tà có tác dụng, hăn sẽ không ý thức được Alice đang chờ ở đâu. Khi đã xuống đến đây thì sẽ quá muộn với hăn. Nhưng chúng tôi cũng sẽ ở đây nữa, để đối mặt với cơn thịnh nộ của hăn khi hăn nhận ra mình đã bị lừa và mắc bẫy.

Tôi nhìn theo Thầy Trừ Tà đứng dậy và đến trước mặt Alice. Thầy cúi đầu và đứng im phăng phắc trong một lúc lâu. Nếu thầy là cha xứ thì tôi hăn nghĩ là thầy đang cầu nguyện. Cuối cùng, thầy đưa tay về phía Alice và tôi nhìn thấy thầy rút nút nhét tai bên tai trái của cô ra.

“Hãy gọi Quỷ Độc đến!” thầy quát lớn bằng giọng rền vang khắp căn phòng và đội đi dọc đường hầm. “Làm ngay đi con bé kia! Đừng trì hoãn!”

Alice không nói gì. Thậm chí chẳng động đậy. Cô ấy không cần phải thế vì cô đang gọi hăn trong tâm trí mình, sẵn lòng muốn hăn hiện diện.

Chẳng có dấu hiệu cảnh báo nào cho sự xuất hiện của Quỷ Độc cả. Mới lúc này chỉ có im lặng bao trùm, nhưng ngay sau đấy một luồng khí lạnh xộc đến và Quỷ Độc đã hiện ra trong hốc. Từ cổ trở lên hẳn là bản sao nguyên gốc của đầu tượng đá bên trên cửa chính vào nhà thờ: răng lò ra, lưỡi thè dài, tai chó to cộ và hai sừng nanh ác. Từ cổ trở xuống, hẳn là một đám mây sôi sục, không hình dạng, đen đúa, khổng lồ.

Quỷ Độc đã gom đủ sức mạnh để trở lại hình dạng nguyên thủy! Giờ thì Thầy Trừ Tà có được cơ hội nào nữa đây?

Trong tích tắc, Quỷ Độc đứng im re đảo mắt nhìn tứ phía. Đôi mắt có con ngươi màu lục thẫm, chế dọc thành khe. Những con ngươi giống mắt loài dê.

Thế rồi, nhận thức ra mình đang ở đâu, hẳn rống lên tiếng rền thống thiết đau thương vang dội khắp đường hầm. Tôi có thể cảm nhận được tiếng rống này truyền qua cả đế ủng của mình mà rung lắc đến tận xương tủy.

“Ta lại bị chèn nữa rồi! Nhanh quá!” hẳn gào lên bằng tiếng rít khàn đục lạnh lẽo vang khắp hốc đá và xuyên thấu qua tôi như băng giá.

“Phải rồi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Giờ mi đã tới và sẽ ở lại đây, sẽ bị chèn vào nơi đáng nguyên rửa này vĩnh viễn!”

“Cứ tận hưởng những gì mi đã làm đi! Hít vào hơi thở cuối cùng của mi đi, hơi Nhúm Xương Già Cỗi. Mi đấy, đã gạt cả ta, nhưng để làm gì chứ? Mi sẽ được gì nào ngoài sự tối tăm của cái chết? Mi, mi sẽ chẳng thành gì cả, nhưng ta vẫn còn có cách với những kẻ trên kia. Bọn chúng vẫn sẽ làm theo thỏa thuận với ta. Sẽ vẫn đưa xuống cho ta máu tươi ngon ngọt! Nghĩa là mi đã làm trò công cốc!”

Đầu của Quỷ Độc phình to ra, gương mặt hẳn càng trở nên gớm guốc, cầm vêu dài vênh ngược lên chạm đến chiếc mũi khoằm. Đám mây đen đang lục sục duỗi xuống dưới tạo thành da thành thịt, khiến cho cần cổ giờ đã lộ ra và bắt đầu hình thành hai bên vai nở nang lực lưỡng. Nhưng thay vì là da thì thân hình ấy được che phủ bằng lớp vỏ xanh lè xù xì.

Tôi biết đây là điều mà Thầy Trừ Tà đang chờ đợi. Ngay khi vùng ngực của hắn đã định rõ hình dạng, thầy sẽ tấn công ngay vào trái tim trong ấy. Cùng lúc tôi vẫn còn quan sát, đám mây sục sôi ấy hạ xuống thấp hơn để hình thành phần thân thể từ eo trở đi.

Nhưng tôi đã lầm! Thầy Trừ Tà không sử dụng lưỡi dao. Như thế chẳng biết từ đâu xuất hiện, sợi xích bạc đã nằm trong tay trái của thầy khi thầy giương tay tung sợi xích về phía Quỷ Độc.

Trước đây tôi từng thấy thầy làm như thế. Tôi đã quan sát thầy tung xích quấn lấy mục phù thủy, mục Lizzie Xương Xấu, khiến sợi xích tạo thành hình xoắn ốc hoàn hảo chụp xuống người mục ta, siết chặt hai cánh tay mục vào hai bên sườn. Mục đã té xuống đất và chẳng thể làm được gì ngoài việc nằm đấy mà hằm hè, sợi xích bọc hết người và thít chặt qua răng mục.

Chuyện tương tự rồi sẽ xảy ra ở đây cho xem, tôi chắc chắn thế, và lần này sẽ là Quỷ Độc nằm đấy trong vô vọng. Nhưng ngay khi Thầy Trừ Tà chuẩn bị tung sợi xích bạc, Alice lại phóng vút dậy đưa tay xé phăng khăn bịt mắt.

Tôi biết cô ấy không cố ý làm thế, nhưng chẳng biết thế nào mà Alice lại đứng giữa Thầy Trừ Tà và mục tiêu của thầy làm hỏng mất đích nhắm. Thay vì trùm xuống đầu tên Quỷ Độc, sợi xích bạc lại rơi xuống vai hắn. Khi sợi xích chạm đến, hắn gào lên đau đớn, còn sợi xích rơi xuống sàn nhà.

Nhưng mọi chuyện vẫn chưa xong và Thầy Trừ Tà chớp lấy thanh trượng. Khi thầy giơ cao trượng, chuẩn bị phóng tới Quỷ Độc, một tiếng *cạch* chọt vang lên và lưỡi dao gấp, được làm từ hợp kim có chứa bạc, bật ra, lấp lóa trong ánh nến. Lưỡi dao mà tôi đã thấy thầy ngồi mài sắc ở Heysham. Trước đây tôi từng trông thấy thầy sử dụng đến, khi đối mặt với Tusk, con trai của mục phù thủy già, Mẹ Malkin.

Đến lúc này Thầy Trừ Tà đâm thanh trượng của mình, thật nhanh thật mạnh, thẳng vào Quỷ Độc, nhắm ngay vào tim hắn. Hắn cố vặn người đi nhưng đã quá muộn để tránh hắn khỏi cú đâm. Lưỡi dao xuyên qua vai trái khiến hắn lại rống lên đau đớn. Alice thụt lùi lại, mặt lộ vẻ kinh hoàng, trong

khi Thầy Trừ Tà thu lại thanh trượng và chuẩn bị đâm nhát thứ hai, gương mặt thầy rắn đanh dữ tợn và kiên quyết.

Bỗng chợt, cả hai ngọn nến tắt phụt đi, nhấn chìm hốc đá và đường hầm vào bóng tối. Tôi quay cuồng bấn loạn, dùng hộp nhóm lửa để thắp mẫu nến của mình lên, nhưng ngọn nến chỉ đủ để soi tỏ cho Thầy Trừ Tà đang đứng lơ lửng trong hốc đá. Quỷ Độc đã biến đi đâu mất! Cả Alice cũng thế!

“Bạn ấy đâu rồi?” tôi vừa gào lên vừa lao về phía Thầy Trừ Tà, lúc này đang đứng lắc đầu buồn bã.

“Không được di chuyển!” thầy ra lệnh. “Chưa xong chuyện đâu!”

Thầy đang nhìn lên nơi những sợi xích biến mất vào cái lỗ đen ngòm trên trần. Trên đấy có một vòng khoen, và cạnh nó là sợi xích được bện xoắn từ nhiều sợi xích nhỏ. Được gắn vào cuối sợi xích ấy, gần như chạm đến sàn, là một móc câu to tướng. Thứ này trông giống như hệ thống ròng rọc, tương tự với loại mà các anh thợ chằng thường sử dụng để hạ phiến đá chèn ông kẹ vào đúng vị trí.

Dường như Thầy Trừ Tà đang lắng tai nghe gì đấy. “Hắn đang ở đâu đó trên kia,” thầy thì thào.

“Có phải là ống khói không ạ?” tôi hỏi.

“Phải đấy. Giông giống thế. Hay ít ra, có lúc đấy là mục đích sử dụng của nó. Thậm chí rất lâu sau khi Quỷ Độc đã bị chèn, Người Lùn thì chết hết và biến mất, những con người đón hèn ngu xuẩn đã tế vật hy sinh cho Quỷ Độc ngay tại chỗ này. Ống khói này dẫn khói thẳng lên hang ổ của hắn ngay trên kia và người ta dùng xích này để gửi lên cho hắn những tế vật được thiêu cháy. Vài người còn bị chẹt chết khi làm thế!”

Có chuyện gì đấy bắt đầu xảy ra. Tôi cảm nhận được cơn gió lùa từ ống khói và cơn lạnh bất chợt ủa vào không khí. Tôi nhìn vào thứ trông như là khói đang từ từ thoảng xuống tràn ngập khắp phần khoảng không phía trên căn hốc. Như thế là những tế vật bị thiêu cháy bao lâu nay được dâng lên tại vị trí này giờ đang được hồi trả!

Nhưng thứ này trông đặc quánh hơn khói nhiều; nó trông như là nước, giống như một xoáy nước đen ngòm đang vùn vụt trên đầu chúng tôi. Trong vòng vài giây, xoáy nước ấy trở nên tĩnh lặng, trông như một mặt kính đen được đánh bóng loáng. Thậm chí tôi còn có thể trông thấy hình ảnh phản chiếu của thầy trò chúng tôi trên ấy: tôi đang đứng cạnh Thầy Trừ Tà, thanh trượng của thầy lăm lăm, mũi dao đang chìa lên trên, sẵn sàng đâm tới.

Những gì diễn ra sau đấy thật quá chóng vánh, không thể nào nhìn cho rõ ràng được. Bề mặt của tấm gương khói kia phồng xuống phía chúng tôi, rồi một thứ gì đó từ trong ấy phóng ra với tốc lực kinh hoàng khiến Thầy Trừ Tà phải ngã lùi. Thầy nặng nề té xuống, thanh trượng vọt ra khỏi tay thầy và gãy làm hai khúc không bằng nhau trong một tiếng rắc khô khốc.

Thoạt đầu tôi chỉ đứng chết sững ở đấy, không còn khả năng suy nghĩ, không cử động lấy được một cơ bắp nào, nhưng rồi thì, toàn thân tôi bắt đầu run rẩy, tôi bước đến xem Thầy Trừ Tà có bị sao không.

Thầy đang nằm ngửa, mắt nhắm nghiền, một dòng máu từ mũi thầy đang chảy dọc xuống miệng. Thấy thầy đang thở đều và sâu nên tôi nhẹ nhàng lay thầy, cố làm thầy tỉnh lại. Thầy không phản ứng gì. Tôi đến bên thanh trượng đã gãy và nhặt phần ngắn hơn lên, đây là phần có dính lưỡi dao. Phần trượng này dài khoảng bằng cánh tay tôi nên tôi nhét nó vào thắt lưng. Tôi đứng một bên sợi xích và nhìn lên.

Phải có ai đấy giúp Alice tiêu diệt sinh vật này một lần và vĩnh viễn, và tôi là người duy nhất có khả năng ấy. Tôi không thể để mặc cô ấy cho Quỷ Độc. Thế nên trước tiên tôi cố xóa sạch tâm trí. Nếu tâm trí tôi rỗng không, Quỷ Độc không thể nào đọc được suy nghĩ của tôi. Hẳn là Thầy Trừ Tà đã luyện tập điều này biết bao nhiêu ngày rồi nhưng tôi phải cố hết sức mình thôi.

Tôi ngoạm mẩu nến vào miệng, dùng răng cắn lấy nó, đoạn cẩn thận tóm lấy đoạn xích xoắn bằng cả hai tay, cố gắng giữ cho sợi xích càng im càng tốt. Tiếp đến, tôi đặt hai chân lên trên móc câu và dùng hai đầu gối ôm chặt dây xích. Tôi rất giỏi leo bằng dây và dây xích thì không khác là mấy.

Tôi bắt đầu di chuyển lên trên khá nhanh gọn, dây xích lạnh lẽo thít vào tay tôi. Khi chạm đến đáy của đám khói dày, tôi liền hít một hơi thật sâu, nín thở và rướn đầu mình vào trong bóng tối. Tôi chẳng thể nhìn thấy gì, và mặc dù tôi không thở nhưng đám khói vẫn chui vào mũi vào miệng đang há ra của tôi, còn trong họng tôi đang có vị hăng hắc khiến tôi nhớ đến món xúc xích bị cháy.

Thình lình đầu tôi thoát ra khỏi đám khói, và tôi vươn mình lên cao hơn dây xích cho đến khi hai vai và ngực tôi không còn ngập trong khói nữa. Tôi đang ở trong một hốc đá hình tròn gần giống hệt như hốc đá dưới kia, chỉ trừ là, thay vì có ống khói bên trên thì lại có ống thông xuống dưới và đám khói đang tràn ngập nửa khoang dưới của căn hốc.

Đường hầm dẫn từ bức tường đối diện hướng vào trong bóng tối và nơi ấy có một băng ghế đá nơi Alice đang ngồi, khói gần như phủ đến đầu gối cô ấy. Alice đang chìa tay trái của mình ra cho Quỷ Độc. Kẻ tàn ác ấy đang quỳ trong đám khói, cúi mình về phía Alice, phần lưng cong vòng trần trụi của hắn gợi cho tôi nhớ đến một con cóc xanh lè vĩ đại. Trong khi tôi đang quan sát, hắn kéo tay Alice về phía cái miệng bự chảng của mình và tôi nghe thấy Alice kêu lên đau đớn khi hắn bắt đầu hút lấy máu dưới những móng tay của cô ấy. Đây là lần thứ ba Quỷ Độc uống lấy máu của Alice kể từ khi cô thả hắn ra. Khi hắn uống xong, Alice sẽ thuộc về hắn!

Tôi lạnh, lạnh như băng, và trí óc tôi trống rỗng. Tôi chẳng đang nghĩ đến chuyện gì cả. Tôi đu mình lên cao hơn và từ sợi xích tôi bước ra sàn đá của căn hốc trên. Quỷ Độc vẫn đang bận rộn nên chẳng biết đến sự hiện diện của tôi. Xét về mặt này thì rõ ràng hắn chẳng khác nào ông kẻ xé xác của vùng Horshaw: khi hắn đang ăn, hầu như chẳng chuyện gì khác là quan trọng cả.

Tôi bước đến gần hơn và lưỡi thanh trượng gãy của Thầy Trừ Tà ra khỏi thắt lưng. Tôi giơ thanh trượng quá đầu, lưỡi dao nhắm thẳng vào tấm lưng đầy vảy xanh lè của Quỷ Độc. Những gì tôi cần phải làm là đâm thanh trượng thật mạnh xuyên thẳng qua tim hắn. Hắn đang mang lột da thịt và thế là sẽ chấm dứt vĩnh viễn. Hắn sẽ chết. Nhưng khi tay tôi đang vươn thẳng ra, đột nhiên tôi thấy sợ.

Tôi biết chuyện gì sẽ xảy đến với mình. Rất nhiều năng lượng sẽ được phóng thích và tôi cũng sẽ chết. Tôi sẽ trở thành một hồn ma như Billy Bradley tội nghiệp, người đã chết sau khi những ngón tay của cậu ấy bị ông kẹp cắn nát. Cậu ấy từng một thời vui vẻ làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà nhưng giờ đây đã được chôn bên ngoài sân nhà thờ ở Layton. Ý nghĩ ấy thật quá sức chịu đựng.

Tôi đang hoảng kinh – sợ chết – thế là tôi lại bắt đầu run. Khởi điểm là từ hai đầu gối rồi lan dần lên khắp mình cho đến khi cánh tay đang cầm lưỡi dao bắt đầu chao đảo.

Hắn là Quỷ Độc đã cảm nhận được nỗi sợ của tôi nên hắn bất ngờ quay đầu lại, mấy ngón tay của Alice vẫn còn trong miệng hắn, máu chảy ròng ròng xuống cái cằm cong vêu nọ. Nhưng rồi khi đấy, khi gần như là đã quá trễ, cơn sợ hãi của tôi đơn giản chỉ là bốc hơi đi mất. Ngay lập tức tôi nhận ra vì sao mình đang đứng đây đối mặt với Quỷ Độc. Tôi nhớ lại lời mẹ nói trong thư...

“Đôi khi trong cuộc sống cũng cần thiết phải hy sinh bản thân vì lợi ích của những người khác.”

Mẹ đã cảnh báo cho tôi biết rằng trong ba người đối mặt với Quỷ Độc đây, chỉ có hai người còn sống rời khỏi hầm mộ. Không biết sao tôi đã nghĩ rằng hoặc Thầy Trừ Tà hoặc Alice sẽ chết, nhưng giờ tôi nhận ra người chết phải là mình! Tôi sẽ không bao giờ hoàn tất được kỳ học việc, sẽ không bao giờ trở thành người trừ tà. Nhưng bằng việc hy sinh mạng sống của mình ngay lúc này, tôi có thể cứu được mạng của cả thầy tôi lẫn Alice. Tôi rất bình tĩnh. Đơn giản là tôi chấp nhận chuyện phải được làm.

Tôi biết rõ là vào thời khắc sau cùng Quỷ Độc cũng ý thức được tôi định làm gì, nhưng thay vì chệt cho tôi chết thì hắn chỉ quay đầu về lại phía Alice, cô đang nhìn hắn mỉm cười rất bí ẩn, rất kỳ lạ.

Tôi nhanh tay lấy hết sức bình sinh đâm mạnh, nhắm thẳng lưỡi dao vào tim hắn. Tôi không cảm thấy gì khi lưỡi dao va vào nhưng đột nhiên một màn tối rùng rùng dâng lên trước mắt tôi; toàn thân tôi run rẩy từ đầu đến

chân, thế là tôi chẳng còn kiểm soát được các cơ bắp của mình nữa. Mẫu nển rơi khỏi miệng và tôi cảm thấy mình đã thất bại. Tôi đã đâm huyệt vào tim hắc!

Trong một loáng tôi tưởng mình đã chết. Mọi vật tối đen nhưng lúc này hình như Quỷ Độc đã biến mất. Tôi sờ soạng khắp sàn tìm mẫu nển và lại thả nển lên. Động tai cẩn thận lắng nghe, tôi khoát tay ra hiệu cho Alice im lặng, và tôi nghe thấy tiếng động trong đường hầm. Là tiếng chân một con chó to lớn.

Tôi nhét lại thanh trượng mang mũi dao vào thắt lưng. Tiếp đến, tôi lấy sợi xích bạc của mẹ ra khỏi túi áo khoác và quấn quanh cổ tay lẫn bàn tay trái của mình, chuẩn bị sẵn sàng để tung xích. Với bàn tay còn lại tôi nhặt mẫu nển lên, rồi không một giây chần chừ, tôi quay đi đuổi theo Quỷ Độc.

“Đừng Tom, đừng! Cứ để hắc đi đi!” Từ đằng sau Alice gọi với tới. “Mọi chuyện chấm dứt rồi. Cậu có thể quay lại Chipenden rồi đấy!”

Alice chạy bổ đến bên tôi nhưng tôi đẩy ngược cô ra. Alice loạn choạng suýt ngã. Khi cô lại đi đến chỗ tôi, tôi giơ bàn tay trái của mình lên để cô có thể thấy sợi xích bạc.

“Lùi lại! Giờ cậu đã thuộc về Quỷ Độc rồi. Cậu tránh xa ra, bằng không tớ sẽ chèn cả cậu nữa đấy!”

Quỷ Độc đã uống máu Alice lần cuối cùng và giờ đây chẳng có lời nào cô ấy nói còn đáng tin cả. Quỷ Độc phải chết thì Alice mới được tự do.

Tôi quay lưng về phía Alice và nhanh chóng rời đi. Từ phía đằng trước tôi có thể nghe thấy tiếng của hắc; còn sau tôi là tiếng lóc cóc từ đôi giày mũi nhọn của Alice khi cô đi theo tôi vào đường hầm. Thốt nhiên tiếng chân chó đằng trước ngưng bật.

Có phải Quỷ Độc chỉ đơn thuần là biến đi đến một phần khác của hầm mộ chẳng? Tôi dừng lại lắng nghe trước khi cẩn thận di chuyển tới trước. Đến lúc ấy tôi mới trông thấy có vật gì đó trước mặt. Vật đó đang nằm trên sàn đường hầm. Tới gần vật ấy thì tôi dừng lại và dạ dày tôi nhộn nhạo. Tôi sém chút nôn thốc ra tại chỗ.

Huynh Peter đang nằm ngửa ra đấy. Ông ấy đã bị chết. Đầu ông ấy vẫn còn nguyên; đôi mắt mở lớn trợn trừng cho thấy sự kinh hoàng mà rõ ràng là ông đã cảm nhận được trước khi chết. Nhưng từ cổ trở xuống thân mình ông ấy đã bị ép dẹp vào nền đá cuội.

Cảnh tượng này làm tôi phát khiếp. Trong những tháng đầu tiên làm chân học việc, tôi đã từng chứng kiến nhiều điều kinh khủng và đã kề cận với cái chết nhiều lần đến nỗi không sao kể xiết. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy cái chết của người mình quan tâm – mà lại là một cái chết khủng khiếp đến thế này.

Tôi đứng đấy, bị cảnh tượng về huynh Peter làm xao lãng, và Quỷ Độc nhân lúc đấy mà từ trong bóng tối phóng ra chụp lấy tôi. Trong thoáng chốc, hắn đứng yên nhìn tôi trừng trừng, hai khe mắt xanh lè lóe lên trong bóng tối. Thân mình nặng nề cuộn cuộn cơ bắp của hắn phủ đầy lông thô ráp, hàm hăn hỏ to để lộ hàm răng vàng khè sắc chồm. Từ cái lưỡi dài sọc thè ra ngoài ấy có thứ gì đấy đang nhỏ giọt xuống, lọt qua hàm răng đang há hốc. Thay vì là nước bọt thì đấy lại là máu!

Bất ngờ Quỷ Độc tấn công, nhảy vồ về phía tôi. Tôi sẵn sàng sợi xích trong tay và nghe thấy tiếng Alice hét toáng lên sau lưng mình. Đúng lúc ấy tôi nhận ra hắn đã đổi góc tấn công. Tôi không phải là mục tiêu! Mà là Alice!

Tôi bàng hoàng. Tôi mới là mối đe dọa của Quỷ Độc cơ mà, chứ đâu phải Alice. Vậy tại sao lại chọn lấy cô ấy chứ không phải là tôi?

Theo bản năng tôi chỉnh lại đích nhắm. Có cả thảy chín trên mười lần tôi đã quất trúng cây cột trong vườn nhà Thầy Trừ Tà nhưng lần này thì khác hăn. Quỷ Độc đang di chuyển rất nhanh, đã chuẩn bị phóng vọt tới trước rồi. Thế là tôi quất sợi xích và tung về phía kẻ ấy, dõi theo sợi xích vung ra như tấm lưới và rơi xuống theo hình xoắn ốc. Công trình tập luyện bao lâu nay của tôi đã phát huy tác dụng khi sợi xích gọn ghẽ trùm xuống Quỷ Độc và quấn chặt quanh người hăn. Hăn lẫn lộn, gào rú, vùng vẫy tìm cách thoát.

Theo lý thuyết thì hắc không thể nào tự vùng khỏi, cũng không thể biến mất hay biến hình gì. Nhưng tôi không muốn liều lĩnh sơ hở. Tôi phải nhanh tay đâm thấu tim hắc mới được. Tôi phải chấm dứt mọi chuyện ngay lúc này. Thế nên tôi lao đến, rút lưỡi dao từ thắt lưng ra chuẩn bị đâm thẳng xuống ngực hắc. Hai mắt hắc nhìn lên tôi khi tôi sửa soạn lưỡi dao. Đôi mắt chất chứa hận thù. Nhưng trong ấy cũng có cả sợ hãi nữa: nỗi khiếp sợ cái chết đến tận cùng; sự kinh hoàng của điều hư vô mà hắc đối mặt, và hắc lên tiếng trong đầu tôi rồi rít cầu xin tha mạng.

“Rủ lòng thương! Xin hãy rủ lòng thương!” hắc la lên. *“Chẳng có gì dành cho chúng ta cả đâu! Có phải đấy là điều mi muốn không hả thằng nhóc? Mi cũng sẽ phải chết!”*

“Đừng, Tom, đừng! Đừng làm thế!” Alice gào lên bên cạnh tôi, thêm giọng cô ấy vào tiếng của Quỷ Độc. Nhưng tôi chẳng nghe theo ai cả. Mặc cho cái giá của tôi phải trả là gì thì hắc vẫn phải chết. Hắc đang giãy giụa trong cuộn xích bạc khi tôi đâm đến hai lần rồi mới tìm được tim của hắc.

Lần thứ ba tôi hạ tay xuống, Quỷ Độc đột nhiên biến mất, nhưng tôi lại nghe thấy một tiếng thét lớn. Là Quỷ Độc, Alice hay tôi phát ra âm thanh ấy, tôi sẽ chẳng bao giờ biết được. Có lẽ cả ba người chúng tôi đều cùng thét.

Tôi cảm nhận được một cú thoi kinh khiếp thốc vào ngực, tiếp theo là cảm giác chìm xuống kỳ quặc. Mọi thứ trở nên thật im ắng và tôi thấy mình rơi vào bóng tối.

Điều tiếp theo tôi biết là mình đang đứng cạnh một vùng nước rộng.

Dù rộng là thế, vùng nước này trông giống một hồ nước hơn là một vùng biển, vì mặc cho một cơn gió hiền hòa đang thổi vào bờ, mặt nước vẫn phẳng lặng như một tấm gương, phản chiếu màu xanh ngắt của bầu trời.

Vài chiếc thuyền con đang rời khỏi bến là một bờ biển cát vàng, và phía sau những chiếc thuyền ấy tôi trông thấy một hòn đảo thật gần bờ. Hòn đảo đầy cây lá xanh um cùng những đồng cỏ nối tiếp và dường như tôi thấy nơi ấy là một điều kỳ diệu hơn hết thảy những gì cả đời mình từng trông thấy. Giữa những rặng cây trên đỉnh đồi kia là một tòa nhà trông như tòa lâu đài

mà thầy trò tôi đã thoáng thấy từ khu đồi đá thấp khi chúng tôi đi bọc qua Caster. Nhưng thay vì được xây nên từ những viên đá xám lạnh lẽo thì tòa nhà này lại lấp lánh trong ánh nắng như thể nó được xây từ những tia cầu vồng, và những tia sáng từ tòa nhà ấy sưởi ấm lấy trán tôi như ánh mặt trời huy hoàng.

Tôi đang không thờ nhưng vẫn thấy lòng thanh thoi hạnh phúc, tôi nhớ lại mình từng nghĩ rằng nếu đã chết thì chết như thế thật dễ chịu, và tôi chỉ muốn đến bằng được tòa lâu đài kia, thế là tôi chạy đến chiếc thuyền gần nhất, lòng thiết tha muốn được lên trên thuyền. Khi tôi đến gần hơn, người ta thôi không dong thuyền đi nữa mà lại quay mặt về phía tôi. Vào lúc ấy, tôi nhận ra họ là ai. Họ nhỏ con, rất nhỏ, có tóc đen và mắt nâu. Họ là những Người Lùn! Người Segantii!

Họ mỉm cười chào đón, hồi hả tiến về phía tôi và bắt đầu kéo tôi đến thuyền. Cả đời tôi chưa bao giờ thấy vui như thế này, được chào mừng, được vỗ vập, được đón nhận. Toàn bộ nỗi cô đơn của tôi đã tan biến. Nhưng ngay khi định leo lên thuyền, tôi cảm nhận được một bàn tay lạnh lẽo nắm chặt lấy cánh tay trái của tôi.

Khi tôi quay lại, chẳng có ai ở đấy nhưng lực ép lên cánh tay tôi mỗi lúc một gia tăng cho đến khi nó bắt đầu làm tôi đau. Tôi có thể cảm thấy những đầu móng tay bầu thủng da mình. Tôi cố giằng khỏi để leo lên thuyền và những Người Lùn cố gắng giúp tôi, nhưng giờ đây áp lực trên tay tôi biến thành đau xé. Tôi thét lên và hít vào một hơi tưng, đau đớn, bắt đầu sặc trong họng, khiến cho toàn thân tôi ngứa ran rồi mỗi lúc một nóng hơn như thể tôi đang bị thiêu đốt từ bên trong mình.

Tôi đang nằm ngửa trong bóng tối. Trời đang mưa nặng hạt và tôi có thể cảm giác được từng giọt nước mưa lã chã trên mi mắt lẫn trên trán mình, thậm chí còn chui tọt vào miệng, lúc này đang há to. Tôi mệt mỏi đến mức không thể mở mắt ra được nhưng vẫn nghe thấy giọng Thầy Trừ Tà từ xa xôi.

“Mặc cậu ấy!” thầy bảo. “Này cô nhỏ, cứ để cho cậu ấy nằm yên. Giờ thì chúng ta chỉ làm được có từng ấy cho cậu ta thôi!”

Tôi mở mắt ra nhìn lên, trông thấy Alice đang cúi mình xuống tôi. Đằng sau cô gái là bức tường đen thui của nhà thờ lớn. Alice đang nắm chặt cánh tay trái của tôi, móng tay cô ấy đang cắm chặt vào da tôi. Cô rướn người tới trước và thì thầm vào tai tôi.

“Cậu không bỏ đi dễ dàng như vậy đâu Tom. Bây giờ cậu đã quay trở lại. Trở lại nơi cậu thuộc về!”

Tôi hít lấy một hơi sâu và Thầy Trừ Tà tiến đến, đôi mắt thầy chứa đầy nỗi ngạc nhiên. Khi thầy quỳ xuống bên tôi, Alice đứng lên lùi lại.

“Con thấy sao hả anh bạn?” thầy vừa dịu dàng hỏi vừa đỡ tôi ngồi dậy. “Ta nghĩ con đã chết rồi chứ. Khi ta mang con ra khỏi hầm mộ, ta thề là chẳng còn hơi thở nào trong người con nữa mà!”

“Quý Độc ra sao?” tôi hỏi. “Hắn chết chưa?”

“Rồi, chết hẳn rồi con ạ. Con đã chấm dứt mọi chuyện và sém chút mất luôn cả mạng đấy. Nhưng con có đi lại được không nào? Chúng ta cần đi khỏi nơi này.”

Phía sau Thầy Trừ Tà tôi có thể trông thấy tên lính gác với mấy chai rượu rỗng bên cạnh. Hắn ta vẫn còn say ngủ, nhưng có thể tỉnh lại bất cứ lúc nào.

Với sự giúp đỡ của Thầy Trừ Tà, tôi cố gắng đứng dậy và ba người chúng tôi rời khỏi phạm vi nhà thờ qua những con phố vắng vẻ.

Lúc đầu tôi vẫn còn yếu và run rẩy lắm, nhưng khi chúng tôi leo qua khỏi những dãy nhà phố liền kề để quay trở ra khu đồng quê, tôi bắt đầu thấy khỏe hơn. Một chập sau, tôi quay lại nhìn Priesttown đang trải dài dưới chân chúng tôi. Những đám mây đã tản đi và mặt trăng lộ dạng. Tháp chuông nhà thờ lớn dường như đang lấp lánh.

“Trông đã yên lành hơn rồi đấy,” tôi lên tiếng, dừng chân để ngắm nhìn toàn cảnh.

Thầy Trừ Tà đứng lại bên cạnh tôi và nhìn theo hướng tôi nhìn. “Đa số vạn vật nếu nhìn từ xa đều tốt đẹp hơn cả,” thầy bảo. “Mà thực ra thì, đa số con người ta cũng thế.”

Hình như thầy đang nói đùa nên tôi mỉm cười.

“Ừ thì,” thầy thờ dài, “nơi này từ rày trở đi phải là một nơi tốt đẹp hơn nhiều rồi. Nhưng có nói thế đi nữa thì chúng ta vẫn chẳng phải vội vã quay lại đây làm gì đâu.”

Khoảng một tiếng sau, trên đường đi, chúng tôi tìm thấy một kho cỏ bỏ hoang để nghỉ chân. Kho cỏ thông thốc gió lùa nhưng ít ra còn khô ráo và vẫn còn tí phô mai vàng vàng để gặm. Alice gục xuống ngủ ngay nhưng tôi vẫn ngồi đấy một hồi lâu nghĩ về những chuyện đã xảy ra. Thầy Trừ Tà cũng không có vẻ gì là mệt mỏi nhưng thầy vẫn ngồi trong im lặng, hai tay bó gối. Cuối cùng rồi thầy cũng lên tiếng.

“Làm sao con biết cách giết Quỷ Độc thế?” thầy hỏi.

“Con quan sát thầy ạ,” tôi đáp. “Con thấy thầy nhắm đến tim hắc...”

Nhưng đột nhiên tôi thấy quá hổ thẹn với lời nói dối của mình nên cúi gằm đầu xuống. “Không phải, con xin lỗi thầy,” tôi nói. “Không phải thế đâu. Con đã lên đi khi thầy đang nói chuyện với hồn ma của Naze. Con đã nghe thấy tất tần tặn chuyện hai người nói với nhau.”

“Và vì thế con phải nên thấy có lỗi đi là vừa. Con đã mạo hiểm rất lớn. Nếu Quỷ Độc mà đọc được tâm trí con thì...”

“Con rất xin lỗi.”

“Mà con cũng không nói với ta là con có sợi xích bạc,” thầy bảo.

“Mẹ con cho đấy,” tôi đáp.

“A, bà ấy làm vậy thật hay quá. Mà thôi, sợi xích đang ở trong túi của ta và giờ đây đã được an toàn rồi. Cho đến khi con cần phải dùng đến...” thầy nói thêm với vẻ dọa dẫm.

Một quãng im lặng thật lâu, như thể Thầy Trừ Tà đang trầm tư suy tưởng.

“Khi ta mang con lên khỏi hầm mộ, con có vẻ lạnh ngắt như đã chết,” rốt cuộc thầy lên tiếng. “Ta đã từng chứng kiến biết bao nhiêu cái chết rồi nên ta biết là mình không lầm. Rồi con bé ấy chộp lấy cánh tay con và con tỉnh lại. Ta không biết phải cắt nghĩa điều ấy ra sao nữa.”

“Con đã ở cùng những Người Lùn,” tôi kể.

Thầy Trừ Tà gật gù. “Ừ, giờ đây họ đã được thanh thoi yên nghỉ khi Quỷ Độc đã chết. Cả Naze nữa. Nhưng còn con thì sao hả anh bạn? Việc ấy con thấy thế nào? Con có sợ không?”

Tôi lắc đầu. “Con chỉ sợ nhiều hơn sau khi con đọc thư của mẹ thôi,” tôi bảo với thầy. “Bà biết chuyện gì sẽ xảy ra. Con cảm thấy mình chẳng còn lựa chọn nào. Rằng mọi chuyện đều đã được định trước cả rồi. Nhưng nếu là như thế, vậy thì sống để làm gì cơ chứ?”

Thầy Trừ Tà cau mày chìa tay ra. “Đưa cho ta lá thư nào,” thầy bảo.

Tôi lấy lá thư ra khỏi túi áo và đưa cho thầy. Thầy mất một lúc lâu mới đọc xong thư rồi sau đấy trả lại cho tôi. Thầy chẳng nói chẳng rằng một đổi.

“Mẹ con là một người phụ nữ thông minh và sắc sảo,” cuối cùng thầy cũng nói. “Điều ấy lý giải gần hết nội dung được viết trong bức thư kia. Bà ấy đã hình dung ra chính xác những gì ta sẽ làm. Bà ấy còn có nhiều kiến thức hơn là chỉ đoán ra có thể. Đây không phải là tiên tri gì. Cuộc đời vốn như thế này là đã tồi tệ lắm rồi mà không cần phải tin vào chuyện ấy nữa đâu. Con đã lựa chọn đi xuống những bậc thang đó. Nhưng con còn lựa chọn khác mà. Con có thể bỏ đi và biết đâu mọi chuyện đã khác hẳn.”

“Nhưng một khi con chọn rồi, thì mẹ con đã đúng. Ba người chúng ta đối mặt với Quỷ Độc và chỉ còn hai người sống sót. Con đã chết. Thầy đã mang con lên mặt đất. Chúng ta giải thích điều này làm sao đây?”

Thầy Trừ Tà không đáp lại và sự im lặng giữa hai thầy trò mỗi lúc một kéo dài. Lát sau tôi nằm xuống, thiếp vào giấc ngủ không mộng mị. Tôi đã không nhắc đến lời nguyện. Tôi biết đấy là chuyện mà thầy sẽ không bao giờ muốn nhắc lại.

Chương 22

THỎA THUẬN LÀ THỎA THUẬN

Đã gần đến nửa đêm và vành trăng lưỡi liềm đang nhô lên khỏi ngọn cây. Thay vì đi về nhà theo con đường trực tiếp nhất, Thầy Trừ Tà dẫn chúng tôi tiến về phía khu vườn phía Đông. Tôi nghĩ đến khu vườn trước mặt và cái hố đang chờ sẵn Alice ở đấy. Cái hố chính tay tôi đào.

Chắc là giờ thầy sẽ không quăng cô ấy xuống hố chứ nhỉ? Sau bao nhiêu chuyện cô ấy đã làm để giúp thầy chấn chỉnh tình hình thì không chứ? Cô ấy đã để cho thầy bị mất và dùng sáp nhét tai cô ấy cơ mà. Và cô ấy còn ngồi đấy hàng tiếng liền trong im lặng và trong bóng tối mà không hề than van lấy một lần.

Nhưng rồi tôi trông thấy dòng suối và lòng tôi lại ngập tràn hy vọng mới. Dòng suối này hẹp nhưng nước vẫn chảy xiết, mặt nước lấp lánh ánh bạc dưới ánh trăng và chỉ có một bậc đá ngay chính giữa dòng.

Thầy sẽ kiểm tra Alice.

“Được rồi con bé kia,” thầy bảo với vẻ mặt khắc nghiệt. “Mi đi trước đi nào. Băng qua nơi ấy đi!”

Khi nhìn lên gương mặt Alice thì tim tôi chùng xuống. Cô trông hoảng kinh và tôi nhớ lại mình đã phải vác cô ấy băng qua dòng sông gần Cổng Bạc như thế nào. Bây giờ Quỷ Độc đã chết, quyền năng khống chế Alice cũng bị phá bỏ, nhưng liệu bao nhiêu tổn thất đã gây ra đó có còn hy vọng cứu chữa được nữa không? Phải chăng Alice đã tiến gần hơn đến thể lực bóng tối? Cô ấy sẽ không bao giờ được giải thoát hết sao? Sẽ không khi nào băng qua dòng nước xiết được ư? Liệu cô ấy có đã thành một phù thủy độc đầy bản lĩnh?

Alice tần ngần đứng ngay mép nước rồi bắt đầu run rẩy. Để đến hai lần cô ấy nhắc chân dậm bước đến phiến đá bằng phẳng ngay chính giữa dòng

suối. Cả hai lần cô đều hạ chân xuống. Mồ hôi lấm tấm rịn ra trên trán Alice và bắt đầu lăn xuống mắt xuống mũi cô.

“Coi nào, Alice, cậu có thể làm được mà!” tôi gọi to, cố khích lệ lấy bạn. Làm thế tôi lại nhận được một cái quắc mắt đến rúm người từ Thầy Trừ Tà.

Bằng một nỗ lực lớn lao bất ngờ, Alice bước lên phiến đá rồi gần như ngay lập tức hất chân trái lên để phóng qua bờ bên kia. Qua được đến đấy, cô vội vã ngồi bệt xuống và vùi mặt vào hai lòng bàn tay.

Thầy Trừ Tà chặc lưỡi, băng qua con suối và nhanh chóng sải bước lên đồi về phía rặng cây ven khu vườn. Tôi đứng lại chờ cho Alice đứng dậy, rồi cả hai chúng tôi cùng bước đến nơi Thầy Trừ Tà đang đợi với hai tay khoanh trước ngực.

Khi chúng tôi đến nơi, Thầy Trừ Tà chợt bước đến nắm lấy Alice. Tôm chặt hai chân cô gái, thầy quăng cô lên vai mình. Alice bắt đầu vùng vẫy giãy giụa, nhưng thầy không nói thêm lời nào nữa mà chỉ siết chặt Alice hơn, đoạn quay lưng bước thẳng vào vườn.

Tôi tuyệt vọng theo bước thầy. Thầy đang tiến sâu vào khu vườn phía Đông, đi thẳng về phía những năm mồ giam giữ đám phù thủy, hướng đến cái hố rỗng. Có vẻ chuyện này chẳng công bằng gì cả! Alice đã vượt qua kỳ thử thách rồi, phải không nào?

“Giúp tớ với, Tom ơ! Làm ơn mà, cứu tớ!” Alice la lên.

“Không thể cho bạn ấy thêm cơ hội nào nữa ạ?” tôi nài nỉ. “Chỉ thêm một cơ hội nữa thôi mà. Bạn ấy đã băng qua được dòng nước. Bạn ấy không phải là phù thủy.”

“Chỉ là lần này nó qua được thôi,” Thầy Trừ Tà gầm gừ đáp với qua vai. “Nhưng trong tâm hồn nó vẫn có điều xấu xa, chực chờ có dịp thể hiện.”

“Sao thầy lại có thể nói thế được chứ? Sau tất cả những gì mà bạn ấy đã làm...”

“Đây là cách an toàn nhất. Là điều có lợi nhất cho tất cả mọi người!”

Khi ấy, tôi biết đã đến lúc cho điều mà bố tôi hay gọi là “bí mật gia đình”. Tôi phải nói cho thầy hay là mình đã biết chuyện về Meg, cho dù thầy chắc rồi sẽ ghét tôi vì chuyện này thôi và không muốn nhận tôi làm chân học việc nữa. Nhưng có lẽ một lời nhắc đến quá khứ sẽ làm thầy thay đổi ý định. Ý nghĩ rằng Alice phải bị nhốt xuống hố ấy thật quá sức chịu đựng, và sự thực chính tôi là người đào nên cái hố ấy còn làm cho mọi việc tệ hơn trăm lần.

Thầy Trừ Tà đến được hố và dừng lại bên mép. Khi thầy dợm hạ Alice xuống, tôi vội la lên, “Thầy đâu có làm thế với Meg!”

Thầy quay sang tôi với vẻ mặt kinh ngạc vô ngần.

“Thầy đâu có bỏ Meg vào hố đâu, phải không nào?” tôi gào lớn. “Và mẹ ta là phù thủy kia đấy! Thầy đã không làm vậy vì thầy quá quan tâm đến mẹ ta! Nên xin thầy đừng làm thế với Alice! Như thế là không phải!”

Vẻ mặt Thầy Trừ Tà từ ngạc nhiên chuyển sang tức tối, và thầy đứng yên đấy, bấp bênh trên miệng hố; trong thoáng chốc tôi không rõ là thầy sẽ ném Alice xuống hay là chính thầy lại rơi xuống ấy không chừng. Thầy đứng đó dường như là rất lâu, nhưng rồi, tôi nhẹ cả người, khi thấy vẻ tức tối của thầy nhường chỗ cho một xúc cảm gì đó khác và thầy quay đi, mang theo Alice.

Thầy đi qua cái hố trống không mới đào, qua cả nơi Lizzie Xương Xấu đang bị giam hãm, sai bước đi xa khỏi những năm mồ nơi hai phù thủy đã chết được chôn và bước vào lối đi rải đá trắng dẫn vào ngôi nhà.

Mặc dù là thầy vừa mới ốm dậy, mặc cho bao chuyện thầy đã phải kinh qua, kể cả sức nặng của Alice trên vai nữa, Thầy Trừ Tà vẫn bước đi nhanh đến mức tôi phải chật vật lăm mới theo kịp. Thầy lấy chìa khóa từ túi quần bên trái ra, mở cánh cửa sau của căn nhà và đã bước vào trong trước khi tôi kịp đặt được chân vào.

Thầy đi thẳng vào bếp và dừng lại sát lò sưởi, nơi có ngọn lửa bập bùng liếm lên ống khói. Gian bếp ấm cúng, các ngọn nến được thắp sáng, dao đĩa được bày sẵn trên bàn cho hai người.

Thật chậm rãi, Thầy Trừ Tà trượt Alice khỏi vai và đặt cô ấy đứng xuống. Ngay lúc đôi giày mũi nhọn của Alice chạm sàn đá thì ngọn lửa lò sưởi tắt ngay tắp lự, ngọn nến chấp chới sém tắt và không khí trở lạnh hẳn.

Tích tắc sau đấy một tiếng gừ gừ khiến cho dao đĩa trên bàn khua loảng xoảng và làm sàn nhà rung bần bật. Là ông kẹ của Thầy Trừ Tà. Nếu như Alice bước vào khu vườn, thậm chí là có Thầy Trừ Tà đi ngay bên cạnh đi nữa, cô ấy hẳn vẫn bị xé xác tan tành. Nhưng bởi vì Thầy Trừ Tà đã vác lấy Alice và chỉ đến khi chân cô ấy chạm xuống sàn nhà thì ông kẹ mới biết đến sự hiện diện của cô. Và giờ đây nó không được hài lòng cho lắm.

Thầy Trừ Tà đặt tay trái lên đầu Alice. Tiếp đến, chân trái của thầy giẫm mạnh xuống nền đá ba lần.

Không khí trở nên tĩnh lặng và Thầy Trừ Tà gọi lớn tiếng, “Nghe ta đây! Lắng tai nghe rõ những gì ta nói!”

Không có tiếng trả lời nào nhưng ngọn lửa trong lò sưởi khẽ bùng lên trở lại và không khí dường như không còn đến nỗi lạnh lắm.

“Khi đứa trẻ này còn ở trong nhà ta, không được làm hại đến một cọng tóc trên đầu nó!” Thầy Trừ Tà ra lệnh. “Nhưng phải theo dõi mọi việc nó làm và phải đảm bảo nó làm tất cả những gì ta yêu cầu.”

Dứt lời, thầy lại giẫm ba lần xuống sàn đá. Để đáp lại, ngọn lửa trong lò sưởi lại bùng cháy và căn bếp bỗng dưng trở nên ấm cúng niềm nở.

“Còn giờ thì hãy chuẩn bị bữa tối cho ba người đi!” Thầy Trừ Tà lại bảo. Đoạn thầy khoác tay ra hiệu cho chúng tôi theo thầy ra khỏi bếp để lên lầu. Thầy dừng lại bên ngoài cửa thư viện đang khóa trái.

“Này con bé kia, khi con đang ở đây, con phải làm việc để trả công,” Thầy Trừ Tà gầm gừ. “Trong đấy có những quyển sách không thể thay thế được. Con không bao giờ được phép vào trong đấy nhưng mỗi lần ta sẽ đưa cho con một cuốn để con chép lại. Hiểu chưa nào?”

Alice gật đầu.

“Việc thứ hai của con là phải nói cho anh chàng của ta đây biết mọi điều mà Lizzie Xương Xấu đã dạy cho con. Và ta muốn nói là tất tần tật mọi điều

đấy. Cậu ta sẽ chép lại hết. Tất nhiên, nhiều điều trong số ấy là nhảm nhí lắm, nhưng cũng chẳng hề gì vì làm thế vẫn bổ sung thêm vào kho tàng kiến thức của chúng ta. Con có sẵn sàng làm thế không?”

Alice lại gật, vẻ mặt nghiêm trang.

“Được thôi, vậy mọi chuyện đã dàn xếp xong,” Thầy Trừ Tà nói. “Con sẽ ngủ trong phòng bên trên phòng của Tom, căn phòng ngay trên tầng trên cùng của căn nhà. Còn giờ thì, hãy nghĩ kỹ đến những điều ta sắp nói đây. Ông kẹ dưới nhà kia biết con là gì và con suýt nữa đã biến thành gì. Vậy nên chớ vi phạm bất cứ điều gì vì ông kẹ sẽ theo dõi từng việc con làm. Và nó sẽ không thích gì hơn là được...”

Thầy Trừ Tà thở dài sườn sượt. “Không thể nghĩ đến được,” thầy bảo. “Vậy nên đừng để cho ông kẹ có cơ hội nhé. Con sẽ làm như ta yêu cầu chứ, cô bé? Con có đáng tin không?”

Alice gật đầu và miệng cô ấy nhoẻn thành nụ cười rạng rỡ.

Suốt bữa tối Thầy Trừ Tà im lặng bất thường. Giống như khoảng lặng trước cơn bão vậy. Chẳng ai nói gì nhiều nhưng Alice thì đưa mắt nhìn khắp chốn và liên tục nhìn đi nhìn lại đồng lửa lớn bập bùng trong lò sưởi đang tỏa hơi ấm khắp gian phòng.

Cuối cùng, Thầy Trừ Tà đẩy lùi đĩa ra xa và thở dài. “Thôi được rồi cô bé, con đi ngủ đi nào. Ta có vài điều muốn nói với anh bạn đây.”

Khi Alice đi rồi, Thầy Trừ Tà đẩy ghế đứng lên và sải bước về phía lò sưởi. Thầy cúi xuống hơ hai bàn tay trên ngọn lửa trước khi quay lại nhìn vào mặt tôi. “Rồi nào anh bạn,” thầy gầm lên, “nói hết ra đi. Con tìm thấy thông tin về Meg ở đâu vậy?”

“Con từng đọc một lần trong những cuốn nhật ký của thầy,” tôi vừa lí nhí đáp vừa cúi gằm đầu.

“Ta cũng nghĩ là thế. Chẳng phải ta đã cảnh cáo con rồi sao? Con lại không nghe lời ta! Có những thứ trong thư viện ấy không phải cho con đọc,” Thầy Trừ Tà nghiêm khắc bảo. “Những điều mà con chưa thật sẵn sàng đón nhận. Ta sẽ là người đánh giá xem thứ nào con đọc thì hợp. Có hiểu chưa?”

“Vâng thưa ngài,” tôi đáp, bao nhiêu tháng nay đây mới là lần đầu tiên tôi gọi thầy như thế. “Nhưng dù sao thì con cũng biết đến Meg thôi. Cha Cairns đã nhắc đến mẹ ta. Ông ta cũng nói cho con biết về Emily Burns nữa, rằng thầy đã cướp bà ấy khỏi tay anh thầy như thế nào, và điều đó khiến gia đình thầy bị chia cắt.”

“Ôi ta không thể giấu con được gì nhiều, nhỉ?”

Tôi nhún vai, thấy nhẹ người vì đã nói ra hết mọi chuyện.

“Thôi được rồi,” thầy nói, trở lại bàn ăn, “ta đã sống được lâu rồi và không phải việc gì ta làm cũng đáng tự hào hết cả, nhưng câu chuyện luôn có mặt này mặt kia. Không ai trong chúng ta là hoàn hảo cả đâu, anh bạn, và một ngày nào đó con sẽ tìm ra những điều con cần biết rồi hăng quyết định về con người của ta. Lúc này đào bới chuyện cũ chẳng ích gì, nhưng còn về Meg, con sẽ gặp bà ta khi chúng ta đến Anglezarke. Sẽ chóng hơn là con tưởng đấy bởi vì, tùy thuộc vào thời tiết, chúng ta sẽ lên đường đến căn nhà mùa đông của ta trong vòng khoảng một tháng nữa. Cha Cairns còn nói gì nữa không nào?”

“Ông ta bảo thầy đã bán linh hồn cho Ác quỷ...”

Thầy Trừ Tà mỉm cười. “Lũ cha xứ thì biết gì chứ? Không có đâu anh bạn, linh hồn ta vẫn đang thuộc về ta. Ta đã tranh đấu bao năm dài dằng dặc cốt để giữ lấy nó, và vượt qua bao gian nan vất vả linh hồn ấy đến nay vẫn là của ta. Còn về Ác quỷ, à, ta từng nghĩ là tính ác hầu như luôn tồn tại trong mỗi chúng ta, như là một nhúm bụi nhùi chỉ chờ có tia lửa xẹt đến là cháy bùng lên ngay ấy mà. Nhưng dạo gần đây ta bắt đầu băn khoăn liệu có phải, suy cho cùng thì, có một điều gì đó ẩn sau những chuyện ta phải đối mặt, điều gì đó ẩn sâu trong bóng tối. Điều gì đó đang mỗi lúc một lớn mạnh hơn khi thế lực bóng tối ngày càng hùng mạnh. Điều gì đó mà một cha xứ sẽ gọi là Ác quỷ...”

Thầy Trừ Tà nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt xanh lục của thầy chiếu thẳng vào mắt tôi. “Nếu lỡ ra có một thứ gì đó như là Ác quỷ thì sao hả anh bạn? Chúng ta sẽ làm gì với nó nào?”

Tôi suy nghĩ một chập trước khi trả lời. “Chúng ta sẽ phải đào một cái hố thật lớn. Một cái hố lớn hơn hẳn bất cứ hố nào từng được thầy trừ tà đào trước đây. Rồi chúng ta phải cần đến bao nhiêu là bạch muối và bột sắt kèm theo một phiến đá thật to.”

Thầy Trừ Tà mỉm cười. “Phải đấy anh bạn, sẽ có nhiều việc để làm cho nửa số thợ nề, thợ chằng và thợ phụ trong toàn Hạt! Mà thôi, giờ con đi ngủ đi nào. Ngày mai con phải quay lại bài học nên con sẽ cần một giấc ngủ ngon đấy.”

Khi tôi mở cửa vào phòng, Alice từ trong bóng tối bên cầu thang tiến ra.

“Tớ thích chỗ này lắm Tom à,” cô vừa nói vừa nhoẻn cười thật tươi. “Nơi đây thật là một ngôi nhà rộng rãi, ấm áp và dễ chịu. Là một nơi thích hợp khi mùa đông đang kéo đến.”

Tôi cũng mỉm cười. Lẽ ra tôi đã có thể bảo với cô ấy là chúng tôi sẽ sớm rời đi đến Anglezarke, đến ngôi nhà mùa đông của Thầy Trừ Tà, nhưng Alice đang rất vui vẻ nên tôi không muốn làm hỏng buổi tối đầu tiên của cô.

“Một ngày nào đó ngôi nhà này sẽ thuộc về chúng ta, Tom à. Cậu không cảm thấy thế sao?” Alice hỏi.

Tôi nhún vai. “Chẳng ai biết chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai cả,” tôi vừa nói vừa giấu lá thư của mẹ mình vào sâu trong tâm trí.

“Lão Gregory bảo cậu như thế phải không nào? À, có rất nhiều điều mà lão ta chẳng biết đâu. Cậu sẽ là thầy trừ tà giỏi hơn lão ta nhiều. Không gì rõ ràng hơn chuyện này cả!”

Alice quay đi và bước lên lầu với nhịp hông đung đưa. Bỗng nhiên cô ngoái nhìn về phía tôi.

“Quý Độc muốn có máu của tớ đến tuyệt vọng,” cô bảo. “Thế nên tớ đã thỏa thuận với hẳn ngay cả trước khi hẳn uống máu tớ. Tớ chỉ muốn làm cho mọi chuyện đúng đắn trở lại, thế nên tớ đã yêu cầu là cậu và Lão Gregory phải được tự do thoát đi. Quý Độc đã đồng ý. Thỏa thuận là thỏa thuận, vì thế hẳn không thể giết Lão Gregory và cũng không thể làm hại cậu. Cậu đã giết chết Quý Độc nhưng là do tớ giúp cho chuyện ấy thành ra khả dĩ. Rốt

cuộc thì đây là lý do vì sao hắn tấn công tớ. Hắn không thể chạm vào cậu được. Nhưng đừng có kể cho Lão Gregory đấy. Lão ta sẽ không hiểu đâu.”

Alice để mặc tôi đứng như trời trồng trên cầu thang trong khi những việc cô ấy đã làm từ từ trở nên rõ ràng trong đầu tôi. Theo một cách nào đó cô ấy đã hy sinh thân mình. Quỷ Độc hắn đã có thể giết chết Alice cũng như hắn từng giết Naze. Nhưng cô ấy đã cứu lấy tôi và Thầy Trừ Tà. Cứu mạng của thầy trò tôi. Và tôi sẽ không bao giờ quên điều ấy.

Bàng hoàng khi nghe những điều Alice nói, tôi bước vào phòng khép cửa lại. Phải mất một hồi lâu sau tôi mới thiếp đi được.

Một lần nữa tôi viết ra điều này từ trí nhớ, chỉ sử dụng sổ ghi chép của mình khi cần thiết.

Alice rất ngoan và Thầy Trừ Tà thật sự hài lòng với việc cô ấy đang làm. Cô chép rất nhanh nhưng chữ viết của cô vẫn rõ ràng gọn ghẽ. Cô ấy cũng làm như đã hứa, nói cho tôi biết mọi điều mà Lizzie Xương Xấu đã dạy cho mình để tôi viết hết cả ra.

Tất nhiên, mặc dù cô chưa biết, nhưng Alice sẽ không ở chung với chúng tôi lâu dài lắm đâu. Thầy Trừ Tà bảo tôi rằng cô ấy bắt đầu làm tôi xao lãng quá mức khiến tôi không thể tập trung vào việc học hành. Thầy không thích có một cô gái mang giày mũi nhọn sống trong nhà mình, nhất là một người từng quá thân cận với thế lực bóng tối.

Lúc này đã là cuối tháng Mười và chẳng bao lâu nữa thầy trò tôi sẽ dời đến ngôi nhà mùa đông của Thầy Trừ Tà tại vùng đầm lầy Anglezarke. Gần đây có một nông trại cho những người mà Thầy Trừ Tà tin tưởng quản lý. Thầy nghĩ họ sẽ cho Alice ở cùng họ. Dĩ nhiên thầy đã bắt tôi hứa là chưa được nói cho Alice biết. Mà thôi, tôi sẽ buồn lắm khi tiễn cô đi.

Và đương nhiên tôi sẽ gặp Meg, mục phù thủy nữ yêu. Biết đâu tôi còn gặp được người phụ nữ khác của Thầy Trừ Tà nữa. Blackrod ở gần khu đầm lầy và đây là nơi mà Emily Burns được cho là đang sinh sống. Tôi có cảm giác là vẫn còn rất nhiều điều trong quá khứ của Thầy Trừ Tà mà mình vẫn chưa biết hết.

Tôi thà là ở lại Chipenden, nhưng thầy là Thầy Trừ Tà còn tôi mới chỉ là chân học việc. Và tôi đã nhận ra rằng, mỗi một việc thầy làm đều luôn có lý do rất chính đáng.

Thomas J. Ward

Ghi chép của THOMAS J. WARD

QUỶ ĐỘC (Ghi chú lại sau chuyến hành trình)

Quỷ Độc từng là vị thần được những người cổ xưa gọi là tộc Segantii (cũng có khi được gọi là Người Lùn) thờ cúng. Đe dọa khủng bố mọi người bao gồm cả Heys, vua của bộ tộc này. Bị bắt phải cống nạp hàng năm. Ông ta phải hy sinh bảy người con trai. Mỗi năm một người, bắt đầu từ người con trai cả. Nhưng người con út, Naze, đã tìm được cách chèn Quỷ Độc. Bị mắc kẹt trong khu hầm mộ bên dưới nhà thờ lớn thị trấn Priestown đằng sau cánh Cổng Bạc. Từng là một linh hồn nhưng giờ đây không thể tự do bay đi, trừ khi có ai đó mở cánh cổng ra.

Quỷ Độc dần dà khôi phục sức mạnh. Vào đầu thế kỷ, có rất ít lần chạm trán được báo cáo lại. Dần dà, lời đồn lan nhanh rằng có những tiếng thì thào từ vài hầm rượu của những ngôi nhà đối diện với nhà thờ lớn.

Báo cáo bằng văn bản đầu tiên được ghi lại bởi Edward Baines, người bán hàng tạp hóa. Đã đưa ra lời chứng cho giám mục Warbeck. Khi ông ta đi xuống hầm rượu nhà mình để lấy than sau khi trời tối, tên của ông Baines được một giọng nói quái gở đều đặn gọi lên. Giọng nói ấy cố dụ ông ta trò chuyện. Giọng nói quá trầm, không thể giống giọng con người và mặc dù hình như giọng nói ấy trò chuyện trực tiếp trong đầu ông Baines, thì sàn đá của hầm rượu vẫn rầm rầm rung chuyển.

Phù phép, sử dụng chuông, kinh thánh và nến, đã được tiến hành hai lần mà không mang lại kết quả gì. Cho nên ông Baines là người đầu tiên cho xây gạch bít cửa xuống hầm rượu. Kể từ đó chỉ trừ than trong sân nhà sau.

Trong vòng bảy năm những hộ gia đình khác trên cùng con phố đó cũng làm tương tự.

Đến cuối thập niên thứ ba, những cái chết đầu tiên xảy ra. Khoảng bốn đến năm năm một mạng người. Tần số dần dần gia tăng cho đến khi hiếm có khi nào một năm qua đi mà không được đánh dấu bằng một cái chết của cha xứ hay tu huynh. Vài cái chết được ghi nhận là do nguyên nhân tự nhiên nhưng rồi tỷ lệ tự sát gia tăng thấy rõ. Đa số những cái chết là do rơi từ nóc nhà thờ lớn xuống. Những cái chết khác xảy ra trong khu hầm mộ. Thoạt đầu, các giám mục của mỗi giáo phận tự mình xử lý những vụ này theo luật của Giáo hội. Dần dà việc này khiến chính quyền dân sự ở Caster chú ý đến. Kể từ đó, một nhân viên hành pháp thường xuyên được cắt cử để điều tra mỗi lần tử vong. Những báo cáo từ các cuộc điều tra những cái chết trong khu hầm mộ ghi nhận những vụ chết đầu tiên. Thịnh thoảng các cha xứ thoảng trông thấy bóng ma của một con chó ngao to lớn. Cũng do nhân viên hành pháp ghi lại. Tình hình trở xấu đi. Trong vòng mười năm chính quyền dân sự rút đi để Giáo hội tự do xử lý tình huống này theo ý Giáo hội. Đây là hệ quả từ cái chết của thanh tra Paul Walmsley, người đã bị chết đến chết khi đang điều tra một ca tử vong dưới hầm mộ. Tần suất tử vong gia tăng cho đến hiện tại.

CÁC PHƯƠNG THUỐC CỦA ALICE

Alice bảo rằng nhiều loại cây cỏ có thể được sử dụng để chữa bệnh tật, nhưng kỹ năng thường là nằm trong liều lượng được kê. Quá ít sẽ không có tác dụng. Quá nhiều thì đôi khi lại làm chết người.

Cây cơm cháy rất được các phù thủy ưa chuộng và đối lập với cây thanh hương trà, cây này khắc với cây cơm cháy. Có hoa trắng và quả mọng màu xanh dương hay đỏ. Hữu dụng trong việc chữa trị chứng đau thấp khớp và các bệnh về tim. Alice bảo loại cây này đặc biệt công hiệu trong việc phục sức cho những người đang hấp hối, mang lại cho họ sức mạnh mới. Có vài người thậm chí còn có thể bình phục hoàn toàn. Lá cây nguyệt quế cũng có

thể được dùng để cứu sống người đang hấp hối, nhưng lại không công hiệu bằng cây côm cháy.

Cây mao địa hoàng là một loại dược thảo hữu dụng khác trong việc cải thiện tình trạng tim mạch. Có khi được biết đến với cái tên Bao tay của Phù thủy, loài cây này có hoa màu đỏ tía và gai dài. Công hiệu chữa chứng phù nề, là tình trạng khi quá nhiều nước tích tụ trong cơ thể. Một triệu chứng là mắt cá chân sưng phù.

Tỏi. Đáng ra phù thủy phải ghét và sợ loại cây này, nhưng Alice bảo đấy là vớ vẩn. Những phù thủy loại lành và người chữa bệnh dùng tỏi để chữa những bệnh vật như là bị rắn cắn, giun sán và bệnh hủi.

Cây thủy tùng đôi khi được biết đến với tên cây nghĩa địa, lá cây mang chất độc được phù thủy thỉnh thoảng luộc lên uống để thử nhìn thấy tương lai. Alice bảo không có tác dụng gì. Rất nhiều phù thủy bỏ mạng vì thử làm theo. Alice bảo vỏ của loại cây này, nếu đem ngâm vào giấm có thể giúp làm bong mụn cóc. Nhưng chỉ là khi người mang bệnh thực tâm tin vào quyền năng của phù thủy.

Cây liễu gai. Cây này mọc gần bờ nước và có hoa hình chuỗi. Vỏ cây lột ra rất có ích trong việc giảm đau, nhất là vết bỏng.

Cây nhăng là loại cây leo có hoa trắng và quả mọng màu đỏ. Alice bảo loại cây này có thể giúp cho các vết bầm phai đi nhanh chóng và thường có thể ngăn chảy máu nội tạng nghiêm trọng. Rất khó uống cho các bệnh nhân. Gây nôn mửa.

Lá cây chút chút có thể được dùng để giảm đau khi bị gai cây tầm ma đâm phải.

Cây dương lá rung. Loài này đôi khi được gọi là cây rừng rình vì lá cây rất nhạy với gió, dù là làn gió thoảng nhất. Chất lỏng pha từ loại lá này có thể giảm sự rung mình run rẩy khi bị sốt cao.

Cây húng tây có thể được sử dụng để rửa và chữa những vết thương bị nhiễm trùng. Có thể dùng súc miệng để cải thiện hơi thở thối. Có vài phù

thủy còn tin rằng loại cây này có thể khiến những kẻ nhút nhát thành ra can đảm.

ALICE: THIÊN HAY ÁC?

TỐT

Đã cứu mình khỏi hổ khi Lizzie Xương Xấu muốn lóc xương mình.

Lizzie Xương Xấu đã đổi xử tệ bạc với cô ấy và đào tạo cô thành phù thủy. Là do giáo dục, không phải lỗi của cô.

Đã hy sinh bản thân. Trong giao kèo cuối cùng, đã buộc Quỷ Độc hứa không được làm hại mình hay Thầy Trừ Tà. Bằng không thì mình đã không thể nào giết được hắn!

Trung thành và luôn sẵn sàng liều mạng mình để giúp người khác.

Hiểu biết về các loại dược thảo.

Đã chữa lành cho bàn tay phỏng của mình.

XẤU

Xuất thân từ gia đình phù thủy.

Sở hữu vài kỹ năng phù thủy và sẵn lòng sử dụng khi cần thiết.

Đã dùng nến và gương để tìm Mẹ Malkin.

Đã mở khóa Cổng Bạc phóng thích cho Quỷ Độc!

Đã giao kèo với Quỷ Độc. Cố biến hắn thành vật hiệp thần để kiểm soát hắn!

Lẽ ra ngay từ đầu đã không nên hiến máu cho Quỷ Độc!

TÊN PHÁN QUAN

Tên Phán Quan sẵn lòng phù thủy, nhưng những nạn nhân của hắn thường là bị buộc tội sai. Cũng xem Thầy Trừ Tà như là kẻ thù của Giáo hội. Khi bắt được người nào, hắn thường tổ chức xét xử chóng vánh. Trong phiên tòa, hắn đóng vai quan tòa. Dùng cách thả bơi để thẩm tra một người bị tình nghi là phù thủy, quăng người này vào hồ nước sâu. Nếu người này chìm thì vô tội (nhiều khi là chết đuối hắn!) nhưng nếu nổi là có tội. Cũng sử dụng kim để tìm dấu ấn của Quỷ, là vùng trên thân thể của phù thủy không cảm nhận được đau đớn. Chỉ là một trò tra tấn dã man. Sau khi bị kim châm đi châm lại lần lần, thân thể của người phụ nữ tội nghiệp trở nên tê dại và không còn cảm giác khi bị kim châm vào nữa. Nếu cô ta không la lên, cô ta có tội và sẽ bị thiêu sống trên giàn hỏa.

Tên Phán Quan trở thành kẻ hành quyết và tổ chức buổi hỏa thiêu. Hắn là một kẻ tàn nhẫn và bố trí các cọc thiêu cẩn thận sao cho các nạn nhân của hắn phải mất một thời gian dài mới chết hắn. Hắn trở nên giàu có nhờ vào số tiền kiếm được từ việc bán đi nhà cửa của cải của những người bị hắn buộc tội./.

Table of Contents

1. [Chương 1 KẼ XẾ XÁC VÙNG HORSHAW](#)
2. [Chương 2 QUÁ KHỨ CỦA THẦY TRỪ TÀ](#)
3. [Chương 3 QUỶ ĐỘC](#)
4. [Chương 4 THỊ TRẤN PRIESTOWN](#)
5. [Chương 5 ĐÁM MA](#)
6. [Chương 6 GIAO KÈO VỚI ĐỊA NGỤC](#)
7. [Chương 7 ĐÀO THOÁT VÀ BẮT GIỮ](#)
8. [Chương 8 CÂU CHUYỆN CỦA HUYNH PETER](#)
9. [Chương 9 HẦM MỘ](#)
10. [Chương 10 CON GÁI NHỎ TOỆT](#)
11. [Chương 11 PHIÊN XỬ THẦY TRỪ TÀ](#)
12. [Chương 12 CỔNG BẠC](#)
13. [Chương 13 HỎA THIÊU](#)
14. [Chương 14 CÂU CHUYỆN CỦA BỐ](#)
15. [Chương 15 SỢI XÍCH BẠC](#)
16. [Chương 16 MỘT CHIẾC HỒ DÀNH CHO ALICE](#)
17. [Chương 17 TÊN PHÁN QUAN ĐÃ ĐẾN](#)
18. [Chương 18 ÁC MỘNG TRÊN ĐỒI](#)
19. [Chương 19 THẠCH MỘ](#)
20. [Chương 20 THƯ CỦA MẸ](#)
21. [Chương 21 HY SINH](#)
22. [Chương 22 THỎA THUẬN LÀ THỎA THUẬN](#)
23. [Ghi chép của THOMAS J. WARD](#)
 1. [QUỶ ĐỘC \(Ghi chú lại sau chuyến hành trình\)](#)
 2. [CÁC PHƯƠNG THUỐC CỦA ALICE](#)
 3. [ALICE: THIÊN HAY ÁC?](#)
 - 4.
 5. [TÊN PHÁN QUAN](#)

24. [Mục lục](#)

